

VIỆT-NAM CHÍ-SĨ

ĐÀO TRINH-NHẤT

PHAN ĐÌNH PHÙNG

NHÀ LÃNH-ĐẠO 10 NĂM KHÁNG-
CHIẾN (1886 — 1895) Ở NGHỆ-TĨNH

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

TRÍ-SỰ. — 20, A. HAIL COURT (ÉTAGE N° 2) SAIGON



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : PHAN ĐÌNH-PHÙNG
MỘT NHÀ LÃNH-ĐẠO 10 NĂM KHÁNG-CHIẾN
(1886-1895) Ở NGHỆ TĨNH

Tác giả : ĐÀO TRINH-NHẤT

Nhà xuất bản : TÂN VIỆT

Năm xuất bản : 1950

Nguồn sách : tusachtiengviet.com

Đánh máy : doraemin

Kiểm tra chính tả : Phạm Thị Hồng Khánh, Nguyễn Chinh,
love it, Vũ Thị Xuân Hương, Phạm kim Dung,
Lưu Nguyễn Thị Hợp, Ngô Hương,
Nguyễn Thanh Hải, Đỗ Thúy Nhi

Biên tập chữ Hán – Nôm : Trần Tú Linh

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 04/08/2018

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận «
SỐ HÓA 1000 QUYỀN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG
BÓNG » của diễn đàn TVE-4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả ĐÀO TRINH-NHẤT và nhà xuất bản TÂN
VIỆT đã chia sẻ với bạn đọc những kiến thức quý giá.**

MỤC LỤC

- I. MỘT LÀNG NHIỀU MŨ CÁNH CHUỒN
- II. TOAN LIỀU CHẾT VÌ CHƯA ĐƯỢC ĐI THI
- III. RA LÀM QUAN
- IV. VIỆC LOẠN Ở TRONG TRIỀU SAU KHI VUA TỰ-ĐỨC MẤT
- V. VUA THUA CHẠY DÀI
- VI. THỜI THỂ TẠO ANH HÙNG
- VII. MẠT-LỘ CỦA THIÊN TỬ
- VIII. CAO THẮNG
- IX. Ở BẮC VỀ
- X. NÚI VỤ-QUANG
- XI. CHÂU-CHẤU ĐÁ VOI
- XII. MỘT NGƯỜI ĐÀN-BÀ
- XIII. VIỆC BẮT TUẦN-PHỦ ĐÌNH NHO-QUANG
- XIV. Ô-HỒ CAO-THẮNG
- XV. HOÀNG CAO KHẢI
 - BỨC THƯ CỦA HOÀNG CAO KHẢI
 - BỨC THƯ CỤ PHAN TRẢ LỜI
- XVI. NGUYỄN THÂN LUI VỀ NÚI ĐẠI-HÀM
 - MỘT THẦY ĐỒ GAN TỰ XƯNG LÀ VUA
- XVII. ANH-HÙNG MẠT LỘ
 - TƯỚNG SĨ ĐỀU TUỐT GƯƠM RA XIN ĐÁNH MÀ CHẾT
 - ĐẤT BÙN LÀ VẬT ĐỖ ĐẠN CỦA TA
- XVIII. THIẾU CHÚT NỮA CỤ PHAN BỊ BẮT SỐNG
- XIX. VỤ QUANG SƠN HUYẾT CHIẾN
- XX. BA CHÌM BẢY NỔI CHÍN LINH-ĐÌNH

XXI. CHẾT Ở GIỮA RỪNG

VIỆT-NAM CHÍ-SÍ
ĐÀO TRINH-NHẤT

PHAN ĐÌNH-PHÙNG

MỘT NHÀ LÃNH-ĐẠO 10 NĂM KHÁNG-CHIẾN
(1886-1895) Ở NGHỆ TĨNH

IN LẦN THỨ BA

CÓ NHIỀU ĐOẠN BỎ THÊM TÀI-LIỆU
TRƯỚC KIA CHƯA TÌM THẤY

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

TRỊ SỰ – 20, AMIRAL COURBET
(ÉTAGE N.2) SAIGON

I. MỘT LÀNG NHIỀU MŨ CÁNH CHUỒN

TRẬN đánh sau cùng với quân Pháp là trận ở Huế đêm 23 tháng 5 năm Ất-dậu (1885), quân đội chính qui của triều-đình Việt-nam cũng thất bại nốt.

Thành mất vua chạy.

Bây giờ chống với Pháp chỉ là văn-thân với dân-binh.

Người này đánh một hai trận, nhóm kia giữ được đôi ba năm rồi cũng tan vỡ.

Duy còn một người cố gắng cưỡng lại, triệu tập ít nhiều anh em đồng-chí, rót dầu nhiệt-huyết vào trong cây đèn dân-tộc tự-lập, khêu cao ngọn lửa ái-quốc còn bùng đỏ lên ở một góc Hà-tĩnh – Quảng-bình mười năm sau nữa mới tắt.

Ấy là Phan Đình-Phùng.

Người làng Đông-thái, huyện La-sơn, tỉnh Hà-tĩnh. Phan Đình-Phùng sinh năm Đinh-mùi (1847), dòng dõi nhà nho.

Đông-thái vốn là một làng nổi tiếng nhất trong tỉnh Hà-tĩnh, vì xưa nay có người đậu đạt lớn, làm quan to rất nhiều. Khởi lên từ đời nhà Lê, phát một ông Quận-công, nhà giàu có lớn, hay làm việc phúc-đức, dân trong địa-phương đều được nhờ cậy, cho nên người ta sùng bái lắm, tôn ông là « Kiêu Quận-công ».

Đến đời gần đây, làng Đông-thái lại càng đại-phát, thi đậu hay làm quan cũng vậy. Tức như Quận-công Hoàng Cao-Khai, và hai tổng-đốc Hoàng Mạnh-Trí, Hoàng Trọng-Phu, ba cha con hiển-hách một thời ; còn nhớ lúc ông quận Hoàng

bày tiệc thọ bảy mươi, có người mừng câu liễn như vầy đúng lắm : « *Con cái một nhà hai tổng-đốc, Pháp Nam hai nước một công-thần* ».

Họ Phan thì từ ông Phan Như-Tính, làm tổng-đốc tỉnh Hải-dương hồi còn thuộc về Nam-triều và chính là thầy học của cụ Phan Đình-Phùng cho tới các ông tiến-sĩ Phan Đình-Du, Phan Trọng-Mưu, Phan Huy-Nhuận v.v... đều là người đồng hương và đồng thời với cụ Phan.

Người ta vẫn bảo hai cái thái-cực không gặp nhau. Đằng này chúng ta thấy hai cái thái-cực cùng ở một làng Đông-thái : Họ Hoàng phò-tá Bảo-hộ được vinh-hiến đến tột bậc, họ Phan chống-cự Bảo-hộ cũng quyết-liệt tột-bậc !

Họ Phan, từ thủy-tổ ở đời Lê, truyền đến Đình-Phùng là 12 đời, mà đời nào cũng có người thi đậu lớn, làm quan to, cho nên người ta thuở trước đã từng đặt tên cho xóm họ Phan ở là « Ô-y hạng », tỏ ý là một xóm toàn người đậu đạt cao sang.

Ông thân sinh ra Phan Đình-Phùng là Phan Đình-Tuyển, đậu phó-bảng khoa giáp-thìn (1814) về thời vua Thiệu-trị. Làm quan tới Phủ-doãn phủ Thừa-thiên, sau vâng mệnh vua sai ra Bắc làm chức Tán-lý quân-vụ giúp giặc ở tỉnh Lạng-sơn, bị tử-trận.

Phan Đình-Phùng có năm anh em đồng-bào.

Anh cả là Phan Đình-Thông, đậu tú-tài, làm Phó-quản-đốc một đội thuyền chiến ; thứ hai là Phan Đình-Thuật, đậu cử-nhân làm Giáo-thọ, thứ ba là Phan Đình-Tuấn mất sớm : cụ tức là thứ tư ; còn người em út là Phan Đình-Vận, đậu Phó-

bảng làm Tri-phủ. Cụ lại còn hai em khác mẹ nữa, nhưng không ai thành đạt gì.

Phan Đình-Phùng phu-nhân là con gái một quan-phủ ở làng Thọ-tường cũng thuộc về tổng Việt-yên, lấy cụ sinh ra được bốn người con trai. Về sau, phu-nhân và mấy người con trai lớn, đều mất sớm về bệnh điên, nhằm lúc Phan đang cầm quân kháng-cự binh Pháp ở núi Vụ-quang, cho nên cụ đã có câu than-thở : « Mình sinh gặp phải lúc gia biến, quốc-biến, thê-biến, tử-biến ».

Trong bốn người con trai của cụ, duy có người sót lại là Phan Đình-Cừ có tiếng thông-minh can đảm.

Phan Đình-Cừ tự là Bá-Ngọc, hồi nhỏ theo cụ ở luôn trong quân. Đến năm Bính-thân (1896), nghĩa là sau khi cụ mất một năm, thì trốn đi du-học ở Nhật-bản, đứng vào hạng thanh-niên anh-tuấn trong đám Việt-nam chí-chĩ vong mệnh qua Đông-kinh lúc bấy giờ. Nhiều người tưởng chắc mai sau Bá-Ngọc có thể nối được chí lớn của cha. Nhưng về sau xoay đổi xu-hướng, có lẽ suy nghĩ việc nước không thể cứu lại được nữa, dầu có làm gì, chẳng qua cũng như « *dạ tràng xe các biển đông, nhọc lòng mà chẳng nên công chuyện gì* », rồi người ta thấy Nguyễn Bá-Trác về trước đưa Bá-Ngọc về sau, quy-thuận chính-phủ Bảo-hộ.

Tôi nhớ có một lần được gặp Bá-Ngọc ở Hà-nội, nét mặt tỏ ra người hiền-lành cứng cỏi ; nhưng hỏi chuyện chi cũng ngập-ngừng không muốn nói ra ; hình như có một tâm-sự gì uẩn-khúc khó nói lắm vậy. Lúc ấy sau cuộc Âu-chiến 1914-1918 vừa tan ít lâu.

Cách sau đó một năm, nghe tin Bá-Ngọc lại đi sang Tàu, song lần này đi một cách đường hoàng. Không biết Bá-Ngọc lại đi như thế có mục-đích gì, chỉ biết cuối năm 1921, có tin ngoài báo về rằng một hôm Bá-Ngọc đang dạo chơi ở Hồng-khẩu công-viên tại Thượng-hải, thành-linh bị một người cầm súng lục chĩa ngay Bá-Ngọc mà bắn bảy phát chết tươi. Không nói, ai cũng đủ biết người bắn Bá-Ngọc chính là một người đồng-bào Việt-nam.

Nhân đó, mà đương-thời có dư-luận phân-vân nổi lên, kẻ bàn vầy, người nói khác. Nhưng mà thôi ! chúng ta nên để người dưới tuổi vàng yên-nghỉ là hơn.

*

Cụ Phan lại còn một bà vợ thứ nữa, tức là em ruột ông Lại-bộ Tham-tri Trần-Trạm. Bà này về ở với cụ sinh được một người con trai tên là Phan Đình-Cam mất sớm ; sau lại sinh hạ một người trai nữa, hồi 1925-1926, tôi tới Hà-tĩnh nghiên-cứu tài-liệu để viết cuốn sách này, được thấy bà và cậu thứ-nam đó ở làng Đông-thái. Sau đó tới giờ, tin-tức ra sao không rõ.

Hồi cụ Phan cầm quân khởi nghĩa, những lúc lên ghềnh xuống thác, xông pha hòn đạn mũi gươm, sớm tối đều có bà truy-tùỵ ở trong quân cho tới khi chung cuộc, nên người ta gọi bà là « *cô nguếch rừng* ». *Nguếch* là một tiếng ở Nghệ-Tĩnh dùng để chỉ người đàn-bà nào đẻ con đầu lòng là gái ; rừng cốt để chỉ tỏ rằng bà theo hầu cụ Phan ở trong rừng rú vậy.

*

Đáng tiếc những giấy tờ và thủ-bút của họ Phan bị tiêu-tán thất-lạc hết sạch. Phần thì mất ngay trong lúc binh hỏa bốn-ba, phần thì mất bởi những dư-đảng bị hàng đầu bắt bớ, những nhà đồng-chí bị khám xét tịch-thâu. Có nhà phải ngậm-ngùi tự-động đốt đi, kéo sợ liên-lụy. Phải biết, với khâm-sai Nguyễn-Thân lúc bấy giờ, một chữ của Phan Đình-Pùng còn nằm sót lại ở trong tay ai, cái đầu người ấy chỉ là củ chuối !

Thành ra công việc sưu-tầm tài-liệu nhiều nỗi gian-nan.

Còn chẳng, chỉ là năm ba mảnh đoạn-giản tàn-biên, mực đã mờ, giấy đã nát. Đến nỗi ống kính hòm ảnh phải từ-chối, không chịu bắt sáng, và nếu ta đưa lên nặng tay, sợ giấy rời-rã. Nhưng mấy cái di-tích mong-manh sút-mẻ ấy cũng còn lập-lòe chút ít tia sáng để cho kẻ sưu-tầm có thể hiểu thêm được ít nhiều về quân-sự bố-trí của cụ Phan. Và một đôi phần về ý-kiến cụ đối với thời-cuộc.

*

Có người nói sinh thời cụ Phan cũng nghiệm nha-phiến. Tôi không thể tin. Mặc dầu bảo đó là sự mục-kích của một vị cổ lão, người Bắc, đã truy tùy cụ Phan rất lâu và mới qua đời ở Hà-nội độ dăm năm nay.

Những bậc kỳ-cự đáng kính ở đất Lam-Hồng mà tôi đã được phỏng-vấn, xưa kia hoặc đồng-niên cộng-sự, hoặc giao-thiệp thân-mật với cụ Phan, không nghe một ai nói cụ có cái ác-tật đó.

Vẫn biết thuở ấy người Anh đã đem súng bắn đạn thuốc phiện vào nước Tàu (Nha-phiến chiến-tranh năm 1840) và

tất người Tàu đã truyền bá sang bên ta rồi, nhưng vua ta có lệnh cấm đoán rất nghiêm. Thật thế, quân-chủ Việt-Nam ngày xưa không nỡ lòng lợi dụng món thuế thuốc độc hại dân để làm một nguồn lợi cho công-khố.

Hai triều Thiệu-trị, Tự-đức, vua nhiều lần hạ dụ cấm ngặt quan lại hút nha-phiến, ai không tuân lệnh có thể bị cách chức và kết án bị đồ, bị lưu.

Cụ Phan là một nhà nho trì-trọng, một vị quan thanh-liêm mực-thước, không lẽ đâu tự hại sức khỏe mình và phạm phép nhà vua ?

Hay là năm ba tháng trước khi anh-hùng mặt-lộ, cụ Phan ta ở quân-thứ mắc phải bệnh lì trầm trọng, không chừng trong bộ-hạ có kẻ hiểm kế dùng một vài điều thuốc-phiện để họa may cứu nguy, rồi những người bàng-quang vì thấy tưởng rằng bình-thời cụ vẫn có cái lạc-thú ấy chẳng ?

II. TOAN LIÊU CHẾT VÌ CHƯA ĐƯỢC ĐI THI

NHỮNG người được gần cụ Phan, đều nói cụ tướng mạo rất xấu, nếu cứ lấy ngoài da mà xét người, thì không có ai ngờ đâu về sau cụ làm nên được anh-hùng. Nhà tướng số nói cụ chỉ khác người được một quý tướng, là khi nằm ngủ thì mình-mẩy ửng đỏ hồng-hào lên, đó là một tướng lạ.

Thuở còn nhỏ, đi học dần-độn tối-tăm, đến nổi học trước quên sau, thầy học đã nói mai sau tất Phùng không làm gì nên thân. Nhưng cụ nhờ có tính rất tự-hùng, thấy anh em mình ai cũng thông-minh học giỏi, thì lấy làm phần-uất vô cùng, cố gắng học để theo kịp mới nghe.

Thành ra ròn-rã trong bốn năm năm, trong tay không rời quyển sách, chân không bước ra đường, chỉ mài-miệt nơi án sách ngọn đèn, quyết chí lập được công-danh sự-nghiệp. Cậu bé thường nói với bạn đồng học : « Ta cố học để mai sau chiếm được khôi-nguyên mới nghe ».

Chẳng qua cũng chí-khí khoa-cử như ai ! Cố-nhiên, thời-đại nào kỷ-cương ấy. Thời-đại thường uốn chí-khí con người theo khuôn của nó, mấy ai hồ-dễ thoát được ra ngoài.

Nước ta, từ đời nhà Trần, cách kén chọn nhân-tài, chỉ có từ-chương khoa-cử. Ai không ở trong vòng đó bước ra thì không thể là nhân-tài, mà cũng khó có ngõ nào để xuất-thân cho được.

Cái lối từ-chương khoa-cử, truyền về đời sau, chẳng

những không bớt đi mà lại càng thêm bày vẽ thịnh-hành lên mãi.

Sau khi vua Gia-Long vừa thống-nhất trong nước xong, tức thời gươm đao xếp xó, thi phú lên đàn. Vua quan làm gương và khuyến-khích dân : luôn mấy triều Minh-mạng, Thiệu-trị, Tự-đức, toàn là *Thiên-tử thi-phú* ; bày tôi danh-vọng như Hà Tôn-Quyền, Doãn-Uẩn, toàn là *quân-thần từ-chương*. Vua tôi chỉ tưởng trong nước có bờ cõi, có nhân-dân, thế là trời Nam định phận, không biết bên ngoài có cường-lân, có địch-quốc, thường để mắt đến ta. Mọi việc khư-khư chẳng chịu cải-cách. Quan-ải không khai, cửa bể đóng chặt, thời-thế chẳng hiểu, võ-bị lôi-thôi, triều-đình chỉ lo ngâm thi đặt phú với nhau, tưởng đâu « mấy vần thi phú » cho hay, đủ sức trị dân giữ nước. Kén người, thì khinh võ-bị mà trọng văn-chương. Dạy dân, thì bỏ thực-học mà chuộng khoa-cử. Bởi thế, người đời ấy ai không học từ-chương không nên người, học mà không thi đậu cũng không nên người, thi đậu mà không làm được quan cũng không nên người.

Giữa lúc thiên-hạ đâu đó văn-minh tiến-hóa rầm rầm, kẻ thì đang ra tay chinh-phục đất xa, người thì biết lo thân tự-cường cải-cách, thế mà ở nước mình, vua quan vẫn kèm giữ nhân-dân ở chặt trong vòng học cũ thói xưa. Người ta lo mở-mang những thương-mãi, những công-nghệ, những cơ-khí, những khoa-học, còn mình đây thì khi đứng, khi ngồi, khi tỉnh, khi mê, chỉ lo có một việc là từ-chương khoa-cử.

Chính nhà vua có trách-nhiệm sửa nước dạy dân, ôm giữ mãi chế-độ từ-chương khoa-cử, buộc dân phải theo đó mà đi, bảo rằng ai đi đến chỗ « khoa hoạn » mới là tới mục-đích

nhân-sinh, hễ ai đi trái con đường ấy, thì không ngỗ xuất-thân nào khác. Tự-nhiên, những người ở dưới cái chế-độ giáo-hóa đó, bao nhiêu tư-tưởng, bao nhiêu hy-vọng, bao nhiêu chí-khí, đều quanh-quất sa-đà, ở trong có bốn chữ ; bốn chữ ấy chia ra làm hai đoạn, là : thi đậu và làm quan.

Cụ Phan, sinh ra nhằm giữa hoàn-cảnh như thế, thì cách lập-chí xuất-thân của cụ trừ khoa-cử ra, không còn có đường nào hơn, vậy ta thấy cụ có cái chí « học quyết khoa », chẳng nên lấy gì làm lạ.

Vì lập-chí mai sau phải chiếm được giải khôi-nguyên, cho khỏi phụ lời mình đã nói cứng-cáp, đến nỗi có một phen Phùng đã liều chết.

Năm 21 tuổi cùng em là Phan Đình-Vận, thợ-nghiệp với ông bác là Phan Đình-Tuân, đậu tú-tài, gặp giữa năm ấy có khoa thi, Phùng năn-nỉ bà thân-mẫu đến xin bác cho mình được cùng em đi thi. Ông bác nói : « Phùng học hãy còn kém sút, nó chưa đi thi khoa này được, hãy đợi khóa sau ».

Cậu năn-nỉ xin đi thi không được, đâm ra bức mình phẫn-chí, lén sai đầy-tớ ra chợ mua một lượng hương-nhu là vị thuốc độc vễ, viện cớ mua để thử chế thuốc pháo, nhưng kỳ thật là đem trộn vào ly rượu, rồi gọi em là Phan Đình-Vận tới bảo rằng : « Sinh ra làm trai, cốt được học, học cốt đi thi, học mà không được đi thi, thì còn sống làm gì. Phen này anh liều chết cho rồi đời, nghe em ».

Em sợ quá, kiểm lời an-ủi can-ngăn mãi, song anh không nghe, một hai đôi uống thuốc độc tự-tử mà thôi. Cực chẳng đã, Phan Đình-Vận phải chạy mau mau tìm kiếm bà thân-

mẫu để nói cho bà nghe rằng anh Phùng đang uống rượu độc tự-tử. Trong khi ông Vận chạy đi kêu mẹ, Phùng đã uống thuốc độc mà mê-man bất-tỉnh rồi. Sau bà thân-mẫu tới, hô hoán người nhà hàng xóm lại cứu-cấp. Họ lấy nước đậu xanh và cam-thảo cạy miệng ra mà đổ, một lúc lâu mới tỉnh. Ấy lúc nhỏ, vì chút khoa-danh mà Phan đã có can-đảm khinh sinh liều chết đến thế, thảo nào sau ra làm quan, mắng Tôn-thất Thuyết giữa triều-đình, cùng là khởi-nghĩa trong mười năm trời, lấy sức châu-chấu đá voi, tỏ ra một người can-đảm đầy mình, làm việc gì cũng toàn là coi chết như không.

Đến mãi khoa thi Bính-tí (1876) là năm cụ 39 tuổi, mới đậu cử-nhân. Qua năm sau (1877) vô kinh thi Hội, đậu Đình-nguyên Tiến-sĩ. Lời thề « thế nào cũng chiếm giải khôi-nguyên » ngày xưa, bây giờ làm được như nguyện vậy.

Phan tuy đậu Tiến-sĩ, nhưng tài học cũng chỉ ở trong bờ cõi từ-chương cử-nghiệp mà thôi, không phải là một nhà học-vấn uyên-bác lỗi-lạc, hay khoa bút múa văn như người ta. Cho nên sinh bình không có sự-nghiệp gì về văn-chương ; suốt đời không có câu đối nào tuyệt, bài thi nào hay, lưu-hành ở đương-thời và truyền-tụng về sau.

Xem bài văn-sách thi Đình của cụ làm trong khoa thi đậu, cùng là sau này, những lúc cầm quân ở trong đám lửa giọc đạn ngang, rừng sâu núi thẳm, cũng có nhiều khi ngẫu hứng mà phát ra ngâm-vịnh, nhưng xem lời văn đều là thật-thà chất-phác thế thôi, không có vẻ chi hùng-hào hay xuất-sắc như văn-chương của nhiều nhà nho khác. Có khi một vài câu liễn, bài thi của cụ, người ta có thể không lấy làm thích ý nữa là khác.

Nhứt sanh cụ Phan lấy đức thuần-phác trung hậu làm gốc sự học, cho nên phát ra văn-chương cũng vậy. Lại được một tính-cách thật-thà mạnh dạn hơn người là điều gì biết thì nói biết, điều gì không biết thì nói ngay không biết, không có thói đấp-điểm lòe đời như ai. Đến nỗi khoa đi thi Đình, đầu bài chính tay vua ra, có vấn-đề nào cụ chưa học tới, chưa từng nghiên-cứu, thì trong bài làm, tới chỗ đó, cũng viết ngay rằng : « *sĩ vị tăng đọc, bất cảm mạo tấu* », nghĩa là : « *chỗ này tôi chưa học, tôi không dám tâu càn* ». Thế cho biết trong sự học của cụ có đức thận-trọng và tự-khiêm.

Sau làm nên được bậc người oanh-oanh liệt-liệt trong mười năm trời, nước non ỷ-thác, bạn phục dân theo, chính vì có dũng-cảm, có nghĩa-khí, hơn là vì có cờ biển Tiến-sĩ. Bởi thế ta xem cụ, đừng trông vào phương-diện văn-học. Vì cụ cũng là ông Nghè, nhưng không phải ông *Nghè hay chữ*, mà cốt là ông Nghè *yêu nước*.

III. RA LÀM QUAN

SINH-BÌNH, cụ Phan vốn có hai tính-cách đặc-biệt là : *thẳng* và *gan*.

Khi còn là học trò ở nhà quê, một làng bên cạnh đấp con đường đi xuyên thẳng qua làng Đông-thái, theo lẽ mê-tín phong-thủy của ta ngày xưa, thì việc mở con đường này tất-nhiên có hại cho cuộc lạc-nghiệp an-cư của dân Đông-thái ; nhưng không ai dám đứng lên cản trở. Cậu học trò Phùng ngang-tàng đảm-nhận việc ấy. Cậu xách gươm ra, ngồi lì ở bên đường, nói rằng hễ ai đi qua đường này thì chém chết. Thế mà con đường ấy sau phải bỏ rêu phong cỏ mọc, không ai lai-vãng nữa.

Nhân có bốn-tính khảng-khái cang-cường như vậy, cho nên lúc ra làm quan, phàm gặp việc gì ngang tai trái mắt, mà thiên-lương bảo phải làm để sửa lại, là mạnh-bạo làm ngay, dẫu biết rằng làm việc đó sẽ có hại đến tước-lộc hay nguy hiểm đến tính-mệnh mình cũng mặc.

Cụ làm quan, không như những kẻ tham quyền cố vị kia, động gặp việc gì khó khăn – mà chính là việc nên làm và chính họ có sức làm được – thì co đầu thụt cổ lại không dám làm. Rất đổi có khi không dám mở miệng ra để nói lẽ phải nữa. Trong ý họ chỉ lo sợ nếu như việc phải đó mà mình làm ra hay nói ra, e thiệt-hại cho vợ con mình, thân danh mình, sẽ mất cả áo ấm cơm no, lên xe xuống võng. Họ nghĩ thà cứ chiều đời ngậm miệng cho được vinh thân phì gia là hơn.

Trái lại, cụ Phan không phải là hạng làm quan như thế.

Bởi vậy, khi làm Tri-phủ Yên-khánh ở Ninh-bình, thấy một ông cố-đạo bản-xứ hay ỷ thế tôn-giáo, hà-hiệp lương-dân, cụ Phan không kiêng-nể ngần-ngại gì, cứ việc hô lính đề cổ giáo-sĩ đó xuống hỏi tội và đánh thẳng tay.

Giáo-sĩ bị trận đòn ấy tức là cụ Trần-Lục, tục gọi là cụ Sáu, mấy năm sau nhờ thế lực Pháp mà được triều-đình phong làm Tuyên-phủ-sứ có oai quyền lừng-lẫy một lúc ở vùng Phát-diệm-Ninh-Bình, ai cũng phải sợ. Người ta nói ông có cái đức giết người như rạ, không kém gì Tôn-thất Thuyết.

Cụ Phan đánh một ông cố-đạo là đánh kẻ có tội hà-hiệp người, chứ không phải bày tỏ thâm-ý ghét đạo Thiên-chúa.

Bọn văn-thân ta lúc đó cùng có một ý nghĩ chung, cùng ôm một mối thù chung ; gặp đâu có nhà thờ là đốt phá, gặp đâu có ông « mặc áo dài thâm » là vặt râu, gọt đầu, bắt bước qua cây thánh-giá, thích chữ vào mặt, rồi giết chết. Bởi các ông văn-thân lắm tưởng phàm những người theo đạo Thiên-chúa đều là quân nội-công của người Pháp và đạo Thiên-chúa là tả-đạo hoặc người. Ấy, đời xưa từ vua đến quan, từ quan đến dân, đều tin-tưởng như thế cho nên đã gây nên không biết bao nhiêu việc lương giáo đánh giết nhau, rắc-rối lôi-thôi mãi.

Nhưng cụ Phan suy-nghĩ thế khác.

Với kẻ thân-tín, cụ vẫn thường nói : « Đạo Thiên-chúa lấy Gia-tô làm trời, cũng như Thích-ca Mâu-ni là Trời của đạo Phật hay Khổng-phu-tử là Trời của nhà Nho. Hễ ai đã tín-ngưỡng điều gì, thì điều ấy là Trời của mình. Mình muốn người ta đừng xâm-phạm đến sự tín-ngưỡng của mình, thì

mình đừng xâm-phạm đến sự tín-ngưỡng của người ta. Thiên-chúa cũng là một thứ tôn-giáo, mặc ai tin thì theo ».

Còn như thuở ấy người ta bảo giáo-dân là quân nội-công của người Pháp, thì cụ nói : « Ấy là tại nước mình hèn yếu, không có nhân tài, không có tàu bền, súng lớn, quân mạnh tướng giỏi, chớ lỗi chi ở giáo-dân. Chồn mượn oai hùm, dê đeo da cọp, ấy là thường-tình của con người ta, có lấy chi làm lạ. Xứ nào mà không có loại người hèn ấy ».

Giữa lúc nhà nho đều cố-chấp mà cụ Phan có tư-tưởng rộng lượng được thế, quả thật đạt-quan.

Có người nói bởi cụ đã có dịp gặp-gỡ đàm-luận về vấn-đề ấy với Nguyễn Trường-Tộ, một danh-sĩ ở Nghệ theo đạo Gia-tô.

Nhưng vậy mà có một giáo-sĩ cậy thế làm xằng và hiếp người bên lương thì cụ làm phận sự chặn dân, vẫn nọc kẻ ấy ra mà đánh, không tha.

Sự thật ở đời bấy giờ, ngoài ra những ông chuyên tâm giảng đạo, bất-can thế-sự ra, thật cũng có ít nhiều giáo-sĩ quá ỷ thế-lực người Pháp hùng-cường sẵn lòng bênh-vực mấy ông, rồi mấy ông được trớn làm quá giới-hạn. Họ ỷ vào thế-lực đó để giữ-gìn quyền-lợi của nhà chung và tự-do truyền giáo, đã đành là lẽ tự-nhiên rồi, nhưng có nhiều ông được trớn rồi hà-hiếp những dân vô cô. Giáo-dân lại cũng ỷ thế mấy ông cố, ông cha mình để bắt nạt anh em đồng loại bên lương. Do đó mà đôi bên sinh ra lắm sự đánh giết nghịch thù lẫn nhau. Tình-tệ như vậy, khiến cho phận-sự làm quan phụ mẫu địa-phương, bảo cụ phải trừ-tệ an dân, dù một ông cố

đạo có lỗi cũng không dung thứ. Như trên kia đã nói, cụ đánh một ông cố đạo chỉ là trị một kẻ « ỷ thế hiếp người », không phải có ác cảm gì với đạo Thiên-chúa như tất cả người đồng thời.

Về sau cụ khởi nghĩa, có một lúc kéo cờ đề chữ « Bình-Tây Diệt Tả » là vâng theo huấn-lệnh của triều-đình lúc bấy giờ thường hạ chiếu khuyến-khích bọn văn-thân đánh phá chém giết giáo-dân. Nhưng sau cụ suy-nghĩ thế là không nên, vì giáo-dân cũng là đồng-bào có thù-nghịch gì với mình đâu, cho nên khi đóng đại-binh ở núi Vụ-quang, cụ vẫn hiểu-dụ bọn giáo-dân rằng : « lương-dân hay giáo-dân đều là xích-tử của triều-đình, chớ nên vì lẽ gì mà hại lẫn nhau ».

Xem thế thì cụ Phan thật không có lòng ghét đạo Thiên-chúa, chỉ ghét những giáo-sĩ hay giáo-dân nào ỷ thế làm càn đó thôi.

Song, ở đời ấy, đánh một ông cố đạo, là một việc dễ làm, nhưng cũng là một việc khó xử.

Dễ, là bọn văn-thân lúc ấy đang có thanh-thế to, bè-đảng lớn, thì đánh hay giết ngay một ông cố đạo, cũng như là đánh hay giết một người dân thường vậy thôi. Nhưng khó, là khó cho triều-đình trong việc giao-thiệp với nước Pháp.

Một cố trước hết, mà nước Pháp và nước Nam có cuộc giao-binh, sau thành ra cuộc bảo-hộ, là tự triều-đình ta làm ngăn trở việc truyền-giáo, bao nhiêu năm hạ chiếu thúc-giục quân-dân phải ngược sát giáo-dân. Triều-đình thấy trong mọi việc Pháp-Việt giao-thiệp đều có giáo-dân làm duyên-cớ ở trong, thì bảo : « À, quân này rước voi về dầy mồi », bèn ra

tay cầm, giết đạo. Đến khi thấy vì cầm đạo giết đạo quá lỗ, mà việc giao-thiệp hai nước càng thêm nguy-hiểm khó-khăn cho mình, thì triều-đình lại bảo : « À, quân này mạnh gớm », bèn trở lại trị tội những quan những dân nào đã xâm-phạm đến người đạo. Triều-đình cốt làm vậy để chiều lòng người Pháp. Thế là, khi nào nước Pháp nhin thì triều-đình ta làm tới, khi nào nước Pháp giận thì triều-đình ta thụt lui, tự triều-đình, không có chủ-trương nhất-định gì cả.

Bởi thế, cụ Phan Đình-Phùng, Tri-phủ Yên-khánh vì cái lỗi đã đánh một ông cố đạo, mà bị triều-đình trị tội, phải triệu về kinh, sung vào viện Đô-sát, làm Ngự-sử. Năm ấy là năm Tự-Đức thứ 31.

Cụ được về kinh sung vào chức này, lại càng nhằm chỗ thích-hợp với tính-cách thiên-nhiên là tính cang-trực. Gặp lúc bấy giờ việc nước lồi thối, chính-sự rối bết, vua thì nằm cao ở chốn thâm-cung, giấc thì tung-hoành khắp trong bờ cõi, thế nước hồ-nguy, tinh dân khổ-sở, thế mà các quan đại-thần, tiểu-thần, trong triều, ngoài quận, trên đã không giúp được vua yên nước, dưới lại không có lòng thương dân ; tóm lại các ông ấy chỉ biết lo có bản-thân và làm toàn những việc dối trên hiếp dưới, cơ-hồ không còn có kỷ-cương phép-tắc gì nữa. Chức Ngự-sử đặt ra cốt để can-ngăn vua chúa sửa-đổi tật hư, và hạch lỗi trăm quan về những việc làm bậy. Làm Ngự-sử về thời trị đã khó khăn, vì thấy nhiều ông Ngự-sử khiếp sợ oai-quyền, rõ biết vua sai quan lỗi mười mươi, mà không dám nói ; huống chi làm Ngự-sử thời loạn, khôn sống mống chết, nhưng mà trên thì khổ-gián được vua chúa, dưới thì nghiêm hặc được trăm quan, khiến ai nấy trúng khôn

phải phép, lợi nước an dân, như vậy Ngự-sử chẳng phải là chức khó lắm sao ?

Cụ Phan thật là xứng đáng một quan Ngự-sử ở thời loạn. Vì gặp việc sai lầm cụ đều dám nói.

Thứ nhất là việc tập bắn ở cửa Thuận-an.

Nguyên là hồi ấy, nhà vua có lập ra một sở tập bắn ở cửa biển Thuận-an, cách xa kinh-thành 14 cây số, bắt buộc tất cả các quan văn-võ đại-thần ở kinh đều phải ra đó tập bắn. Cái bản-ý của nhà vua lập ra trường tập bắn cho các quan, chắc vì lúc ấy trong nước đang có binh đao, nhà vua muốn rằng bất cứ quan dân, ai cũng có thể làm quân lính được cả, cho nên định luyện tập lấy một đội quân « các quan » để rồi ra hộ-vệ kinh-thành, chống-cự binh Pháp chẳng ?

Ai cũng đủ biết trong chốn triều miếu kinh-đô, ai làm nên đến bậc đại-thần là vào hàng « các cụ » rồi. Đã làm bậc « các cụ », thì có oai-quyền to, thanh-thế lớn, không muốn cho ai nịnh-hót cũng có người nịnh-hót, không muốn ai sợ-hãi cũng có người sợ-hãi ; nhân vậy mà có thiếu gì kẻ bưng-bờ oai-quyền và khúm-núm ton-hót ở đằng sau các cụ. Các cụ nói câu gì, dù cho dở-khệt cũng là nói gang-thép, các cụ làm việc gì đầu cho bậy-bà cũng là việc làm hơn người. Rất đổi là con cháu các cụ dốt mấy, rồi đi thi-cử cũng phải đậu, ngu mấy rồi cũng được viện lệ hay tập tước để làm quan. Tóm lại, các cụ ở đời bấy giờ tiếng là phò vua giúp nước mà kỳ thật là dối vua hại nước không biết bao nhiêu.

Chính việc tập bắn ở Thuận-an là một chứng-cớ.

Nhà vua đã định lệ, hễ cụ này bắn trúng mấy phát, cụ kia

bắn trúng mấy phát, thì viên chấp-sự trông nom việc tập bắn phải ghi vào sổ hần-hoi để tâu vua xem. Các cụ đã quen áo dài vai rộng, vồng lưng ngựa xe, đời nào mớ tay đến khẩu súng tập bắn. Không may gặp lúc trong nước có nạn đao-binh, nhà vua bắt buộc quan lớn cũng phải xắn tay áo lên, tập-tành cái nghề của tên lính, thì hình như là việc cực-chẳng-đã cho các cụ ; các cụ chỉ làm cho xong chuyện, khỏi trái mạng vua thì thôi. Có khi các cụ bắn mười phát đều lên mây xanh, không có được một phát trúng đích, thế mà viên chấp-sự cũng ghi vào sổ cho nhiều, làm như các cụ đều bắn giỏi cả.

Việc tập bắn man-trá như vậy, các ông Ngự-sử ở Đô-sát-viện đều biết dư, nhưng ai cũng kiêng nể sợ-hãi các cụ, không dám đàn-hặc bao giờ. Duy đến cụ Phan không thêm kiêng-nể sợ-hãi ai, vì cụ suy-nghĩ : họ làm như thế là dối vua, bèn làm sổ tâu vua Tự-đức ngự giá ra cửa Thuận-an, để xem các quan tập bắn cho rõ hư-thực. Vua Tự-đức ngự ra xem, quả thấy trước kia sổ sách biên chép tâu lên là láo cả, trong bá-quan tập bắn mười phần chỉ có một hai phần bắn trúng mà thôi. Bởi vậy ngài châu phê rằng : « *thử sự cửu bất phát, phùng Phùng nãi phát* » (việc này lâu không có ai phát-giác ra, nay gặp Phùng mới phát), rồi thăng chức cho cụ làm Hình-khoa chương-ấn. Cả triều-đình bấy giờ, ông quan nào cũng phải kiêng-nể cụ về tính cương-trực cảm ngôn.

Những việc cụ dám đàn-hặc bá quan hồi ấy còn nhiều, song cũng không quan-hệ chi mấy, cho nên lược đi.

Vua Tự-đức thương cụ là người cương-trực, sau ngài giáng chỉ phái cụ làm quan Khâm-mạng ra thanh-tra tình-

hình quan-lại ở Bắc-kỳ. Cự đi thanh-tra rồi, dâng sớ về tâu vua, hạch tội ông Thiếu-bảo Nguyễn-Chánh, kinh-lược Bắc-kỳ, chỉ ôm tiết-việt vua ban làm món đồ bày trước mặt cho oai-vệ, còn sự lợi-hại của dân-gian, thật chẳng để tâm gì tới. Vua Tự-đức truyền cho cự thâu lấy tiết-việt của Nguyễn-Chánh về, không cho làm Kinh-lược nữa.

Ở ngoài Bắc trở về kinh, cự Phan lại sung chức Ngự-sử.

IV. VIỆC LOẠN Ở TRONG TRIỀU SAU KHI VUA TỰ-ĐỨC MẤT

LÚC bấy giờ sáu tỉnh Nam-kỳ nhượng đứt rồi, quan Pháp đang hoạt-động ở Bắc-kỳ và sắp can-thiệp đến Kinh-đô Huế.

Thoạt tiên, Pháp can-thiệp đến kinh-đô là đánh Đà-nẵng, phá cửa Thuận-an, rồi yêu-cầu đặt Khâm-sứ.

Chiều theo điều-ước ký ngày tháng 3 năm 1874, nước Pháp có quyền đặt một ông Khâm-sứ tại kinh-đô Huế để giao-thiệp với triều-đình ta. Nước Pháp đã chiếm đất Nam-kỳ và đã đánh phá hầu hết Bắc-kỳ rồi, còn một đất Trung-kỳ tha gì mà chẳng lấy nốt, duy còn muốn nhân-nhượng cho triều-đình ta đôi chút, tức là cách « tiên lễ hậu binh », chờ lúc nào triều-đình ta ra mặt kháng-cự thì bấy giờ Pháp mới dùng đến võ-lực.

Vậy ông Khâm-sứ đến đóng ở Huế trước hết là ông Rheinart (1875).

Ông Khâm-sứ đến đóng đô ở Huế tức là một người thay mặt nước Pháp để thi-hành điều-ước với triều-đình ta. Nhưng triều-đình ta có coi điều-ước ra cái quái gì ; bất quá lúc bị thua trận quá, thì cũng nhắm mắt ký tên để làm kế hoãn binh mà thôi, vua quan mình bấy giờ xem điều-ước chẳng khác tờ giấy lộn và khoản kia khoản nọ như câu nói trò-đùa gì vậy. Vì thế, ông Khâm-sứ nào đến rồi cũng chán-nản. Ông Riheinart đến đóng ít lâu bỏ đi, ông Philastre tới thay (1878). Ông này cả ngày chỉ ham đọc sách bói toán, và chơi với ông

Nguyễn Văn-Tường rất thân. Sau chính-phủ Pháp thấy triều-đình ta không giữ lời hứa chút nào, tưởng rằng ông Philastre không đủ nghiêm-ngặt để bắt buộc triều-đình Huế phải tôn-trọng điều-ước, cho nên ngày tháng 7 năm 1879 lại phái ông Riheinart tới thay một lần nữa.

Trong hồi đó, giữa triều-đình ta và tòa Khâm-sứ có xảy ra nhiều việc lôi thôi khó khăn ; nào là vua quan ta miệt-thị ông Khâm-sứ, nào là ngược-đãi những người Pháp ở Huế, nào là giết đạo, v.v... làm cho người Pháp khó chịu, tức mình, những đó cũng kể là những việc nhỏ, duy có việc trái với điều-ước, khiến cho người Pháp bất-bình lắm, ấy là việc vua Tự-đức lại sai sứ sang triều-cống nước Tàu.

Thật vậy, khoảng năm 1880, vua Tự-đức sai sứ-thần đem đồ phương-vật sang triều-cống vua Thanh nước Tàu và xin Tàu cứu-giúp, trong ý vua quan ta tưởng rằng vua Thanh nước Tàu lúc bấy giờ đủ sức chống-cự nước Pháp mà cứu-viện cho nước Nam mình được.

Chính phủ Pháp thấy vậy, nghi ông Riheinart làm không trọn trách-nhiệm, là tại ông không biết tiếng Nam và phong-tục người Nam, cho nên trong sự giao-thiệp có nhiều điều ngăn trở hay là không rành. Rồi chính-phủ Pháp cử ông Champeaux đến thay làm Khâm-sứ. Ông Champeaux là người thạo tiếng Việt-Nam và hiểu thấu tính-tình phong-tục của người mình lắm. Nhưng khốn thay triều-đình mình, dù ông khâm-sứ nào tới mặc lòng, cũng gây sự lôi thôi với người ta. Rốt cuộc đến ông Champeaux cũng phải đi, rồi ông Riheinart lại tới Huế nữa.

Đến năm 1882 trở đi, công cuộc giao-thiệp giữa hai nước càng thêm rắc-rối, có nhiều chỗ không thể nói được nữa. Thứ nhất là khi nghe cái tin quân Pháp hạ mất thành Hà-Nội rồi, triều-đình và bọn văn-thân càng lấy làm uất-ức, vì thấy đất-cát thành-trì của mình cứ mất lần mòn một cách nhục-nhã như vậy, thành ra bấy giờ không muốn hòa nữa. Tuy mình không có binh-lực và khí-giới, nhưng ai nấy đều hăng-hái muốn liều chết mà đánh nhau rồi ra thế nào thì ra. Thấy lòng người phẫn-khích như thế, nên chỉ ông Tôn-thất Thuyết – khi ấy làm Binh-bộ thượng-thư, có binh quyền trong tay lớn lắm – mới ngấm lén dự-bị để chống cự binh Pháp. Ông sai cắm cờ ở sông Hương để ngăn giới-hạn bên tòa sứ và bên Hoàng-thành ; lại xây đồn đắp lũy ở cửa Thuận-an, để phòng giữ mặt biển và luyện-tập binh lính cả ngày, chỉ chờ dịp cùng quân Pháp khai chiến. Vì thấy tình thế mỗi ngày càng thêm rắc rối không xong như vậy, cho nên đầu năm 1883, ông Rheinart bỏ Huế mà vô Sài-gòn. Ấy là cái triệu hai nước sắp sinh sự với nhau đó.

Vua Tự-đức vốn là một bậc vua anh-minh, chỉ tiếc vì ngài ở chốn thâm-cung, không hiểu chi về thời thế thiên-hạ, mà các quan phò-tá cận-thần đều là hạng hủ nho cố-chấp, không rành việc đời việc nước, không hề tri-kỷ tri-bỉ chút nào. Sự thật, chính vua Tự-đức không phải là người có tính cố-chấp. Ngài cũng biết thứ chi thích dùng thì dùng, dầu thứ đó là đồ chế-tạo của nước Pháp là nước đang cừu-địch với ngài cũng vậy, chứ không phải như mấy ông hủ-nho ta đời ấy, bất cứ thấy cái gì của tây là cũng làm bộ không dùng. Một việc này làm chứng-cớ rằng vua Tự-đức không có tính cố-chấp. Ngài

ham-thích đi săn bắn. Tháng nào ngài cũng đi bắn đôi ba lần, và mỗi lần đi bắn đều được vịt-trời và hươu nai, cho nên ngài đã có tiếng là ông vua tài bắn. Thường khi ngài đi bắn như thế hay đem theo mấy khẩu súng tây và đi đôi giày bằng cao-su đen của tây chế ra để lội xuống ruộng cho dễ. Xem vậy thì ngài có đạt-quan lắmm, không ghét bỏ chi những đồ thích dùng, dầu cho là của địch-quốcc.

Ngài hay chữ và coi việc triều-chính rất siêng năng. Cả ngày ngự ở điện Cần-chánh làm việc, không lấy làm mỏi-mệt. Lại có tính-tình giản-dị, những lúc ngồi làm việc cặmm-cụi, chỉ có hai con cung-nữ đứng hầu để dâng trà chấmm thuốc ; làm việc lâu lâu mỏi-mỏi thì đứng dậy ra chỗ để-dầu hồ chơi ít bầnn làm vui. Nói tóm lại, sau vua Gia-long là vua anh-hùng, đến vua Tự-đức có thể gọi là vua minh-triệt. Nếu như gặp được nhiều đại-thầnn phụ chính là hạng thức thời và có trí, vẽ cho ngài về việc thời-thế họa-phúc, chỉ-dẫn giúp-đỡ ngài trong việc cải-cách duy-tầnn, thì có lẽ nước Pháp đã sẵn lòng giúp sức cho ngài có thể làm vua Minh-trị nước Nhật-bầnn, mà dân mình dẫnn có kém hèn đi nữa, cũng tiến tới sớm hơn ít chục năm, có thua ai cũng không đến nỗi thua sút cho lắmm... Đáng tiếc thay, những người ở bên tả hữu nhà vua lúc bấy giờ, đều là hạng tư-tưởng cũ-rích, thời-thế mịt-mù, họ gặp buổi vận-hội gian-nan, quốcc-sự nguy-biến là thế, mà vẫn cố-chấpp mơ-màng không chịu tỉnh-ngộ. Chính họ đã dối vua hại nước chứ ai. Một viên đại-tướng Pháp hồi đó là ông Le Myre de Villers, viết thư dâng vua Tự-đức có câu rằng : « Bọn tả-hữu của Hoằnn-thường đã làm cho Hoằnn-thường sai lắmm việc nước », thật là một câu nói tóm tắt được cả tình-

hình triều-chính nước ta hồi đó vậy.

Phải, chính các cụ đại-thần dối vua hại nước đáo đẽ.

Nước ta lúc bấy giờ, trong dân-gian nầy ra lắm người thức thời hữu-chí, lần mò vào kinh-đô dăng sớ cải-cách, một hai bày tỏ, tâu xin nhà vua mau mau sửa đổi theo Âu-Mỹ, thì quốc-vận còn có thể văn-hồi được. Nhưng chí-sĩ nào cũng bị các cụ triều-thần làm « kì đà cản mũi » còn kiếm cách hãm-hại người ta là khác. Những lúc ông Nguyễn Trường-Tộ ¹ tâu xin cải-cách theo như Âu-châu và ông Bùi-Viện ² tâu xin thông-thương với nước Mỹ vua Tự-đức họp đình-thần lại giao cho bàn xét thi hành, vì tự ngài không muốn độc-đoán. Nhưng các cụ đình-thần chỉ sợ người khác tranh công cướp vị của mình, nên chỉ ra sức cản-trở nhà vua về việc lo toan cải-cách. Những chí-sĩ đương thời như ông Tộ ông Viện muốn thấy tổ-quốc mình duy-tân đã không được thấy, lại còn mang lấy cái họa sát thân vào mình nữa. Rất đỗi giữa khi quân Pháp đang đánh dẹp tứ tung ở Bắc-hà, đi đến đâu là đánh được ở đó, có thể mau lẹ dễ-dàng như chém cây khô, mà ở trong trào, các cụ có trọng-trách quốc-gia, chẳng ai có một mưu-chước gì để giúp vua cứu nước, chỉ tin cậy vào học thuật Khổng, Mạnh, trông mong vào sự cứu giúp của nước Tàu là một nước cũng đang suy-vi nát bét như tương. Thật thế, nước Tàu hồi đó, đang như con cá nằm trên thớt, chịu để cho liệt-cường Âu-Mỹ chặt năm xé ba chia nhau, chính mình lo bề tự cứu còn không xong, có hơi sức tài giỏi gì cứu ai cho được. Chẳng qua có bọn Cờ đen, là bọn giặc cỏ ở bên Tàu, chạy tràn sang đất Bắc ta, thế mà nhà vua trông cậy vào chúng để chống cự với binh Pháp hùng-cường mới kỳ, khiến

cho chúng thừa dịp phá hại dân ta rất là khổ sở. Cũng chính các cụ triều thần hủ-bại xui giục nhà vua hạ chỉ giết hại giáo-sĩ và giáo-dân, lại càng gây thêm oán thêm thù ra với người Pháp nữa. Lời của ông Le Myre de Villers đã nói trên kia là phải lắm.

Kể cho hết cái tình-cảnh khó khăn của vua Tự-đức hồi bấy giờ, ai cũng lấy làm ái-ngại cho ngài ; trên thì có đức bà Từ-dụ Thái-hậu cấm-đoán, dưới thì có quần-thần trở-ngăn, trong mọi công việc, thành ra quốc-gia đại sự, ngài bị trên ngăn dưới cản, không thể chủ-trương quyết-đoán ra thế nào được cả.

*

Tệ nhất là trong vương triều có bọn quyền-thần.

Đối với việc Pháp-Việt giao-thiệp hồi ấy, trong triều chia ra làm hai đảng : một đảng chủ hòa, một đảng chủ đánh. Đảng chủ hòa yếu, đảng chủ đánh mạnh. Đảng chủ hòa thì đã cố-nhiên rồi, còn đảng chủ đánh cũng chỉ vu-vơ, mơ-màng, chẳng có thực-lực mà cũng chẳng trông cậy vào đâu chắc chắn ; bất quá ngoài thì trông nhờ giặc Cờ đen, trong thì trông vào một cửa bể Thuận-an, và một vạn quân cấm-vệ, súng đạn lương-thực tích-trữ được một năm, tưởng đâu như thế là đủ chống với quân Pháp rồi. Đầu đảng chủ đánh là ông Nguyễn Văn-Tường và ông Tôn-thất Thuyết.

Ấy, mỗi đảng có một cái chủ-kiến khác, thành ra xung-đột nhau.

Hồi tháng năm năm 1883, việc trong nước đang rối bét như thế, mà triều-đình ta còn bày ra lễ « Phất-thức » tức là

một lễ lau chùi những ấn-tín của nhà vua, trong dịp vui mừng. Nào có gì đáng mừng đâu, chỉ có nghe tin ông Đại-tá Henri Rivière đã chết, và quân Pháp đã rút ra ngoài thành Hà-nội, thế mà triều-đình coi như thắng trận lớn lắm, nên mới làm lễ Phất-thức để ăn mừng vậy.

Ông thượng-thư Trần Tiển-Thành – cũng là một vị trọng-thần ở trong triều và thuộc về đảng chủ hòa – thấy vậy tranh-biện với ông Thuyết giữa triều-đình rất dữ. Ông nói rằng : « Bày đặt làm lễ này làm chi vô ích. Tôi đây là con lai khách³ mà tôi không dám tin rằng người Tàu có thể địch với quân Pháp được ». Ông Tôn-thất Thuyết mắng giữa mặt rằng : « Ông là khách mà ông khinh-bĩ đồng-bào của ông, rõ đồ vô-sĩ. »

Ông Tôn-thất Thuyết là quyền thần hồi bấy giờ ; ở trong triều, ông không còn kiêng-nể ai hết, nhân thế mà gây ra bao nhiêu chuyện sau này.

Nhất là cuộc phế-lập liên-tiếp, sau khi mua Tự-đức thăng-hà.

*

Vua Tự-đức hiếm-hoi, không có con trai. Ngài có nuôi ba người con của hai ông anh em ngài là Thoại-thái-vương và Kiên-thái-vương làm con nuôi.

Khi lâm-chung, ngài triệu ba ông Tôn-thất Thuyết, Nguyễn Văn-Tường và Trần Tiển-Thành tới dặn-dò việc lớn nhà-nước, và di-chiếu lập con nuôi lớn là ông Dục-đức (con Thoại-thái-vương) lên làm vua. Ngài nói rằng : « Việc lớn nhà-nước phó-thác cho ba khanh hãy tận-trung tận-lực, đừng

có phụ lòng trầm tin-cậy ». Ngài vừa thở vừa nói câu ấy, dứt nổi từng tiếng, mà hai hàng nước mắt ứa ra.

Ba ông cùng khóc phụng chiếu.

Vua Tự-đức thăng hà. Ngày ấy là ngày 19 tháng 7 năm 1883 (ngày 16 tháng 6 năm Quý-mùi).

Nhưng sau khi vua Tự-đức nằm xuống rồi, thì ông Thuyết và ông Tường hòa nhau khuấy rối việc nước, hết sức lộng quyền, độc ác.

Trước hết là các ông ấy bỏ ông Dục-đức.

Khi vua Tự-đức thảo tờ di-chiếu lập ông Dục-đức, và trao cho ba ông Thuyết, Tường, và Trần Tiễn-Thành làm Phụ-chính đại-thần, trong có hớ một câu khiến cho ông Thuyết và ông Tường vịn lấy câu đó làm cớ mà giết ông Dục-đức và lập ông khác được. Nguyên trong tờ di-chiếu ấy có câu rằng : « Ông Dục-đức hãy còn trẻ tuổi, mà phóng-đăng vô-đạo, đáng lẽ không lập, nhưng vì không có tự-quân, cho nên phải lập » v.v...

Đến lúc các ông ấy họp đình-thần để bàn và cử ông Trần Tiễn-Thành đứng lên tuyên-đọc tờ di-chiếu, ông Trần Tiễn-Thành tự nghĩ nếu mình đọc rõ câu kia ra, thì có ngại đến danh-dự của ông Dục-đức làm vua sắp lên ngôi, cho nên đến câu : « Ông Dục-đức hãy còn trẻ tuổi, mà phóng-đăng vô-đạo, đáng lẽ không lập, nhưng... » thì ông đọc nhỏ tiếng. Câu ấy là câu cốt-tử để ông Thuyết làm việc phế lập, nay đọc nhỏ tiếng đi sao được ? Ông mắng ông Trần Tiễn-Thành khi mạn đình-thần, cho là vào bè với ông Dục-đức, bèn sai ông Nguyễn Trọng-Hợp tuyên đọc tờ di-chiếu ấy to tiếng lên.

Ông Nguyễn Trọng-Hợp đọc xong, ông Thuyết đứng dậy nói rằng : « Như vậy thì không thể lập được ông Dục-đức, mà phải lập ông khác, vì theo trong di-chiếu ông Dục-đức là người phóng-đăng vô-đạo không xứng-đáng làm vua ».

Trong bụng hai ông Thuyết và Tường bấy giờ đã định lập ông Văn-lãng-công tên là Hương-Dật, vì nghe như ông Văn-lãng-công đã có vận-động với hai ông nọ rồi. Vì thế sau khi vua Tự-đức mất, ông Thuyết xoay ra mặt phế-lập ngay, song còn lo triều-thần có ai phản-đối lại chẳng, cho nên ông phải lấy oai hiếp phục. Lúc ấy binh-quyền trong tay ông nắm, thành ra động việc gì ông cũng giơ võ-lực ra. Nội triều, trừ ông Trần Tiễn-Thành và một vài ông nữa, còn thì đều là thủ-túc của ông ; vì sợ khiếp oai võ của ông, nên không ai dám trái ý.

Ngay bữa họp đình-thần để quyết-nghị việc bỏ ông Dục-Đức và tôn ông Văn-lãng-công, ông Tôn-thất Thuyết đem 300 cấm-binh (lính trong cung cấm) ra dàn ở trước triều để thị oai, và dặn chúng rằng : « Nếu ai dám ho-he nói gì, thì cứ xem cái ám-hiệu của ta, bảo làm thế nào thì cứ thế mà làm ». Hễ ông vỗ tay xuống bàn một cái, thì trối lại ; hễ ông vỗ tay xuống bàn một cái rồi giơ tay lên một cái là chém.

Ông làm dữ như thế thì còn ai dám nói ? Từ các cụ đại-thần cho đến các thuộc-quan đều ngồi thủ tay vào bọc, ngậm miệng như hến cả.

Thế mà có một ông quan nhỏ dám nói.

Người ấy là quan Ngự-sử Phan Đình-Phùng.

Lúc ở giữa triều-đình, thấy Tôn-thất Thuyết trở mặt

chuyên-quyền, tính bỏ vua nọ lập vua kia như thế, cụ Phan tức giận, đứng lên toan nói, nhưng các bạn đồng-liêu nhút-nhát của cụ sợ thay cho cụ, nên họ ở phía sau nín áo lại, ra hiệu bảo cụ đừng nói cương-trực mà chết.

Cụ Phan giật mạnh quá, đứt ngang thân áo đại-trào, rồi hăm-hăm nói lớn tiếng với Tôn-thất Thuyết : « Đức tiên-hoàng vừa mới nhắm mắt, mà ngài đã làm việc trái nghịch di-chiếu như thế, thật không còn đạo nghĩa nhân-thần một chút nào. Bây giờ triều-đình tất phải tuân theo di-chiếu mà lập ngài Dục-đức lên ngôi mới được. Huống chi tân quân chưa có lỗi gì, chưa chi đã làm việc phế lập như ngài định làm càn rỡ đó sao cho phải lẽ ? »

Sẵn cơn thịnh-nộ, cụ Phan còn mắng nhiếc Tôn-thất Thuyết nhiều điều nặng-nề nữa.

Tôn-thất Thuyết căm giận tái mặt tím gan, nhưng bề ngoài ông chỉ cười lạt. Giận là thế thường ; cười lạt được như vậy mới thật là hiểm-sâu.

Trong khi cụ Phan đang nói chưa dứt lời, Tôn Thất Thuyết vỗ bàn một cái thật mạnh rồi đưa tay cao lên để ra hiệu. Bọn cấm binh ngó thấy, liền xông vào lôi cụ Phan ra toan chém ngay. Nhưng Thuyết chợt nghĩ lại sao đó không biết, liền ra lệnh cho cấm-binh dẫn cụ Phan giam lại trong ngục để sau sẽ xử. Cả triều đình thấy vậy hoảng-hồn hết vía, còn ai dám hé môi nữa đâu.

Thế rồi Tôn Thất Thuyết lập ngay ông Văn lăng-công lên làm vua, kỷ nguyên Hiệp-hòa. Ngày đó là ngày 30 tháng 7 năm 1883. Còn ông Dục Đức thì Thuyết giam trong ngục tối,

mỗi bữa chỉ cho ăn một nắm cơm, mà không cho uống nước. Rồi mấy ngày sau, Thuyết không cho ăn miếng gì, để ông Dục Đức chết đói trong ngục.

Đến cụ Phan thì sau mười ngày, Thuyết thả ra, nhưng cách-tuột hết chức vị. Cụ chỉ còn nguyên cái danh vị tiến sĩ của mình mà thôi.

Cụ Phan thấy triều-chính lằng-loàn quyền-thần hống-hách, bên ngoài thì cường-địch càng ngày càng tấn tới, thời-thế càng ngày càng đảo-điên, chính là một buổi đời loạn nước nguy, tự nghĩ người nhân-nhân quân tử nếu không làm gì bổ-cứu được thì cũng phải lo giữ mình trong-sạch, khôn-khéo lắm mới khỏi nhơ danh, khỏi bị họa. Bởi vậy, sau khi như miếng mồi được thả ra rồi, cụ nghĩ chốn kinh-thành không thể ở nấn-ná được, vì sợ nửa chừng Tôn-thất Thuyết hối-hận lại bắt giam hay là hại ngầm biết đâu, nên cụ phải mau thoát thân đào nạn. Liên bữa sau giả cố đi chơi, rồi lén lên đường trở về cố-quận, lo cày-cấy năm ba mẫu ruộng ở khoảng Châu-giang-Mặc-lĩnh để di-dưỡng tháng ngày, đợi xem thời cuộc.

Nhưng mà lẽ thường xưa nay, trời sắp muốn giao-phó một việc lớn lao hệ-trọng cho ai, bao giờ trước hết cũng dày-vò hành-hạ người ấy phải đói khát khổ-sở, gặp toàn những bước khốn-đốn, hiểm-nguy, điên đầu rối trí, thật là não-nề chê-chán đã sẽ hay.

Thân-thế cụ Phan ở trong cảnh đó.

Bao nhiêu bước nguy, nổi khổ cụ gặp phải lúc này, hình như ông trời chủ-ý dày-vò đáo để trước khi thời-thế sắp giao

phó một việc khó khăn hệ-trọng cho cụ phải gánh-vác vậy.

Đó là việc sau.

Bây giờ chúng ta hãy nên theo đuổi cho hết công việc rối-loạn trong triều, vì là việc này đối với phong-trào văn-thân do cụ Phan chủ-trương nay mai vẫn có dính-dấp nhân-quả với nhau.

Xong việc phế ông Dục-đức, lập vua Hiệp-hòa rồi, Tôn-thất Thuyết tính ngay đến việc chống-cự binh Pháp. Vì lão tướng đầu tài-năng của lão và binh-lực nước ta lúc bấy giờ có thể làm việc lấp biển vá trời đó được.

Nói cho phải, lúc ấy người đồng-chí của Thuyết ở trong triều cũng đông. Ngoài ra những bậc đại-thần Nguyễn Văn-Tường, võ-tướng như Trần Xuân-Soạn, Ông Ích-Khiêm, Thuyết có trong tay rất nhiều người là bộ-hạ, là phe đảng, là vây cánh, ai nấy đều hăm-hở hiến thân liều mạng chống đỡ non sông. Trái lại duy có một mình ông Trần Tiễn-Thành phản-đối ra mặt, ông nói rằng người Pháp hùng-cường thế kia, thà mình chịu khuất-phục trước đi còn hơn, bày đặt chống cự làm chi thêm hư hại việc nước và chết oan mạng dân một cách vô ích.

Thuyết tức giận đỏ mặt, giữa triều mắng nhiếc Trần Tiễn-Thành là mặt chuột, còn sống ở đời làm chi ?

Hôm sau Thuyết sai hai tay lực-sĩ đến tận nhà riêng của Trần Tiễn Thành ở xóm Đông-ba, nói gạt rằng có chiếu mạng khẩn-cấp ; Trần Tiễn-Thành tưởng thật, vừa ở trên lầu bước xuống bị chém chết tươi.

Chỉ có một cây đình trong con mắt đã nhỏ đi rồi, từ đó Thuyết ở trong triều có thể-lực oai-quyền lấn trên đê dưới, muốn tác oai tác phúc gì cũng tự ý, không phải kiêng-nể ai, cũng không ai can-ngăn được nữa. Người ta nói hồi đó Thuyết oai-nghiêm dữ-dội đến nỗi đêm hôm ở trong thành, nhất là gần quanh bộ Binh là chỗ Thuyết ở, chớ không dám sủa, con nít không dám khóc.

Nếu xét cho công bằng – cố nhiên theo nghĩa tương-đối mà nói – Thuyết cũng là một bậc người có tài chí đương thời, tính rất cương-cường võ-đoán, hễ đã nhất-định làm một việc gì thì cả quyết theo đuổi làm đến cùng, không chịu lui, không chịu khuất, cũng không kể gì là hay dở thành bại. Chính nhiều người Pháp cũng khen ngợi tấm lòng trung-trực của Thuyết. Nếu như sau lúc chống cự rồi thất thế bại binh, Thuyết chịu ra hàng-phục Bảo-hộ, có lẽ cũng được Bảo-hộ trọng đãi, chứ không như Tường đồn xóc hai đầu, vừa bị khinh-bị, vừa bị đi đày kia đâu. Nói cho phải, người Pháp có độ-lượng tử-tế với kẻ cừu-địch mình, ai biết cũng phải cảm-động.

Nhưng Thuyết không có ý chịu khuất-phục lúc nào.

Trước khi đối chiến với người Pháp, Thuyết hãy ra tay giết Đạo.

Ông A. Delvaux là người trong hội Ngoại-quốc Truyền-giáo (Société des Missions Étrangères) tại Paris có thuật đầu-đuôi chuyện Tôn-thất Thuyết giết đạo ở trong một tập báo « Đô-thành hiếu-cổ » (Bullentin des Amis Vieux Huế) hồi năm 1916 như vậy : « Cuối năm 1882, bọn văn-thân vẫn truyền

hịch kín đi các nơi, xúi ngầm nhân-dân khuấy-phá công-việc điều-đình tử-tế của ông đại tá Henri Rivière và khuyên-bảo nhau chớ có tin-tưởng người ta ta cám-dỗ ngon-ngọt, cũng đừng thềm khuấy thân đầu phục ai một cách yếu-hèn. Đám quan-quyền và sỹ-phu nước Nam lúc này cố bưng-bít che-đậy những chỗ súc hèn thua trận của họ đi, mà đổ riệt tội-lỗi cho dân theo đạo đã làm tay trong bán đứng quốc-gia cho người Pháp. Làm gì người Pháp thì họ không làm nổi, bèn xoay ra mặt cừu-thù sát-hại dân Đạo gọi là *quân nội-công của người Pháp*. Trong tờ hịch truyền khắp mọi nơi, có câu này : « họ trừ-khử được quân tả-đạo nội công đó, thì tự-nhiên người Pháp thành ra trơ-trọi, yếu thế, như cua mất càng, không bò không kẹp được nữa ». Lại có tờ hịch khác nói rằng hồi quân Pháp đánh thành Hà-nội chính người theo đạo đã bắt thang cho binh Pháp leo vào thành ».

Một đoạn khác ông A. Delvaux chép :

« Ngày tháng 9 năm 1883, văn-thân ở Huế lại càng làm dữ. Triều-đình nước Nam ngó thấy đất nước ngày càng thất thủ dần mòn, bèn âm-thầm mưu-tính đủ cách để ngăn trở công cuộc chinh-phục của binh Pháp. Chủ mưu chính là Tôn-thất Thuyết, Binh-bộ thượng-thư và Nguyễn văn Tường, Hộ-bộ thượng-thư, hai người này lấy oai-quyền ép buộc tất cả triều-thần phải khuấy phục hai cái định kế của họ như vầy : Trước hết mật dụ văn-thân khắp trong nước hẹn nhau một ngày cùng nổi lên, giết hết giáo-dân, vì họ cho giáo-dân là quân nội-ứng, nhờ đấy binh Pháp mới xâm-chiếm được nước Nam. Sau khi giết hết giáo-dân rồi thì triều-đình rời đi một nơi nào xa-xôi hiểm-trở, có thành-trì kiên-cố, địa-thế quanh

co, để binh Pháp không đánh tới nơi được. Tôn-thất Thuyết đã lựa chọn miền thượng du tỉnh Quảng-trị, một là Cam-lộ, hai là Tân-sở, lấy một chỗ để nay mai dời kinh đô triều-đình lên đóng ở đó. Cái kế-hoạch bàn tính như vậy, quả nhiên về sau Thuyết có thực hành nhiều ít.

« Thuyết và Tường lại sai hai người thủ-hạ thân tín là Hầu Chuyên và Phò-mã Cát đi đạo khắp các làng xã trong hạt Thừa-thiên, chiêu-mộ thêm quân-lính, đặt ra một toán lính mới, gọi là lính *đoạn-kết* có khí-giới hăn hoai và chỉ chuyên có một việc là đi tróc-nã sát-hại những người theo đạo Thiên-chúa. Ngay đầu tháng 9 năm ấy, toán lính mới này chia nhau đi luông-tuồng lục-lạo khắp tỉnh Thừa-thiên, sát hại dân đạo không biết bao nhiêu mà nói ».

Tới một đoạn khác nữa :

« Sáng ngày 29 tháng 11 năm 1883, Thuyết tính sai lính *đoạn-kết* đi tìm giết dân đạo ở chung quanh kinh thành. Hẹn rằng hễ nghe trong thành bắn lên một phát súng thần-công làm hiệu-lệnh, thì lính *đoạn-kết* cứ việc thẳng tay chém giết, từ cố-đạo đến con chiên, chẳng dung thứ ai. Nhưng Tường lo sợ rằng nếu mình làm dữ quá tất nhiên binh Pháp không nhịn, rồi hóa ra đánh nhau thật thì nguy-hiểm cho mình ; bởi vậy Tường khuyên-can Thuyết hãy cố dè-dặt, chớ táo-bạo quá không nên.

« Tuy vậy, mật lệnh truyền đi đã lỡ, thành ra những nhà có đạo ở chung quanh kinh-thành, đã bị đồ-đảng của Thuyết vây bọc sẵn-sàng từ lúc trời chưa hừng sáng. Nhưng sau chờ đợi mãi không nghe hiệu súng thần-công, nên chúng tản-tác

bỏ đi. Còn Hầu-Chuyên thì đã đem lính đi từ chiều hôm trước, ra tay tàn-phá chém giết dân đạo ở các làng phía nam Thừa-thiên rất là thảm khốc.

« Rồi ngày 13 tháng chạp năm 1883, lại có hịch của Văn-thân truyền khắp dân-gian xúi giục người ta nên rèn-đúc khí-giới để trị tội « *những kẻ nội công của binh Pháp* ».

« Họ định qua sang năm 1884, từ mồng hai cho đến mồng 8 tháng giêng, khắp nơi lại hè nhau nổi lên giết đạo một chuyến nữa.

« Nhưng sau triều-đình nước Nam sợ làm tàn-nhẫn quá thì việc giao-thiệp với người Pháp thành ra trắc-trở khó lòng chẳng, cho nên lại vội-vàng hạ lệnh cho các nơi phải thôi đi không được khuấy-nhiều sát hại dân đạo nữa. Tuy vậy mặc lòng, mấy nơi ở xa chưa tiếp được lệnh mới này, văn-thân cứ việc sát hại cố đạo và dân đạo nhiều lắm ».

Cái phong-trào nghịch-thù chống cự người Pháp do Tôn-thất Thuyết xướng khởi và chủ-trương đại-khải như thế.

Nói cho ngay, nước mình từ hồi đang nói đây, các tướng lĩnh Pháp đối với triều-đình nước Nam vốn có chủ tâm lấy chính-sách ôn-hòa để thu-phục lần hồi thông thả, chứ không muốn bức-bách quá bằng binh lực nữa đâu. Việc nước đã đến lúc này rồi, cần có mấy tay ngoại-giao cho giỏi thì có lợi cho nước hơn là có Tôn-thất Thuyết.

Tại Thuyết chủ-trương xúi-giục triều-đình làm những việc khinh-thường hòa-ước và tàn-sát giáo-dân thế kia, gây nên tội nghiệp cho mấy viên gạch Thuận-an bể nát, mà các cụ lớn cụ nhỏ trong triều hoàng vía kinh hồn : một đoàn 5 chiếc tàu

binh Pháp cực chẳng đã phải kéo tới bắn cửa Thuận, diêu vũ dương oai.

Bao nhiêu đồn to lũy lớn ở đây, vừa mới xây thêm có, sửa cũ có, triều-đình tưởng là vững bền vô-địch chẳng dè chỉ trong có hai đêm ngày, đều bị bắn phá đổ nát tan-tành ; nào quân, nào tướng, nào ngựa, nào voi, chết thối ngổn-ngang, chạy thối té đài. Rất đổi có một chiếc tàu trận của nước Pháp tặng cho triều-đình ta hồi nào chỉ để nằm mốc meo ở cửa Thuận, không biết lợi dụng mới thảm !

Triều-đình sợ cuống-quýt với nhau, tính chỉ có một cách lại vòng tay xin hòa, bèn sai Nguyễn-trọng Hiệp và Trần-đình Túc ra tận cửa Thuận, năn-nỉ cầu hòa với Thủy-sư Đô-thống Courbet và ông Harmand. Tướng lĩnh Pháp lại rộng-lượng cho hòa, thế mà Tôn-thất Thuyết chưa chịu biết sức mình, vẫn một mực lòng-quyền, tự đắc.

Giữa lúc trong nước có những việc ngược sát giáo-dân, và ở trước cửa kinh-thành có việc Thuận-an thảm-bại như vậy, triều-đình lại xảy ra một việc nội biến gớm ghê : vua Hiệp-hòa bị Tôn-thất Thuyết giết chết.

Vua Hiệp-hòa tuy ở ngôi vua, nhưng không biết gì đến công việc nhà nước, tối ngày chỉ quanh-quẩn vui thú với mấy ả cung-nữ mỹ-miêu, lại lấy của kho ra xài-phá, sửa sang cung-điện riêng ở Kim-luông. Đang lúc nhà-nước có việc hoạn-nạn nguy-vong tứ phía, dân-gian khổ-sở trăm bề, mà có ông vua ham vui ích-kỷ như thế, cũng là vận số quốc-gia đến lúc bại-vong xui-khiến ra vậy.

Phải biết Tôn-thất Thuyết lập vua Hiệp-hòa lên, chẳng

qua như là tô một pho tượng trong chùa để cho dân có chỗ thắp nhang vái lạy, thế thôi ; còn quyền bính ở trong tay Thuyết và Tường cả. Hai người quyền-thần bảo thế nào thì vua Hiệp-hòa phải nghe thế. Vua chỉ có việc « gặt đầu » mà thôi.

Vua Hiệp-hòa bị đè đầu đè cổ quá sức, cũng có ý tức mình, bèn mưu với bọn cận-thần giết Tường và Thuyết. Ngài cũng khôn lắm, biết hai ông ấy thân mật với nhau, nay nếu trừ được một đi, còn một thì cũng không làm được việc gì và có trừ đi nốt cũng dễ ; mà ngài lại khôn hơn nữa, là muốn mượn tay ông nọ để trừ ông kia. Trước hết ngài muốn làm cho hai ông ấy ngờ vực ghen-ghét lẫn nhau, mới triệu riêng ông Tường vào trong điện mà khen ngợi công lao ngỏ ý rằng nếu chịu giết ông Thuyết đi thì sẽ phong thưởng thế này thế khác. Vô phúc cho ngài, ông Tường không chịu. Ngài mới cầu ông Khâm-sứ đóng ở Huế hồi đó là ông Champeaux. Lại vô phúc cho ngài : ông Tường biết chuyện. Ngài sai người đem mật thư cho ông Champeaux tán-tụng người Pháp, và năn-nỉ ông Champeaux làm thế nào vì ngài mà trừ hai kẻ quyền-thần ấy đi kéo ngài làm vua như vậy cực-khổ lắm. Ông Tường bắt được, giết đưa đi thư, rồi cùng ông Thuyết họp đình-nghị, bắt vua Hiệp-hòa bỏ ngục, rồi ép uống thuốc độc chết. Hôm ấy là ngày 28 tháng 11 năm 1883. Vua Hiệp-hòa làm vua được bốn tháng.

Hai ông tôn người con ông Kiên-thái-vương là Ứng Đồng mới có 14 tuổi lên làm vua, tức là vua Kiến-Phúc.

Sau khi tôn vua Kiến-Phúc lên rồi, ông Thuyết yên tâm ở bề trong, vì thanh-thế ông càng to, trong triều không ai làm

gì được nữa ; bây giờ chỉ có việc giết đạo và tìm cách đánh-đuổi người Pháp. Đối với ông Khâm sứ Pháp tại Huế, Thuyết công-nhiên ra mặt khinh-bĩ và đe giết chết, đến nỗi ông Khâm-sứ sợ, chỉ quanh ở trong giới-hạn nhượng-địa, không dám thò mặt ra đến ngoài.

Tháng 6 năm 1884, quân Pháp đem năm chiếc tàu chiến đến cửa Thuận-an yêu-cầu chiếm Mang-cá (là một chỗ hiểm-yếu trong kinh-thành) chiếu theo điều-ước. Triều đình phải phái hai ông khâm-sai đem phẩm-vật ra cửa Thuận-an khao quân, và xin hẹn trong 12 hôm, sẽ để cho quân Pháp đóng tại Mang-cá.

Hẹn thế nhưng mới có bảy hôm thì vua Kiến-phúc thuận cho 100 lính Pháp – một trăm chứ không được hơn – vào đóng tại Mang-cá, quân Pháp kéo vào đóng ngay.

Vua Kiến-phúc làm việc ấy, ông Thuyết với ông Tường giận lắm, vì hai ông đang sắp đánh người Pháp, mà Mang-cá là chỗ hiểm-yếu trong kinh-thành, có quan-hệ về đường võ-bị nhiều lắm ; nay quân Pháp đến đóng ở đó, không khác gì chẹn giữa cổ mình. Thế rồi vua Kiến-Phúc tự-nhiên chết. Người ta nói rằng chính tay ông Tường giết. Hình như mấy hôm đó vua Kiến-phúc bị cảm, ông Tường vào thỉnh an, tâu là có biết làm thuốc, xin để cho bốc một thang. Thang thuốc ấy tức là thanh kiếm của ông Tường giết vua : vua ngự chén thuốc ấy rồi mất, vì trong có bỏ thuốc độc.

Ngày mồng một tháng 8 năm 1884, hai ông tôn em ruột vua Kiến-phúc là Ứng Lịch lên làm vua, kỷ-nguyên Hàm-nghi.

Nhưng ông Khâm-sứ Pháp thử thời là ông Rheinart không

chịu công nhận. Ông Thuyết sai đóng hết cả cửa thành lại, tỏ ý rằng nhận hay không ông cũng không cần. Sang nửa tháng sau, quân Pháp đến thị-uy đông quá, ông Thuyết phải mở cửa thành để vua Hàm-nghi tiếp-kiến Khâm-sứ Pháp tại điện Cần-chánh. Bản điều-ước hai nước Pháp-Việt ký từ bao lâu, mà chưa thi-hành, thì nay đem ra thi-hành. Cuộc bảo-hộ thành-lập.

V. VUA THUA CHẠY DÀI

HỒI đang nói đây (1884 bước qua 1885), tiếng là người Pháp đã lấy binh-lực chinh-phục được cả Trung-Bắc lưỡng-ky và chiếu theo điều-ước 1884, triều-đình nước Nam phải nhìn-nhận nước Pháp định cuộc bảo-hộ rồi, nhưng mà cuộc bảo-hộ mới thực-hiện về danh-ngĩa thì có, về tinh-thần thì chưa.

Nghĩa là lúc bấy giờ nước Nam chịu mất chủ-quyền, mà phần lớn dân-tâm sĩ-khí đang hăng máu ái quốc, chưa chịu khuất-phục.

Có hai lẽ cốt yếu.

Trước hết, người Nam thuở ấy vẫn chưa nhận biết được những cái thực-lực văn-minh hùng-cường của người Pháp, mặc dầu mình giao-phong ở đâu bại tẩu ở đó, tỉnh kia thành nọ kế tiếp trước sau thất-thủ như cách con tằm lá dâu.

Chắc có độc-giả phải lấy làm lạ, sao vừa mới xa cách tám chục năm trước nào phải lâu gì, chính người Pháp qua đây đóng thuyền đúc súng, khiển tướng điều binh giùm cho vua Gia-long mới thắng nổi Tây-sơn, vậy thì cái thực-lực văn-minh hùng-cường của người Pháp, lẽ nào người Nam không biết cho được ? Song đấy chỉ là một việc quan-hệ riêng với nhà vua, cứu giúp riêng cho nhà vua nọ đang tranh hành với nhà vua kia, thành ra dân chúng đâu có hay biết.

Đến lúc binh Pháp sang chinh-phục, làm cho ta đất tiêu lần mòn, trận thua điên-đảo, mà ta vẫn tưởng lầm và đổ trút những nguyên-nhân ấy tự đâu, chứ chưa biết và chưa chịu rằng người mạnh ta yếu, người hay ta dở, người giỏi ta hèn.

Tới đó và đối với thực-lực của người, sĩ-phu ta một đảng, dân-chúng ta một ngả, vẫn có những quan-niệm coi thường, những cảm-giác xem khinh lạ lắm.

Sĩ-phu thì tự-đắc tự tin về những phép tắc Nghiêu-Thuần Khổng-Mạnh, và học-thuật « Tử-viết Thi-vân », ngoài ra, nhất thiết cái gì khác lạ đều coi là di-địch.

Cứ xem một bài « Biện di luận » của ông Võ Phạm-Khải can vua Tự-đức mưu toan cải-cách, cũng đủ biết tư-tưởng của cả sĩ-phu ta ở đương-thời. Chính bài đó là vua Tự-đức xiêu lòng, không biết nghe lời của chí-sĩ Nguyễn Trường-Tộ tâu xin cải-cách duy-tân để vãn thời cứu quốc. Việc nguy-vong của quốc gia và thực-lực của người Pháp sờ-sờ trước mắt đó rồi, nhưng sĩ-phu vẫn nghĩa mình là hay là giỏi hơn.

Còn dân-chúng càng không thấy thực-lực của người, đến nỗi tưởng rằng cắm cây nhọn dưới sông – làm như kế của Trần Hưng-Đạo đánh quân Nguyên ở Bạch-đăng giang ngày xưa – chắc làm tàu trận Pháp phải thủng đáy mà chìm. Thấy người Pháp cao lớn vạm-vỡ, cho là nặng-nề, chắc họ không biết bơi lội, không thể chạy mau ; thấy đồ của người Pháp dùng để ăn bằng sắt, không phải đĩa bát như mình, thì cho là mường mán ; thấy súng đạn của người Pháp bắn mau như biến mà trúng đầu chết đó thì cho là họ có thuật quỷ phép ma v.v...

Trong khi người mình còn chưa nhìn ra sự thật, chưa chịu sức mình hèn, tự-nhiên cuộc bảo-hộ tuy định rồi mà nhân-tâm sĩ-khí chưa thể trấn-phục được cũng là lẽ thường.

*

Sau nữa, dân-tộc mình tự xưa vốn có cái tinh-thần chiến-đấu tự-tồn, trên con đường lịch-sử đằng đẵng mấy ngàn năm, đã từng bao phen chống Nguyên, cự Minh, biết sự thắng bại. Dầu có lúc bại cũng chiến-đấu tới cùng, không khi nào chịu bồng chốc vòng tay khuất-phục. Cái tinh-thần đó của người Việt-nam chính ông Đại-úy Gosselin và nhiều quan binh khác có dự vào cuộc chinh-phục nước Nam đều thắng ngay nhìn nhận.

Bởi vậy, sau khi triều-đình thúc-thủ vô phương và thừa nhận bảo-hộ rồi, dân-tâm sĩ-khí vẫn chưa chịu hàng-phục. Còn bát gạo nào ở trong kho, viên đạn nào ở nòng súng, người mình còn muốn đem trút ra hết, chùng nào thật là thế cùng sức kiệt sẽ hay.

Thừa có cái nhân-tâm sĩ-khí ấy, văn-thân các tỉnh nổi lên tứ-tung, trong lúc ở kinh-thành Tôn-thất Thuyết hoặc tự biết hay không tự biết là bàn-cờ tất thua, cũng nhất-định đi một nước cờ chót rồi mới chịu để cho người ta chiếu bí.

Đối với người Pháp, như ai nấy đã rõ : bao giờ Tôn-thất Thuyết cũng là người chủ đánh tới cùng, không muốn cho triều-đình ký hòa-ước, không muốn cho quân Pháp vô đóng ở Trấn-bình-đài (tức là Mang cá), không muốn cho nước Pháp đặt cuộc bảo-hộ ở kinh-đô. Nhưng vì tình-thế hồi bấy giờ, triều-đình sợ thua quá, cho nên điều gì cũng chịu nhượng-bộ người Pháp, thế là không hợp với ý muốn của Thuyết chút nào. Phải biết rằng Thuyết không ưa người Pháp ra mặt, không thềm giấu-diểm gì. Tuy thế, người Pháp cũng đem lòng yêu mến quý trọng ông ta là con người có trung, có dũng, cho nên đã cậy người – vì ông thù-ghét đến nỗi không

muốn giáp mặt người Pháp bao giờ – lấy thời-thế, lấy nghĩa-lý, lấy tước-lộc, lấy oai-quyền dụ-dỗ, để cho ông phục theo, nhưng không hề lấy thứ gì khiến ông động lòng đổi ý đi được. Nhất là từ khi binh Pháp chiếm mất Trấn-bình-đài và lập trại đóng quân trong thành, thì cái khí cừu-phẫn huyết-chiến của ông ta càng phừng-phừng bốc lên không thể dẫn được nữa. Ông ta thường nói luôn miệng với kẻ tả hữu : « Phen này ta quyết sống thác với Tây mới được ! »

Trên kia đã nói Trấn-bình-đài là một nơi hiểm-yếu của kinh-thành và rất có quan-hệ về đường võ-bị. Thật thế, chỗ ấy có cái hình thế quanh co hiểm-trở, trên có đồi đồng lẫn áp, dưới có sông nước thông vào, có đủ cả mọi sự cần dùng trong việc thủ thành và dụng võ. Triều-đình ta lập ra chỗ đó để đóng quân, chứa khí-giới, cốt để chống giữ kinh-thành, coi như là cuống họng của kinh-thành vậy. Nay binh Pháp chiếm giữ mất Trấn-bình-đài, tức là chặn mất cuống họng kinh-thành, không còn cựa-quây được nữa. Huống chi Thuyết nghĩ rằng cuộc bảo-hộ nay lại thành-lập, thế là từ đây vua mất quyền, quan mất quyền, dân mất quyền ; hồi nào mình đang ngất-ngưỡng làm chủ-nhân, bây giờ phải xuống làm kẻ tùng-phục, Thuyết lấy làm phẫn-uất khó chịu lắm. Thành ra một hai Thuyết quyết tâm phải chống-cự binh Pháp một phen, thân mình chết cũng bỏ.

Nhưng Thuyết dự-bị một cách chắc-chắn đã, rồi mới khai chiến.

Trước khi định đánh, đã tính sẵn sàng đến bước lui. Ông ta triệu-tập hết các tướng sĩ lại bộ Binh mà nói rằng : « Lúc này quốc-gia mới chính là lúc cần dùng đến trái tim và tay

súng của bọn ta, vậy bọn ta phải cố sức làm sao, họa may có lôi kéo thời-thế lại được, chứ không lẽ chưa chi đã bó tay mà chịu. Coi kìa, cái giường mình nằm thuở nay, người ta xa lạ ở đâu tới leo lên nằm ngủ ngáy khò, làm sao mình chịu được !

»

Thế rồi một mặt ông sai lập sơn-phòng tại Cam lộ (thuộc tỉnh Quảng-trị) đem vàng bạc tiền gạo lên chứa tại đó rất nhiều, phòng sau này đánh có thua thì lấy chỗ đó làm chỗ lui chân. Một mặt ông mở trường tập võ, truyền lệnh cho các vệ, các doanh đều phải ngày đêm luyện-tập siêng-năng, để nay mai nhà nước dùng đến. Lại lo rèn khí-giới, đúc súng-đạn rõ nhiều, sai đào hang đắp ụ ở trong kinh-thành. Tóm lại, nhất thiết cái gì cần dùng quan-hệ cho việc nước dùng binh, Thuyết đều lo dự-bị sẵn-sàng.

Rồi Thuyết cùng Tường bàn tính việc đánh. Tường nói rằng : « Nước ta bao nhiêu năm nay gặp việc binh-đao luôn mãi, ruộng mỗi ngã-nghiêng, dân-gian khổ sở lắm rồi. Ngay năm mới rồi (là năm 1883) binh Pháp đánh phá tan-tành cửa Thuận-an, tâm-khí của quân ta đã nao-núng khiếp sợ lắm. Nay đánh nhau ngay giữa kinh-thành, tuy mình cậy có thành cao hào sâu, nhưng mà súng đạn của người ta ghê-gớm, bắn tới đâu thì ngọc đá đều cháy tan tới đó ; chúng ta bây giờ sinh sự khai-chiến, sợ làm phiền-lụy cho Thánh-thượng, và cực-khổ cho quan quân, tưởng không có ích-lợi gì mà còn có hại nữa ».

Vẫn biết thời-cuộc rối-ren đến như thế, nhưng sao trước kia, việc gì Tường cũng tán-thành cho Thuyết, đến bây giờ nói tới việc đánh thì Tường lại can khéo, tức là có ý lảng ra.

Tuy là hiểu thời thế mặc lòng nhưng cũng bởi nay ý hướng của Tường đã thay-đổi. Trước kia ông thấy trong triều có Thuyết mạnh thì ông theo, nhưng nay nước Pháp đã thành-lập bảo-hộ rồi, thì bảo-hộ mạnh, ông bỏ Thuyết mà theo bảo-hộ. Ông vẫn thậm-thụt ra vào bên tòa Khâm luôn, mục-đích chỉ lo giữ vững cái thân-danh phú-quý của mình thì thôi, nước còn thành còn, ông cũng là Thượng-thư, nay nước mất thành mất, ông cũng vẫn là Thượng-thư, có thiệt thòi chi mà lo nghĩ đến việc khác nữa.

Thuyết nghe Tường khuyên-can, biết là Tường đã biến tâm rồi.

Ông quyết hành-động một mình.

*

Lại còn một nguyên-nhân này khiến cho ông càng mạnh lòng quyết chiến.

Ngày 19 tháng 5 năm Dậu (1885) là giữa năm mất kinh thành, Thủy-sư đô-đốc Pháp là ông De Courcy đem 1500 quân từ Bắc-kỳ vào Huế, cần phải chuyển đệ bức quốc-thư của Chính-phủ bên Pháp gửi sang cho vua nước Nam. Trước khi ông tư giấy qua triều-đình, xin triều-đình phải thiết đại-triều để tiếp-kiến Pháp sứ. Ông rõ biết trong triều-đình bấy giờ, Thuyết và Tường là hai người trọng-yếu, cho nên trước hết ông mời Tường và Thuyết qua bên tòa Khâm-sứ để tương kiến và thương-thuyết việc nước đã. Thuyết nói thác là mình có bệnh không chịu đi, duy có Tường và Phạm Thận-Duật sang, nhưng Đô-đốc De Courcy không chịu, cố đòi cho được Thuyết sang mới nghe. Thuyết sợ mình qua bị trúng kế gì

chăng, nên nhất-định không đi. Đô-đốc De Courcy giận lắm, trong ý muốn có ngày đem quân sang tận bộ Binh để bắt Thuyết. Nghe tin này Thuyết cũng giận, ngày đêm thường lấy đạo quân Phần-nghĩa để phòng thân, và nghĩ bụng rằng nó đã định bắt mình, thì mình đánh nó trước xem sao !

Thuyết bèn nghiêm sức cho các quân dinh phải kiểm-soát quân lính và súng đạn cho sẵn-sàng cần kíp. Lúc ấy Tường và cả đình-thần thấy vậy đều tưởng rằng Thuyết làm thế để phòng thân đấy thôi. Nhưng có biết đâu Thuyết đã chủ-trương quyết chiến.

Bao nhiêu kẻ tù-tội, ông đều tha ra hết, cho ăn chơi mấy ngày, rồi lựa chọn rèn tập thành một đạo quân cảm-tử, cho đi tiên-phong. Đến tối hôm 22 tháng năm, ông mật truyền cho quân ở các vệ, các dinh chia làm hai đạo tấn-công hai nơi.

Một đạo thì sai em ông là Tham-biện Tôn-thất Trắc (ông này nguyên ở sở sơn-phòng tại Cam-lộ, ông mật triệu về) quản lĩnh, ước-hẹn đến nửa đêm thì đem quân qua sông Hương-giang, hội với ông Đô-đốc Thủy-sư để đánh tòa Khâm-sứ.

Một đạo thì ông tự quản lĩnh, hội với Chương-vệ đạo quân Phần-nghĩa là Trần Xuân Soạn để đánh Trấn-bình-đài.

Sắp đặt mưu cơ đâu đó, Thuyết truyền lệnh cho ba quân đến canh hai ăn cơm, canh tư khai chiến. Ông ra hiệu lệnh cho tướng-sĩ như thế này : « Giết cho hết, đừng có để cho thằng nào sống sót nghe ! Vì chúng cả gan chọc tức ta ; có chẳng chỉ để cho một hai đứa sống, để về báo tin cho người

chúng biết rằng ta thắng trận mà thôi ».

Cứ theo nhiều người nói thì cái mưu đánh của Thuyết, quả Tường không dự vô mà cũng không biết chi hết. Nhưng ngẫm-nghĩ cho kỹ, chắc hẳn Tường biết, đã qua mật báo cho tòa Khâm-sứ hay rồi, nếu không thì sao quân Pháp đã biết mà dự-bị trước.

Đến canh tư, ông Thuyết tự dẫn một đạo quân đánh Trấn-bình-đài, tiếng súng đại-bác bắn vang cả kinh thành. Nhân-dân đương ngủ lặng-lẽ, bỗng tiếng súng nổ liên-thanh, làm ai cũng giật mình kinh sợ, náo-động dữ dội. Binh Pháp xuống hầm mà núp, chớ không thém đánh, thỉnh-thoảng chỉ bắn một vài phát súng đại-bác để đáp lại, cốt chờ cho sáng mới đánh. Vì lúc ấy còn đêm khuya, quân Pháp không biết quân Nam ở chỗ nào, thật số bao nhiêu và lại cũng chưa mấy thuộc đường đất, thành ra đánh ban đêm không tiện. Có người biết vậy, đến hiến kế với Thuyết làm sao xe được mấy khẩu súng đại-bác, lén đem tới chỗ quân Pháp đang núp ẩn mà bắn xả vào, thì giết chết được ráo. Nhưng Thuyết lại sợ là kẻ đồng mưu phản quốc, định dụ cho quân mình vào chỗ mai-phục sao đó, nên chi không nghe. Thuyết cứ việc hô quân bắn mãi. Quân ta bắn hoài, bắn hủy, mà không nghe quân Pháp động tĩnh gì, thì tưởng đại-dột rằng quân Pháp ở Trấn-bình-đài chết cả rồi, cho nên Thuyết vội vàng sai Chưởng-vệ Trần Xuân-Soạn báo tin vào trong cung rằng : quân Pháp ở Trấn-bình-đài đã bị quân ta giết hết, thỉnh thoảng nghe có đôi ba tiếng súng đại-bác, ấy là súng của tàu Pháp đóng ngoài thành bắn vào thị-oai đó thôi.

Một mặt Thuyết lại sai vắn súng đại-bác lên mặt thành,

nhắm tòa Khâm-sứ mà bắn thẳng sang, làm hư hại mất nhiều chỗ. Còn đạo quân của Tôn-thất Trắc cũng bắn phá ở xung-quanh tòa sứ rất là dữ-dội.

Quân ta bắn cố mãi, đến nỗi kho thuốc súng tại Trương-định gần hết, Thuyết bèn sai quân chạy về báo Tường hay, Tường trả lời rằng : « Tao có biết thuốc đạn ở đâu, hay ra nói với quan Tường ở vườn Hậu-bô (tức là Thuyết, khi đó đang đốc quân ở vườn Hậu-bô), để ông ấy liệu sao thì liệu... »

Còn bao nhiêu thuốc đạn, Thuyết vẫn cứ hô quân bắn vào Trấn-bình-đài, bắn sang tòa Khâm-sứ mãi. Quân Pháp vẫn im lặng, không động tĩnh gì cả. Mãi đến tảng-sáng, quân ta hết sạch đạn rồi, không còn gì mà bắn nữa. Bấy giờ quân Pháp ở Trấn-bình-đài và bên kia sông mới khởi thế phản công. Bao nhiêu súng đại-bác ở trên đài, và ở tàu chiến đậu ngoài sông, đều chĩa mũi vào trong thành mà bắn : đạn bay như mưa rào, tiếng vang như sấm dậy. Thôi thì nhà cửa đổ tan, quân dân bị đạn chết ngổn-ngang, trong thành đầy tiếng kêu trời, tiếng khóc lóc...

Quân Pháp ở dưới thủy, lại kéo lên bộ, đánh sâu mãi vào, làm cho hai đạo quân của ta trong ngoài đều bị đánh cả, thành ra tán-loạn, mạnh ai lấy tìm đường chạy thoát thân, chen lấn xô đạp lẫn nhau mà chết thêm một mớ nữa.

Sáng hôm ấy (24 annam), vào khoảng 9 giờ, Tường biết tất nhiên Thuyết bại trận rồi, vội vàng chạy vào trong cung tâu việc nguy cấp, xin vua Hàm-nghi và Tam-cung mau mau xuất thành, chạy lên Khiêm-lăng để tạm lánh. Tin này làm chấn động trong cung, vì ai cũng tưởng – theo lời Thuyết báo

tiếp hồi khuya – Trấn-bình-đài đã khôi phục và tây ở tòa Khâm, bên kia Hương-giang, đã bị quân ta tàn sát rồi mà. Trên từ mấy bà Thái-hậu và Hoàng-đế, dưới các thị-vệ cung-nhân, bỗng dựng nổi lên trận mưa nước mắt, tiếng khóc vang động nội cung. Nhiều người vừa gào khóc, vừa mắng chửi Thuyết hại nước báo đời. Ai nấy quơ gói hành-trang không kịp. Trong lúc quá ư nguy-cấp vội-vàng, đức Hàm-nghi chỉ kịp đem theo ấn Quốc-bảo và một ít vàng bạc tùy thân. Ông Hữu-quân Đô-thống Hồ Hiến phò xa giá ra cửa tây nam chạy lên phía tây do ngã Kim-luông.

May quá, xa giá vừa chạy ra khỏi thành được một lát, thì binh Pháp từ Trấn-bình-đài và bên tòa Khâm tiến vào đến nơi. Nghe mấy ông già bà cả mục-kích cái cảnh thành phá quốc-vong, nay còn sống sót, thuật chuyện rằng sáng hôm ấy chính một người đàn-bà Pháp, vợ một thiếu-úy, cỡi ngựa cầm đầu một toán lính á-rập, xông pha lửa đạn mà tiến vào thành trước hết, leo lên kỳ-đài (cột cờ) ta, hạ cờ đuôi nheo xuống, kéo cờ tam sắc lên. (Hồi này bên Pháp quân-chủ đã đổ, Đệ-tam Cộng-hòa đã thành-lập rồi).

Chừng quan-lại nhân-dân trong thành ngó lên kỳ đài thấy hiệu cờ tây bay phất-phới, tự-nhiên biết là quân mình thua, thành mình vỡ rồi, ai nấy kinh-hoàng thất sắc, thôi thì kẻ gào người réo, lưng cồng tay bông, kéo nhau đào nạn, ào-ào như nước chảy. Chỉ chen lẫn dày đạp lẫn nhau mà chết thiếu gì.

Bấy giờ quân Pháp kéo vào trong thành, sẵn đang hăng máu, tha hồ chém giết, đốt phá tứ tung. Trước hết đốt tiêu bộ Lại của Tường, bộ Binh của Thuyết ; rồi tới các dinh trại, các kho lương-thực, kho thuốc súng, khói lửa bay lên nghi-

ngút lưng trời, hai ngày hai đêm chữa tất.

Sau khi hoàn toàn chiếm lĩnh được kinh-thành rồi, người Pháp phân binh nghiêm giữ cung điện và các cửa thành, rồi bằng bó cứu chữa cho những quân-sĩ nhân-dân bị thương-tích, bố thí tiền gạo cho những người còn sống sót ở trong thành, dùng nhân-công ấy sửa sang lại các chỗ tàn phá và chôn cất tử-thi. Nhân dịp này, nhiều anh bắt được vàng bạc châu báu chôn giấu trong nhà người ta mà trở nên giàu có lớn. Có kẻ mượn thể cố đạo đi đâu cũng lọt, rồi lỏn vào tới trong cung cấm mà rinh cả những mâm vàng chén ngọc ra nữa. Những đồ quý, vật lạ trong cung truyền lại bao nhiêu đời, lúc này bị thất lạc tiêu tán đi nhiều lắm.

Tôi nhớ có bài về thất-thủ kinh-thành tả rõ công chuyện nghe rất ai-oán não-nùng, đến nỗi mười mấy năm trước đây nhà đương-cuộc phải cấm hát ngoài đường. Vì có một anh chàng đui làm nghề hát dạo, mỗi khi ngồi đâu cất tiếng hát về này thiên-hạ tựu lại rất đông ; nhất là tiếng hát não-nùng quá, khiến cho người ta cảm-động đầy gan, âm-thầm gạt lụy.

Từ năm Ất-dậu thất thủ kinh-thành trở đi, hàng năm cứ đến ba ngày 22, 23, và 24 tháng 5 ta, đã thành ra tục lệ, nhà nào ở trong thành cũng bày nhang đèn trầu rượu, giấy tiền, vàng bạc ra trước cửa để cúng vái cô-hồn những quân-sĩ trận-vong, nhân-dân tử-nạn lúc đó.

*

Chúng ta đã hơi đi xa câu chuyện cốt-yếu rồi, giờ nên trở lại.

Nói về Nguyễn Văn-Tường hồi ấy cũng theo phò xa-giá

Tam-cung và Hoàng-thượng chạy ra cửa tây nam, quân-sĩ đi theo hộ-vệ chỉ có độ một trăm người. Quần-thần chỉ có năm bảy ông biết tin theo kịp mà thôi. Duy có Hoàng-thượng và Tam-cung ngồi vống lính khiêng chạy tất-tả, còn bao nhiêu người tùy-tùng đều chạy bộ theo. Rất đổi các công chúa, cung nhân, đầu tóc rũ rượi, cằm không mang giầy, vừa chạy theo xa-giá vừa khóc rưng rức, tình cảnh rất là đau thương.

Khi qua đò Kê-vạn rồi lên đến Kim-luông, Tường định phò xa-giá tạm dừng lại trong nhà thờ đạo Thiên-chúa tại đó. Chắc trong ý Tường muốn lén báo tin cho quân tây biết, để mời xa-giá trở về cung, vì nước dầu mất còn cũng thế, không lẽ để một ngày nào không vua. Nhưng ông Hữu-quân Đô-thống Hồ Hiến thấy rõ ý Tường muốn mãi chúa cầu vinh, liền rút gươm ra toan chém bay đầu Tường. May phúc, Tường sợ chạy tuột vào giáo-đường trốn biệt không dám ra nữa. Ngoài này, Hữu-quân Hồ Hiến sợ chậm-trễ thì Tường kịp báo tin tây biết, nên ông lật đặt phò-hộ xa-giá chạy về ngả trường thi ở làng La-chử.

Thuyết thua chạy, cùng với Trần Xuân-Soạn đuổi kịp xa-giá ở đây. Thế là bấy giờ bấy tôi tòng vong quanh-quẩn chỉ có mấy người là, Đại-tướng Tôn-thất Thuyết, Chương-vệ Trần Xuân-Soạn, Tham-biện Tôn-thất Trắc, Hiệp-biện Phạm Thận-Duyệt, Tham-tri Trương-văn-Đề và một trăm tên lính theo hầu xa-giá. Mãi đến trưa, xa-giá mới tới làng Văn-Xá, rồi nội chiều hôm ấy ra tới Quảng-trị, đóng tại hành-cung.

*

Tường chạy vào nhà thờ Kim-luông, cầu-khẩn ông Giám-

mục Caspar đem mình ra hàng với Đô-đốc Courcy, khi ấy là viên thống-tướng các đạo quân Pháp đánh hạ kinh-thành ta. Đô-đốc Courcy ưng cho Tường hàng-phục để cho người thay mặt triều-đình nước Nam mà giao-thiệp, kéo lúc ấy vua tôi chạy rảo trong triều không còn ai.

Qua hôm sau, hai bên mở cuộc hòa-nghị, lại cứ chiều theo điều-ước đã ký mà thi-hành. Nghĩa là nước Nam phải phục nước Pháp bảo-hộ. Rồi đó, Tường sai ông Thị-lang Phạm Hữu-Dụng ra hành tại Quảng trị tâu vua Hàm-nghi về việc hòa nghị và xin vua trở về kinh-đô nhưng Thuyết cản-ngăn, không cho vua về. Tường xin Đô-đốc Courcy khoan hạn cho mình trong hai tháng thì mời vua trở về được. Rồi thì lão làm tờ hịch, truyền đi khắp nơi, kể công-đức của người Pháp, và khuyên dân đừng có bạo-động phản-đối nữa. Sau hai tháng trời, Đô đốc Courcy thấy vua Hàm-nghi càng đi xa, vẫn-thân vẫn bạo-động và biết rõ Tường là người phản-trắc-gian-tà, làm hại hết bên này, lại làm hại bên khác, ông bèn nổi giận, kết án Tường khổ sai chín năm, và tức thời đày qua đảo Tahiti. Mấy tháng sau Tường chết tại đó ⁴. Cho hay những kẻ làm tội phản-phúc dẫu ở dân-tộc quốc-gia nào người ta cũng không dung. Nhất là người Pháp có tính ngay thẳng ưa mấy người nghịch-thù đối mặt với mình, còn kẻ luồn cúi sau lưng, thì khinh-ghét lắm.

*

Vua Hàm-nghi vẫn chạy dài.

Cái tin thành mất vua chạy truyền ra đến các tỉnh làm cho lòng người rất náo-động. Tỉnh Bình-định đang độ khoa

thi, học-trò nghe tin ấy phá trường mà ra, để tỏ lòng căm phẫn. Từ Quảng-nam vào mãi tới Phú-yên, quân lính hiệp với văn-thân nghĩa-sĩ nổi lên đuổi cả quan lại triều-đình đi, tự xưng là vâng theo dân-ý, rồi kéo nhau đốt phá các nhà có đạo rất dữ dội. Còn từ Quảng-trị trở ra cho đến Nghệ-Tĩnh và Thanh-Hóa cũng vậy. Tóm lại, phong-trào công-phẫn hồi ấy như là lửa cháy dầu sôi vậy.

Ngày 27, vua Hàm-nghi chạy lên tới Sơn-phòng tỉnh Quảng-trị (tức là Sơn-phòng Cam-lộ mà Tôn-thất Thuyết đã lập sẵn khi trước) hạ chiếu cần-vương⁵ đi các nơi, nhân tâm cảm-động, thương xót lắm ; suốt một giải Trung-kỳ cho mãi đến ngoài Bắc, văn-thân ứng nghĩa có, giặc cướp thừa cơ có, nhao-nhao nổi lên, thành ra cả nước rối-loạn hết sức, chỉ duy có một hạt Thừa-thiên là được yên-ổn mà thôi, vì nhờ có binh Pháp giữ được trị-an.

Bước qua đầu tháng sáu, ngài vẫn ở Sơn-phòng Cam-lộ còn Tam-cung thì vẫn lưu tại hành-cung⁶ ở tỉnh thành Quảng-trị, không theo lên Cam-lộ. Lúc ấy việc nước không có người chủ-trương ; triều-thần mời Tam-cung về, Tam-cung trở về Huế ; ngày ấy là hôm mồng hai tháng sáu.

Người Pháp thấy vua Hàm-nghi lánh mặt chạy dài như vậy, sợ khó trấn-định được lòng người, cho nên phái quân đi truy-nã riết. Thời thế hồi đó đã thay đổi hẳn rồi, tuy những người trung-nghĩa nặng lòng thương vua mến nước còn nhiều, song những kẻ biết tùy thời để mưu cuộc phú-quý công-danh cũng không phải ít. Thành ra tung-tích vua Hàm-nghi chạy trốn tới đâu người Pháp đều biết tin-tức hết thấy ;

ngài chạy phía trước, binh-lính bảo-hộ theo dấu truy-tầm phía sau, rất là khẩn-bức. Tôn-thất Thuyết phải đem vua chạy tuột lên Bảo-đài là chỗ giáp giới tỉnh Quảng-bình để trốn. Nhưng nghe quân Pháp càng truy-nã riết, tới ngày 11 tháng sáu, ngài lại phải trở về đóng ở Sơn-phòng Cam-lộ nữa. Nhưng ở đây liệu bề không yên thân được lâu nên cách mấy hôm sau ngài cùng các tướng-sĩ tòng vong ⁷ trèo qua Mai-lĩnh lên Lao-bảo rồi xuyên đường rừng núi hiểm-hóc mà tới Hàm-thao về phía bắc Khung-giang. Từ đấy về Sơn-phòng tỉnh Hà-tĩnh chỉ cách có bảy ngày đường, thế là vua Hàm-nghi chạy nạn càng ngày càng xa kinh-đô rồi vậy. Đất mình, nước mình mà vua Hàm-nghi mười mấy ngày nay chưa có chỗ nào đặt chân cho vững. Ngài tới Hàm-thao là cốt hạ chiếu cho văn-thân tỉnh Hà-tĩnh ra tiếp-giá tại Sơn-phòng và định lấy chỗ ấy làm căn-cứ, để lo việc khôi phục. Nhưng chưa kịp tới Sơn-phòng Hà-tĩnh thì lại nghe tin đồn quân Pháp đuổi theo sắp đến, thành ra Thuyết lại lật-đật đem ngài chạy đi chỗ khác.

Thật là « vua thua chạy dài ». ⁸

VI. THỜI THỂ TẠO ANH HÙNG

THẬT THỂ, cụ Phan Đình-Phùng là một bậc anh-hùng do thời thế tạo nên.

Nếu hồi bấy giờ, cuộc đời chẳng đổi, người Pháp không đến, cứ để cho con cháu Hồng-Bàng làm chủ non sông Nam-Việt thì thiên cổ ai biết Phan Đình-Phùng ?

Nếu hồi bấy giờ, trong triều không xảy ra những việc Thuyết và Tường chuyên-quyền sinh-sự, giết vua nọ, lập vua kia, mà cụ Phan không có dịp nói, thì bất quá từ chức Ngự-sử, khéo lắm mười mấy năm sau lên đến Thượng-thư là cùng, rồi già về hưu, cất nhà tậu ruộng, uống rượu ngâm thơ, lại lo gây dựng cho mấy cậu ấm, rồi cùng với cỏ rác cùng nát, thì thiên cổ ai còn nói đến Phan Đình-Phùng ?

Nếu hồi bấy giờ, Nam-kỳ chưa mất, Bắc-kỳ chưa tan, mà Thuyết Tường không tàn-bạo chém giết kẻ có đạo, và không kình-địch người Pháp, tất nhiên thành chưa mau tan, nước chưa mau mất, mà vua Hàm-nghi cũng không việc gì phải chạy, vậy thì thiên-cổ làm gì cần có Phan Đình-Phùng ?

Lại nếu như hồi bấy giờ, mà dân-khí kém hèn, lòng người sợ hãi, đến nỗi bóng cờ tiếng súng của nước Pháp văn-minh hùng-cường bay đến chỗ nào, ai nấy đều cúi sát mặt đất cả, thì thiên-cổ làm gì biết được Phan Đình-Phùng ?

Nhưng mà thời-thế cốt đào-tạo cụ Phan trở nên một người anh-hùng, cho nên ở vào hoàn-cảnh nào, từ sinh ra đời cho đến lúc ra làm quan, lúc về làm ruộng ở nhà, toàn là những cơ-hội xui-khiến cụ phải ra để làm một việc của nhân-

tâm thời-thể trao cho.

Đến đây, thời-thể sắp phiên cụ tới nơi rồi.

Khi vua Hàm-nghi tới Hàm-thao, định từ đây đi lên Sơn-phòng Hà-tĩnh nên mới hạ chiếu cho bọn văn-thần Hà-tĩnh tiếp giá, nhưng nghe quân Pháp đuổi gần tới nơi, Tôn-thất Thuyết phải lật đật đem ngài lánh đi chỗ khác.

Nay đây mai đó, mãi tới tháng 10, ngài mới lui về đến miền thượng-du tỉnh Quảng-Bình.

Năm ấy ngài mới có 15 tuổi, đối với thời-cuộc cũng chưa có cảm-giác gì mấy ; chỉ biết nhà tan nước mất là thương, thân mình giải gió dầm sương, bơ-vơ lưu-lạc là khổ, chứ không biết chủ-trương ứng-phó với cảnh-ngộ ra sao. Cho nên bị đuổi rất nguy, mà nên chạy đi đâu, nên làm thế nào, nhất-thiết ngài đều theo Thuyết chủ-trương ; ngài chỉ như một chiếc thuyền con lênh-đênh trên mặt sóng, mà Thuyết là người cầm chèo bẻ lái vậy.

Sự thế đến cùng rồi, Thuyết nghĩ bây giờ chỉ còn trông cậy có dân, nghĩa là muốn lấy dân-khí dân-tâm chống với tàu bèn súng lớn ; ấy tức là cái khí-giới cuối cùng của Thuyết định chống với người Pháp. Nhưng mà dân lúc đó, khác nào như lá rụng ở trong rừng ban đêm, tất phải ai có sức thu-thập lại cho thành đồng, thì mới chụm lửa mà đốt lên cho sáng được. Ông bèn nghĩ ngay đến người mà hồi xưa ở trong triều mắng ông mà ông đã định chém, là : Phan Đình-Phùng.

Tôn-thất Thuyết có thể gọi là một bậc người « ở đời trị thì làm năng-thần⁹, ở đời loạn thì làm gian-hùng » được. Xem như việc đối với Phan Đình Phùng thì đủ biết. Lúc còn quyền

cao chức trọng ở trong triều, ông làm việc gì sai lầm, ai dám bẻ-bác ông, ông chẳng giết ; ông bỏ tù một viên Án-sát ở ngoài Bắc là Tôn-thất Bá, vì ông này dám nói là thế-lực của người Pháp 8 phần thì mình chỉ có 2, làm sao chống nổi ; ông giết cả một viên quan ở bộ Binh là ông Chuyên vì ông này đi đâu cũng nói bô bô rằng : « Khiêm hùng, Thuyết ngu » ¹⁰ ; ông giết đến cả ông thượng-thư Trần Tiễn-Thành, vì ông này ngăn-cản không cho ông chống cự với người Pháp. Ấy là kể những người có thế-lực to và danh-vọng lớn cả, mà Thuyết còn không tha ; hễ ai phạm đến Thuyết thì tất mất mạng. Cụ Phan Đình-Phùng hồi ấy, ngôi bất quá Ngự-sử, lại không có bè đảng gì to, khiến cho Thuyết đủ sợ, thì Thuyết muốn giết lúc nào chẳng xong. Thế mà vì việc giết vua nọ, bỏ vua kia, cụ Phan mắng Thuyết giữa triều-đình là kẻ phản-thần mà Thuyết không giết, chỉ cách-chức đuổi về thôi, ý hằn Thuyết có chủ kiến sao đó. Giết vua là việc nhỏ, là việc ở triều, hay ở trong nhà ông (vì ông là người hoàng-tộc), còn cứu quốc là việc lớn, là việc của cả dân cả nước ; ông khinh việc nhà mà trọng việc nước, cho nên ai như cụ Phan Đình-Phùng bảo ông giết vua là bậy, thì ông tha, còn ai như mấy ông trên kia, bảo ông đừng chống với binh Pháp, thì ông giận lắm, tất là ông giết. Ông biết rằng : cụ Phan Đình-Phùng chỉ có cái tư-tưởng giết vua là khác ông, nhưng còn có cái tư-tưởng khác, thì thật là ám-hợp với ông, ấy là tư-tưởng chống với người Pháp tới cùng, dầu tự biết sức mình thua cũng vậy. Ông không giết một người bạn đồng-chí, chắc hẳn biết trước rằng thời-thế sau này sẽ cần dùng đến người như thế.

Còn cụ Phan cũng biết rằng Thuyết đối với mình có chỗ

dụng tâm sâu-sắc là thế nào, cho nên dầu bị cách chức mà không oán ; đối với việc triều-đình, Thuyết đã làm ngang-tàng quá thì cụ khinh, nhưng đối với việc cứu nước của Thuyết tính làm thì cụ vẫn trọng. Sau khi cụ về nhà-quê làm ruộng được ít lâu, Thuyết đem ngay một cái trách-nhiệm nặng-nề trao cho, là cử cụ làm Tham-biện Sơn-phòng tỉnh Hà-tĩnh, tức là bảo cụ dự-bị sẵn-sàng để chống-cự binh Pháp nay mai ; một chỗ đó biết Thuyết và cụ là bạn tri-kỷ vậy.

Hồi cụ làm tham-biện Sơn-phòng Hà-tĩnh là năm Thân (1884). Đến tháng chạp năm ấy, bà cụ thân-sinh mất cụ xin nghỉ về để cư-tang. Thế nhưng mắt cụ để luôn đến thời cuộc ; mấy tỉnh ở ngoài Bắc-kỳ mất, cụ biết ; quân Pháp chiếm Mang-cá, cụ biết ; cửa Thuận-an mất, cụ biết ; kinh-thành thất thủ, vua Hàm-nghi chạy, cụ biết. Bấy nhiêu cái tin thảm-thiết đến nơi, làm cho cụ bồn-chồn, bảo với tả hữu rằng :

Thời-thế không cho ta ngồi yên đây !

Vào khoảng tháng sáu tháng bảy năm Dậu (1885) cụ nghe tin vua Hàm-nghi chạy ra tới miền thượng-du tỉnh Quảng-bình, liền phái một ông cử ở trong làng là Phan Cát-Su đi lên miền thượng-du tỉnh Hà-tĩnh để đón, dặn rằng khi nào xa-giá tới nơi thì kíp về báo tin cho biết. Đến ngày tháng 10 vua Hàm-nghi đến nơi, cụ cùng các ông bạn đồng-chí là Phan Quang-Cự, Phan Khắc-Hòa, Hoàng Xuân-Phong, Ngụy Khắc-Kiều, Phan Trọng-Mưu tới hành-tại bái yết, khóc mà tâm rầu : « Để cho thành tan nước mất Thánh-thượng mông-trần ¹¹ là tội ở lũ thần-hạ. Xin thánh-thượng yên lòng, lũ thần hạ nguyện hết sức cần-vương cứu quốc, dầu chết cũng không

từ, miễn để Thánh-thượng sớm được hồi cung ».

Vua Hàm-nghi phong cho cụ làm Tán-lý Quân-vụ, thống-tướng các đạo Nghĩa-binh. Cụ tạ ơn lui ra, cùng với ông Thuyết bàn đại-sự nhà-nước.

Ông Thuyết hỏi đến kế-sách tiến-hành, cụ nói rằng :

« Không nói thì chắc tướng-quân cũng biết, thời-cuộc bây giờ khó-khăn lắm rồi, vì trong thời-cuộc này tướng-quân đã trải lắm. Xứ Nam-kỳ là chân tay của nước nhà, nhân-tâm đã khá, tiền-của lại nhiều, nếu chân tay mất thì thân-thể không tựa-quây được nữa. Từ ngày sáu tỉnh trong Nam-kỳ mất, thực lực của nước mình tổn-hại lắm rồi, tôi đã biết rằng việc đời, đành để cho nó lẩn tới hoài, không thể nào cưỡng nổi. Trước sau gì thì từ Khánh-hòa trở ra Bắc, người tây cũng lấy cả, nhưng nếu trước kia ta đừng thất sách mà giết hại bọn giáo dân và đừng ngăn-trở họ về việc thông-thương để làm cái cớ gây hờn cho họ, thì họ chưa lấy cớ đâu dùng binh mà bức-bách ta nguy-vong sớm đến thế. Ta nhân thời giờ đó, có thể tự-tĩnh tự-cường được, đâu có đến nỗi mất Bắc-kỳ rồi mất đến cả kinh-thành.

« Đến bây giờ, khắp trong nước đâu cũng có gót chân người tây, họ kéo đi đâu như gió lướt ở trên cỏ mọc ở dưới, làm cho người phần thì sợ hãi, phần thì chán-nản đã lắm. Lại thêm những đứa tiểu-nhân, dựa theo thế ngoài để ăn-hiếp anh em cùng giống, khiến cho bọn dân vô-cố chạy không có đường, kêu không có ngõ, thật là cực-khổ. Phương chi trong nước bị nạn binh-cách bao nhiêu năm nay, kho-tàng sạch không, mùa-màng mất mãi, quân-lính bị thương vẫn chưa

lành, khí-giới không được lấy khẩu súng tốt, nếu có bao nhiêu người chí-sĩ đi nữa, nhưng quân-lương lấy vào đâu, quân khí lấy vào đâu, hòng chống lại cường địch cho được ? Tình-thế ấy đủ chứng-tỏ cho tướng-quân hiểu rằng thời-cuộc nước ta bây giờ khó-khăn tới đâu. Nhưng ta may được một thứ khí-giới còn mạnh, ấy là lòng người. Lòng người dầu sao cũng vẫn còn trông-cậy được. Tôi nay mà nhận cái trách nhiệm nặng-nhọc này, là trông vào lòng người thôi.

« Lòng người đã đành là một võ-khí mạnh rồi, nhưng nếu người ta cứ đưa súng bèn đạn tốt ra mà bắn mãi vào đầu mình thì mình lấy gì chống-đỡ. Thế tất mình cũng phải có khí-giới. Đồ súng-đạn của ta làm sao địch lại được họ ? Muốn địch lại được họ, tất cũng phải có một thứ súng đạn ngang với họ mới được. Nhưng hiện nay trong nước mình vật-liệu không có, người làm chưa có, thì phải trù-biện ở ngoại-quốc về. Đã trù-biện khí-giới, lại phải cầu-cứu cả viện-binh nữa. Nhưng nước cứu-viện cho mình không phải là nước Tàu, vì nước Tàu đang lo việc nhà họ cũng rối-bét chưa xong, ta không thể tin-cậy được. Cứ theo ý tôi xem ra, thì tất phải nước Xiêm. Tôi cũng không tin là nước Xiêm có thể địch nổi với tây để cứu mình, nhưng mà nhờ họ mua khí-giới và cho mượn binh, thì cũng giúp cho mình có được thanh-thế. Vả chẳng nước họ đối với mình là một nước sui-gia ¹² thì họa may họ còn lấy chân-tình mà giúp ta chẳng ? Còn tôi, thì rồi đây tôi cũng phải ra ngoài Bắc một lúc để hiệu-triệu cho bọn chí-sĩ ngoài ấy hưởng-ứng, vậy mới gây-dựng được thế-lực to, và may ra mới thành-công lớn được.

« Muốn làm một việc lớn như thế này, phải có thiên-thời,

phải có địa-lợi, phải có nhân-hòa. Đất Hà-tĩnh tiếng có núi cao rừng sâu, nhưng không phải có địa-lợi, vì bề ngoài không ra được biển mà bề trong thì là vào rừng, vào rừng là đường chết, nếu sau này bị bốn mặt bọc vây, ở giữa tuyệt lương thì nguy lắm. Song việc đó tôi đã tính rồi. Duy được có nhân-hòa là quý hơn cả, tôi dám làm đại-sự là chỉ trông-cậy vào đó mà thôi, còn thiên-thời thì tôi không dám nói đến ».

Thuyết nghe cụ rất lấy làm kính phục, vỗ vai cụ mà nói : « Thiên-thời thì ai dám chắc. Song ngài cứ vì nước hết sức, việc cầu-viện rồi có tôi lo ».

*

Cụ phụng-mệnh trở về, liền phát tờ hịch đi khắp các nơi, kéo cờ khởi-nghĩa ngay ở làng cụ là làng Đông-thái.

Trong hịch-văn, đại-ý nói cụ phụng-mệnh vua cử nghĩa-binh để chống với cường-địch, cứu lại quốc-gia, song việc đó là việc chung của mọi người làm dân, tự mình cụ không gánh-vác nổi, vậy xin những bậc anh-hùng chí-sĩ, ở trong bốn biển chín châu, cùng ra tài ra sức cứu nước mới được v.v...

Lời hịch-văn đơn-sơ mà thống-thiết, khiến cho ai xem cũng phải động mỗi thương-tâm, coi hình như là tờ hịch của ông Lạc tân-vương ở đời nhà Đường ngày xưa đánh bà Võ-hậu vậy. Nhân thế mà chỉ trong có một tuần, nghĩa-sĩ ở các nơi hưởng-ứng theo cụ có đến năm sáu ngàn người, đều thề hết sức theo cụ chỉ-huy, liều mình vì vua vì nước.

Cụ bèn lấy ngay nhà cụ ở làm « nghĩa-sĩ-đường » tụ-hợp nghĩa-quân, làm lễ tuyên-thệ, rồi chia binh ra từng đồn-trại

đóng khắp trong tổng Việt-yên. Đồn trại nào cũng đều có kỷ-luật, và có quân thám-tử hẩn-hoi, cách sắp-đặt điều-khiển rất là nghiêm-minh. Nơi địa-đầu làng Đông-thái lập ra một cái xưởng lớn để đúc súng và chế thuốc đạn – theo lối của ta – và rèn gươm đao nữa. Trong xưởng này bao giờ cũng một trăm người thợ làm việc suốt đêm ngày, để mau có đủ khí-giới cho quân dùng.

Một vùng chỗ đó, trước kia có cái quang-cảnh cũng như mọi chỗ khác, nghĩa là ban ngày trông thì làng xóm bao la, ruộng lúa, bờ tre man-mác, kẻ đi chợ-búa, người việc cày cấy ; đến đêm thì bốn bề đen tối, tịch-mịch một màu, bất quá thỉnh-thoảng nghe có tiếng chó sủa cầm canh, gà đưa gáy sáng mà thôi. Thế mà nay đổi ra hẩn một cái cảnh khác : cờ quạt rợp trời, chiêng trống dậy đất, gươm đao sáng quắc, đèn đuốc thâu đêm ; người ta trông thấy hình như ai cũng nô-nức tấm lòng, cho đến ngọn cỏ cành cây, hình như cũng nhấp-nháy muốn động cả. Nhiều ông già, bà cả được mục-kích hồi ấy, thuật lại rằng : Vui nhất là trông thấy cái quang-cảnh những người nghe cộ khởi nghĩa-binh mừng-rỡ múa hát, nào kẻ thì dắt trâu gánh gạo đến để khao quân, nào kẻ thì nách thước tay đao đến để vào ngũ, làm cho đường-sá đi lại tấp-nập ngày đêm, biến hẩn quang-cảnh nhà quê ử-rũ vắng-vẻ kia, trở nên một nơi hùng-tráng vô cùng, khí-phách vô cùng !...

Lúc bấy giờ, anh-hùng chí-sĩ ở bốn phương về theo cộ rất đông ; người trong làng thì như ông Tiến-sĩ Phan Trọng-Mưu¹³, ông cử Phan Cát-Su, Phan Quang-Cư, còn văn-thân ở hai tỉnh Hà-tĩnh và Nghệ-an thì có Thám-hoa Nguyễn Đức-Đạt,

Hoàng-giáp Nguyễn-Quý, Tiến-sĩ Nguyễn Xuân-Ôn, Đinh Văn-Chất, Cử-nhân Nguyễn-Hanh, hai anh em ông ấm Lê-Ninh, ông Phó-bảng Võ Nguyễn-Hạnh, ông Cử-nhân Thái Vĩnh-Chính, Cao-Đạt v.v... nhân vậy mà thanh-thế của cụ thành ra to. Chính-phủ bảo-hộ và triều-đình phải chú-ý đến.

*

Hồi đó trong triều đã lập vua khác rồi, là vua Đồng-khánh (lên ngôi ngày 6 tháng 8 năm Dậu, sau thất-thủ kinh-thành ba tháng) em ruột vua Hàm-nghi. Cuộc bảo-hộ đã xếp-đặt đầu đó xong rồi.

Nhất-thiết mọi việc quốc-gia, triều-đình phải theo chính-phủ bảo-hộ chỉ-bảo.

Các tỉnh một giải Trung-kỳ, tỉnh nào cũng từng-phục, duy có tỉnh Quảng-bình là còn độc-lập, vì vua Hàm-nghi còn trốn-tránh ở đó, nên bọn văn-thân còn dựa vào chủ-nghĩa cần-vương mà làm kịch-liệt. Lúc này Hoàng-Phúc làm dữ nhất, Hoàng-Phúc tức là gia-thần của ông Thuyết, có võ-nghệ giỏi, lại có hai đứa thủ-hạ là Chít và Én cũng giỏi lắm. Triều-đình phái ông Phan Đình-Bính (tức ông ngoại vua Duy-tân) ra tiểu trừ không xong. Chính-phủ bảo-hộ muốn trấn-phục nhân-tâm, bèn phiên vua Đồng-khánh ngự-giá ra tỉnh Quảng-Bình để chiêu-phủ dân-tâm, và dụ vua Hàm-nghi ra thú luôn thể. Vua Đồng-khánh đem 200 lính tây và 800 lính ta, có cơ-nghi oai-vệ lắm, từ kinh khởi giá ngày 16 tháng 5 năm Bính-tuất (1886), nhưng ngự-giá đi cũng chẳng được gì, nên đến tháng 8 thì về. Sau đến ông Hoàng Kế-Viêm ra làm Khâm-sai, hết sức chiêu-phủ, làm cho đảng-vũ của Hoàng-Phúc lìa tan hết

cả. Hoàng-Phúc buồn mà chết, bấy giờ mới yên.

Tiếng rằng yên, nhưng mà tỉnh Quảng-Bình, chỗ này còn kẻ xưng-hùng, chỗ kia còn người khởi-nghĩa, đều làm thanh-thế cho cụ Phan Đình-Phùng, thành ra cái gốc phản-đối người Pháp ở Quảng-Bình lại chuyển sang Hà-tĩnh. Triều-đình bèn phái ông thương-tá Hà-tĩnh là Lê Kính-Hạp làm Tiểu-phủ-sứ hội với quân Pháp để đi tiểu.

*

Trận đầu-tên của cụ Phan Đình-Phùng ra binh là đánh phá mấy làng có đạo.

Cái cố cũng là tự đấy ông cố đạo gây nên trước.

Nói cho phải, thuở trước có lắm ông cố đạo tuy miệng nói là chỉ chuyên-tâm có việc tôn giáo mà thôi, nhưng cũng lôi-thôi xen-lộn vào việc chính-trị, hoặc ỷ sức mạnh hiếp-bức người ta. Nếu không vậy thì ngày xưa chẳng làm gì có việc lương giáo đánh giết nhau mà cũng không đến nỗi có điều gì ác-cảm nhau. Thật thế, các ông ấy giảng đạo, song nếu « con chiên » có việc gì kiện-cáo với lương-dân, tức thời các ông mang « bộ áo dài thâm » vào, rồi thân-hành lên quan phủ huyện kêu nài và dọa nạt quan phủ huyện phải xử cho con chiên được kiện. Nếu quan không bênh-vực theo ý muốn của các ông thì các ông hăm-dọa lên nói với quan công-sứ để tìm cách ám-hại. Các nhà truyền giáo, không ở trong bờ cõi tôn-giáo của mình, lại lấn sang vòng chính-trị, dẫu ở xã-hội nào cũng là chuyện lôi-thôi bất-bình, không trách nào bây giờ các nước Âu-châu phân biệt quyền tôn-giáo và nhà-nước riêng hẳn ra cũng phải.

Trong hồi Pháp-Việt đang giao-thiệp với nhau, các ông ấy ỷ-thế người Pháp bênh-vực mà làm nhiều cử-động làm cho người mình sinh thù, sinh ghét, làm cho nước Pháp bận lòng quá. Có khi chính các ông làm đả cho giáo-dân làm bậy, rồi mỗi chuyện gì cũng đổ cho bọn văn-thân ; cái tình-tệ ấy nói sao cho hết. Công-sứ tỉnh Nghệ hồi đó là ông Duranton đã thuật lại việc lương giáo xung-đột ở Huế như sau này, để làm chứng-cớ : « Các ông cố đạo gọi dân đến dụ-dỗ, hễ đứa nào chịu theo đạo thì lĩnh sáu đồng bạc. Những đứa đã ngửa tay lấy tiền dụ-dỗ đứt-lót cho nó đi đạo như thế, thì có phải là hạng người ra hồn gì đâu ». Chúng nó lĩnh tiền xong, rồi về làng dọa-nạt anh em đồng-bào mình rằng : « Bây liệu hồn ! Chúng tao đây đã có người tây đỡ đầu, để bây dám há miệng chửi tao một câu, hay là gây-gổ với chúng tao một chút, là chúng tao nướng xác bây cháy ra tro và lấy hết của-cải bây ».

Trời ơi ! Hâm-dọa người ta như thế rồi chúng nó làm thật. Vả chẳng, sự thật chúng nó vì nghèo đói quá, nên phải tìm một cách để kiếm ăn. Đêm tối chúng nó chụm lửa tự đốt tiêu cơ-nghiệp nhà tranh vách nát khốn-nạn của chúng đi, rồi la làng chói lói rằng bọn văn-thân – hay là dân lương – đã đốt nhà và lấy hết cả của-cải chúng nó. Thế là chúng lấy được tiền của nhà-nước bồi thường cho mà đám dân lương bị giá-họa vu-oan kia thì bị tội.

Đại-khái, cái tình-tệ giữa dân lương-giáo nước ta hồi trước như thế. Cụ Phan Đình-Phùng mà đánh phá hai làng giáo-dân cũng vì mấy ông cố đạo ở hai làng đó xui-giục giáo-dân, định đến ám hại cụ. Rồi độc-giả sẽ coi việc này ra sao ?

Chúng tôi đã nói, cụ Phan xuất binh trước hết là đánh phá hai làng có đạo, nguyên-nhân bởi mấy ông cố đạo ở đấy ám-hại văn-thân.

Nguyên một đêm kia, vào khoảng canh ba, quân thám-tử của cụ đi tuần-phòng các dinh-trại bắt được ba tên dân đạo là người ở hai làng Định-trường và Thọ-ninh (cùng thuộc trong một tổng với cụ) đang núp lén trong bụi tre gần bên trường đúc khí-giới. Nghĩa-quân bắt được và khám-xét chúng nó, thấy đĩa nào cũng có giắt hỏa-hồ ở trong mình, họ liền giải ba đĩa về đồn nộp. Cụ Phan hội chúng-tướng lại tra xét thì chúng xưng rằng : cố của chúng nó xui-biểu chúng nó tới lén đốt hết cả đồn-trại nghĩa-binh ở Đông-thái đi. Tức thời cụ sai chém ba thằng ấy rồi hạ lệnh cho mấy toán nghĩa-binh đang đêm kéo đến bao vây đánh phá hai làng Định-trường và Thọ-ninh. Lệnh truyền nghiêm lắm ; chỉ đánh phá nhà thờ, nhà cố, đừng xâm-phạm nhà dân.

Nghĩa-quân đánh riết lắm, mấy ông cố đạo phải sai người liều chết trốn ra khỏi trùng vây mà đi báo, để quân Pháp đóng đồn gần đó về cứu-viện. Quân Pháp về tới. Nghĩa-quân đón đầu giao-chiến được hai giờ đồng-hồ rất là hăng-hái. Nhưng vì hầu hết nghĩa-binh chỉ là hạng tráng-đinh nhiệt-huyết, vừa mới triệu-tập, chưa được huấn-luyện gì, cũng chưa quen việc đánh nhau, lại thêm súng đạn lúc này còn là kiểu súng của ta, cách bắn chậm-chạp lôi-thôi, tự-nhiên không sao địch lại súng Pháp, thành ra ứng chiến được hai giờ là nhiều rồi, nghĩa-binh phải thua chạy. Quân Pháp thừa thắng đánh rốc tới đại-đồn Đông-thái, đốt phá tan-tành. Dân cư làng này bị tán-phá tử thương và trốn làng bỏ đi nhiều

lắm.

Cụ Phan thu-thập tàn-quân lại, an-ủi tướng-sĩ rằng : « Được thua là sự thường của binh-gia, tướng-sĩ ta đừng nên vì thế mà ngã lòng thối chí ». Rồi cụ kéo quân tới đóng ở đất hai huyện Hương-sơn và Hương-khê, nay ở chỗ này mai dời chỗ khác, không thể nhất định là chỗ nào, làm cho quân Pháp phải đi tiểu-trừ lắm nỗi khó-nhọc, tốn-hao. Chẳng những chưa dẹp được cánh quân cụ Phan, mà thanh-thế cụ lại càng to, và phong-trào văn-thân lại càng ùn-ùn nổi lên tứ phía.

Sang đầu năm Tuất (1886), Phan đóng quân ở làng Phụng-công về huyện Hương-sơn. Còn anh là ông Phan Đình-Thông thì đóng ở Thanh-chương, tỉnh Nghệ. Không ngờ Phan Đình-Thông bị tên thủ-hạ là Nguyễn-Sử làm phản ; nó làm nội-ứng, nửa đêm, thừa lúc ông Phan Đình-Thông đang ngủ, dẫn quân lính Bảo-hộ đến vây đồn, trong lúc thắng-thốt ông bị bắt sống giải về tỉnh Nghệ. Tổng-đốc tỉnh Nghệ lúc ấy là Nguyễn-Chính, vẫn còn ghi nhớ chuyện cũ, thù-hiềm cụ Phan, hồi làm Ngự-sử, đã dâng sớ hạch tội y làm Kinh-lược Bắc-kỳ, chỉ hư-trương nghi-vệ và tác oai tác phúc xằng, không chăm lo việc dân việc nước giữa lúc gian-nan. Câu chuyện cũ này, một đoạn trên xa, chúng tôi đã nói. Vì sự hạch tội ấy vua Tự-đức bãi chức Kinh-lược của Nguyễn-Chính. Sau nhờ Bảo-hộ phục chức, cho làm Tổng-đốc Nghệ-an.

Nay bắt được anh cụ Phan, Nguyễn-Chính toan chém tức thời cho đã cơn giận và trả thù xưa. Nhưng rồi tấm lòng mưu lập đại-công biểu và ngừng tay lại, trong trí suy-tính làm sao

chiêu dụ được Phan Đình-Phùng ra hàng, thì mình lập công-lao với Bảo-hộ to lớn, tự-nhiên cái ngôi cực-phẩm triều-đình ở trong túi áo. Chừng nào chiêu-dụ mà Phan Đình-Phùng không chịu ra hàng thì bấy giờ sẽ giết Phan Đình-Thông cũng chưa muộn. Nghĩ vậy rồi, Nguyễn-Chính một mặt sai kẻ tâm-phúc đi dò tung-tích cụ Phan ở miền Hương-sơn, Hương-kê để dẫn cụ ra quy-thuận.

Hồi đó, ông Tiểu-phủ-sứ Lê Kính-Hạp, nguyên trước là anh em bạn thân với cụ, nhưng sau Bảo-hộ sai đem quân đi đánh cụ, cảnh-ngộ hai người gần giống như Ngũ-Tử-Tư và Thân-Bao-Tư ở đời Đông-Châu. Nhân dịp anh cụ bị bắt, Lê Kính-Hạp muốn lấy lễ cốt-nhục tình-thâm, bèn viết gửi cụ một bức thư chữ Hán cứng-cáp gọn-gàng mà hay, xin dịch ra quốc-văn như vầy :

Bác Phan,

Tôi với bác xa cách bấy lâu nay, tấm tình thương nhớ, chắc cũng bồi-hồi như nhau, điều đó không cần phải nói.

Duy có điều phải nói là mấy lúc gần đây tôi đi qua làng Đông-thái ngó thấy đền thờ cùng là phần-mộ các đứng tiên-quân bác nghiêng-ngả điêu-tàn không ngờ tôi sụt-sùi nước mắt mà khóc.

Này bác Phan ơi ! Ngày nay trong họ hàng làng xóm được an hay nguy chỉ can-hệ ở nơi bác, tính-mạng ông anh bác mất hay còn, cũng chỉ can-hệ ở nơi bác. Thôi thì tấc lòng trung của bầy tôi đối với vua, tới đó bác cũng đủ chứng tỏ với quỷ thần rồi, không lo ai chê mình vào đâu được nữa ¹⁴. Còn HIẾU và ĐỂ cũng là cái gốc lớn của đời người ta, có lẽ nào

bậc người khoa-giáp như bác mà học chưa tới nơi hay sao ?

Huống chi là nuôi ong tay áo, nọc ở trong mình ¹⁵ tấm gương ấy không phải đâu xa, kỳ thật nó sờ-sờ ở trước con mắt bác rồi đó.

Núi Hồng sông Lam ¹⁶ có vô số cảnh non nước tốt đẹp có thể làm nơi vắng-vẻ thanh-cao cho bác ở để tu-dưỡng chí-tiết của bác được. ¹⁷

Thôi nên về đi thôi ! Tôi xin nói thật.

Cụ Phan tiếp được thư này, cười mà nói rằng : « mấy anh đồ nho hèn-nhát, động một chút là đem cửa-nhà mỗ-mả ra để dọa-nạt người ta ».

Nhân dịp cụ nói với chúng-tướng rằng : « Tôi từ khi cùng chư-tướng khởi binh cần-vương, đã có chủ-tâm là bỏ cả việc gia-đình quê-quán ra ngoài, không nghĩ gì đến nữa. Nay tôi chỉ có một ngôi mộ rất to, nên giữ, là đất Việt-Nam : tôi chỉ có một ông anh rất to, đang bị nguy-vong, là cả mấy mươi triệu đồng-bào. Nếu về mà sửa-sang phần-mộ của mình, thì ngôi mộ cả nước kia ai giữ ? Về để cứu vớt ông anh của mình, thì bao nhiêu anh em trong nước ai cứu ? Tôi bây giờ thề chỉ có một cái chết mà thôi... »

Nói vậy rồi cụ không thềm viết thư trả lời, chỉ nhắn kẻ đưa thư về nói lại với Lê Kính-Hạp rằng : « Nếu ai có làm thịt anh ta, thì nhớ gửi cho ta bát nước canh ! »

Chúng-tướng nghe đều ứa nước mắt. Cụ không chịu bãi binh quy-hàng, tức là ông Phan Đình-Thông bị hại, không cần phải nói.

Từ đây cụ cùng tướng-sĩ đóng đồn trong rừng, trên núi, thường dùng cách đánh du-kích, vì chưa đủ sức đương-trường đối chiến.

Bảo hộ phái quân-lính đi tập-nã hoài. Nghĩa-binh cũng giao chiến nhiều trận, có trận được, trận thua, nhưng kể ra thì cái bước lui nhiều, mà bước tới rất ít. Vì quân lính Bảo-hộ tới đâu cũng có kẻ truyền-báo và trợ-lực rất là nhanh-nhẹn. Còn nghĩa-quân thì đánh nhau không quen, khí-giới lại xấu, chỉ trông cậy được là ở lòng người mà thôi, nên chi không địch được với quân Bảo-hộ là phải.

Qua năm Hợi (1887), Phan nghĩ mình cô-lập không xong, bèn quyết kể ra Bắc-kỳ để hiệu-triệu đám văn-thân chí sĩ ở ngoài ấy cùng nổi lên làm thanh-viện. Khi đi, cụ dặn-dò chúng-tướng hãy khoan đừng nên bạo-động để đợi cụ về sẽ hay.

VII. MẠT-LỘ CỦA THIÊN TỬ

TRÊN ĐỜI, có ai sung-sướng bằng ông vua đặc chí ! Trên đời có ai khổ-sở bằng ông vua mất ngôi ! Khi đặc-chí, nào cung, nào điện, nào quan, nào quân, nào vàng-bạc châu-báu, quăn-quít quanh mình, nói một tiếng là lệnh dậy cả muôn dân, hét một tiếng là oai vang trong bốn bể ; vè-vang biết chừng nào ! Khi mất ngôi thì trốn, thì chạy, thì ăn sương uống gió, giải nắng giảm mưa, chiếc thân trôi-nổi, nghe chim kêu vượn hót, càng như gợi mối thương tâm, rất đổi là tiếng lá động suốt reo, cũng tưởng chừng có quân nghịch đuổi kịp, khổ-sở biết chừng nào !

Tình-cảnh của vua Hàm-Nghi như thế.

Ái-ngại thay, ngài là một ông vua còn nhỏ tuổi, gặp phải lúc việc nước khó-khăn, đến nỗi thành mất nhà tan, đem thân đi trốn, vất-vả cực-khổ trăm bề ! Nhiều khi giọc đường vua tôi khóc-lóc với nhau, nông-nổi lưu-ly, không biết thế nào mà nói cho hết. Thoạt-tiên ra đi, thì còn có ít nhiều văn-võ hũ-tòng, quân gia hầu-hạ, rồi chẳng may giữa đường tan-tác chia lìa : nào Phạm Thận-Duật bỏ về, nào hữu-quân Hồ-Hiển bị bệnh chết ; đếm số quân lính thì lúc trước đi theo còn được một trăm người, nhưng sau thấy khổ-sở quá, chúng nó bỏ đi hầu hết. Sau rốt lại chỉ trơ-trọi có cha con Tôn-thất Thuyết, và chưởng-vệ Trần Xuân-Soạn, cùng mười mấy tên lính đi theo mà thôi. Thôi thì sớm no chiều đói, ăn uống không bữa nào toàn, nay đó mai đây, ở đâu không dám định hẳn, vì quân Pháp đuổi riết đằng sau lưng, làm cho nhà vua

cứ chạy dài mãi...

Ta đã biết hồi tháng 10 năm Dậu (1885, tức là giữa năm mất kinh-thành) ngài tới miền thượng du Hà-tĩnh triệu cụ Phan Đình-Phùng ra khởi binh cần-vương, đến ngày 16 tháng ấy quân Bảo-hộ đuổi gấp quá, ông Thuyết phải đưa ngài chạy miết lên Voi-tấn, chính là miền trên tỉnh Quảng-bình, giáp với xứ Lào. Chỗ biên-cương này là một xứ Mọi. Trương Quang-Ngọc làm thổ-tù. Rồi ngài tạm trú ở đó.

Được ít lâu, Thuyết ngó thấy ở đấy cũng tạm được yên thân nhà vua rồi, còn sự cứu-vong thì Thuyết tự liệu sức mình không thể làm gì được, tất phải cầu ngoại-viện họa là. Nhưng Thuyết không sang cầu-viện Xiêm theo như kế-sách của cụ Phan đã bày tỏ hồi trước ; Thuyết đi sang Tàu, vì lão còn tin vào thế-lực nước Tàu nhiều lắm. Thuyết tâu vua Hàm-nghi đành trốn ở đất Mọi, và để hai người con ở lại hộ-vệ, còn mình thì cùng chưởng-vệ Trần Xuân-Soạn dắt nhau sang Tàu để cầu viện binh.

Vua Hàm-Nghi nương-náu ở đất Mọi được hơn một năm, tuy ăn uống khổ-sở, nhưng mà được điều yên-ổn. Chính-phủ bảo-hộ cố tâm bắt cho được ngài, nhưng vẫn chưa tìm được ra tông-tích, đã hơi có ý chán-nản, không biết rồi ra có bắt được hay không và đến bao giờ ? Hữu chí cánh thành, việc gì cũng thế : lần hồi Bảo-hộ cũng dò ra tông-tích mà bắt sống được vua Hàm-nghi, vì có bộ-hạ và lũ Mọi phản ngài để lập công với người Pháp.

Lối sau này, nghĩa là sau khi Thuyết đã sang Tàu rồi, tình-cảnh ngài lại càng khổ-sở bội phần. Còn sót lại ít nhiều

tả hữu tòng-vong cũng bỏ ngài lần lần mà đi, bởi chúng thấy vua bây giờ nông-nổi chìm-đắm như thế, chắc cũng không còn trông có ngày nào lại trở về làm vua nữa được, vậy thì còn theo làm chi cho mệt xác ? Thành ra chúng rủ nhau đi lần hồi, bỏ ngài trơ-vơ, duy còn người con ông Thuyết là Tôn-thất Thiếp theo hầu ngài một cách trung-thành cung-kính như trước. Khổ-sở lâu ngày quá không chịu nổi, ngài đâm ra bệnh thương-hàn, làm cho thân-thể gầy còm ốm-yếu. Tội nghiệp ! mỗi khi hơi có tin báo-động, thì có một thẳng mọi trung-thành phải lật đật cõng ngài chạy, vì tự ngài không đi được nữa.

Nhưng cái mối vinh-hoa phú-quý nó xui khiến người ta dễ-dàng làm việc phản-trắc, đến quân Mọi cũng không khác gì ai !

Lúc bấy giờ ngài trốn ở một làng Mọi là Khê-ta-bao, ở miền trên châu Tuyên-hóa, tỉnh Quảng-bình. Chính-phủ bảo-hộ phái ông đại tá Boulangier chuyên việc đem quân đi tìm-nã, nhưng đã sáu tháng trời không tìm thấy tung-tích đâu cả.

Trương-Quang-Ngọc, là thổ-tù ở miệt Khê-ta-bao và chính hồi ấy vua Hàm-Nghi đang nường-nấu trong nhà nó. Mối phú-quý động tâm, Ngọc cùng một tên đồng-đảng là Nguyễn Đình-Thanh lặn-lội đi báo tin cho quân lính Bảo-hộ biết, rồi dẫn ông Boulangier về bắt vua Hàm-Nghi.

Đại-tá Boulangier lén dẫn quân tới vây bọc túp nhà ngài ở, lúc ấy mới độ 7 giờ tối. Ngài và hai người tùy-tùng đang gối đầu vào thanh gươm mà ngủ say lắm, vì bụng đói, sức mệt. Chợt thấy quân Pháp tới, thầy trò vùng tỉnh dậy, thì

quân Pháp đã nhẩy vào trong, nắm chặt lấy tay ngài, ngài biết là thằng Ngọc phản, giận lắm mắng nó rằng : « Thằng Ngọc, mày giết tao đi, còn hơn đem tao nộp cho Tây ».

Ông Tôn-thất Thiếp thấy sự thế hỏng mất rồi, bèn tuốt gươm ra, định bụng một là giết viên quan võ Pháp để giải-cứu cho vua, một là giết vua đi để cho ngài được trọn danh-tiết, chứ không muốn cho ngài bị bắt. Song viên quan Pháp lạnh mắt, ngó thấy cử-chỉ ấy, chĩa súng ra bắn ông Thiếp chết ngay.

Vua Hàm-Nghi bị bắt giữa hôm 26 tháng 6 năm Mậu-tí (1888). Bấy giờ ngài đã 18 tuổi.

Quân Pháp dẫn ngài về tỉnh-lị Quảng-bình rồi cho 80 tên lính Pháp hộ-vệ ra chợ Huyện. Trong lúc đi đường, ngài thở-than chửi mắng nọ kia luôn miệng. Tới chợ Huyện, quân Pháp đem xuống đò, để đưa về Huế, định cho ngài giáp mặt vua Đồng-khánh. Nhưng ông Khâm-sứ Rheinart nghĩ là sự gặp mặt này vô-ích, nên khi đưa về tới cửa Thuận-an, thì chính-phủ Bảo-hộ sai dẫn ngài xuống ngay pháo-thuyền « Comète » chạy thẳng vào Saigon. Rồi từ Saigon có tàu khác, đem sang an-trí ở xứ Algérie. Sang đây ít lâu, ngài kết-hôn với một thiếu-nữ Pháp, sinh-hạ ba người con. Công chúa Như-Mai học trường Canh-nông ở Paris mấy năm trước đây thi đậu kỹ-sư số một, là con đầu lòng. Người con trai thì hiện làm võ-quan trong quân-đội Pháp. Có tin nói ngài thiên-cư sang Ba-lê ít lâu rồi qua đời, cách nay vài năm.

Việc bắt được vua Hàm-Nghi phát-sinh vào hồi tháng 10 tây năm 1888 (Mậu-tí) nghĩa là sau khi thất-thủ kinh-thành 3

năm và sau khi Phan Đình-Phùng ra Bắc một năm.

Còn Tôn-thất Thuyết bỏ vua ở giữa đường, tách mình đi sang Tàu, nói là đi cầu viện. Sang Tàu rồi, chẳng biết rằng ông có nói chuyện cầu-viện gì được với quan quyền Mãn-Thanh không, hay là biết tình thế nguy-hiểm cô-cùng rồi, nên kiếm chuyện tìm đường trốn-tránh lấy thân vậy thôi. Nhiều người Pháp – trong đó Đại úy Gosselin là một – chê Thuyết hèn-nhát vì cái cử-chỉ bỏ vua giữa đường tách mình đào-nạn như thế. Nhưng họ ngợi-khen hai người con trai của Thuyết-Đạm và Thiếp – là thanh-niên anh hùng.

Có người nói rằng Thuyết định đi cầu-viện thật tình, nhưng mới sang Tàu ít lâu, nghe được tin vua Hàm-nghi bị bắt, thì đành ở lại nương-náu tại Long-châu (thuộc tỉnh Quảng-tây, giáp-giới nước ta), rồi sau chết già ở đó.

Nghe nói hồi ông chết ở Long-châu, có người Tàu hay là người Việt-nam chí-sĩ vong-mệnh nào đó không biết, làm câu câu liễn điệu như vầy : « *Quý bất khả ngôn, thiên cổ trung hồn lai Tượng quận ; Tôn vô di thượng, bách niên tàn cốt táng Long-châu* ».

Hai câu này, cứ xem cho kỹ, tuy bề-ngoài có ý tâng bốc Thuyết những là tôn-quý như vua, tận trung với chúa, nhưng mà bề trong hình như có ngụ ý mỉa-mai Thuyết một cách kín đáo.

VIII. CAO THẮNG

TRONG lịch-sử họ Phan hoạt-động cách-mạng, Cao-Thắng ở một địa-vị rất là quan-hệ, cho nên muốn biết rõ Phan, không thể không biết Cao-Thắng.

Khi cụ Phan khởi-nghĩa, hào-kiệt bốn phương về theo, phần nhiều là người có võ-nghệ và có tài năng, nhưng mà cầu lấy một người có trí, có dũng, có ân, có oai, có cơ-mưu, có thao-lược, nói tóm lại đủ tài làm tướng, thì không ai bằng Cao-Thắng.

Cao-Thắng là chân tay của cụ ; Cao-Thắng là hình-ảnh của cụ.

Ban đầu thất-bại, cụ chạy ra Bắc để khuyến-khích anh em đảng-ngoài nổi lên làm thanh-ứng, khi ấy các tướng chần-nản, ba quân lìa-tan, việc cách-mạng thành ra một đám lửa nguội tro tàn, cơ-hồ đến tắt. Thế mà có người thổi được đồng lửa nguội tro tàn ấy lại cháy bùng lên, ấy là Cao-Thắng. Lúc cụ trở về, mà thanh-thế lại mạnh, tướng-sĩ lại đông, lương thực lại nhiều, súng đạn lại sẵn, nhờ đó mà chống cự được với quân Pháp trong mấy năm trời nữa, là vì có Cao-Thắng. Bởi thế cho nên người ta có thể nói được rằng : thí-dụ như xây một bức tường, cụ Phan đắp nền móng, mà Cao-Thắng chông-chất mãi gạch đá cho cao chót-vót lên ; thí-dụ như ta làm một ngôi nhà, cụ Phan dựng cột, nhưng mà Cao-Thắng lợp ngói quét vôi, và treo tranh, bài cảnh ở trong cho được lịch-sự. Thế nghĩa là trong việc cần-vương cách-mạng lúc bấy giờ cụ Phan vẽ kiểu, mà Cao-Thắng là thợ làm vậy.

Quả thế.

Sau khi cự đã thất-bại ra Bắc rồi, các tướng võ và quân-sĩ tan lạc, việc cần-vương đến đó hầu như lá rụng hoa rơi, không mong gì có cơ quật-khởi. Chính cự Phan ra Bắc cũng nằm hơn một năm trời như là người đã té nhào xuống, muốn dậy mà chưa biết đến bao giờ dậy nổi. Ấy thế mà Cao Thắng nâng cự dậy được, lại huyết-chiến được bảy tám năm nữa, đến chết mới thôi, như vậy thì Cao Thắng thật là người có trí, có tài. Việc quật-cường đó, ông làm ra thế nào, ta cần nên biết.

*

Cao Thắng là người ở xóm Nhà-nàng, làng Lê-đông, huyện Hương-sơn, tỉnh Hà-tĩnh.

Ông là con một nhà bình-dân tầm-thường, dáng người thấp nhỏ, ngón chân ngón tay đều ngắn, cho nên người ta bảo ông có tướng ngũ-đoản (năm cái ngắn), sau tất là người huyết chiến sa-trường, bất-đắc kỳ-tử.

Người rất thông-minh lanh-lẹ, thuở nhỏ có đi học chữ, nhưng tính không ưa khoa bút múa văn, để làm một nhà danh-sĩ ; chỉ muốn học võ-nghệ và binh-thư, để sau làm một tay chiến-tướng, cho nên cả ngày chỉ tập võ và thích đi săn bắn, lấy thế làm vui ; có người em tên là Cao Nữu cũng vậy.

Hồi năm Giáp-tuất (1874) là năm Tự-đức thứ 27 tỉnh Hà-tĩnh có giặc Cờ-vàng, tức là giặc Đội-Lựu nổi lên, định tranh cướp thiên-hạ với nhà Nguyễn. Cao-Thắng lúc bấy giờ còn nhỏ tuổi quá, nhưng đã tình-nguyện đi theo. Chưa đầy một năm, Đội-Lựu chết, giặc Cờ-vàng tan, triều đình sai quân đi

nã-bắt những dư-đảng rất ngặt, Cao-Thắng sợ, phải trốn-tránh lẫn-lút khốn-khổ.

Lúc đó, anh thứ hai cụ Phan là ông Phan Đình-Thuật, mới đậu cử-nhân, ngó thấy Cao Thắng mới 13 hay 14 tuổi, đã đi theo giặc, chắc vì có cảnh ngộ sao đó, không phải chủ tâm phản bần triều-đình gì. Nay giặc bị đánh tan, dư-đảng tới một thằng nhỏ như thế cũng sợ bị quan làng tróc-nã, đến nỗi đào-tẩu trốn-tránh cực-khổ, làm cho ông Thuật động lòng thương-hại, ông bèn tìm cách che-chở cho Cao-Thắng khỏi bị bắt, và đem về nhà nuôi. Được 8 năm, ông Phan Đình-Thuật mất thì Cao Thắng lại về làng ở.

Về làng, nhưng cũng không lo đường sinh-nghiệp gì cả, sẵn trong mình có nghề võ, nên cùng với em và một người bạn tâm-huyết là Nguyễn-Kiểu, tối ngày chỉ ham tập quyền múa kiếm làm vui. Nguyễn-Kiểu tụ-hợp mấy chục tên thủ hạ đi ăn-cướp, nay làng này mai làng khác những nhà giàu-có nội vùng, khổ-sở với bọn ông, muốn bắt ông, nhưng sợ ông giỏi quá không sao bắt được. Tuy chính Cao-Thắng không ăn cướp của ai, nhưng cũng mang tiếng là đầu-đảng ăn-cướp.

Kỳ thực, Cao Thắng vốn là người có chí-khí to, chẳng qua thác-tính vào đám lục-lâm, để chờ có thời-cơ sẽ ra vì nước hiệu-lực, không phải có ý muốn chung thân mai-một ở giữa khoảng cỏ xanh nước biếc đâu.

Cuối năm Ất-dậu (1885) cụ Phan khởi nghĩa, anh em ông cùng với Nguyễn-Kiểu đem 60 tên thủ-hạ ra xin theo. Cụ phong cho làm chức Quản-cơ và bảo sau sẽ trọng-dụng, vì biết ông là người có tài to. Quả-nhiên, ông giúp cụ trong việc

quân, mới đầu đã tỏ ra người có tài giỏi. Cụ Phan rất yêu-mến. Năm ấy ông mới có 20 tuổi.

Sau khi cụ Phan chạy ra Bắc rồi, các tướng sĩ đều giải-tán hết, duy còn ông cùng mấy người anh em đồng-chí là Cao-Nữu, Cao-Đạt và Nguyễn-Niên, thu-nhặt lấy ít nhiều tàn quân về ẩn-phục ở trong những rừng núi thuộc làng Lệ-động, là làng của ông để mưu cách khôi-phục. Lúc này bạn thân của ông là Nguyễn-Kiểu đã chết rồi.

Ông nghĩ rằng dùng binh mà không có tiền nhiều thì làm trò gì được, cho nên trước hết ông nghĩ cách lấy tiền cho nhiều.

Thủ-đoạn ông lấy tiền khi ấy có gì khó đâu ? Chỉ đem một vài chục tên lâu-la xuống núi, xem làng-xóm nào có nhà giàu thì xông vào đốt-phá, cướp, là lấy được tiền ngay, rồi lại đem quân vào rừng ẩn-phục, ai làm gì nấy. Nhưng ông không làm. Một là biết rằng : đóng ở rừng núi như vậy là trốn tránh qua thời mà thôi, chứ không phải là nơi dụng võ. Hai, nếu dùng lối cướp-bóc thì làm náo-động dân-gian, lỡ ra đến phải đốt nhà giết người thì mang tiếng cho đạo quân nhân-nghĩa. Ba, thời bấy giờ là thời loạn-lạc, nhà nào có tiền cũng bỏ làng trôi-giạt đi xa để trốn-tránh hoặc là chôn cất đi, mà chính ở vùng đó cũng không có mấy nhà giàu, thì lấy tiền vào đâu. Bởi thế ông dùng thủ-đoạn « làm tiền » bằng một cách khác là cách *bắt cóc*.

Trong nghề lục-lâm có cái lối bắt sống những người nhà giàu về giam, rồi bắt đem tiền lại chuộc cho về gọi là cách *bắt cóc*, từ xưa ở xứ mình đã có rồi.

Ông cho thủ-hạ đi dò-la mãi, biết rằng hôm ấy có một chiếc thuyền chở mấy chục người hàng vải đi chợ Tràng (tức là chợ tỉnh Nghệ bây giờ) bèn đem 20 tên kiện-nhi ra đón ở địa-phận làng Triều-khẩu (thuộc phủ Hưng-nguyên, là phủ sở tại tỉnh Nghệ) để bắt.

Khi thuyền đi ngang, ông chèo xuống con ra đánh chìm và bắt sống cả bọn lái buôn đem về giam ở làng Nam-kim (thuộc huyện Nam-đàn tỉnh Nghệ), chính là làng của vợ ông.

Dẫn họ về, ông biểu dụ rằng : « Ta bắt các ngươi cũng là một việc cực-chẳng-đã, vì hiện nay nghĩa-binh thiếu tiền hoạt-động, cần có các ngươi giúp-đỡ nhiều ít. Vậy các ngươi viết thư về cho gia-nhân, hạn trong một tháng đem tiền lại chuộc thì ta tha về ».

Trong một tháng, người nhà bọn kia đem tiền đến chuộc, ông tha cho về cả. Ông thu được 6000 đồng bạc.

Ông bắt cóc bọn hàng vải lấy được 6000 đồng bạc, có một chỗ dụng-tâm sâu lắm, khổ lắm, là cốt lấy tiền để đúc súng. Vì thế, sau khi đã lấy được món tiền rồi thì ông đi tìm thợ. Tìm được bọn thợ, nhưng bảo họ lên núi làm việc cho mình, là kẻ cướp, thì cũng là việc khó khăn, cho nên ông lại phải giở lối cũ ra, là cách bắt cóc. Ông tự đem mấy chục tên kiện-nhi, về hai làng Trung-lương và Vân-trung (thuộc huyện Can-lộc, tỉnh Hà-tĩnh), là hai làng làm nghề thợ rèn, bắt hết bao nhiêu thợ rèn trong làng ấy dẫn về Lệ-động, ở trong một khu rừng sâu để đúc súng. Đúc trong một tháng trời, được 200 khẩu súng hạt nổ của ta, thứ súng phải nhồi thuốc ở ống súng, rồi chỗ cò máy để hạt nổ, hễ nhận con cò máy có lửa

bật ra thì đạn mới chạy. Cái mục-đích của ông đến đó đã đạt được một ít.

Lúc bấy giờ, quân-giới thì ông đã có 200 khẩu súng mới đúc, tướng-tá thì có như các ông Cao-Nữu, Cao-Đạt, Nguyễn-Niên, quân-lính thì mới mộ thêm được 400 người. Trong 400 lính ấy, ông chia làm hai đoàn : một đoàn là lính súng ; súng bao giờ cũng nạp đạn sẵn, nhưng hễ lúc lâm trận thì 100 khẩu súng bắn một hiệp trước, xong rồi nạp đạn thì lại đến 100 khẩu khác bắn một hiệp sau, cứ luân-phiên như thế, thành ra khi đánh trận, lúc nào cũng có tiếng súng nổ liên-thanh, khiến cho địch-quân không biết nghĩa-binh nhiều súng hay ít. Ấy, Cao-Thắng dùng binh có cơ-mưu đại-khải như thế.

Súng có, quân có, tướng có, là lúc thanh-thể của ông đã hơi to, đi đến đâu cũng có ít người địch lại. Giá ông phải là người tầm-thường, chỉ lo khiết thân ẩn-độn không chịu thần-phục người Pháp, như bọn Điền Hoành ngày xưa cùng 3000 tử-sĩ ở chốn hải-tần không chịu thần-phục nhà Hán, thì khí-giới ấy, binh-lực ấy, nay đóng núi này, mai qua rừng khác, nay cướp làng nọ, mai cướp làng kia, để lấy lương ăn, cứ như thế mãi cũng có thể tung-hoành ở trong chốn núi Hồng sông Lam được trọn đời mãn kiếp, làm một người lục-lâm-anh-hùng, ai đánh giặc cũng khó.

Nhưng mà cái chí-khí của ông to. Ông còn nghĩ đến vua, đến nước, đến anh em đồng-loại, đến chủ-tướng cũ là cụ Phan ; nói tóm lại, chí-khí của ông là làm thế nào cho « *nước Nam của người Nam* », cho nên ông không lấy khí-giới đó, tướng sĩ đó, làm tự-túc, mà muốn cho khí-giới còn mạnh hơn, tướng sĩ còn đông hơn nữa.

Ông là một người biết lượng sức mình, lại có tính quả- quyết. Ông tự biết rằng sức quân của mình, sức súng của mình còn yếu quá chừng, ăn cướp thì được, đánh với quân Pháp chưa được, cho nên đêm ngày thường lo gây-dựng thế nào cho thực-lực của mình to lên. Bây giờ, vấn-đề lương-thực, chẳng phải lo nữa, là vì oai danh ông lúc ấy to, dân-gian quanh miền đã sợ, ông muốn bao nhiêu gạo, bao nhiêu tiền, chỉ viết giấy đi các chủ nhà giàu, khiến họ tự phải đem tiền gạo lại nộp, không mấy khi phải dùng võ-lực.

Song còn một việc khiến cho ông phải lo nghĩ nhất, là vấn-đề khí-giói kiểu tây.

Ông đã từng bỏ ăn quên ngủ, nằm nghĩ đến một tháng trời, bần khoản về vấn-đề khó-khăn này : « Đã làm thì tất phải làm to, mà những kiểu súng của ta, là kiểu súng ăn-mày thế này, nào chùi súng, nào nạp thuốc mất công-phu và thời-giờ nhiều lắm, làm sao địch lại được với quân Pháp. Có muốn đánh với họ, tất phải có khí-giói như họ mới được ».

Ông nghĩ rằng làm theo như kiểu súng tây cũng chẳng khó-khăn gì, tuy mình không có tài sáng-tạo, nhưng có tài bắt-chước được thừa, vì thế ông nghĩ mưu kế làm sao cho có một khẩu súng tây để ăn cắp kiểu.

Làm thế nào lấy được một khẩu súng tây để ăn cắp kiểu ? Khó quá ! Bảo rằng mua được, nhưng đường-sá phần thì mắc nghẽn, phần thì xa-xôi, đi đâu mà mua. Bảo rằng đánh một đồn nào gần đó để cướp lấy một khẩu về, nhưng đồn nào cũng giữ-gìn nghiêm-nhặt, đánh đã chắc gì lấy nổi. Chỗ này, ông suy-nghĩ gần muốn héo gan nát ruột, mà không biết làm

thế nào. Ông vẫn nói rằng : « Hễ ai tìm được cho ta một khẩu súng kiểu tây, thì ta thưởng cho 1000 đồng bạc ». Ai lấy được ? Nhưng mà người có chí-khí thường được trời giúp đỡ.

Thật thế, trong khi ông đang nghĩ quẩn nghĩ quanh, nghĩ đến cách mua, nghĩ đến cách cướp, nghĩ mãi chưa biết làm thế nào, thì chợt có tên lính vào bẩm rằng : có một người lạ mặt, xin vào yết kiến để bẩm việc cơ-mật.

Ông cho vào. Ấy là người đem kiểu súng tây lại cho ông.

Binh gia nói : « Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên » (tính việc ở người, thành việc ở trời), e có lẽ phải.

Cao-Thắng muốn kiếm một khẩu súng của tây để bắt-chức chế-tạo, nhưng đang lo nghĩ ao-ước không biết lấy ở đâu có một khẩu súng Pháp để làm kiểu bây giờ, bỗng dưng trời xui-khiến một người khách lạ mặt tới ngay giữa quân-môn giúp cho ông được như nguyện.

Người lạ mặt vô bẩm rằng : « Nghe nói có lệnh của tướng-quân truyền ra : hễ ai lấy được một khẩu súng tây đem nộp, thì sẽ được trọng thưởng 1000 đồng bạc. Nếu bây giờ tôi lấy dâng cho tướng-quân, không những một khẩu súng tây, mà tới 15 khẩu lận, thì tướng-quân thưởng cho bao nhiêu ? »

Cao-Thắng mừng lắm : « Thôi, thế thì trong trại ta bao nhiêu tiền bạc, ta cho nhà người lấy hết ».

Thật ra lúc bấy giờ, ông cũng đã có một vài vạn bạc ở trong quân.

Người lạ mặt truyền cho tả hữu lui ra ngoài, rồi mặt-bấm điều-kế. Té ra y có một người bà con đi lính tập ở tỉnh Nghệ-an mới viết thư về nhà nói rằng : tới ngày mai đây có hai viên quan binh ở tỉnh thành Nghệ-an dẫn 14 tên lính tập chở mấy hòm bạc lên đồn Phổ (thuộc hạt Hương-sơn) để phát lương cho binh-lính. Lẽ tự-nhiên toán lính ấy có súng. Đó là một cơ-hội trời giúp tướng-quân. Vậy tướng-quân nên sắp-đặt cho nghĩa-binh mai-phục ở giữa đường, đánh toán lính tập mà cướp lấy súng của họ là được ngay, nào có khó gì ?

Cao Thẳng được tin cơ-mật này, hết sức mừng-rỡ, đưa tay lên trán và nói : « Thật là trời giúp ta phen này ! »

Tức thời, một mặt Cao-Thẳng cầm giữ người khách lạ mặt hảo-tâm đó ở lại trong dinh chơi, một mặt hội chư-tướng lại để thương-nghị cách cướp súng.

Ông thì quyết kế là kéo hết quân mình ra đón đường liều đánh một trận tử-chiến. Nhưng ông Cao-Đạt vừa khoát tay vừa nói : « Không nên ! Anh tính kế làm như vậy là đem cả nghĩa-binh và bản-thân anh vào chỗ hiểm-nguy tổn-hại mà chắc là không xong việc. Quân ta chưa phải là quân thiện chiến, vả lại thứ súng cũ-kỹ của mình bây giờ còn lôi-thôi quá, đạn bắn ra nổ không mạnh, đi không xa, tôi tưởng ngày nay nếu quân ta đem toàn lực ra đánh nhau đường trường cũng sợ không địch lại với 15 khẩu súng kia. Vậy thì không những ta làm đã chẳng thành-công mà lại còn mang hại đến thanh-thế của quân ta lúc ban đầu nữa. Theo ngu-ý của em, việc này ta phải dùng mưu thì hơn, quyết không nên dùng lực. Em xin dâng kế « *Xuất kỳ bất ý công kỳ vô bị* » ¹⁸ anh

nghĩ sao ? »

Cao Thăng suy-nghĩ một lát, gật đầu khen phải.

Nguyên là con đường từ tỉnh Nghệ-an đi lên đồn Phổ (chỗ đó là làng Phổ-châu, chính là huyện-lỵ Hương-sơn đóng bây giờ thuộc về tỉnh Hà-tĩnh) có nhiều chặng phải đi xuyên qua núi rừng rậm-rì, hiểm-trở. Giữa đường có một hòn núi trọc chận ngang, không có cây cối nào rậm và to, chỉ mọc toàn là lau sậy rất cao, chính giữa có một con đường độc đạo. Ông Cao Đạt hiển kế rằng chỉ nên lựa chọn mấy chục tráng-sĩ, cầm đoản-đao mai-phục ở hai bên rừng lau sậy, chờ khi nào toán lính tập kia nghễu-nghện đi qua, thì ta nổ một tiếng pháo làm hiệu, rồi hai bên tráng-sĩ nhảy bổ ra, xuất kỳ bất ý mà đánh, tất được toàn thắng.

Cao-Thăng y kế, và muốn bản-thân làm việc khó-khăn này, cho nên tức khắc xếp đặt công việc để ngày mai chính ông thân dẫn cả bọn Cao-Đạt, Cao-Nữu, Nguyễn-Niên cùng hai mươi tên quân cảm-tử, nai nịt gọn gàng, cầm đoản đao ra mai-phục tại đó.

Quả nhiên, xế-chiều hôm ấy, một toán gồm hai viên quan Pháp và 15 tên lính tập mang súng và khiên hòm bạc, kéo nhau đi ngang qua rừng sậy đã nói trên. Bởi con đường độc đạo nhỏ hẹp, họ phải đi hàng một, lẻ-tẻ từng người, trong trí không ngờ đâu giữa bãi lau-sậy này mà có sự bất-trắc.

Tiếng giày đi cồm-cộp đằng xa, đủ làm dấu hiệu để báo tin phục binh hay trước. Tới chừng họ đi vào giữa khoảng nghĩa binh mai-phục Cao-Thăng nổi pháo lên làm hiệu,

tráng-sĩ mai-phục hai bên nhảy ra, miệng vừa hò-hét, tay vừa khoa đao, cứ mỗi người nhắm ngay một kẻ bên nghịch mà chém tung-hoành loạn đả. Tội-nghiệp cả hai viên tiểu-tướng Pháp và 15 chú lính tập đều bị chém ngã hết, không sót một người nào, không ai kịp trở tay. Vì họ đang đi đường mệt-nhọc, lẻ-loi, bỗng-dưng bị chém một cách thành lình như thế, làm sao không chết.

Thế là Cao Thẳng lấy được 17 khẩu súng, trong đó có hai khẩu súng kiểu hai lòng và 600 viên đạn, mấy nghìn đồng bạc nữa, mà phía mình không nhỏ một giọt máu, cũng không nhọc-nhắn sức khỏe bao nhiêu.

Trở về sơn-trại, ông mời người khách lạ mặt kia để trọng thưởng. Nhưng khách nói rằng : « Thấy tướng-quân làm việc nghĩa-hiệp, tôi vẫn hâm-mộ, trời bèn xui-khiến tôi đem lại cơ-hội giúp cho tướng-quân được thành-công đó thôi. Tôi nào có công cán gì mà thưởng, vả lại tôi có phải vì ham số tiền thưởng mà tới đây bao giờ, hôm qua tôi hỏi thưởng bao nhiêu là nói chơi vậy mà. Số tiền thưởng này tôi xin để lại tướng-quân nuôi binh-sĩ, đúc khí-giới, thế là tôi mừng. Trước khi từ-biệt tôi xin hiến tướng-quân bốn chữ « *tiền đồ bảo trọng* » ¹⁹, xin ghi nhớ cho. Luôn dịp, tôi có một bức thư kín đây, hễ ngày nào cụ Phan về, thì phiền tướng-quân trình cụ giúp tôi, ngày nay hãy khoan mở ra ».

Cao-Thẳng muốn hỏi tên họ, nhưng khách cũng không chịu nói, chỉ cười lạt rồi đứng dậy vái dài một vái, ra đi. Người này là thần-tiên chăng ? Là ẩn-sĩ chăng ? Là hiệp-khách chăng ? Là gì không ai biết.

Thuở giờ Cao-Thắng chỉ ước mong có một khẩu súng tây để làm kiểu, nay đã được thỏa-mãn sự mình mong-ước rồi vậy. Cao-Thắng gọi thêm rất nhiều thợ rèn, rồi kéo lên núi sâu, bắt đầu công việc chế tạo. Ông tự tháo một khẩu ra từng mảnh, để xem từ cơ-quan thước tắc cho đến công dụng những thế nào, rồi đêm ngày ông ngồi một bên, đốc thúc bọn thợ rèn, cứ lấy từng mảnh ở súng tây, theo đúng hình-thức dài vắn rộng hẹp như thế nào mà rèn đúc. Mấy lần đầu còn hư-hỏng lồi-thôì. Nhưng hư-hỏng thì ông lại bắt phá hết ra mà rèn đúc lại. Rèn đi đúc lại mãi mới được.

Công-việc đúc súng này làm luôn trong mấy tháng ròng rã, được cả thảy 350 khẩu súng giống y súng tây. Duy có thuốc đạn thì còn phải dùng thuốc ta.

Ta nên biết Cao-Thắng rèn-đúc được 350 khẩu súng kiểu tây, thật có công-phu khó-khăn to lớn bằng rèn-đúc mấy mươi vạn khẩu. Thật thế, lúc bấy giờ, ông ta chỉ là một đám giặc cỏ, phải lẩn-lút ở trong núi biếc rừng xanh, nào đã dám ra mặt chán-chường, vậy thì lấy đâu được sắt, lấy đâu được đồng, lại lấy đâu được máy mà đúc, lấy đâu được thuốc nổ để mà chế ra đạn. Thế mà ông làm được đủ cả, là nhờ ông có trí-xảo cơ-mưu và có nghị-lực nhẫn-nại lắm. Ruột gà trong súng, thì ông dùng cây gọng dù uốn lại mà làm ; sắt, thì ông cho người đi khắp các chợ và các miền nhà quê, mua những móng lừa, móng ngựa, các thứ sắt vụn, và những cày hư cuốc bể, của các nhà nông, đem về đập ra mà rèn ; còn bì đạn thì ông góp-nhặt những mâm đồng, nồi đồng, đập giệp ra thật mỏng rồi cuốn lại. Sợ thiếu những nguyên-liệu cần dùng, nên ông hạ lệnh cho các dân làng chung quanh, chia

bớt những đồ đồng trong nhà mình cho nghĩa-binh và đem lên sơn-trại nộp để làm quân-giới.

Ấy đó, Cao-Thắng chỉ nhờ có những tài-liệu góp-nhặt như thế, mà rèn đúc được súng đạn hắc-hoại, thủy-chung chỉ dùng sức người, không có máy-móc gì hết.

Tới đây, không những súng cũ và súng mới đã được hơn 500 khẩu, mà lương tiền cũng dồi-dào, và số quân-lính mộ thêm cũng tăng lên đến gần 1000 người. Cao-Thắng tự biết lúc này mình đã có gốc hơi vững, tức là có các cơ-sở để tấn-phát mãi lên và có thể bắt đầu mưu-tính việc lớn. Nhưng phải có người danh-vọng oai-quyền để làm chủ, cầm quân mới được.

Người đó đương thời, còn ai hơn là ông chủ-tướng cũ hiện đang lưu-lạc ẩn-cư ngoài Bắc : ấy là Phan Đình Phùng.

Cao-Thắng bèn sai người tâm-phúc ra Bắc-hà rước cụ Phan về.

Phong trào võ-lực phản-đối ở ba tỉnh Nghệ-an, Hà-tĩnh, Quảng-bình, đã tịch-mịch ít lâu, giờ lại nổi lên đùng-đùng và kéo dài ra được mấy năm nữa. Lần này có tổ-chức, có khí-giới, có kỷ-luật, có oai-danh, chính có người Pháp thẳng ngay đã nhìn nhận sự thật như thế.

Một võ-quan Pháp dự vào cuộc đánh giặc ở Nghệ-tĩnh hồi bấy giờ là Đại-úy Gosselin, về sau viết ra cuốn sách có giá-trị tựa là « *Nước Nam* » (Empire d'Annam) chương 313, có đoạn nói về Phan Đình-Phùng đại-khải như vầy :

« Cuộc biến loạn của Phan Đình-Phùng cầm đầu, tràn-lan

rất mau và có thanh-thế lớn. Sánh lại những đám phản-đối nổi lên về trước không thấm vào đâu.

« Nhưng vì phương-lược cai-trị, vả lại cũng không muốn làm xôn-xao kinh-hải dư-luận bên tây, cho nên ở đây người ta rón giấu-nhẹm được chừng nào càng hay, không nói rõ cho bên tây biết.

« Lúc đó, người chủ-tướng cầm đầu cả 4 tỉnh miền Bắc-Trung nổi lên đánh lại binh ta, chúng tỏ ra một người có tài-năng tổ-chức lạ-lùng : lại thêm ông ta có cái địa-vị đậu Đình-nguyên, thành ra nhân-dân quy-phục hết thấy, vì dân này vốn trọng học-vấn và kính-mộ danh-nho.

« Té ra từ trước tới đây chúng ta không hay Phan Đình-Pùng biết sắp-đặt tập-rèn quân-lính theo như kỷ-luật và binh-pháp Âu-châu : cho nên quân lính mặc y-phục giống hệt một thứ với lính tập bản-xứ của ta, lại mang khí-giới là súng kiểu 1874 do ông bí-mật chế-tạo lấy rất nhiều, nhưng chế-tạo ở chỗ nào không ai biết, tới nay chúng ta chẳng hề tìm ra.

« Tôi có đem nhiều khẩu súng đó về tận bên tây ; xem nó giống đủ mọi vẻ như súng của các xưởng binh-khí nước ta chế-tạo, đến nỗi tôi đưa cho các quan-binh pháo-thủ ta xem, các ông phải sửng-sốt lạ-lùng, chỉ hiềm vì nó khác với kiểu súng ta có hai chỗ này thôi : ruột gà không đủ sức mạnh và trong lòng súng không có xẻ rãnh (rayures), vì đó mà đạn bắn ra không xa, không mạnh. Tuy vậy, mặc dầu, những súng đó đã từng bắn chết ít nhiều lính khố-xanh, cai-đội Pháp và lính tập, vì thật ra lúc bấy giờ chỉ có lính khố-xanh ra

xông-pha đánh giệp đám loạn này, ta phải nói rằng lính ấy đã xuất-lực và thành công một cách vẻ-vang ».

Ta xem Đại-úy Gosselin đã từng mục-kích và phải nhìn-nhận sự thật như thế, đủ biết đương-thời nghĩa-binh cụ Phan cầm đầu không phải giặc cỏ, hay cuộc phản-đối tầm-thường. Kỳ thật có tổ-chức, có khí-giới, có lực-lượng ít nhiều, ta nên biết những thành-tích ấy do một tay lược-thao kỳ-xảo của thượng-tướng-quân Cao-Thăng.

IX. Ở BẮC VỀ

Sau lúc làng Đông-thái bị phá. Phan phải kéo tàn-quân lên đóng ở hai hạt Hương-sơn, Hương-kê ; lại sau lúc ở Hương-sơn, Hương-kê thất bại nữa, cụ chạy ra ngoài Bắc, có nhiều người cho thế là việc lớn hư-hỏng tan-tành mất rồi. Cụ chạy, thế là cuộc phản-đối tiêu hết !...

Nhưng mà nó chưa tiêu hết đâu.

Sự thiệt, trước khi bước chân lên đường ra đi Bắc-hà, Phan có định sẵn hai cái chủ-kiến, hai cái cơ-mưu, thế nào rồi cũng thực-hành được một : Hoặc là hiệu-triệu anh em kiện-nhi chí-sĩ ở Bắc-hà nổi lên để gây nên thịnh-thế tương-ứng với cụ ở đảng trong và chia bớt cái mãnh-lực của binh-lính Bảo-hộ đi ; hoặc là trông mong tin-cậy một người anh-tài được cụ thanh-nhẫn là Cao-Thắng tướng-quân, ở nhà có thể tom góp sức tàn, rồi lại đánh trống mở cờ, quật-cường phen nữa.

Vả chẳng, có xét kỹ cái tình-thế của cụ hồi bấy giờ, mới biết là không thể không thua, đã thua không thể không chạy, đã chạy không thể không ra Bắc.

Song, trước khi muốn xét ra những cái nguyên-do này vì đâu, tôi tưởng chúng ta hãy nên nhìn biết cái tâm-tích của cụ Phan một chút đã, vì cụ trước kia vốn là người chủ hòa kia, thế sao về sau lại trở ra một người khác hẳn : liều gan ra mặt chống cự với người Pháp tới cùng ?

Thật vậy, cụ là người hiểu biết thời-thế, không phải như hạng nhà nho hủ-lậu cố-chấp ở đồng thời, đại-khái như Võ-

phạm Khải là tác-giả bài luận « Biện di » chẳng hạn.

Ta xem hồi năm 1877, cụ là một thầy cử-nhân vô kinh thi Đình, chính vua Tự-đức ra đầu bài thi Đình-đối, có đoạn hỏi về thiên-hạ đại-thế như vầy : « *Các nước Thái-tây họ làm thế nào mà nước họ mỗi ngày một thêm hưng-vượng phú-cường ?* ». Tới một đoạn khác, ngài hỏi về quốc-gia đại-sự lúc bấy giờ : « Nước Phú-lăng-sa vốn là một nước trọng tín-nghĩa, cho nên đem trả lại ta bốn tỉnh Bắc-kỳ mà An-nghiep (Francis Garnier) đã lấy hồi năm 1873, còn sáu tỉnh trong Nam-kỳ, phải chi Phú-lăng-sa cũng đem trả nốt cho ta, rồi hai nước lại giao-hảo buôn bán với nhau không hay hơn ư ? Nhưng vì lẽ gì nước Phú-lăng-sa vẫn lần-khần chưa chịu trả lại, và nay nếu như nước ta muốn thu-phục 6 tỉnh Nam-kỳ lại thì nên làm thế nào ? »

Trong bài Đình-đối của Phan viết hồi đó, đã bàn xa xét rộng về nguyên-nhân cường-thịnh của các nước Thái-tây, vì họ vốn có thông-minh vụ-thực, lại biết trọng khoa-học thực-tế, cho nên nhất thiết việc gì cũng xét cho cặn kẽ, làm cho tới nơi, không chịu hồ-đồ biếng-nhác như mình. Cụ lại đem nước Nhật-bản ở phương Đông mình ra làm chứng ; vì Nhật sớm biết duy-tân tự-cường, thành ra họ có cơ chắc-chắn một mai sánh vai nổi gót được với các nước Âu-châu.

Ta nên bết hồi cụ Phan nói đây, Nhật-bản đã bắt đầu công cuộc duy-tân được mười năm rồi.

Xem vậy, thì ra đang lúc sĩ phu nước nhà còn đang say mê chìm-đắm ở giữa cái nguồn học-vấn từ-chương hủ-lậu, cố chấp, mà cụ Phan đã hiểu biết đại-khái về tình-thế thiên hạ

như thế, đâu phải là người không thức thời ?

Còn câu hỏi thứ hai thì cụ trả lời rằng : « Sự thế Bắc-kỳ và Nam-kỳ khác nhau. Người Phú-lãng-sa phải trả bốn tỉnh Bắc-kỳ, vì tự họ đã trái với điều-ước mà lấy bổng của ta. Còn như sáu tỉnh Nam-kỳ thì đã có điều ước triều-đình ký nhường cho họ, cho nên họ còn lần-khân kiểm cố mà không chịu trả. Và chẳng họ giữ lấy sáu tỉnh ấy mà không trả, là vì có hai lẽ : một là để cho vững-vàng hòa-ước ở giữa hai quốc gia, vì nước Phú-lãng-sa cùng ta, tuy có tình cũ nghĩa xưa mặc lòng, nhưng mà ngày nay họ bằng qua muôn ngàn dặm tới đây, buổi đầu chưa tin được tấm lòng ta chân giả thế nào, để cho mạnh cái thế-lực địa-vị của họ, và để làm căn-cứ cho cuộc hòa của ta. Hai là sáu tỉnh đàng trong vốn là nơi đất ruộng tốt, thóc lúa nhiều, hèn chi họ có lòng ham tiếc không trả. Nay muốn thu phục lại, thì điều cần trước hết xin triều-đình bỏ hẳn tấm lòng ngờ-vực đi. Ngày xưa Khổng-tử làm tướng nước Lỗ, mà nước Tề đem những đất ruộng đã xâm-chiếm trả lại cho nước Lỗ, chỉ vì ngài lấy lòng chí-thành đối-đãi, khiến cho cảm-động được nước Tề vậy. Thế thì sự-thế nước nhà ngày nay, triều-đình cũng nên lấy lòng chí-thành mà đối với nước Phú-lãng-sa thử coi. Và lại, muốn làm việc lớn, đừng thềm kể gì những sự tổn hao nho nhỏ, có vậy mới nên việc lớn được. Nếu xem trong ý người Phú-lãng-sa thiệt lòng ham lợi không buông, thì ta có cách lấy món lợi khác cho tương-đương, xấp-xỉ mà xin đổi chác với họ, ví-dụ như lấy thuế cửa biển trao quyền cho họ mà đổi lấy Nam-kỳ, có lẽ họ chịu, hoặc là xin bồi-khoản thêm nhiều cho họ, rồi trả lần hồi, cũng là một cách, v.v... »

Trong lúc ai nấy cũng xui vua Tự-đức lấy binh-lực để thâu phục sáu tỉnh nam-kỳ, mà trái lại, cụ Phan thì hiền kế ôn-hòa và có phương-lược như thế, chúng-tỏ ra cụ là người chịu hòa ngay từ ban đầu, vốn không có ý gì sanh sự hay là dùng binh đối với người Pháp vậy.

Đến lúc cụ làm quan ở trong trào, ông Tôn-thất Thuyết sanh sự nghịch-thù chống-chọi người Pháp luôn, cụ Phan cũng không phụ-họa cản-ngăn hay nói gì tới, nghĩa là cụ không muốn đứng vào phương-diện ấy. Lại như sau khi đã bị cách chức về làng ở, định lấy cái thú điền-viên làm nơi chung lão, không muốn quan-tâm gì đến việc đời nữa. Vì cụ biết rằng : Sự mất nước là tại vua quan mình dở, dân-chúng mình hèn, vận-số nước mình đến lúc phải bị hành phạt, vậy thì cuộc bảo-hộ là do lịch-sử đã xếp-đặt xong quách đi rồi, mà cũng có thiên-ý khiến vậy, còn cưỡng làm gì nữa. Cưỡng, làm gì có người ; cưỡng, làm gì có sức ?

Cụ vẫn nói với các bạn đồng tâm rằng : « Phải chi hồi trước mà vua mình cũng biết thời-thế, biết lo-lắng về việc duy-tân như vua Minh-trị nước Nhật-Bản kia ; bọn quan-lại mình đừng có ươn-hèn khốn-nạn quá, và lại có một số đông người thức thời chí-sĩ như hạng Nguyễn-trường Tộ, cố sức duy-tân biến pháp, thì làm gì đến nỗi mất nước ». Nay nước đã mất rồi, người ta trở lại đổ tội cho Nho-giáo, nhưng cụ Phan nói không phải tội ở Nho-giáo, mà tại nơi ta học Nho-giáo không phải đường. Nho-giáo gốc ở nước Tàu, mà chính nước Tàu cũng khốn-đốn, ta theo nước Tàu cũng đả-mđuối theo, là vì mình và Tàu chỉ ôm riết lấy Nho-giáo theo phái Châu-tử, cố-chấp, bảo-thủ quá, thành ra trì-trệ mà không

tiến-hóa được. Đến lúc người Pháp qua lấy đất nọ phá thành kia lung-tung, mà sĩ-phu mình còn chưa tỉnh-ngộ. Xem Nhật-Bản kia, họ cũng theo Nho-giáo đó chứ gì, nhưng họ được lợi hơn, vì họ biết cái học-thuyết Vương-dương-Minh phải tùy-thời biến-thống ; cho nên đến khi tiếp-xúc với Tây-phương một chút, là họ động lòng tri-bỉ tri-kỷ mà tự-cường tấn-hóa ngay. Bao nhiêu triệu người chỉ vì học sai và cố-chấp hủ-bại, đã té nhào xuống cả rồi, dẫu mình cụ có chí nâng dậy, nhưng lấy sức đâu mà nâng cho nổi.

Song le, cụ không chịu thần-phục người Pháp, là vì cụ đã chịu người Pháp về võ-lực thì thôi, chứ không muốn đem thân ra cho sự « thay nhà đổi chủ » nó làm lụy được mình, dù biết là có ích ngay cho mình cũng vậy. Cụ chỉ muốn tự-cao tự-khiết lấy mình mà thôi.

*

Thế sao cụ lại khởi-nghĩa.

Đó lại là vấn-đề khác.

Ta xem như trên kia đã nói, cụ Phan thật là người có chủ-kiến, và tâm-tích của cụ đối với thời-cuộc bấy giờ, thật là rõ-ràng lắm, nhưng sau cụ khởi-nghĩa là vì có hai cố.

Trước là vì có mạng vua.

Sau là vì có lòng người.

Cái gốc luân-lý dựng nước của ta ngày xưa có ba điều cốt-tử : một là *vua*, hai là *thầy*, ba là *cha*. Ba điều cốt-tử ấy có nặng nhẹ trên dưới khác nhau : vua rồi mới đến thầy, thầy rồi mới đến cha. Vua là một bậc chí-đại chí-tôn, thay quyền

Trời để thống-trị chúng-sinh muôn vật. Đã biết có Trời tất phải biết có vua. Đối với vua, hễ ai là người làm dân, cũng phải tôn sùng, vì cho rằng tất cả ngọn rau, miếng cơm manh áo, đều là ơn vua ban cho, muốn báo đáp lại cái ơn ấy, tất phải tôn vua mới được. Bởi cái quan-niệm ấy thành ra vua bảo gì tôi cũng phải nghe. Ai vâng mạng vua, thì là nghĩa-sĩ, là trung-thần, mọi người đều phải kính ; ai trái mạng vua là loạn-thần là tặc-tử, người nào cũng có quyền giết chết đi. Sợ giây luân-lý vô-thượng đó trối những người gọi là « dân » đã chặt, mà trối những người là « quan » lại càng chặt hơn.

Vì sao ? Vì quan đối với vua, còn mắc một cái ơn nặng hơn nữa, là vì vua cho cơm, cho áo, cho phần, cho son ; mang cái ơn ấy, tức là mang một món nợ rất to, không thể nào trốn tránh mà không trả được. Đã được vào hạng mang nợ phần son, cơm áo của vua, thì tất phải hiểu cái nghĩa « *Vua lo, tôi nhục ; vua nhục, tôi chết* » cho nên hễ vua bảo gì tôi cũng phải nghe, tức là để trả cái khoản nợ phần ấy, son ấy, cơm ấy, áo ấy.

Giữa đời cụ Phan Đình-Phùng, nền quân-chủ nước nhà đang cao, đang thịnh, nhất ban nhân-dân ai cùng thờ luân-lý tôn vua, cụ không được không tôn ; huống chi cụ lại còn một tầng nặng hơn các người khác, là ở vào bậc người trải qua mấy đời chịu ơn phần son cơm áo của vua, vậy vua bảo điều chi phải, cụ không được không vâng mạng.

Trong khi đang ngồi xem việc đời, có người đến gọi bảo : « làm ! » mà người ấy lại là ông vua mất thành, mất nước, đang đội gió bụi, nhuộm tuyết sương, vậy theo cái nghĩa « *Vua lo, tôi nhục ; vua nhục, tôi chết* », thế nào cụ cũng phải

vâng. Lại còn một lẽ già hơn nữa : Sao đức Hàm-Nghi không chạy đi đâu, mà chạy ra hai tỉnh Quảng-bình và Hà-tĩnh, là biết hai tỉnh ấy còn chỗ nương-dựa được. Sao vua Hàm-Nghi không bảo ai làm, mà bảo cụ, vì biết cụ là con nhà thế-thần, có đảm-lược, có tài-năng, có thể làm được. Ôn tri-ngộ nặng, lòng ủy-thác to đến thế, khiến cụ lại càng phải vâng mạng mà khởi-nghĩa cần-vương.

Mạng vua đến, thế là cái tư-tưởng chủ hòa của cụ, đã biến thành ra cái tư-tưởng chủ đánh rồi. Đánh được thua, chưa biết đâu, nhưng cũng là để chứng tỏ cho người ta biết rằng : dân tộc Việt-nam này có sức phản-động và quyết tranh-đấu tới cùng.

Cụ vâng mạng vua, không phải là vâng liều đâu. Khi vua truyền lệnh cần-vương, và khi cụ tâu rằng : « vâng », là trong bụng đã có chủ-trương lắm, đã tìm được chỗ nương-dựa để làm được cái vâng ấy, đã tìm được cái sức mạnh, để làm nổi được cái vâng ấy rồi : chỗ nương-dựa và cái sức mạnh ấy, là lòng người.

*

Thật thế, không những vua bảo cụ khởi-nghĩa mà thôi, tới dân cũng bảo cụ cứu-quốc nữa.

Lúc cụ truyền lệnh cần-vương ra, làm rung động lòng người, cho nên nghĩa-sĩ bốn phương đem quân, đem lương, đem nhiệt-huyết về theo rất nhiều. Nội những hào-kiệt ở trong bốn tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh, Bình, trước kia tản-lạc ẩn-núp ở quanh trong núi đỏ rừng xanh, không có ai thống-hợp, mà cũng chưa biết quy-phục ai, thì bây giờ đều dạ theo cái

tiếng gọi của cụ Phan mà ra, để nghe cụ chỉ-huy, có cái thể mạnh như cuốn nước, như đổ mưa, làm cho lòng người sôi nổi. Lòng người ấy đang sắp thêm-thiếp đi, nay giật mình tỉnh dậy. Cho đến những hạng già nua yếu đuối, con trẻ, đàn-bà, không có sức làm gì được, thế mà nghe ba chữ tên Phan Đình-Phùng cũng sinh lòng cảm-động, xót-thương, kính-phục, khẩn Trời vái Phật cho cụ mã đáo thành công... Cho đến những bọn phò đời nịnh thế, chỉ biết mưu cuộc giàu sang vinh hiển, còn ra sống chết mặc ai, hễ thấy ai có bụng yêu nước thương loài, thì bảo đồ ngu, đồ dại, sao dám đem sức châu-chấu đá voi, lấy trứng chọi đá mà chết ; nay thấy cụ kéo cờ khởi-nghĩa lên, gió bay tới đâu, người theo tới đó, thì chúng nó cũng phải kính-phục khen thầm trong bụng rằng : « Giỏi ». Ấy là ta chưa kể đến những hạng giàu có thuở nay bóp chẹt từng đồng, coi lớn hơn tánh-mạng, thế mà bây giờ cũng đều rút ruột ra để giúp cụ làm quân-lương. Lại còn những kẻ cùng-đình hạ-tốt, xưa nay không biết vua biết nước là vật gì, bây giờ nghe nói là cụ cách-mạng cần-vương, họ cũng lặn ngòi noi nước, giải nắng giầu sương, tìm đến nơi để phò-tá... Xem những tình-trạng đó, thì biết lòng người tin phục cụ là bao nhiêu !

Bao giờ cũng vậy, nước nào cũng vậy, những bậc minh-quân, anh-chủ, nghĩa-sĩ, anh-hùng muốn đồ được việc lớn, trước hết phải dò xét lòng người, lấy đó làm một thứ khí-giới cốt tử. Hễ đã có lòng người quy-thuận rồi, thì làm gì mới có thể làm nổi. Cụ Phan Đình-Phùng, đã có lòng người tin phục như thế, là đã cầm một thứ khí-giới mạnh trong tay vậy, can chi chẳng làm ?

Nói tóm lại, vua bảo làm đi, dân bảo làm đi, cụ ở giữa, nếu trái mạng vua là người bất trung, trái lòng dân là người vô dũng. Một người vốn trọng căn-bản quân-thần như cụ, không khi nào chịu làm người bất trung ; một người vốn nặng cái tư-tưởng quốc-gia như cụ, không khi nào chịu làm người vô dũng. Mạng vua đến phải cảm ; lòng dân đến, lại càng không thể bỏ ; hưởng chi cả mạng vua, cả lòng dân, như hai cái sức mạnh thiên-liêng, kéo đằng trước, đẩy đằng sau, khiến cụ nhân cảm sinh ra khí, nhân khí sinh ra dũng, bèn mạnh-mẽ vâng lời vua sai, dân bảo : « Tôi làm, dầu đến chết cũng cam tâm ».

Thế là cụ khởi-nghĩa.

Từ đó trở đi, trước kia cụ chủ hòa bao nhiêu, thì bây giờ lại chủ đánh bấy nhiêu.

Nhưng vậy mà sự-thế lúc ban đầu, bắt cụ phải thua. Thứ nhất là bởi chưa có đất dùng võ. Đang khi thấy thành tan, vua chạy, nước mất, ba cái thảm ấy cùng dồn đến một lúc, khiến cho cụ phải nóng ruột, cho nên khởi binh là khởi binh, chớ chưa kịp tính đến thế giữ, mà cũng chưa kịp tính đến thế đánh. Giữ, mà ở làng Đông-thái của cụ, thì giữ gì được ? Phàm dụng binh, tất phải kiếm một chỗ nào hiểm-yếu để đóng trại làm gốc ; chỗ đất ấy phải có đường giao-thông cho tiện để chuyển-vận được quân-lương và quân khí, rồi tiến lên thì có thể lấn thêm được đất, lui về có thể giữ-vững gốc mình mới được. Làng Đông-thái thì bất quá cũng như những làng khác, nay đem quân đóng ở đó, gọi là hào là hố, chỉ có mấy cái ao nhỏ, gọi là thành là lũy, chỉ có năm ba bụi tre, nếu như người Pháp đem quân về sớm một ngày nào, mà đặt súng

đại-bác nhắm ngay vào, đẩy cho độ mười phát, thì cụ càng sớm thua một ngày ấy, địch làm sao cho được ? Huống chi, ngay đến người trong làng, bên cạnh những người biết yêu nước mà theo, lại có bao nhiêu người trở mặt mà xu-thời, tự nhiên đường đất ở trong làng, và việc hành-động của cụ làm sao quân Pháp lại chẳng biết. Ví bằng không vì việc đánh phá mấy làng có đạo, mà quân Pháp về giải-cứu, đến nỗi cụ thua, thì chậm một hôm nữa, quân Pháp cũng về đến nơi, tức là đại-đồn Đông-thái cũng đến mất. Lại sau khi mất Đông-thái rồi, mà cụ kéo quân đi đánh nay nơi này, mai nơi khác, thế là chưa có căn-bản, tự-nhiên đã có thể thua năm phục ở trong đó rồi.

Thế giữ đã vậy, thế đánh cũng không có. Cái thế đánh quan-hệ nhất ở quân-giới. Quân-giới ngày xưa là gươm đao, dáo mác, mà quân-giới đời cụ tuy là đã dùng súng đạn rồi, nhưng cũng là súng đạn phải cho tốt mới được. Thế mà súng đạn của mình hồi đó, nào có ra hồn ra dáng gì : gọi là súng hạt nổ, gọi là súng thần-công, công-dụng kém hèn quá ; súng người ta thì bắn mau như chớp và đi rất xa, còn súng của mình thì nhồi mãi mới được một phát thuốc để bắn, có khi phát thuốc lại hư không bắn được, mà bắn ra cũng không đi được bao nhiêu đường, sức mạnh có khi cũng không đủ giết người được. Quân kháng-chiến của ta lúc ấy, khí-giới chẳng qua chỉ nhiều gươm dáo, dù có súng đạn cũng là kiểu cũ đồ xưa, có đánh thì lấy gì mà đánh. Thế đánh cũng không có, tức là phục sẵn cái thua nữa rồi.

Song le, chúng ta đừng tưởng một người có chí-khí anh-hùng như cụ, không biết tới những chỗ đó đâu. Cái cơ tất

thua cụ biết trước, vì cụ đã biết sức mình chưa có thể đánh, nhưng mà nhân được lúc lòng người đang nô-nức, nóng-nảy, thì phải chụp lấy mà làm ngay. Tức là gặp được cơ-hội thuận-tiện không thể bỏ qua. Nếu chờ cho khi nào dự-bị được đủ các thứ, thì lòng người nguội mất còn gì, bởi sự thế hồi đó, phải ứng thời, chớ không phải là đãi thời được.

Nhưng, cứ lấy binh-lực bằng súng hèn đạn xấu như vậy, cứ lấy cái cơ-sở bình-bồng nay đây mai đó như vậy, mà cụ gượng-gạo cầm-cự được với quân Pháp trong hai năm trời, nghĩa là từ cuối năm 1885 đến năm 1887, mới thua chạy ra Bắc, đủ biết cái sức chống-chọi của cụ cũng khá, nếu không thì chỉ trong mấy tháng là tan-tành ngay.

Đoạn trên kia đã nói rằng : Cụ Phan ra Bắc, cốt để hiệu-triệu chí-sĩ ngoài Bắc, nổi lên làm thanh-thế cho mình. Hồi đó, phong-trào văn-thân ngoài Bắc cũng lớn lắm, tràn khắp ra hầu hết các tỉnh, thứ nhất là mấy tỉnh Hải-dương, Nam-định, Bắc-ninh, Sơn-tây v.v... tỉnh nào cũng có một vài người xưng hùng. Nhưng trong đó phần nhiều là giặc cỏ, hoặc là chỉ lấy tà-thuật dụ dân, chớ không được mấy người làm đứng-đắn ra việc. Vả lại không hợp sức với nhau, cho nên súng Pháp chĩa tới đâu liền tan tới đó, chẳng thành ra một thế-lực gì đáng kể. Cụ Phan ra Bắc thấy tình-thế như vậy, lấy làm chán-nản, biết rằng văn-thân Bắc-hà không đủ để cho mình nương-dựa được, bèn giả làm một ông tú-tài nghèo khổ ở Nghệ ra, ngồi dạy học một nhà làm ruộng tại huyện Thạch-thất tỉnh Sơn-tây. Cụ ở làng nào và nhà ai, bây giờ không thể hỏi ra được.

Vì lúc bấy giờ, cụ thất-bại mà ra đi, nhưng quân Pháp vẫn

tâm-nã riết lắm, cho nên phải trốn-tránh và đổi tên họ, thành ra ngay đến chủ nhà nuôi cụ ngồi dạy học, có lẽ cũng không biết trong nhà mình có bậc đại-anh-hùng trú chân. Cụ ở Sơn-tây, nhưng vẫn thường có thư từ giao-thiệp với anh em văn-thân ở hạt Đông-triều tỉnh Hải-dương, hồi đó là cái gốc cách-mạng ngoài Bắc, còn có thanh-thế hơn mấy chỗ khác. Song những thư từ giao-thiệp nội-dung thế nào, tôi đã chịu khó mất công sưu-tầm dữ lắm, cũng không thể tìm ra được. Có điều là cứ lấy lý mà đoán thì chắc chỉ là việc cổ-động cách-mạng, và chỉ biết rằng cụ có vật-sắc được một người hào-kiệt về sau cũng nổi lên huyết-chiến với binh Pháp được đến mười mấy năm trời. Người ấy là ông Hoàng Hoa-Thám, tức là ông Đề-Thám. Lúc này, Hoàng Hoa-Thám còn trẻ tuổi, nhưng mà người rất anh-hùng và có khí-khái to, nhân bấy lâu nghe đại-danh cụ Phan, nay dò biết tin cụ ở Sơn-tây, bèn tìm tới để hầu chuyện. Cụ thấy Thám là người đảm-lược chí-khí nên rất đem lòng yêu-mến. Luôn dịp khuyến-khích Thám nên gấp khởi-nghĩa ở Bắc-kỳ.

Nhưng tình-cảnh cụ Phan lúc này buồn rầu lắm. Vì mục-đích ra Bắc khiến cho cụ nản lòng bức chí, đến đổi một người đang muốn vào sinh ra tử, khuấy nước chọc trời, mà phải bình-bồng thác-tích làm một thầy đồ nhà quê, gõ đầu năm ba đứa trẻ, bảo sao không buồn !

Người ta thấy tâm-sự vô-liêu của cụ bộc-lộ ra ở thi-văn.

Sát-khí hùng-phong của ông tướng hồi nào, giờ lại trở về cái thú ngâm-ngã nhàn-nhã của nhà nho.

Còn nhớ ngày mồng một tết năm Mậu-tý (1888), cụ có

bài thơ khai bút như vầy :

流鶯庭外語花枝
花報春歸人未歸
屏嶺百年思日繞
鴻山萬里望雲飛
吾家有教根忠孝
客地無心怨別離
佳節是人行樂處
我逢佳節不勝悲

*Lưu oanh đình ngoại ngữ hoa-chi.
Hoa báo xuân quy nhân vị quy.
Bình lãnh bách niên tư nhật nhiều ;
Hồng-sơn vạn lý vọng vân phi ;
Ngô-gia hữu giáo căn trung-hiếu.
Khách-địa vô tâm oán biệt-ly ;
Giai tiết thị nhân hành lạc xứ ;
Ngã phùng giai-tiết bất thắng bi.*

Một bạn làng nho đã dịch ra quốc-văn, không theo thể thất-ngôn, mà dịch thành một bài lục-bát như sau đây, tôi tưởng chẳng những đúng nghĩa của nguyên văn, lại còn có vẻ hay nữa là khác :

*Tiếng oanh non-nỉ sân ngoài,
Tin xuân về đó mà người ở đâu ?
Ngàn thu một tấm cô-sầu,
Non Hồng núi Ngự mây đầu xa xa ?
Hiếu trung là nếp nhà ta,
Biệt ly đất khách oán mà làm chi ?*

*Tiết vui ai cũng vui vậy,
Mà ta riêng nỗi sầu-bi một mình ?*

Ở chương đầu hết, tôi đã nói văn-chương họ Phan chất-phác hồn-nhiên, nghĩ sao viết thế, không ưa bào-chuốt đẽo-gọt gì ; ta cứ xem bài thi khai bút đó thì biết.

Tuy là văn-chương chất-phác, tâm-sự cùng-sầu, lộ ra trên mấy vần thi, nhưng mà ngoài chỗ ngôn-từ, người ta vẫn nhận thấy chứa-chan tráng-khí nhiệt-trường đối với quân-vương, với gia-quốc.

Gặp phải cảnh buồn thì buồn, nhưng cái chí cần-vương cứu-quốc như đã kết tinh lại rồi, không có một sức mạnh gì đánh cho tan, đập cho bể ra được nữa.

Ta nên biết với cái thân-thể phiêu-lưu vô vọng như Phan lúc này, nếu một người khác kém sút nghị-lực can-đảm, tất phải sinh ra chán-nản mà nản-chí biến-tâm. Rồi, bằng không mai-danh ẩn-tánh, cầu lấy sự trong-sạch yên-ổn suốt đời thì cũng tùy thế theo thời, tìm đường ra thú để mưu lấy công-danh sự-sản cho sướng tấm-thân, chớ tội gì đeo-đuổi mãi cái gánh giang-san nguy-hiểm ở trên vai cho mệt !

Song, với một người có quyết-tâm nhiệt-huyết như cụ, sự buồn-rầu, sự thất-vọng đã không thẳng nỗi được người, lại còn rèn đúc cho người được gan thêm cứng, khí thêm mạnh. Bởi vậy, cụ suy-nghĩ nếu không nhờ được lực-lượng văn-thân Bắc-hà nổi lên thanh-ứng với nhau thì thôi, ta lại trở về quê nhà, chốn cũ, góp-nhóp tàn-quân, tụ-hợp cựu-tướng, rồi lại đánh liều vào ra sinh-tử một phen nữa đến chết là cùng.

Cụ bèn quyết kể trở về Hà-tĩnh, thì vừa có mật-thư của

Cao-Thắng gửi ra nói rõ sự-tình và mời cụ về gấp. Tức-khắc cụ sửa-soạn lên đường nội ngay bữa đó, Hoàng Hoa-Thám xin đi theo, nhưng cụ cản lại mà nói : « Nếu nhà người có chí làm việc lớn, thì ngay ở đất Bắc, không thiếu gì chỗ có thể dụng võ, miễn là phải biết đại-trượng-phu ở đời chớ có ngại gì những bước chông gai, cứ một mực bền gan sắt đá, đến chết mới thôi ».

Người ta nói rằng cách ít năm sau, Hoàng Hoa-Thám xưng hùng ở Yên-thế, đương đầu với Bảo-hộ có trên mười năm, cho tới lúc chết, phần nhiều có chịu ảnh-hưởng kích-thích của Phan trong lúc « lâm-biệt tặng ngôn » này đó.

Việc quan-phòng của Bảo-hộ gắt-gao, đến đổi Phan không dám đi đường bộ, mặc dầu mau hơn. Cụ phải đi đường biển mà về. Ghe vô tới bến làng Mân-xá ở chân núi Hồng-sơn, gần chợ Chế thuộc huyện La-sơn.

Cao-Thắng đem quân nghênh-tiếp tại đây. Cụ bước lên bờ, vui mừng cảm-động hiện trên sắc mặt, vỗ vai Cao-Thắng mà nói : « Nay chúng ta lại có thể đốt cháy ngọn lửa đã tàn, làm tươi nhành cây đã héo, thật nhờ có sức nhà người lao-khổ kinh-doanh biết mấy ! »

X. NÚI VỤ-QUANG

Thế là cuộc kháng chiến của họ Phan lại phùng-phùng nổi lên như lửa cháy.

Cao-Thắng đón rước cụ về tạm đóng trên mấy trái núi Trùng-khê, Trí-khê, thuộc huyện Hương-khê. Nghe tin, tướng-sĩ cũ lại quy-tập đông-đảo. Cao-Thắng nắm rõ công-việc từ khi cụ đi, ông ta ở nhà mưu tính khôi-phục và chế-tạo khí-giới ra thế nào. Lại trình cụ bức mật-thư của người khách lạ năm trước đã đến mách tin cho ông đi cướp được súng Pháp về làm kiểu, rồi trao cho ông bức thư này để trình cụ Phan liền khi cụ ở Bắc trở về.

Nghe nói là mật-thư, cụ lấy làm lạ, tưởng là cấm-nang diệu-kế gì đây ; chùng mở ra xem, không tên, không họ, không tháng, không ngày, chỉ vón vện có 14 chữ viết thật răn-rỏi, là hai câu thi của Viên-Mai, thi-sĩ đời Thanh nước Tàu :

*Tự cổ giang sơn nhàn bất đắc
Bán quy danh-sĩ, bán anh-hùng*

Nghĩa là : *Từ trước non sông nhàn chẳng được ; nửa vì danh-sĩ, nửa anh-hùng.*

Cụ xem rồi chỉ cười lạt và xếp lại cất đi, không nói gì hết. Chư tướng không ai hiểu ý của người khách lạ kia muốn nói gì ; chỉ cho là một anh đồ gàn nói bậy hay khoe chữ vậy thôi. Hoặc là người ấy muốn khen cụ Phan, hoặc là ngụ ý nói cụ khổ tâm bền chí, nhưng cũng chỉ quanh-quẩn trong rừng núi là cùng không bước ra xa được đâu, vì thiên-mạng và thời-

thế đã làm một chuyện dĩ nhiên mất rồi.

Song ai cũng chỉ phỏng-đoán thế thôi, còn thâm-ý của người kia ra sao không biết ; nhất là thủy-chung không chịu nói ra danh tánh, càng lạ kỳ hơn.

Cụ trở về Hà-tĩnh, mới biết rõ nguyên-nhân vua Hàm-Nghi bị bắt là do tên Trương-quang-Ngọc báo Pháp về bắt ngài. Tức thời cụ điểm binh thân-hành lên tới đất Mọi bắt tên Ngọc ra chém đầu và khám-xét trong nhà nó, thấy một cây bảo-kiếm của vua Hàm-Nghi mà nó lấy trộm. Xa gần, ai nghe việc báo-cửu tuyết-hận này đều lấy làm hả dạ vui lòng, cho nên hào-kiệt hữu danh ở tỉnh Hà-tĩnh như Ngô-Quảng, Nguyễn-Cấp, Vũ-Phát, và Thanh-hóa thì Cầm Bá-Thước, v.v... đều đem quân về để cụ sai khiến. Bộ-hạ thêm đông, thanh-thế vang-dậy.

Nhưng nếu bây giờ không sắp-đặt thế nào, mà cứ quanh-quẩn ở trong rừng núi, nay yên thì ở núi này, mai động lại sang rừng kia, rốt lại tất-nhiên cũng đến thất bại như trước. Vì đó, bây giờ cụ tính cách cho bền thế giữ đã, rồi mới tính đến thế đánh sau.

Cách xa Trùng-khê, Trí-khê độ mấy chục dặm, có dãy núi là núi Vụ-Quang. Tục gọi là *Ngàn Trươi*, địa-thế hiểm-yếu, cụ Phan lựa chọn làm nơi đóng đại-đồn.

Ngàn Trươi, một khu rừng núi thật hiểm-hóc quanh-co và có địa-thế lợi-tiện cho việc dụng binh là nhờ có ba con đường độc-đạo : mặt trước ngó ngay ra đồng bằng, có thể dòm được tỉnh thành Hà-tĩnh, đằng sau toàn là rừng rậm, có đường-lối bí mật đi qua đất Lèo mà sang Xiêm ; còn một con

đường nhỏ nữa, thì thông suốt qua tới núi Đại-Hàm. Núi này cũng là một chặng núi hiểm-hóc : sơn-mạch liên-tiếp nhau và đột-ngột, khuất-khúc, cứ mỗi trái núi có một khe suối, hai bên bờ khe nào cũng có lau sậy mọc lên cao quá đầu người. Đường-lối đi vào rất gay-go, nếu ai không thuộc thì không tìm được đường vô, hay là vô rồi mà không thuộc địa-thể cũng không biết đường mà ra.

Từ Vụ-quang mãi tới Trùng-khê, Trí-khê, dài đến gần một trăm dặm, bây giờ đều có đồn-trại liên-tiếp của nghĩa-binh dựng lên. Đồn trại dựng toàn bằng cây bần-chắc, lấy ngay ở trong rừng, dựa theo thế núi, thế nước mà đóng để cho tiện việc chống giữ, việc ăn uống, cùng là việc chuyên-chở binh-gia lương-thực đi lại. Rộng ra đến bốn tỉnh Thanh, Bình, Nghệ, Tĩnh, phàm là miền thượng-du sơn-cước đều rải-rác có đồn-trại nghĩa-binh. Đồn lớn thì một Đề-đốc đóng, còn đồn nhỏ thì một Lãnh binh.

Cụ chia ra mỗi viên tùy-tướng làm chủ một địa-phương, gọi là một *quân-thứ* (nghĩa là chỗ quân đóng). Mỗi một quân thứ ở hạt nào đều lấy ngay tên của hạt ấy mà gọi cho tiện cho việc tiếp-ứng tư-báo. Mỗi quân thứ đóng ở hoặc một tỉnh, hoặc một huyện, hoặc một tổng, hoặc một làng, tùy theo chỗ đóng binh có quan-hệ đến việc vận lương hay là việc quân-bị thế nào ?

Phan chia nghĩa-quân thống-thuộc trong tay mình ra 15 thứ như sau này :

- *Khê-thứ* (huyện Hương-khê) : **Nguyễn-Thoại**
- *Can-thứ* (huyện Can-lộc) : **Nguyễn-Trạch, Nguyễn-**

Dật

- *Lại-thứ* (tổng Lại-thạch) : **Phan Đình-Nghinh** (cháu cụ)

- *Bình-thứ* (tỉnh Quảng-bình) : **Nguyễn-Thụ** (ông này là người Thanh-hóa nguyên là tướng cũ của ông Tôn-thất Thuyết, về theo cụ chỉ-huy, nhưng sau có tội, bị cụ chém đầu).

- *Hương-thứ* (huyện Hương-sơn) : **Nguyễn-huy Giao**

- *Diễn-thứ* (phủ Diễn-châu) : **Trần-Vinh**

- *Anh-thứ* (phủ Anh-sơn) : **Nguyễn-Mậu**, (ông này đậu Phó-bảng võ)

- *Nghi-thứ* (huyện Nghi-xuân) : **Ngô-Quảng**

- *Lễ-thứ* (làng Trung-lễ, thuộc phủ Đức-thọ) : **Nguyễn-Cấp**

- *Cẩm-thứ* (huyện Cẩm-khê) : **Huỳnh Bá-Xuyên**

- *Thạch-thứ* (huyện Thạch-hà) : **Nguyễn-Thuận**

- *Kỳ-thứ* (huyện Kỳ-anh) : **Vũ-Phát** (ông này tuy đậu võ-cử nhưng học văn cũng hay chữ)

- *Lệ-thứ* (huyện Lệ-thủy) : **Nguyễn-Bí**

- *Thanh-thứ* (tỉnh Thanh-hóa) : **Cầm Bá-Thước** (ông này là tù-trưởng dân Mán ở thượng-du tỉnh Thanh, thường đem một thứ sản-vật rất quý ở bốn tỉnh là ngọc-quế, dâng nạp cụ Phan để bán lấy tiền làm quân-lương khí-giới)

- *Diệm-thứ* (làng Tình-diệm) : **Cao-Đạn** (núi Đại-Hàm thuộc về trong quân-thứ này)

Mỗi quân thứ như thế, tùy theo địa-thể quan-hệ hơn kém mà đóng quân nhiều hay ít. Quân ấy tuy là bộ-hạ riêng của mỗi ông văn-thân võ-tướng kể tên trên đây, nhưng bây giờ đều ở dưới quyền cụ Phan điều-khiển chỉ-huy. Cụ hạ-lệnh nhất thiết phải mặc một sắc binh-phục, võ-trang y nhau. Lại mỗi quân-thứ phải kén trong quân mình ra hoặc hai chục hoặc ba chục tên kiện-tốt, về đóng ở đại đồn núi Vụ-Quang, gọi là quân túc-trực, phòng khi có việc quân, truyền báo hiệu-lệnh ra quân thứ nào, thì sẵn có binh-lính của quân thứ ấy mà sai khiến, vì họ đã thuộc đường-lối giao-tiếp với bốn trại, tự nhiên sự đi về mau lẹ dễ-dàng. Phàm những kỷ-luật trong quân, chính tay cụ Phan thảo ra rất là nghiêm-minh, thi-hành đều các quân-thứ.

Lúc này các quân-thứ nào cũng có hoặc từ 100 cho đến 500 quân, còn ở đại-đồn Vụ-Quang, thì lúc nào cũng có 500 quân, toàn là quân tay súng kiểu mới và luyện tập bắn giỏi hết thảy.

Có 20 tên thân-binh tử-sĩ hầu-hạ luôn ở quanh mình cụ là đại-nguyên-soái, để hộ-vệ và truyền-phát hiệu-lệnh đi các đồn trại. Một viên kiện-tướng của cụ là Nguyễn-Mục làm thống-tướng đội quân tử-sĩ ấy, cụ Phan đi đâu cũng đi theo từng bước.

Còn vấn-đề lương-thực, là mạch máu của ba quân, cụ cũng sắp-đặt dự-bị cẩn-thận lắm. Dân ở mấy tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh, Bình, hồi này đã thuộc hẳn ở dưới quyền chính-phủ Bảo-hộ rồi, người đã phải đóng thuế-thân, ruộng đã phải đóng thuế điền, sự gánh-vác nhiều hơn lúc trước ; nhưng cụ Phan lấy nghĩa-lý mà hiểu-dụ cho dân, đại-ý nói rằng :

nghĩa-quân bây giờ cần phải có dân giúp cho về chỗ lương ăn, thì mới có thể yên-ổn bề trong, mà có yên-ổn bề trong, thì bề ngoài mới có thể chống-giữ với quân Pháp. Cụ không cần lấy của dân nhiều : mỗi mẫu ruộng hàng năm chỉ cần dân đóng-góp cho nghĩa-binh một đồng bạc mà thôi. Nhân-dân hạt nào cũng vui lòng đóng góp, không lấy sự phải đóng góp hai nơi làm nặng-nề và không ai oán-hận gì cả. Ngoài ra sự đóng thuế, dân làng còn đem sản-vật và lúa gạo lên cung-cấp cho nghĩa-binh làm lương-thực nữa. Xem đó thì biết lòng dân thương-yêu cụ là thế nào ? Rất đổi có nhiều người vì việc cụ làm mà đến khuynh-gia bại-sản cũng cam tâm. Ấy là không nói gì đến mấy kẻ giàu có biến lận, ngày thường không dám lợi ra đồng xu bát gạo nào giúp ai, thế mà bây giờ cũng phải theo gương phần đông và sợ oai-thế của văn-thân, rồi tự đem gạo tiền đóng góp.

Lệ định, tới kỳ thuế thì dân ở địa-phương nào, đem tới chỗ có quân-thứ ở địa-phương ấy mà nạp. Mỗi quân-thứ thu được bao nhiêu có vào sổ-sách phân-minh, trừ ra các khoản chi tiêu trong quân-thứ mình rồi, còn thì phải đem nạp lên đại-đồn. Cụ ra nghiêm-lệnh cho các quân-thứ, không được hà-lạm, không được lược-đoạt tài-sản của dân, không được dung-túng cho thủ-hạ làm một việc gì trái phép.

Ở trong đại-đồn, cách thức trữ lương như sau này : đào những hầm-hố to lớn ở đất cao-ráo trên núi, châu-vi mỗi hầm ước độ 30 trượng, trước hết dùng cây khô và cỏ khô chất đầy, đốt lửa cháy lên cốt làm cho đất chỗ ấy cứng lại như đá, rồi sau mới đổ thóc gạo xuống đó. Trên mặt hầm đầy bằng những ván cây, lại lấy lau sậy và lá khô che phủ kín-

mít, khiến cho không ai biết chỗ để lương. Dầu địch-quân muốn cướp lương của nghĩa-quân cũng không biết chỗ nào mà cướp. Từ núi Vụ-Quang đến núi Trùng-khê Trí-khê, cứ cách 3 dặm hoặc 5 dặm, có một chỗ trữ lương như thế. Chỗ nào có hầm trữ lúa thóc, thì cũng có trữ luôn cả những khí-cụ xay lúa giã gạo. Làm vậy để lúc nào quân lính cần dùng gạo ăn, sẵn-sàng có đồ xay giã. Việc xay lúa giã gạo, có riêng một đội quân trông coi gồm những kẻ già yếu, không thể ra trận được ; chức-vụ của họ phải lo ứng-biến gạo củi và đồ ăn cho các trại có đủ luôn luôn.

Trên núi Vụ-Quang, lại có một trường chế-tạo súng đạn đêm ngày. Cách thức chế-tạo cũng theo như cách thức hồi trước Cao-Thắng đã làm, nghĩa là chế-tạo súng kiểu tây, còn tài-liệu để dùng chế-tạo cũng mua của dân làng. Chính cụ đốc-thúc cho thợ làm ngày đêm không nghỉ, hễ chế-tạo ra được bao nhiêu, thì phân phát đi mỗi quân-thứ một ít. Song vì tài-liệu mỗi ngày một hiếm-hoi thiếu-thốn, dân làng không lấy đâu được nhiều sắt hự, đồng cũ để cung-ứng cho nghĩa-quân nữa, thành ra việc đúc súng tây cũng bị ngăn-trở và không chế-tạo ra được bao nhiêu. Đã vậy mà nghĩa-quân hồi này lại đông thêm nhiều, cho nên không có súng mới đủ dùng, phải dùng cả gươm đao là đồ khí-giới cũ nữa. Còn thuốc đạn, thì cụ Phan cho người tâm-phúc mạo-hiểm do núi Vụ-Quang đi đường tắt trong núi rừng qua Lèo rồi sang Xiêm mua về, nhưng cũng vì đường xa hiểm-trở, mỗi lần đi lại như thế lâu-lắc ngày giờ, thành ra đúc đạn, bốn phần là thuốc của ta chế ra, chỉ pha-trộn vô có một phần thuốc mua bên Xiêm thôi.

Tuy vậy, nghĩa-quân lúc bấy giờ đã có thanh-thể mạnh và tổ-chức hẳn-hoi, khiến cho tướng-sĩ Pháp ngó thấy, cũng phải thầm khen cái tài dùng binh của cụ Phan. Vì cụ sắp-đặt quân-lính có cơ-ngũ, luyện-tập tướng-sĩ có kỷ-luật, lại đến mọi việc quân-lương quân-giới, nhất thiết đều dự-bị có khuôn-phép tử-tế. Nhất là ông đại úy Gosselin viết cuốn sách « Empire d'Annam » có đoạn khen ngợi Đinh-nguyên Phan Đình-Phùng có tài kinh-doanh việc quân, biết luyện tập sĩ-tốt theo phép Thái-tây v.v... một chương nói về Cao-Thăng trên kia, tôi đã thuật kỹ rồi.

Hình như hồi giữa năm Kỷ-sửu (1889), Tôn-thất Thuyết ở bên Tàu có viết thư sai người đem về đưa cụ Phan.

Lúc này Tôn-thất Thuyết vẫn còn sống ở Quảng-tây, chỉ vì nghe tin vua Hàm-Nghi đã bị bắt rồi, thành ra ông ta ở luôn bên Tàu không về nữa. Bây giờ có người trốn sang Tàu đem hết công-cuộc tổ-chức nghĩa-quân của cụ Phan nói rõ với Thuyết nghe, Thuyết mừng lắm, liền sai tên gia-nhân trung-tín là Trần-Thế đem một bức thư về nước lần-mò tới đại-đồn Vụ-quang để diện-trình cụ Phan. Trong thư, Thuyết khen tài-chí của cụ và phong cụ là Bình-trung tướng-quân. Cái cử-chỉ ấy tỏ ra Thuyết coi mình như còn làm tể-tướng, vẫn có quyền-hành vậy. Thuyết lại nói : Hiện nay trong nước như không có trào-đình, không có vua-chúa, vậy thì nơi tướng-quân khởi-nghĩa có thể coi như nơi trung-khu của nhà nước, tướng-quân cứ tùy-tiện làm việc, chọn người mà dùng, cốt giữ-vững lấy đức liêm-chánh công-bình mà lo-toan việc lớn v.v...

Nhân có bức thư và mấy lời Thuyết ân-cần như thế, nên

chi cụ Phan viết câu liên này dán ở đại-đồn, giữa Nghị-sự-đường :

*« Liêm bình khâm tướng huân
Ưu nhục lẫm thần tâm ».*

Câu trên có ý tỏ mình vâng lời quan tướng Tôn-thất Thuyết khuyên-răn liêm-chánh công-bình. Còn câu dưới có ý rằng : vua lo tôi nhục, vua nhục tôi chết, nay vua Hàm-Nghi đã mất nước tan nhà, ủy-thác việc lớn cho cụ, thì cụ xin sắt-đá một lòng, không bao giờ dám trái, quyết làm cho kỳ thành công hay là đến chết mới thôi.

Dầu sao, cái khí-vị nhà nho cũng vẫn còn. Tuy là hồi này chủ-trương lo-lắng việc võ, nhưng cụ Phan cũng không bỏ việc văn, và không quên cái thú ung-dung ngâm vịnh. Thiệt là một vị nho-tướng. Ở giữa lúc máu sắt ngổn-ngang, ngồi giữa chỗ gươm-đao lạnh-lùng, thế mà mỗi khi có chuyện gì sanh tình, sanh cảm, nên vịnh nên ngâm, thì vị nho-tướng ta cũng cứ ngâm vịnh một cách ung-dung nhàn-hạ. Bởi vậy lúc này chính tay cụ viết những thư từ giao-thiệp và soạn ra thi-ca cũng nhiều, nhưng sau thất truyền và tản-lạc đi hết. Hồi năm 1925, kẻ viết truyện này về tới những chỗ có dấu tích cũ, thăm viếng thờ-than, và tìm đến các bậc phụ-lão ở quanh núi Vụ-Quang, muốn đổi bạc trăm lấy một mảnh giấy còn-con có bút-tích cụ Phan cũng không có. Còn thi-ca của cụ, các bậc phụ-lão cũng chỉ nhớ sót một đôi bài đọc cho mình nghe mà thôi. Mà gốc tích cũng còn có lắm chỗ đáng hoài nghi, không chắc. Tức như bài thi dưới đây, người ta nói quyết là bài cụ Phan gởi cho ông Phan Trọng-Mưu, sau hồi tiếp thư của Tôn-thất Thuyết, ở bên Tàu gửi về như đã nói ở

trên.

Phan Trọng-Mưu là anh em đồng-chí, đồng-hương, lại hình như đồng-tộc với cụ Phan, trước đây cũng tụ hiệp văn-thần khởi nghĩa một lúc – giữa lúc chính cụ Phan đang bôn ba lưu-lạc ngoài Bắc – nhưng đến khi cụ Phan ở Bắc trở về tái-tạo cơ-đồ thì ông Phan Trọng-Mưu đã thất-bại tan-tành, chạy trốn ra tỉnh Nam-định, rồi Hoàng Cao-Khải đem ra quy-phục chánh-phủ Bảo-hộ. Người ta nói chính hồi Phan Trọng-Mưu trốn ở Nam-định thì cụ Phan gửi ra bài thi sau đây :

閼閼吾門三世相
山河故郡昔年兵
人從別久思同志
事到辰艱愧大名
老將誰人稱鑠鑠
儒臣何策誓清平
徘徊五夜心千里
遙向轅前借一鳴

*Phiệt duyệt ngô môn tam thế tướng,
Sơn hà cố quận tích niên binh.
Nhân tòng biệt cửu tư đồng chí,
Sự đáo thời gian quý đại danh.
Lão tướng thù nhân xưng quắc thước,
Nho thần hà sách thệ thanh bình.
Bồi hồi ngũ dạ tâm thiên lý,
Dao hướng viên tiền tá nhất minh*
Có người dịch ra thể văn lục-bát như vậy :
Ba đời khanh-tướng nhà ta,

*Đạo binh năm trước, sơn hà cõi xưa.
Người đồng-chí, nổi tương-tư,
Trông thời-thế những riêng như hổ mình.
Nhà nho khôn chước thanh bình,
Nhà tài quắc-thước đã đành có ai ?
Năm canh lòng những bồi hồi,
Xa xa may cũng thấu ngoài cửa viên.*

Lấy ý mà đoán, bài thơ này tôi nghi là của ông Phan Trọng-Mưu gửi cho cụ Phan Đình-Phùng mới phải. Nhưng cứ nghe bao nhiêu người truyền-tụng thì bảo là của cụ Phan Đình-Phùng.

Ông Phan Trọng-Mưu lúc bấy giờ đã thất-bại, nhưng chưa ra mặt đầu hàng, hãy còn trốn-tránh một nơi, nghe tin cụ Phan quật-cường tái-khởi thì ông mừng cho hương-quốc mà hổ-thẹn cho mình ông, cho nên cứ xem ý-tứ và khẩu-khí trong bài thi, đáng lý là ông Phan Trọng-Mưu than-thở với cụ Phan thì phải hơn. Nhất là câu cuối-cùng : « *Dao hướng viên tiền tá nhất minh* » càng rõ-ràng lắm. Nhưng người ta cãi lại, nói rằng điệu thi chất-phác tự-nhiên này chính là cụ Phan, chứ ông Trọng-Mưu đặt thì răn-rỏi tài ba hơn kia.

*

Cùng trong hồi này, ông Tuần-phủ tỉnh Hà-tĩnh là Võ-Khoa, với cụ vốn có tình quen biết, lại có lòng kính trọng chí-khí cụ, nhưng ông nhằm thời-thế khó nổi chuyển-văn cứu-vớt gì nữa, nên ông có ý khuyên cụ bãi binh quy-ấn là hơn. Có điều ông không dám nói rõ ra, chỉ ngụ ý kín-đáo bằng mấy câu thi gửi bí-mật cho cụ như vậy :

既無夏雨蘇兵火
安使春風徧沍寒
祇為吾州遺一愛
此回寧負此江山

*Ký vô hạ vũ tô binh hỏa,
An sử xuân phong biến hủ hàn.
Kỳ vị ngô châu di nhất ái,
Thử hồi ninh phụ thử giang san.*

Người ta dịch ra lục-bát là :

*Mùa hè khôn rưới lửa nồng.
Gió xuân chi để lạnh lòng khắp nơi.
Châu ta còn có một người,
Lúc này bao nỗi phụ lời non sông.*

Chắc cụ hiểu ý ông bạn nay đã làm quan với Bảo-hộ mà lại trấn-nhậm tỉnh Hà-tĩnh, chính là quê-hương và chính là địa-phương cụ đang dụng võ, nên cụ đáp ý nguyên-vận để tỏ ý-chí quyết-liệt của mình :

百年尊社子懷熱
一片孤忠賊膽寒
寄語同人知也否
楚王勢力拔河山

*Bách niên tôn xã dư hoài nhiệt,
Nhất phiến cô trung tặc đảm hàn.
Kỳ ngữ đồng nhân tri dã phủ,
Sở vương thế-lực bạt hà sơn ?*

Cũng có người dịch sẵn :

*Chí ta cứu nước đang nồng,
Lòng ta trung dũng lạnh lùng địch-quân.
Ai về nhắn hỏi đồng-nhân,
Sở-vương sức mạnh bạt-sơn bao giờ ?*

Bởi ông Võ-Khoa có nhắn miệng người tâm-phúc đem thư, nói cho cụ Phan biết binh-lực của Bảo-hộ hùng-cường ra thế nào, cốt để khuyên cụ đừng chống lại làm gì vô-ích, nên chi cụ có câu họa vắn dưới chót đó.

Xen vô câu chuyện, tôi muốn đem một vài bài thi ra như thế, chủ-ý là để chứng-tỏ khí-phách tâm-chí của Phan lúc nào cũng cương-quyết-liệt. Ta xem cụ kinh-doanh công-cuộc để kháng thế kia, tấm lòng sắt đá bày-tỏ ra khẩu-khí thi-văn thế nọ, đủ biết cụ ôm vững cái quyết-tâm đã làm thì cứ làm, có thua cũng mặc, đến chết mới thôi, không có ai và không sức nào làm cho lui sợ mà bỏ cái quyết-tâm ấy được.

Huống chi, giờ đã có căn-bổn hiểm-yếu, có binh-lực ít nhiều, thì dầu phải thua cũng còn lâu, chết được cũng còn khó.

*

Thiệt vậy, quân-thế và binh-lực càng ngày càng mạnh thêm, văn-thân võ-sĩ xa gần kéo về quy-phục để vâng lời cụ tiết-chế rất nhiều.

Cụ sai anh em Cao-Thắng, Cao-Nữu hoạt-động ở phía ngoài, để lo công-việc trù-biện binh-lương và rèn-tập chỉ-bảo các quân-thứ. Anh em họ Cao đi, gặp binh lính Bảo-hộ sai đi tuần-tiểu ở đâu, tức thời đối chiến giao-phong ở đó, chẳng sợ chẳng lui. Hai họ Cao đã đánh được nhiều trận rất kỳ, đến đổi

lính-tập Bảo-hộ biết tài can-đảm thiện-chiến, hễ nghe đạo quân nào là đạo quân Cao-Thắng, thì họ phải dè-dặt, không dám giao-phong táo-bạo. Cao-Thắng là người kiêu-dũng, tài võ-nghệ, khéo dùng binh, mà xuất trận bao giờ cũng dẫn mình ra trước sĩ-tốt, chịu xông-pha lửa đạn rất là hăng-hái, ai cũng phải kinh là hổ-tướng.

Còn cụ Phan thì cứ đóng yên ở trên núi Vụ-Quang, bày nghĩ cơ-mưu, hiệu-lệnh các tướng.

Chính-phủ Bảo-hộ thấy phong-trào văn-thân của họ Phan gây nên trăn-lan to lớn, bèn sai các ông Lê Kính-Hạp, Phan Huy-Quân, Thái Văn-Trung, vân vân, trước sau đến sáu bảy ông kế chân nhau làm Tiểu-phủ-sứ, hiệp với lính-tập và binh tây đi đánh giặc, nhưng trải mấy năm biết bao tổn-kém nhọc-nhăn, vẫn không ăn thua gì.

Cụ Phan có tiếng là một ông « *Sơn trung tế tướng* », Nhân-sĩ ở Thanh, Nghệ, Tĩnh, Bình, tặng cụ cái huy-hiệu như thế.

XI. CHÂU-CHẤU ĐÁ VOI

TUY vậy, Nghĩa-quân có binh-lực kha-khá, có súng đạn ít nhiều, là nói với mình, chớ so-sánh với binh-lực khí-giới của quân Pháp, thì bên mười bên một, như chuyện châu-chấu đá voi. Nghĩa-quân muốn bước khỏi căn-bồn rừng núi của mình mà ra ngoài để tung-hoành lớn-lao hoạt-động gì cũng khó.

Nhưng cũng phải nói rằng Bảo-hộ đánh giệp Phan Đình-Phùng cũng hao-tổn mất nhiều ngày giờ, công-phu và tiền-bạc, chính mấy ông quan-binh đem lính-tập đi tuần-tiểu hồi đó như ông Đại-tá Gosselin đã nói rõ-ràng.

Quân Pháp đặt ra ba chỗ đóng đại-binh, để vây bọc và tiểu trừ nghĩa-quân Phan Đình-Phùng.

Thứ nhất là đồn Minh-cầm và đồn Thuận-bài ở mạn sông Gianh (*Linh-giang*) thuộc tỉnh Quảng-Bình. Đồn Minh-cầm là một đồn lớn, lập ra từ năm 1887, giữa năm vua Hàm-Nghi còn ở Quảng-Bình mà bọn cựu-thần như các ông Lê-Trực, Nguyễn Phạm-Tuân, và con của Tôn-thất Thuyết là Tôn-thất Đạm, đang khởi binh cần-vương, có thế-lực mạnh. Còn ở Hà-tĩnh thì đảng Phan Đình-Phùng.

Đại-úy Monteaux lập đồn Minh-cầm cốt để chống giữ cả mấy phía. Sau vua Hàm-Nghi bị bắt, thì ông Lê-Trực ra hàng, ông Nguyễn Phạm-Tuân và ông Tôn-thất Đạm đều tự-tử, chỉ duy nghĩa-binh họ Phan ở Hà-tĩnh vẫn còn, cho nên quân Pháp đóng tại Minh-cầm còn thêm ý-nghĩa là cốt ngăn đường sông Gianh không để cho phong-trào kháng-chiến tràn vào đến Huế.

Thứ hai là ở tỉnh-thành Hà-tĩnh và tỉnh-thành Nghệ-An. Hai nơi này, quân Pháp cũng đóng trọng-binh, tức là để bịt đường không cho họ Phan có cách tiếp-tế giao-thông với Bắc-kỳ.

Lại gần ngay bên làng Đông-thái, quân Pháp cũng lập một đồn đóng binh, là đồn Linh-cảm. Đồn này cũng trọng-yếu, vì chặn ngay đầu con đường một mặt lên Ngàn-Trười, một mặt lên Đại-Hàm là nơi căn-bản của họ Phan.

Ấy là mới kể mấy đồn to, còn những nơi xung-yếu khác, quân Pháp cũng có lập đồn đóng binh rải-rác, kể ra không hết.

Lúc này toàn cõi Việt-nam đã vào trong tay Bảo-hộ rồi, còn dư một hai nơi nào chưa chịu phục, như miệt Nghệ-Tĩnh, việc đánh-giep chỉ dùng lính-tập. Một là vì đánh phá những chỗ này không phải như là hạ một tỉnh thành-nào ; đánh giệp văn-thân, tất phải lặn suối trèo đèo, ăn uống cực khổ, lính Pháp không thể chịu được. Và lại hồi đó, ở Trung-kỳ có dịch-tả phát lên ; lính Pháp không phục thủy-thổ nóng-bức mà chết đến ba bốn ngàn người, cho nên Bảo-hộ không muốn dùng tới đại-binh là người Âu-tây đi giệp văn-thân. Còn một lẽ khác, là hồi nói đây cuộc Bảo-hộ đã lập xong cả rồi, các quan võ không được quyền sắp đặt việc chánh-trị trong xứ, chánh-phủ bên Pháp phái qua một vị quan văn đại tài là Paul Bert (năm 1886) để bố-trí công việc cai-trị, ông không muốn dùng đến sức đại-binh, e làm náo-động lòng người ở bên tây thành ra chỉ phái mấy vị quan-binh tây làm đầu, đem lính-tập Annam đi đánh giệp văn-thân thôi.

Sự thiệt, nhờ sự huấn-luyện của quan binh Pháp, lính-tập Việt-nam đi trận-mạc giỏi lắm. Họ khoái có mấy mẫu lương-diền, mong được găng mẽ-đai quận-công, và lãnh thưởng phẩm-hàm bổng-lộc kia nọ, lắm phen lính-tập Việt-nam vì Bảo-hộ mà xung-phong đột-trận, lập nên được nhiều kỳ-công tỏ ra lắm can-đảm. Các vị quan binh Pháp cai-quản lính-tập, đều phải ngợi khen họ và lấy làm vừa lòng. Nhất là nhiều khi có việc loạn-lạc giặc cướp gì, thường nhờ có công-trận của lính-tập mà giệp yên được rất mau. Cái kết-quả ấy, thật bởi người Pháp khéo tập-rèn đã đành, mà cũng vì lính-tập thuộc đường-đất, chịu thủy-thổ, và lại cũng có can-đảm nữa. Một vị lão-tướng Pháp đã nói công-bằng như vầy : « Sang chiếm được nước Nam, là công-lao của lính Pháp, mà giệp yên được văn-thân trong xứ, là công-lao của lính-tập ».

Thế là hồi đó nghĩa-quân họ Phan, tiếng là nổi lên cầm-cự với binh Pháp, nhưng kỳ thật là đánh nhau với lính-tập là anh em đồng-loại. Bởi thế cụ thường truyền lệnh cho ba quân rằng : « Hễ đi giao-chiến, có gặp cảnh vạn-bất-đắc-dĩ hãy bắn giết lính-tập, bởi họ là anh em đồng-bào với mình »

*

Có một hôm, các tướng đem binh ra ngoài có việc hết cả. Trong đại-đồn, chỉ duy còn có 20 tên lính thân-binh tử-sĩ, mà trong số 20 tên lính ấy chỉ có 14 khẩu súng mà thôi. Chợt có hơn 100 quân Bảo-hộ, gồm có mấy viên cai đội Pháp, còn thì toàn là lính-tập, do hai viên quan võ quản-xuất, đi tuần-tiểu sắp tới nơi. Đồn ngoài báo vào đồn trong cho cụ biết, lại nói quân Pháp kéo đến đông lắm.

Cụ nghe báo đã lấy làm lo, chắc hẳn địch-quân do-thám thế nào, biết được tướng-sĩ của cụ hôm nay ra ngoài cả, nên quân Bảo-hộ mới dám đưa mình đến chỗ chết như thế. Bây giờ tướng-sĩ không có, khí-giới không có, thì lấy gì chống-cự cho lại, nên cụ đã định tháo đi ngõ sau núi Vụ-Quang mà trốn-tránh. Nhưng có ông lãnh-binh Nguyễn-Mục, là đầu bọn thân-binh tử-sĩ hầu-hạ ở dưới trưởng, bầm với cụ rằng : « Không nên trốn tránh đi đâu hết. Nay tuy là quân địch nhiều mà quân ta ít thật. Song le, quân ta ít mà chiếm được địa-thế, quân địch nhiều mà chơ-vơ, vì quân ta ở trên cao, quân địch ở dưới, ta ở trên đánh xuống tất là mạnh lắm. Vậy xin quyết chống, chớ nay lui ra phía sau, thì là hãm vào đất bí, mà đại đồn không còn ; đại đồn không còn thì là toàn-quân hỏng mất ».

Cụ nghe theo, bèn truyền lệnh cho 20 tên quân ấy, gà gáy một lần thì dậy nấu cơm ăn, ai nấy cũng phải nấu thêm một nắm cơm để phòng buổi trưa ăn. Mỗi tên đem theo 300 viên đạn, chia nhau ra, hoặc 3 người một tốp, hoặc 5 người một tốp, phục ở các chỗ hiểm-yếu, để chờ quân Pháp ; hễ lúc nào nghe tiếng pháo nổ làm hiệu, thì cứ việc bắn ra một lượt. Còn ở trên đỉnh núi, thì cụ sai cắm cờ cho nhiều và đốt lửa để khói lên nghi-ngút, lại sai mấy tên già-yếu chực sẵn ở đó, tảng-sáng là nổi chiêng trống vang động núi non để làm nghi-binh. Một mặt sai người tức-tốc đi ra Khê-thứ lấy quân tiếp ứng.

Quả nhiên, toán quân Bảo-hộ gồm có 150 tên lính-tập đi tuần-tiểu đến núi Vụ-Quang, nhưng vì tới nơi trời tối, nên chỉ hạ trại đóng binh lại dưới xa, chớ không dám động. Gần sáng

họ mới kéo nhau lên, thấy trên đỉnh núi có lửa lập-lòe và nghe có tiếng người rầm-rì văng-vẳng. Một là khinh-chiến, hai là tướng nghĩa-quân không hay biết gì mà đề-phòng, thành ra mấy viên quan binh cứ đốc thúc lính-tập chen cây rẽ lá mà leo lên mãi, định xuất-kỳ bất-ý đánh phá đại-đồn nghĩa-quân và bắt sống họ Phan nữa là khác.

Chẳng dè họ vừa leo tới giữa núi, bỗng nghe một tiếng pháo nổ rồi thì trống trận, người reo, mấy phía có tiếng súng bắn nghe đạn bay rào-rào đều nhắm vào họ. Một viên Trung-úy trúng đạn bị thương nặng, thành ra quân Bảo-hộ rối loạn, không biết giặc ở phía nào mà bắn trả. Phục binh càng bắn dữ, Viên Thiếu-úy phải hô quân lui, vì chỉ nghe hình như ba bề bốn phía đều reo, tứ tung vang động, chớ không biết nghĩa-binh nhiều hay ít, chỉ biết là nghĩa-binh có phòng-bị rồi, nếu tấn lên nữa thì nguy, thành ra lệnh thoái binh vừa truyền, mạnh ai nấy chạy thoát-thân xuống núi. Nghĩa-binh ở trên cao đánh xuống thấp, cho nên ít người mà thắng thế.

Lính Bảo-hộ chạy xuống vừa tới chân núi, thì gặp toán nghĩa-binh tiếp ứng ở Khê-thứ đến nơi. Cao-Thắng dẫn 200 quân ở ngoài về, cũng vừa tới đó ; cả hai đội liền hiệp nhau lại mà đánh hăng-hái lạ thường. Lính Bảo-hộ bị đánh dồn một lúc cả trước mặt sau lưng, ngã nằm ngổn-ngang ; kỳ dư phải tìm đường đào tẩu, bỏ lại súng đạn và lương-thực rất nhiều.

Cụ Phan ở trên đỉnh núi, gõ chiêng phát cờ làm hiệu-lệnh để rút binh về, mặc cho lính-tập kia chạy, không muốn rượt theo.

*

Nghị-sự-đường sáng hôm ấy có tiệc khao-thưởng tướng-sĩ. Cụ Phan cho sự thắng này là do cơ-mưu của Nguyễn-Mục, nên chi Nguyễn-Mục được kể làm đầu công.

Cao Thắng nói chuyện rằng : tối hôm trước ông đóng quân ở Diệm-thứ (tức là núi Đại-hàm, do người em ruột là Cao Nữu làm chủ), cuối canh một đi ngủ, vừa mới chợp mắt thì mộng thấy đại đồn Vụ-Quang phát hỏa lớn lắm. Ông giật mình tỉnh dậy, thấy sao ruột gan nóng bức như thiêu, trong trí rất lấy làm lo ngại, liền đánh thức Cao-Nữu dậy, anh em bàn nhau, đoán rằng đại-đồn tất có việc nguy-cấp, rồi tức thời ông điểm binh đi nửa đêm. Đến núi Vụ-Quang chưa sáng thì vừa gặp toán lính Bảo-hộ ở trên núi chạy xuống, ông chặn đường mà đánh.

*

Chiều lại, liệu chừng quân Bảo-hộ không trở lại nữa, cụ Phan xuống chân núi xem xét chỗ chiến-trường ban mai, và sai nghĩa-binh lượm xác của những lính-tập và hai viên cai tây mà chôn vùi tử-tế. Trong cơn đặc ý và động mỗi cảm-hoài, cụ làm mấy bài thi sau đây, để kỷ-niệm một trận mình thắng là may :

I.

Tài phái binh hành hốt phỉ lai,

Dư tâm vị định chinh bồi hồi.

Trướng tiền thỉnh chiến hà nhân giả,

Quả bế thời gian báo tiệp hồi.

Dịch nghĩa :

*Vừa phái quân đi giặc đến nơi,
Lòng ta lui tới luống bồi hồi
Người xin quyết đánh là ai đó ?
Chớp mắt mà ra đã thắng rồi !*

II.

*Sơn cái cao hê, thủy cái thanh !
Mối ư mặc tướng hiển anh-linh.
Bất nhiên chúng quả tương huyền thậm,
Hồ đảo khô tiền dĩ thất kinh.*

Dịch nghĩa :

*Chót vót non cao, nước một màu,
Quyển-thần âu cũng giúp ngầm nhau.
Không đứng bên ít bên nhiều thế,
Mà đến đâu khe đã chạy mau ?*

Qua hôm sau, cụ lại xuống núi chơi, lúc đi tới một suối nước thấy còn sót tử-thi một người lính-tập nằm ở bờ suối, đầu gục dưới nước, cẳng vắt trên bờ, bất giác cụ mũi lòng nhỏ lụy, trách vấn những người hôm qua sao đi lượm xác chôn cất mà còn bỏ lại cái này. Luôn dịp, cụ khẩu-chiếm một bài thi cảm-khái :

*Nhĩ tâm nguyên vị lợi-danh mi,
Khước hướng khô biên tác tử-thi.
Giám triệt thù nhân ưng tảo ngộ,
Đáo thân tử hậu hồi hoàn trì.*

Dịch nghĩa :

Chẳng qua danh lợi buộc thân mày !

*Đến nỗi bên khe chết bỏ thân.
Trông đó ai ơi ! nên sớm liệu,
Chết rồi có hối cũng ra chầy.*

XII. MỘT NGƯỜI ĐÀN-BÀ

LÚC bấy giờ, mỗi ngày nào có phiên chợ Tràng (là chợ ở giữa tỉnh Nghệ), người ta thấy một chiếc thuyền con của một người đàn-bà và một đứa con trai nhỏ, từ đâu không biết, chở than lên chợ bán.

Người đàn-bà này, tầm-thước nhỏ thấp, da ngăm-ngăm đen, nhưng không vì thế mà che mất hẳn cái vẻ sáng-láng hồng-hào. Cái vẻ ấy hình như là bị nhiều nắng mưa gió bụi làm mờ đi, chớ nguyên trước hẳn là đẹp lắm. Trạc độ 27 hay 28 tuổi, nét mặt coi răn-rỏi, mà lúc nào cũng có vẻ buồn-rầu. Đôi lúc không ngờ, người ta trông thấy châu mày lại, thì biết là người này chắc có việc ức-uất gì ở trong tâm-hồn nhiều lắm. Còn đứa trẻ thì mới có 7 tuổi coi ngộ-nghĩnh lanh-lẹ, ai thấy cũng đoán chắc là con nhà thế này thế kia, không phải người thường.

Người ấy là ai ? Đứa trẻ ấy là thế nào ? Ở đâu ? Tuyệt nhiên không có ai biết, vì người ấy không nói gốc-tích và tâm-sự mình với ai, nhưng mà những bạn mua bán quen thuộc ở trong chợ chỉ gọi là cô Tám, thành ra ai cũng biết tên cô là thế mà thôi ; và lại thấy cô chuyên về nghề bán than, thì họ đoán chừng cô hẳn là người ở miệt rừng núi. Họ đoán chừng vậy, nào đã chắc là phải chưa ?

Cô Tám bán than có tính rất điềm-đạm, ít nói ít cười, chỉ ngồi lăm-lăm suốt ngày, thỉnh-thoảng chơi giỡn hôn-hít đứa trẻ. Duy lúc nào có khách đến hỏi mua than, thì người ta mới thấy cô được nguyên cả mặt, không thì suốt ngày cô ngồi cúi

mặt xuống, hình như có dáng nghĩ-ngợi những việc gì khó-khăn lắm. Những người ngồi bán hàng ở bên cạnh, cả một phiên chợ thường chỉ nói chuyện được với cô một đôi câu, cho nên ai cũng cho là người kiêu-ngạo. Nhưng tới khi nào cô hỏi ai một điều gì, thì lại tỏ ra người hết sức từ-tốn, mềm-mỏng, lời nói ngon-ngọt, tiếng nói dễ ưa, thành ra những người biết cô, ai cũng đem lòng quý-mến.

Cái thói đàn-bà đi chợ-búa của ta, thường xúm lại « ngồi lê đôi mách » với nhau, ai còn lạ gì. Thôi thì chuyện chồng, chuyện con, việc nhà, việc cửa, họ khéo kể-lể con cà con kê, không sót một điều gì. Nhưng cô Tám lại khác hẳn. Ai hỏi đến chồng, cô cười ; nghĩa là tỏ ý rằng đã có mà cũng chưa. Ai hỏi đến đứa trẻ là thế nào của cô, cô cũng cười : cười một cách khó nói lắm. Ai hỏi đến chỗ ở, cô cũng cười nữa : cười có ý không muốn cho ai biết mình ở chỗ nào. Thành ra, các bạn buôn bán quen thuộc với nhau, chỉ thấy cô hiền-lành tử-tế thì quý mến, đứa con trẻ kia khôn ngoan xinh-xắn thì yêu-thương ; không ai biết người đàn-bà ấy với đứa con trẻ ấy họ tên gốc tích ra thế nào.

Một người đàn-bà như cô Tám thật lạ-lùng khó hiểu. Tính cô ít cười, biếng nói, rất dỗi buồn bán đi về trong chợ, với những người ngồi liền bên cạnh, tới ngày cô cũng không chuyện-văn lấy ba câu ; nhưng chỉ có một hạng người ở đâu tới bên cô thì người ta thấy cô bắt chuyện tức thời, mà lại bắt chuyện một cách tỏ ra niềm-nở thân-mật lắm.

Hạng người ấy là lính-tập.

Trên kia đã nói lính-tập nhờ sự huấn-luyện của binh-gia

Pháp mà trở nên hạng lính can-đảm thiện-chiến và có công-lao trận-mạc với Bảo-hộ ra thế nào. Về mặt quân-sự, họ đành là lính giỏi, nhưng về mặt đức-tính, họ vẫn như người ta. Tự-nhiên có kẻ nên hư, lành dữ phân biệt nhau. Có những lính-tập hiền-lành, tử-tế, đứng-đắn, biết điều đáo-đẽ, song cũng có những lính-tập tánh-khí kỳ-cục, sỗ-sàng, hay ỷ-mình cậy thế mà làm nhiều cử-chỉ ngang-tàng, ức hiếp người đồng-loại quê-mùa hèn-yếu. Sự đó, những lúc Bảo-hộ mới định ban đầu, xảy ra bất thường, cho nên người mình ba bốn chục năm trước đối với lính-tập, phần nhiều không có cảm-tình, không có hảo-ý. Họ kiêng sợ, nhưng mà họ tránh xa và ghét ngấm. Đến đổi ai chơi với lính, họ kể ngay vào hạng người ăn-chơi điểm-đàng hung-dữ, nhất là đàn-bà con gái mà quen biết chuyện-trò với lính-tập, đều bị xã-hội kể cho là hạng trặc-nết, hư-thân. Họ vợ đũa cả nắm như thế, không chịu xét giùm bức người nào trong xã-hội cũng có kẻ này người khác.

Cô tám là người hiền-lành, đứng-đắn, thua nay chị em mua bán quen-biết trong chợ vẫn có lòng quý mến kính-trọng cô ; bây giờ ngó thấy cô quen biết chuyện trò với lính-tập, thì họ trầm-trồ chỉ-trỏ và bàn riêng nói lén nhau :

- Quái lạ ! Con người như rứa mà tầm-bậy hê !

- Làm bộ nghiêm-trang không hay nói cười trò-chuyện với chị em mình, để với mấy ông du-côn đó thì vồn-vã, làm quen. Chị nghĩ coi ở đời tin người bề ngoài, lắm chết phải không ?

Nhiều bữa, phiên chợ tan rồi, người ta bắt gặp cô Tám

mua rượu nem, quà bánh đem xuống ghe và dẫn mấy chú lính-tập xuống ăn uống say-sưa, rồi ngồi chuyện-văn lâu lắm, mới thấy mấy chú ngất-ngưỡng đi lên, người ta càng dị-nghị gắt : « Nào có ai ngờ ! »

Hôm sau, có chị xỏ-xiên theo kiểu hàng tôm, hàng cá, gặp mặt cô Tám thì chào hỏi : « Tôi chào cô cai », hay là « Tôi chào thím quyền ». Tiếng « quyền » ở miền Bắc vẫn thông-dụng để chỉ vào lính-tập.

Kẻ cười người chê, bàn riêng nói lén ra sao, cô Tám biết hết. Nhưng cô vẫn tự-nhiên, điềm-tĩnh như không, hình như chẳng coi sự dị-nghị của thiên-hạ ra gì. Nay chú lính này, mai chú lính khác, cô vẫn nói cười tiếp-đãi họ như thường. Có lúc tiếng cô nói to, người ta còn nghe lóng được đôi chút, có lúc cô thì-thầm nói nhỏ với lính, chẳng ai nghe được tiếng nào, người ta càng nghi.

Nghi thì nghi, người ta đều phải sửng-sốt lạ-lùng với nhau, là cô Tám chuyện-văn ân-cần với lính-tập thế nọ, mời lính xuống ghe đãi-đăng trà rượu thế kia, nhưng tuyệt-nhiên không thấy cô ta có vẻ lả-lơi một chút nào, vì họ vẫn rình mò dò-xét cô ta mãi.

Thế cho nên thủy-chung ngoài mặt người ta không hề dám khinh cô Tám. Huống chi bọn buôn bán các nơi, cứ đến phiên chợ cũng đi đò về một ngã sông, thấy bao giờ cô Tám cũng cùng với đứa trẻ con đi, rồi lại cùng với đứa trẻ con về, ngoài ra không hề có tung-tích gì, khiến cho người ta có thể ngờ-vực chê cười được. Thuyền của họ thường gặp thuyền của cô Tám vào hồi gần sáng ở làng Triều-khẩu ; không cần

phải hỏi, cứ nghe giọng cô Tám vừa chèo thuyền vừa hát, tự-nhiên họ biết :

*Đôi ta cùng nợ nước non,
Chàng đà trả sạch, thiếp còn long-đong.
Bao giờ sông lặng nước trong,
Bổ người chèo lái đêm đông nhọc nhằn.
Rồi cô lại hát tiếp câu khác :
Đi đâu lật đật hỏi ai ?
Mũi tên hòn đạn cho người này theo.
Lênh-đênh mặt nước một chèo,
Non sông gánh nặng vẫn đeo bên mình.*

Đêm khuya, trời lặng, sông rộng, đồng xa, mà nghe tiếng cô ta hát những câu như thế với cái giọng rất náo-nùng ai-oán, dẻo-dắt thê-lương, dù ai cũng phải rung-động trong tâm-hồn và đoán chừng cô là người có tâm-sự gì đau-đớn lắm vậy.

Trông người cô Tám nhỏ-nhắn, éo-lả bề ngoài, hình như một cơn gió thổi cũng xiêu, thế mà cô có sức rất mạnh không ai dám ngờ. Những đứa du-côn vô-loại, thấy cô hay nói chuyện với lính-tập ở trong chợ như thế, tưởng đâu là con người lẳng-lợ, thành ra chúng bạo-dạn, cũng dờ thói trắng-hoa đàng-điểm ra, nói chơi nói gheò. Ban đầu cô làm thinh không thềm nói gì, chúng thấy vậy càng được trớn làm già, khiến cho cô không nhịn-nhục được, phải dùng đến võ-lực, đánh cho mấy đứa chạy nhào. Sau chúng kéo nhau đến mấy chục đứa tới trả thù, toan đổ gánh than và đánh cô một trận tơi-bời để rửa thể-diện anh-chị. Nhưng chúng là đàn dê. Vô phước gặp nhầm con cọp cái, có vút nhọn nanh dài. Muốn

dạy chúng một bài học, cô Tám lúc nào yếu-điều hiền-lành, bây giờ đứng phắt dậy, tròng mắt tròn xoe, lông mày đảo ngược, xắn gọn-gàng tay áo lên, thách đố cả bọn du-côn ra chỗ rộng rãi, dám đánh nhau với một mình cô thử coi. Người ta thấy cô Tám múa chân múa tay, đông xông tây đột, đánh võ với cả bọn du-côn bao-vây dữ-tợn, thế mà đũa thì lổ đầu, đũa thì chạy trốn, đũa thì té nhào, duy cô đã không bị một vết tích gì, lại sau khi bãi trận, thần sắc coi tự-nhiên như không. Người trong chợ kéo nhau đi xem trận « nhất nữ chiến quần nam » thiếu gì ; họ reo cười khen ngợi không ngớt : « Không ngờ cô hàng than giỏi võ !... »

Thấy cô Tám hiền-lành tử-tế, ai cũng mến ưa, cho là người đứng-đắn ; chừng thấy cô hay quen biết đàm-đạo với lính-tập, thì lại cho là người tầm bậy ; đến lúc nghe cô hát mấy câu ai-oán lạnh-lùng kia, thì ai cũng cho là người có tâm-sự chi ức-uất ; tới bây giờ thấy có sức đánh mấy chục người đều té nhào, thì cho là nhi-nữ anh-hùng. Dư-luận đối với cô có vậy mà thôi, còn như quê quán, nhà cửa, chồng con và thân thế cô ta ra thế nào, thì vẫn như trên kia đã nói, người ta dò la dò hỏi đáo đẽ, mà không biết cứ là không biết !

Phiên chợ nào cũng như phiên chợ nầy, trong hai năm trời, hể sáng sớm phiên chợ là thấy cô Tám chèo thuyền đến, chiều hôm tan chợ cô lại chèo thuyền về ; chẳng hề có một phiên chợ cô Tám vắng mặt.

Bỗng dưng đến đầu năm Kỷ-sửu (1889) trở đi, ở chợ Tràng người ta không thấy cô Tám bán than đến họp chợ nữa. Ban đầu còn có người suy-nghĩ : hay là cô Tám về nhà

quê ăn Tết chưa ra đi chợ buôn bán, nhưng về sau phiên chợ nào cũng không thấy cô, bấy giờ họ bảo nhau : « Thôi chắc cô ả đi theo chú quyền, thầy cai nào rồi ».

Có người đã thấy cô ta giỏi võ, thì đoán cao hơn một chút : « Hay là con ấy đi ăn cướp ! »

Không phải vậy. Nhưng mà cũng chưa biết chừng.

Hồi đó, là giữa năm Canh-dần (1890).

Cụ Phan Đình-Phùng đã chiếm-cứ xưng hùng ở trên Ngàn Trươi được ba bốn năm, có tiếng là « Sơn-trung Tể-tướng ». Quân-lính Bảo-hộ vẫn tìm cách tuần-tiểu hoài, nhưng không dám thâm-nhập tới trọng-địa, một là vì nghĩa-quân thanh-thế khá to, quân-lính nhà-nước day trở đổi phó không kịp, hai là đường lối tấn lên Ngàn-trươi phải trải qua nhiều rừng núi hiểm-trở khuất-khúc lạ thường, e sợ phục-binh đánh úp rất nguy. Và lại có lắm khu rừng nếu muốn băng qua, phải làm sao có đủ sức chịu-đựng hay là đánh nhau với đĩa, với rắn, với muỗi-mòng trước, rồi hãy nói chuyện đánh với nghĩa-binh sau.

Thiệt vậy, có một khu rừng hiểm nhất, là vì đất sinh-lầy, lội phải lút cẳng, có chỗ ngập tới ngang lưng, mà đĩa sao đầy-dẫy hơn dòi, con nào con nấy lớn như ngón cẳng, như cổ tay, nó bu lại hút máu một lát, người mạnh đến đâu cũng phải chết xiu. Các quan binh Pháp đặt tên là « La forêt des Sangsues », khuyên nhau coi chừng rừng đĩa mà tránh.

Nhờ có hiểm-địa tự-nhiên và đạo binh côn-trùng muôn-muôn ỨC-ỨC đó, cụ Phan thêm mạnh thanh-thế và có thể đối-chiến được, cố-thủ được lâu ngày.

Tuy là đại-đồn Ngàn-Trươi không bị xâm-phạm nhưng các quân-thứ hộ-vệ chung quanh thì nghĩa-binh vẫn thường có nhiều dịp đụng đầu chạm trán với quân-binh luôn luôn. Nghĩa-binh khéo dùng lối mai-phục đoản-công như kiểu người Abitxini, gọi là guérilla, đối chiến với Ý, thành ra bắt buộc lính-tráng Bảo-hộ phải ứng-chiến nhọc sức tổn công, mà nghĩa-binh thường vẫn thắng nhiều bại ít.

Hai bên cầm cự nhau luôn sáu bảy năm như thế. Trong khoảng ấy, có một lúc Bảo-hộ lại tính dùng tới đại-binh, nhưng sau e ngại tổn-kém nhiều và náo-động dư-luận bên thương-quốc nên lại thôi.

Lúc này, muốn cho phong-trào thêm lớn, thực-lực thêm to, cụ Phan thảo một tờ hịch truyền đi các nơi, để khích-động nhân-tâm, chiêu-tập hào-kiệt. Tôi nhớ trong bài hịch, có đoạn như vậy : « ...Phùng tôi là người học ít tài hèn, gánh-vác công việc lớn-lao này, sáu bảy năm trời, chưa có làm nên được việc chi rục-rỡ. Chẳng qua chận trước vấp sau, lui tới chỉ những rừng núi, thật bấy lâu xót dạ đau lòng, không biết lo tính làm sao được. Các ông có chí lớn tài to, nếu không muốn đem ra cho nước nhà dùng đi nữa, thì cũng nên đem mưu lạ chước hay ra dạy bảo cho tôi để cứu lấy sinh dân, thì Phùng xin nhả cơm bới tóc ²⁰, sẵn lòng nghe theo. Như thế thì tuy các ông ở chốn thảo-dã, mà cũng có cái công báo nước giúp đời, vậy đừng coi việc đó làm thường, nữ ngồi làm thình để ngó non nước đổi-dời, mà chẳng ra tay cứu vớt ».

Tờ hịch truyền ra, bọn sĩ-phu Trung-kỳ càng lấy làm cổ-võ, tranh nhau giúp-đỡ cho cụ hoặc mưu-lược, hoặc quân-

lượng, hoặc dò-xét biết quân Pháp cử-động thế nào, đều cho người lên mật-báo để cụ biết trước mà đề-phòng. Kể cái thanh-thế của cụ tới lúc này đã to lớn và vững-vàng ít nhiều, duy có một việc hơi khó-lòng, là việc mua thuốc đạn ở bên Xiêm, vì đường-sá qua Lào nhiều nỗi ngăn-trở, cho nên những người có chức trách trù-biện việc này, đi lại rất là khó nhọc, mà lại không mua được nhiều. Phần nào bị Bảo-hộ ngăn đường, thành ra súng đạn của nghĩa-quân vận-tải về thường bị mất luôn. Ấy là một việc cụ Phan lấy làm lo ngại.

Một ngày kia Cao Thắng đang ngồi ở đồn ngoài, cùng chư-tướng bàn-bạc việc quân, bỗng có một tên lính vào bẩm rằng : « Ngoài cửa trại, có một người đàn-bà dẫn theo một đứa con trai nhỏ, nói xin vào yết-kiến quan Đồng-Nhung (là chức của Cao-Thắng lúc ấy) ».

Ông lấy làm lạ, truyền cho vô tức thời.

Người đàn-bà giắt đứa trẻ vô, đứng vái dài một vái rồi nói một cách tự-nhiên : « Tôi là con gái ông Hoàng Phúc²¹, chắc tướng-quân đã biết. Sau khi cha tôi mất, nhà tôi tan, thân tôi phải lưu-lạc giang-hồ, tìm cách để phục-thù cho cha tôi. Vì tuy tôi là liễu-bồ phận gái, nhưng cũng có hồ-thỉ chí trai, tấm thân không kể bao nhiêu nông-nổi đắng-cay, miễn là cầu vọng cho thỏa được tấm-lòng mình ao-ước. Đứa con nhỏ này đây (vừa nói vừa chỉ vào đứa trẻ nhỏ) không phải là con tôi, nó là con riêng một người bạn tôi, cũng một nhà chí-sĩ, tên là Lê Doãn, trước theo cha tôi đã lập được nhiều công trận, vì anh ta thông-minh và võ-dũng lắm. Cha tôi thương-yêu, mà tôi cũng thương-yêu, nên chi tôi với Lê Doãn đã ước-hẹn với

nhau rằng một mai đại-sự thành-công thì thế nào chúng tôi cũng thành duyên cáng-lệ với nhau : lời minh-thệ ấy có trời đất chứng giám. Anh ta đã góa vợ, chỉ có một đứa con trai mới 3 tuổi, chính là thằng bé này. Nhưng vì quốc-sự gian-nan, làm cho việc nhân-duyên của chúng tôi giữa đường lỡ-dở chia phôi. Nguyên là cách đó chưa được bao lâu anh ta đánh trận bị thương nặng, tự biết không sống được, có viết thư để lại cho tôi, cậy nhờ giao-phó tôi trông-nom giùm đứa con mồ-côi. Không mấy lúc sau, cha tôi cũng chết mất, thân-thể của tôi thành ra lênh-đênh. Không lẽ ra đầu thú với Tây, bởi làm vậy thì trái lòng của cha ; không lẽ đi lấy chồng, vì đối với anh Lê-Doãn, dầu sao cũng đã là chồng tôi rồi ; lại không lẽ bỏ đứa con mồ-côi mà đi đâu, vì cha nó định ninh ủy-thác cho mình, nếu mình bỏ đi thì bấy giờ ai nuôi nó ?... Thành ra tôi phải đem đứa con nhỏ này cùng đi trốn. Phải đi trốn, kéo sợ quân Pháp tróc-nã tôi. Đi trốn mà không biết ở vào đâu cho thuận-tiện được cả mọi-bề, cho nên tôi phải mua một chiếc thuyền mà ở lênh-đênh trên mặt nước, nay ở chỗ này, mai dời chỗ kia, không biết đâu là định-sở. Trong lưng tôi còn được mấy nén bạc, mới bỏ ra buôn than để chi-độ qua ngày. Tôi cốt buôn than đem lên chợ Tràng bán, là có chủ-tâm gần-gũi giao-thiệp với bọn lính-tập đóng ở Nghệ-an. Tôi giả dò quuyến-luyến với họ, để xúi họ thừa-cơ khởi-nghĩa, hưởng-ứng với nghĩa-binh. Nếu vạn nhất mà việc đó thành-công thì chẳng những nghĩa-binh ở hai tỉnh Hà-tĩnh và Quảng-bình thêm được vây cánh, khí-giới, mà lại có thể mở ra được đường lối đi lại với nghĩa-đảng ngoài Bắc, để trong ngoài ứng-tiếp, chị té em nâng, may ra mới nên được việc

lớn... »

Nói đến đây, người đàn-bà ngừng lại một lát để thở dài một hơi, rồi lại nói tiếp : « Nhưng mà trời cũng hại tôi, nên chi công việc mưu-tính đã gần thành rồi mà lại hư-hỏng, là bởi nhà đương-cuộc Bảo-hộ thấy động liền sinh-nghi, vội-vàng thay đổi toán lính-tập tôi đang cảm-dỗ gần được đó đi nơi khác, mà đem toán lính lạ ở nơi khác về đóng tại tỉnh Nghệ ; thế là khổ-tâm mưu-tính mấy năm trời bỗng chốc hóa ra « Dã-tràng xe cát » ; tôi đau-đớn vô cùng. Rồi nghĩ nếu mình cứ quanh-quẩn ở đó mãi, nhắm chừng cũng chẳng nên được việc gì, cho nên tôi phải bỏ đi để tìm kế khác. Vẫn biết cụ Phan và tướng-quân dấy nghĩa lâu nay, tôi rất lấy làm hâm-mộ, đáng lẽ trước hết tôi phải lập được một chút công-trạng gì, thì mới dám đến xin tướng-quân chiêu-dụng, may ra tôi cũng có thể làm bổ-ích cho việc lớn được đôi phần con-con. Nhưng nay điều sở-ước của tôi đã hỏng mất rồi, không có thể tự mình tìm được việc gì khác mà làm nữa, vậy tôi đến đây tức là đem thân mọn tài hèn, để tướng-quân sai-khiến... »

Người đàn-bà nói một mạch từ lúc mới vô đến giờ, Cao Thăng lắng-lặng ngồi nghe.

Người đàn-bà ấy nào phải ai lạ đâu, chính là cô bán than ở chợ Tràng, người ta vẫn gọi là cô Tám đó.

Cô Tám nói luôn một mạch, kể-lể tâm-sự, chí-hướng của mình, mà sắc mặt đổi thay mỗi chỗ theo câu chuyện : khi cười chúm-chím, khi khóc sụt-sùi, lúc cảm-khích quá mạnh thì cất tiếng nói lớn như tiếng nổ ở trên không, lúc đặng-

chạm tới tâm-sự thê-lương thì tiếng nói nhẹ-nhàng như hơi gió bay qua trước mặt, khiến cho Cao-Thắng nghe lấy làm cảm-động bùi-ngùi, nhưng ông không khỏi sinh nghi ; nghi là kẻ do-thám của Bảo-hộ sai đến. Sau khi cô Tám nói hết tâm-sự rồi, Cao-Thắng không trả lời gì hết, chỉ hét gọi đao-phủ-quân : « Quân đao-phủ đâu ? Bay lôi con mụ này ra trước cửa trại mà chặt đầu nó đi cho mau. Nó dám cả gan tới đây bày điều kiểm chuyện để do-thám binh-tình của ta !... »

Cao-Thắng muốn làm bộ ra oai để thử tài thử gan cô Tám vậy thôi, không phải hò lính chém đầu cô thiệt đâu.

Việc tuần-phòng tra xét ở sơn-trại nghiêm lắm, nếu ai có chút hình-tích hơi nghi là kẻ do thám thì đã bị bắn chết từ khi mới bước cặng vô trại ngoài rồi, không khi nào được vô tới trại trong để yết-kiến quan Đồng-nhung.

Và lại cô Tám đâu có sợ chết.

Cô Tám tự-nhiên như không, chẳng có sắc mặt gì tỏ ra sợ-hãi hay là hối hận ; cô chỉ cười và nói : « Những thứ người mưu hại đồng-bào như thế ở đời cũng có thiệt, nhưng người đó không phải là tôi. Tướng-quân có muốn giết thì cứ giết đi, tôi rất vui lòng, lòng dạ tôi thế nào, đã có thần-minh trên cao soi-xét và có người ở dưới suối vàng biết giùm tôi, tôi không cần biện-bạch làm gì. Miễn là xin tướng-quân thương-xót đứa con bồ-côi này mà chăm-nom dạy dỗ, tôi dầu có chết cũng được yên lòng nhắm mắt ».

Nó đoạn, cô ôm chặt đứa nhỏ hôn-hít và khóc nức-nở. Mấy tên quân đao-phủ vừa toan lôi cô Tám ra hành-hình, thì Cao-Thắng khoát tay mà nói : « Bay không được vô-lễ ! »

Rồi ông bước xuống thêm đỡ tay cô Tám đứng dậy và cung-kính mời ngồi : « Tôi muốn thử cho biết can-đảm của cô đó thôi. Cô thực là một bậc cang-cường nghĩa-khí, tôi rất kính-phục. Nay cô tình-nguyện ra sức với nghĩa-quân tấm lòng quý-hóa biết mấy, nhưng còn đứa con trẻ này bận-rộn bên mình thì cô tính sao ? »

- Bẩm tôi đã có chỗ xử-trí, tướng-quân khỏi lo.

Tức thời Cao-Thắng thân dẫn cô Tám vô đại-đồn yết-kiến cụ Phan, trình bày sự-thể. Cụ Phan còn đang ngần-ngại, chưa biết dùng tài một người đàn-bà vô chỗ nào, bỗng có tiểu-đội nghĩa-binh đi tuần về, báo tin rằng cách xa sơn-trại 30 dặm, có một toán lính-tập lối 30 người do viên quản-cơ làm đầu, hiện đóng ở trong một cái miếu từ hai bữa nay, không biết là họ có ý cử-động gì.

Cụ Phan chưa kịp suy-tính ra sao, cô Tám chộp nói : « Sẵn có cơ-hội này, xin cụ cho tôi đi bắt toán lính ấy để lập công sơ-kiến với nghĩa-binh, được chăng ? »

Cả cụ Phan và Cao-Thắng cùng lấy làm lạ : « Một thân đàn-bà, cô định dùng kế gì mà bắt nổi cả đám lính-tráng con trai như thế ? »

- Bẩm cụ, tôi có cách bắt được, mà quân ta không phải hao một viên đạn nào mới hay, chỉ xin giao hẹn đến ngày thứ ba, thì cụ cho mấy chục tên kiện-tốt, mặc đồ giả làm người đi buôn-bán và giả làm một tốp nông-dân đi làng-vảng qua trước miếu, hễ thấy tôi liếc mắt ra dấu bảo họ ra tay thì họ cứ việc.

Cụ Phan cho đi. Cô Tám từ-giã, tức thời xuống núi. Cô đi

vô một làng xóm gần đó, mua một cây đòn gánh thiệt chắc, một đôi thúng, chắt đầy rượu thịt quà bánh nhiều thứ, lại sửa-sang mặt-mày và trang-diễm cho ra vẻ con người xinh-đẹp mà hơi lẳng-lơ, rồi quẩy gánh thũng-thẳng đi tới chỗ lính-tập đang đóng để bán hàng. Ai lạ gì mấy thầy quyền, phần nhiều là hạng ham ăn ham sắc. Nay thấy có cả « sắc » cả « ăn » đến bên mình, thì mấy thầy khoái « chí tử ». Thịt mỡ đem tới miệng mèo, bao giờ nó chê !

Cô Tám lại khéo làm bộ chai-lơ tình-tứ hết hồn, nụ cười tiếng nói rất là có duyên ; cả toán lính xúm lại bu quanh cái gánh của cô, mua rượu, mua bánh tíu-tít. Cậu nào thả giọng chàng-màng, ve-vãn, cô cũng niềm-nỡ chiêu-đãi như cách đã trao xương gửi thịt cho nhau từ bao giờ rồi vậy.

Đến đổi các cậu mua-chác, ai có sẵn tiền thì trả, ai không xu cạ túi cô cũng bán chịu thả cửa, nói rằng : « Thầy cứ dùng món gì tùy ý, mai mốt lãnh lương rồi trả cho em một lần cũng được. Em có phải xem của trọng hơn người đâu ». Mấy tiếng nói đó làm cho thầy quyền nào cũng gần chết mệt.

Qua ngày bữa sau, cô Tám lại gánh rượu thịt tới, bọn lính hết sức vui mừng, xúm lại mua nem rượu vừa đánh chén, vừa nói chơi, men sắc và men rượu nhập lại, làm cho các cậu say mềm. Cô hàng lại càng chịu khó hầu-hạ chiêu-chuộng, thêm vẻ thân-mật hơn ngày hôm trước.

Họ đình-ninh bảo cô ta làm sao ngày mai mua được thịt dê và rượu lậu cho ngon, đem tới đây để anh em ăn uống một bữa cho thiệt khoái chí.

Quả nhiên hôm sau cô Tám gánh tới một gánh thịt dê

nấu-nướng đủ kiểu, đủ mùi và một vò rượu thiệt ngon.

Các thầy quyền ta mừng quá, luôn miệng khen cả cô ả này ngoan-nết dễ thương. Rồi họ ngồi lết trên bãi cỏ, cứ năm bảy người làm một tốp, cô Tám dọn một mâm thịt dê, một chai rượu bồ. Muốn ngồi đánh chén cho khoan-khoái thông-thả, từ ông quản cho đến các thầy quyền đều tháo hết dây nịt, túi đạn, bay-don-nết, và gác súng đạn lại một nơi ở trên thềm miếu thổ-thần. Vậy rồi họ ngồi rung đùi uống rượu nhắm với thịt dê, chén chú chén anh, vui-vẻ đặc-chí. Lúc ấy, ông trời họ cũng coi như thẳng trẻ con.

Cô Tám day trở hầu-hạ khuyên mời, hết sức chu-đáo, xem chừng cậu nào thật là bợm rượu thì cô khiêu-khích cho cậu càng uống già, còn cậu nào nghe chừng không uống được mấy, thì cô lại làm cách khuyên-lơn âu-yếm cho cậu phải vui lòng nhắm mắt mà uống vì cô. Lạ gì trong rượu có pha thuốc mê, dầu uống nhiều ít gì cũng mau say lắm.

Chốc lát, cả đám lính đều say như-tử, cặp mắt cậu nào cũng lơ-đờ như sắp chết. Cô Tám biết thời-cơ đã đến nơi rồi, càng ra sức hầu-hạ, nào quạt, nào rót nước, nào nâng-đỡ, cô không ngần-ngại một chút nào.

Giữa lúc đó ở trước cửa miếu, xôn-xao đông người tụ lại. Ấy là dân làng sở-tại, thấy lính ăn-uống vui-vẻ chọc-gheo cô hàng, thì họ cho là sự lạ, kéo nhau lại đứng ngó trôn và cười thầm. Ai không biết thói tục xứ mình, hơi có động rạng khác thường chút-xiu, tức thời có người bu lại đông-đầy. Hai chục người tráng-sĩ ở Ngàn Trươi sai xuống, giả làm lái buôn và dân cày, lúc ấy cũng trà-trộn vào trong bọn dân làng, trong

mình mỗi người đều có giắt đoản-đao sắc lẹm. Họ chỉ đợi chờ có ám-hiệu là xông vào ra tay.

Toán lính đang say mèm, không chú ý gì đến sự người ta xông-xao đông-đảo, lần hồi các cậu nằm lăn ra trên cỏ mà ngủ, trông như một đồng tử-thi.

Bấy giờ, cô Tám liền tới vỗ-về và quạt mát cho viên quản ngủ thiệt say, một lát cô lén móc được khẩu súng lục của va, rồi chạy ra đứng ngay chỗ chắt súng đạn kia, đưa mắt ra hiệu cho bọn phục-binh bảo họ ra tay. Tức thời, 20 tráng-sĩ xen-lộn trong đám dân làng và trẻ con, rút đoản-đao nhảy ùa vào hô-hoán vang dậy : « Trói cả chúng nó lại, anh em ! » Bọn lính đang mơ-màng, bỗng nghe la giật mình, hốt-hoảng vùng dậy, nhưng mà nhiều anh dậy không nổi : anh nào đứng dậy được thì ngó thấy con mẹ bán quà cho mình ăn, đưa súng sáu ra bảo im không thì bắn chết, thành ra không cậu nào dám hó-hé, vả lại hồi này cũng không cậu nào còn sức chống cự gì được.

Tráng-sĩ Ngàn Trươi trói cả mấy chục cậu lính vào một đồng ngồi chồm-hổm với nhau, trơ mắt vừa ngó vừa run. Cô Tám truyền lệnh cho anh em tráng-sĩ chia nhau khiêng vác hết thảy súng đạn và khí-cụ của toán lính đem lên sơn-trại. Ngó mặt bọn lính, cô Tám vừa cười vừa nói cay chua : « Luôn ba bữa nay, em đem thân chiều-chuộng các ông, chỉ cốt mượn đỡ mấy chục khẩu súng của các ông cho nghĩa-binh dùng đó thôi. Còn thân các ông bây giờ, thôi em rộng lượng tha cho sống sót mà về với vợ con ».

Cô Tám nói đoạn rồi đi như bay. Bọn lính ngó theo hình

như bể gan ói mật, nhưng không biết làm thế nào, khỏi chết là may lắm rồi.

Cô Tám về đại-đồn nạp súng đạn, và bấm rõ đầu đuôi công việc, bởi toán lính-tập là đồng-bào nên cô suy-nghĩ không nên sát hại hay là bắt họ về làm chi.

Nghe chuyện, cụ Phan cũng phải tức cười, và khen-ngợi cô Tám : « Ai ngờ nhi-nữ mà mưu-mô đảm-lược đến như thế sao ? »

Bữa sau, cụ Phan truyền mời cô Tám lên nghị-sự-đường để bàn-tính một việc binh-cơ quan-hệ.

Cụ nói : « Nghĩa-quân hiện nay có một việc thật là khó-khăn, nếu cô sẵn lòng giúp-đỡ cho được thì hay lắm : việc qua Xiêm mua thuốc đạn. Việc này bấy lâu nghĩa-binh vẫn đặt riêng mấy người tâm-phúc ở luôn bên Xiêm, để chuyên về việc mua vật-liệu thuốc đạn, rồi đã có người khác đem về. Song chỉ ngặt vì một nỗi đường sá hiểm-trở quá, đàn-ông đi lại, thường không thuận-tiện bằng đàn-bà, nếu đàn-bà giả làm người buôn bán mà đi, thì giữa đường không có ai ngờ-vực xét hỏi. Có điều là công-việc khó-nhọc vất-vả lắm, chẳng biết cô có đương nổi được hay không ? »

- Cụ muốn bảo tôi chết, tôi cũng dám chết ngay được liền bây giờ, sự khó-nhọc vất-vả có sá kể chi, thưa cụ.

- Vậy thì nghĩa-quân ủy-thác việc ấy cho cô, cô nên vì việc nước hết sức nghe.

- Dạ, đến chết thì thôi !

Từ đó nghĩa-quân không thiếu thuốc đạn, trước kia chế

đạn bằng bốn phần thuốc ta, một phần thuốc tây, bây giờ có thể dùng quá phần nửa là thuốc ngoài đem về. Ấy là nhờ có người bên Xiêm trù-biện giúp cho. Và nhờ có người đàn-bà là cô Tám giả làm khách buôn-bán, mạo-hiểm chuyên-chở về được đến nơi đến chốn.

Khi cô Tám sang Xiêm lần đầu, cô dắt cả đứa con của Lê-Doãn đi theo, nhưng cô để nó ở lại bên Xiêm, gửi người ta nuôi dùm, cho khỏi bận-rộn trở-ngăn công việc. Cô đi đi về về, chuyên-chở thuốc đạn được bốn năm chuyến ; mỗi chuyến được năm bảy ngàn cân, chứ không phải ít. Vì cô khéo sắp-đặt thuê-mướn mấy chục thổ-nhân, gánh vác lần hồi từng chặng, giả như là chuyên-chở hàng-hóa theo cách đi đường rừng vậy.

Đến đây, chúng tôi tưởng nên nói ngay để kết-thúc cái lịch-sử của người đàn-bà vô danh anh-hùng này, kéo sau không có dịp nói đến nữa. Cô đi lại chuyên chở thuốc đạn giúp nghĩa-binh được mấy chuyến như thế rồi thôi, sau đó chẳng ai thấy tông-tích cô Tám đâu hết. Có người đoán rằng vì nổi đi đường khó-nhọc quá mà cảm nhiễm phong sương, cô Tám sinh bệnh rồi chết ở giữa rừng, giữa núi nào đó không chừng. Có người khác nói tới, sau cô thấy nghĩa-binh thất-bại, cho nên ở luôn bên Xiêm, không về.

Sự thật, chung-cuộc của cô Tám ra sao, hình như không có một ai biết rõ. Con Thần long (rồng thiêng) hiện ra, chỉ thấy đầu chứ không thấy đuôi, tiếc thay !

XIII. VIỆC BẮT TUẦN-PHỦ ĐÌNH NHO- QUANG

Mấy lúc ban đầu chánh-thể Bảo-hộ mới lập, cố-nhiên là Bảo-hộ cần dùng có đám quan-lại và sĩ-phu quy-thuận, đứng làm trung-gian để bày tỏ lợi hại với dân và thu-phục lòng dân cho dễ.

Thủ-đoạn và phương-lược đi chinh-phục người ta bao giờ cũng vậy.

Trong đám quan-lại sĩ-phu đó, có những người chịu khuất-phục thời-thế, song vẫn giữ tư-cách cao-thượng, lương-tâm trong sạch ; họ biết nhân thời-thế giúp Bảo-hộ mà chở-che, thương-xót, giúp-đỡ cho dân ; trái lại, cũng có những người thấp-hèn, tàn-nhẫn, thì nhân cơ-hội này mà lợi-dụng thế-thần áp-bức dân-chúng, cho được phú-quý tẩm thân, thỏa-mãn tư-dục của họ mà thôi, còn thì sống chết mặc ai, nước non thân kệ !

Hạng dưới đó làm khổ dân không biết bao nhiêu. Bởi vậy, một đoạn trên kia chúng tôi đã nói việc cách-mạng của cụ Phan có hai nghĩa : trước hết là chống với người Pháp, toan bề khôi-phục nước nhà đã đành, mà sau là cốt trừ đám sĩ-phu quan-lại người Nam mình hay dựa thời-thế để làm hại dân.

Từ khi cụ khởi binh, thường cướp phá bọn này nhiều, có ý để cho những kẻ khác trông lấy gương đó mà chừa thói ỷ-thế hại dân đi. Có việc cụ làm thống-khoái nhất là việc bắt tuần-

phủ Đinh Nho-Quang.

*

Đinh Nho-Quang là người huyện Hương-sơn, tỉnh Hà-tĩnh, có tiếng là một tay danh-sĩ, nguyên trước làm Tuần-phủ tỉnh Hà-tĩnh. Sau về hưu rồi, Bảo-hộ vờ ra cho sung vào công-việc đi tiểu-phủ các đảng văn-thân. Đinh vốn là bạn thân với cụ Phan, nếu không tán-thành việc cụ làm thì cũng nên trung-lập hay là đừng bàng-quan mới phải, nhưng nay đã ra phò Bảo-hộ mà đánh văn-thân thì thôi, lại còn ra ý khinh-rẻ cụ Phan, và ý thể đi tiểu giặc mà ra tay hành-hạ dân-gian áo để.

Đinh có viết một bức thư, khuyên-dỗ cụ Phan ra hàng, lời lẽ rất là ngạo-mạn trong có một câu rằng : « Ông chỉ nằm bẹp ở trong núi, không chịu ra hàng, để ban đêm thì làm hùm làm beo, còn ban ngày thì làm chồn làm cáo, tưởng không phải là kế vững bền được đâu ».

Thế là Đinh có ý khinh-rẻ cụ Phan, coi như giặc cướp, chỉ ban đêm mới dám lộ đầu ra, cướp-bóc đốt phá của dân, hung-hăng như hùm như cọp, còn ban ngày thì sợ-hãi, chui-nhủi trong bụi, trong rừng, như loài chồn cáo, không dám thò mặt ra. Trái lại, văn-thân và nghĩa-binh cụ Phan lúc ấy có đến đổi hèn-nhát như thế đâu : nhiều khi ban ngày cũng đối chiến với quân-lính Bảo-hộ là sự thường thấy. Còn sự cướp phá của dân thì không hề, chỉ cướp phá bọn quyền-quý tham-ô nịnh-hót thì có.

Bởi vậy cụ Phan cả giận, liền hội các tướng và hỏi rằng : « Trong các tướng, có ai đi bắt sống thẳng Đinh Nho-Quang

đem về đây cho ta thì có trọng thưởng ».

Ông Cao-Thắng ứng-thinh mà nói : « Tiểu-tướng xin làm việc đó ».

*

Năm ấy là giữa năm thìn (1892).

Tuần-phủ Đinh Nho-Quang sau khi về hưu, vẫn giữ chức làm Tiểu-phủ Quân-vụ ở hạt Hương-sơn, hiệp với Lê Kinh-Hạp làm Tham-biện quân-vụ, và một tên Ban-biện là Đạt, thì trông nom việc tuần-phòng trong huyện.

Khắp trong huyện, họ đặt ra đến hai mươi đồn, đồn nào cũng có 30 tên lính-tập đóng, rất là nghiêm-mật. Còn ở nhà riêng của Đinh Nho-Quang, và nhà riêng Lê Kinh-Hạp đều có ba mươi tên lính-tập ngày đêm vác súng canh-phòng hộ-vệ. Ban-biện Đạt thì quản-xuất một đạo binh 50 người đi lại tuần-phòng trong hàng huyện, hết đồn nọ đến đồn kia, suốt cả đêm ngày, cẩn-thận hết sức. Thế ấy nghĩa-quân có muốn đánh tràn xuống để bắt Đinh Nho-Quang, cũng mất nhiều hơi sức, chưa dễ gì phá được bao nhiêu đồn lính đóng liên-tiếp nhau kia ; mà nói ví-dụ nghĩa-binh có đánh sẵn đến nơi, thì Đinh Nho-Quang cũng tìm đường trốn mất rồi, chắc đâu bắt sống và được ?

Ông Cao-Thắng phải dùng kế.

Hồi ấy là tháng mười. Nhân có một viên Thiếu-úy Pháp dẫn một toán lính-tập chừng 80 tên, ở tỉnh Nghệ đi về tuần-tiểu các miệt rừng núi thuộc về hạt Hương-sơn, chừng năm bữa thì trở về tỉnh Nghệ. Cao-Thắng sai người đi dò la, biết

chắc như thế, mừng lắm : « Ta đã có kế bắt được Đinh Nho-Quang rồi ».

Bảy giờ sáng sớm hôm ấy, Cao-Thắng lựa chọn năm tên lính lanh-lẹ, cho mang sắc-phục giống y lính-tập Bảo-hộ, đeo súng tây, vác một lá cờ tam sắc, lén xuống núi, giải làm binh tây, đi khắp các đồn truyền-báo rằng : ngày mai có một ông quan hai dẫn lính đi tuần-tiểu ngang qua, lính đóng các đồn phải ra ngoài cửa đồn bồng súng đứng sắp hàng để chào và để kiểm-duyet, nếu sai lệnh thì bị phạt. Các đồn tướng thiết đều vâng lệnh răm-rắp.

Ai nghe nói ông Cao-Thắng cho nghĩa-quân mặc giả y-phục lính-tập và cầm cờ tam sắc, thì lấy làm lạ, vì ông làm gì có những đồ ấy ? Nhưng chúng ta nên biết rằng : Bình-nhật Cao-Thắng vẫn cho quân mình vận đều một thứ sắc-phục gần giống như lính-tập, ngay đến sắc-phục của lính-tập thiết và cờ tam sắc, thì trong trại nghĩa-quân thường có sẵn luôn luôn, do nơi những trận đánh nhau đã bắt được của lính Bảo-hộ.

Qua sáu giờ sáng hôm sau, quả-nhiên có một toán 100 lính-tập kéo đi ngang các đồn. Đi đầu là một ông quan-binh người Pháp, thân-hình vạm-vỡ và râu-ria y như người Pháp, ngồi trên một con ngựa trắng, trước mặt có toán lính âm-nhạc, vừa thổi kèn đánh trống, vừa đi rất là oai-vệ. Đi qua đồn nào, thấy lính ở đồn ấy, đã bồng súng ra đứng chào ở ngoài cửa, đợi quân kéo đi rồi mới trở vô.

Rồi toán quân ấy kéo ngay tới trước cửa nhà Tuần-phủ Đinh Nho-Quang. Ngoài cửa nhà Đinh có lập một cái quán

ngủ chân. Toán quân kia kéo vào đó ngủ. Viên quan võ Pháp sai lấy rượu và bánh ra ăn, còn lính cũng ăn bánh uống nước một cách tự-nhiên như thường không ai ngờ-vực gì hết. Tốp lính canh gác ở nhà của Đình, thấy là bọn mình nên chẳng đề-phòng gì lại có ý vui mừng nữa là khác.

Bọn lính ăn uống xong rồi có hai người là thầy đội, lảng-vảng đến trước cổng nhà Đình, lân-la làm quen với mấy tên thủ-hạ Đình và làm bộ hỏi rằng : « Nhà của ông lớn nào đây mà có anh em ta canh gác như vậy, mấy anh ? »

Thủ-hạ Đình nói đây là nhà cụ lớn Tuần-phủ Đình Nho-Quang. Hai thầy đội làm bộ ngạc-nhiên : « A ! té ra nhà của cụ lớn Tuần... »

Đoạn hai thầy đội nói với mấy cậu thủ-hạ của cụ lớn như vậy : « Chúng tôi trước đóng ở Hà-tĩnh, giữa lúc cụ lớn ở đây đang làm Tuần-phủ tại đó, thành ra chúng tôi đã được cơ-hội ra vô hầu-hạ cụ lớn rất thường. Về sau anh em tôi đổi đi chỗ khác, đã ba năm nay, không biết tin-tức cụ lớn ta thăng chức thế nào, nay vì việc quan, may-mắn sao đi qua nhà cụ lớn, vậy anh em làm ơn vô bẩm cụ lớn, cho chúng tôi vô hầu thăm giấy-lát có được không ? »

Một tên thủ-hạ chạy vô trong nhà bẩm rõ sự thể, Đình chịu liền. Hai thầy đội rón-rén bước vô vái chào một cách hết sức cung-kính sợ-hãi, rồi vòng tay đứng nói những tình-nghĩa thầy trò cũ. Đình có nhớ đâu được là hai thầy đội này trước có đóng ở Hà-tĩnh không, và đã có dịp đi lại hầu-hạ mình không, chỉ biết là họ có lòng kính-trọng mình mà nhìn-nhận là thầy trò cũ thì cho họ vô nhà đó thôi. Kê ưa nịnh-hót, được

người ta nịnh-hót là khoái. Trong lúc nói chuyện Đình lên mặt thầy khuyên-nhủ họ nên hết sức giúp nhà nước Đại-Pháp mà đánh giặc lập công v.v...

« Thầy trò » đang đàm-đạo, thì có một tên lính-tập ở ngoài chạy vô sân nói với hai thầy đội : « Mời hai thầy ra, quan đòi có việc cần ».

Hai thầy đội liền bái-từ Đình đi ra.

Trong lúc đó, tất cả toán lính đi tuần, phân nửa ở ngoài, còn phân nửa đã lọt vô trong vườn của Đình, tốp năm tốp ba, vai vắn mang súng, miệng hút thuốc lá phì-phà, đi bách-bộ trong vườn với nhau để xem hoa, ngoạn cảnh. Thủ-hạ của Đình thấy là lính nhà-nước, thành ra chẳng ngăn-trở và đề phòng làm gì.

Một lát, một thầy đội trong hai thầy đội vào hầu Đình hồi nãy, lại chạy vô trong nhà vòng tay bắm với Đình rằng : « Khi hồi anh em chúng con vô đây hầu thăm cụ lớn, quan trên chúng con thấy vắng mặt, nên sai lính tìm-kiếm và hỏi đi đâu, anh em chúng con cũng nói thiệt là đầy-tớ của cụ lớn ngày trước, nay có dịp đi qua nên phải vô hầu thăm, cho phải đạo tôi-tớ. Quan trên chúng con nghe tới đại-danh cụ lớn, rất lấy làm vui mừng vì xưa nay ngài vẫn nghe tiếng của cụ lớn lừng-lẫy xa gần. Bởi vậy, ngài còn e ngại, nên sai con vô bắm với với cụ lớn hay trước, xem ý cụ lớn có chịu tiếp giờ này không ? »

Đình nghe nói là một vị quan-binh Pháp xin vô bái yết mình, còn có gì vinh-diệu và nở mũi cho bằng : « Được ! thầy ra báo tin trước đi, để tôi ra cổng đón rước quan lớn vô chơi

».

Nói xong, Đinh thét vang người nhà đầy-tớ mau mau dọn-dẹp bàn ghế, sắp sẵn ly rượu, rồi chỉnh-tề khăn áo ra tận ngoài cổng rước khách. Tội nghiệp, Đinh vừa lò-mò ra đến ngoài cổng, thấy có bốn người tráng-sĩ đưa súng ngang trước mũi và hai người khiêng một cái vồng, tề-thanh nói lớn rằng : « Chúng ta phụng-mạng của Phan nguyên-soái, xuống bắt tuần-phủ Đinh Nho-Quang điệu về đại-trại, chứ không phải là quân Pháp nào đâu ».

Họ vừa nói, vừa xốc ngay Đinh mà đặt lên vồng khiêng đi, còn bọn lính kia thì ngăn-cản thủ-hạ Đinh, không cho ai động-đậy. Đinh không ngờ mắc mưu như thế, chỉ nói được một câu : « Giặc nó bắt tao ». Rồi vồng Đinh đi trước, nghĩa-quân đi sau, rần-rộ kéo đi tự-nhiên, thủ-hạ của Đinh sợ-hãi, đều chạy tan nát, không ai dám thò mặt ra cứu. Nghĩa-quân đi vừa thổi kèn, vừa bắn súng liên-thanh, nhắm ngay núi Vụ-quang trực-chỉ. Trên núi nghe có hiệu súng, lại cho thêm hai đạo quân 200 người xuống núi tiếp-ứng, để phòng-bị có lính Bảo-hộ phá vây giải-cứu cho Đinh chẳng. Đến tối thì nghĩa-quân giải Đinh về tới sơn-trại.

Sáng hôm sau, Cao-Thắng dẫn Đinh vô nạp cụ Phan. Cụ cho Đinh ngồi tử-tế rồi cười và nói : « Ông cho tôi làm việc nghĩa-cử này là tầm-bậy hay sao ? Các ông chỉ biết lo bảo-toàn vợ-con, nhà-cửa và tước-lộc là sung-sướng mà thôi, tưởng vậy đã đủ làm người cho người ta kinh sợ. Sao ông ngu thế ? Tôi với ông có tình anh em đồng học, đáng lẽ nay ông thấy tôi làm một việc gian-nan tiết-tháo như vậy nên giúp-đỡ cho tôi mới phải. Mà nếu có nhát-gan lo chết thì thôi, ta nên

giấu mặt đi mà nắm một xó nhà, yên thân cho xong, sao lại đành lòng đi nịnh-hót và bày-mưu lập kế cho người ta để toan làm hại tôi. Đã vậy lại còn viết thư nói xấu-xược với anh em cố-giao nữa, ông nghĩ rằng mình ông có thể địch nổi được với quân của tôi sao ? Thôi, thứ người có đầu óc tâm-địa như ông, có nói chuyện nghĩa-lý gì nữa cũng là vô-ích. Bấy lâu làm quan với người Pháp, ông ỷ thế đè đầu bóp cổ dân mà lấy tiền, nghe nói bây giờ về hưu, giàu có sung-sướng lắm. Vậy thì nên mau mau đem giúp cho nghĩa-binh lấy sáu bảy ngàn đồng đây, rồi tôi tha cho mà về, tôi chẳng thèm giết ông làm gì, cho dơ-dáy cả thanh gươm. Ông tự liệu lấy ».

Đinh hổ-thẹn quá, ngồi cúi mặt làm thinh. Cụ Phan truyền lệnh đem ra ở đồn ngoài, giam lại, giao cho 50 tên quân già-yếu canh giữ. Đinh vẫn mong sớm tối thế nào cũng có quân-lính Bảo-hộ lên giải-cứu cho mình, nhưng đã bốn tháng không thấy tin-tức gì, bởi quân-lính Bảo-hộ cũng không muốn khinh-tấn vô sào-huyệt của nghĩa-quân vì cái tính-mạng của một viên tuần-phủ trí-sĩ. Sau bốn tháng, Đinh phải viết thư cho người nhà đem lên nạp nghĩa-quân 4 ngàn đồng. Nhưng chưa đủ số nghĩa-quân cho chuộc mạng, thành ra Đinh vẫn bị giam. Mãi tới về sau, quân-lính Bảo-hộ đánh phá được đồn ngoài của nghĩa-quân, mới cứu được Đinh sống sót mà về.

Việc nghĩa-quân lập kỳ-mưu bắt sống tuần-phủ Đinh Nho-Quang làm chấn-động dư-luận Nghệ-Tĩnh hồi đó, nhân vậy mà bọn quan-lại xu-phụ thời-thế phải khiếp oai giữ mình, không dám ho-he kích-bác văn-thân và khinh-thường nghĩa-binh nữa.

XIV. Ô-HÔ CAO-THẮNG

TRONG lúc nghĩa-quân đang có thể mạnh sức to, làm xao-xuyến lòng người và tràn-lan khắp xứ, khiến nhà đương-cuộc Bảo-hộ đang phải nhọc-nhăn lo ngại, không biết có dẹp được không, và bao giờ mới dẹp được ; trong lúc nghĩa-quân đang cần người có trí, có dũng để giúp-đỡ cụ Phan về việc sai khiến tướng-sĩ, liệu-lượng binh-cơ, thì chợt có một cái tang rất đau-đớn, rất thiệt-hại, dời-đổi cả đại-cuộc, rung-động cả toàn-quân : cái tang Cao-Thắng tử trận.

Cao-Thắng là một người có tài to chí lớn thế nào, ai nấy đọc mấy đoạn trên kia đã biết ; nghĩa-quân đang cần phải có ông, đang phải dựa vào ông làm một bức tường thành, bỗng thiếu mất ông đi, tức là nghĩa-quân thiếu mất linh-hồn, kém hẳn thực-lực, không phải vừa.

Hồi đó đã trải năm năm tích-tụ, năm năm dạy-dỗ, Cao-Thắng ngó thấy nghĩa-quân có khí-giới, có lương thực, có công-phu tập-luyện khá rồi, tuy không phải được dư lực chi, nhưng cũng đủ chống-cự với quân Pháp trong một thời-gian. Bởi vậy ông suy-nghĩ nếu mà nghĩa-quân cứ chui-nhũi lẫn-quất ở trong rừng núi mãi, không lần bước lên một vài thì đến bao giờ mới chiếm-cứ được một tấc đất làm căn-bản hẳn-hoi để đồ lấy việc lớn. Đã không lần được thì làm sao khỏi có ngày phải thụt-lùi, phải hư-hỏng. Vậy thì bây giờ, theo ý ông muốn, nghĩa-quân tất phải kịch-liệt tấn-công một phen thế nào, chớ cứ ở mãi rừng núi như thế này, tuy là đất của mình thật, nhưng bốn phía đều có quân Pháp bao-bọc,

siết-cứng lấy mình, thành ra mình không khác chi con chim ở trong lồng, con cá ở trong chậu, vầy-vùng gì được ? Suy-nghĩ vậy rồi Cao-Thắng vào hầu cụ Phan để bàn về việc tấn-công, huyết-chiến một phen xem sao.

- Ý của ông muốn đem quân ra đi, thì đánh lấy đất nào trước ?

- Tôi xin đi đánh tỉnh Nghệ trước.

- Tại làm sao lại đánh tỉnh Nghệ trước ?

- Vì quân Pháp đối-địch với ta, lấy tỉnh Nghệ làm nơi căn-bản, đóng quân và tích lương ở đó rất nhiều, một là để chống giữ ta ở mặt Hà-Tĩnh, Quảng-Bình, hai là để chặn đường không cho ta giao-thông thanh-khí với ngoài Bắc. Ngày nay, nếu ta ngồi mà giữ đây mãi, đã chẳng phải là kế cứu-an, mà lấy gì khích-động được lòng người, mưu-toan được việc lớn. Bao nhiêu nghĩa đảng trong nước bây giờ, đều trông-ngóng vào ta mà định bước lui tới ; đến sức khá như ta mà cứ ngồi yên, thì họ cũng không dám động, nay nếu ta động thì tất là họ ùa theo, chắc sẽ bùng lên có thể mạnh lắm. Vả chẳng lấy rừng núi làm chỗ sáng-tạo thì được, chứ làm chỗ thủ-thành không xong, vì quân Tây chẳng cần gì đánh ta, cứ bọc-vây ở ngoài trong ít lâu, chẳng cần phải hao-phí một tên lính, một viên đạn nào, có thể khiến cho ta ở trong tuyệt lương, bí đường, tự-nhiên lần hồi ta phải tan, phải chết. Tiểu-tướng dám quyết-đoán rằng thế nào địch-quân cũng dùng tới cái kế không đánh mà rồi thắng trận thành-công như thế đó. Bởi vậy, nghĩa-quân ta phải ra tay trước để mở lấy một sinh-lộ mới được.

- Nhưng nếu ra đánh tỉnh Nghệ, mà Tây kéo quân ở trong ra, ở ngoài vô rồi hai mặt đánh đổ dồn lại, thì tướng-quân lấy gì mà chống cự cho nổi ?

- Điều đó tiểu-tướng đã suy-nghĩ kỹ-càng rồi. Tôi chỉ cần chống-cự với mặt quân ở ngoài Bắc vào, còn mặt trong tôi không sợ. Trong khi tôi tiến binh lên thu-phục tỉnh Nghệ-an, tôi sẽ xin chủ-soái truyền lệnh cho các quân-thứ đều cử binh một lượt, không cốt gì đánh nhau, nhưng chỉ làm ra bộ lâm-le đánh phá hai tỉnh Quảng-bình và Hà-tĩnh, làm vậy để chia sức quân Tây đi, họ không để hết tâm-lực đến mặt Nghệ-an được. Và lại, nghĩa-binh ta ra đánh bây giờ, cần phải liều chết mà đánh cho thiệt là thần-tốc, khiến cho địch-quân chẳng kịp trở tay, thì sự đánh hạ được thành Nghệ-an có lẽ cũng là việc dễ. Hễ hạ được Nghệ-an rồi, tức khắc các đạo quân-thứ ta thừa cái thắng-thế ấy mà trường-khu đại tấn, lên chiếm hai tỉnh Quảng-bình và Hà-tĩnh nữa. Bọn nghĩa-sĩ các tỉnh thấy vậy, tất là họ nức-lòng mà cùng nổi lên tứ-tung, quân Tây có ba đầu sáu tay cũng phải bối-rối. Rồi cụ đem đại-binh đóng ở Quảng-bình đón đường chống-cự với quân ở trong kinh ra, tôi xin ở Nghệ-an để giữ vững mặt ngoài, nếu nghĩa-quân ta giữ chặt được giải đất như thế làm chỗ nương-thân làm nơi căn-cứ, may ra có thể làm nên việc lớn được.

- Ví-dụ lấy được Nghệ-an rồi mà Tây đem quân do đường thủy tới, thì ông lấy gì mà cự-địch ?

- Việc đó tôi cũng đã nghĩ tới rồi. Bây giờ tôi đã có cách ngăn-giữ không cho quân Tây đem tàu vào cửa biển được.

- Song quân ta hiện nay còn yếu thế lắm, sơ có đi thì có

điều bất lợi.

Cụ Phan nói câu ấy, là ý không muốn cho Cao-Thắng đi, nhưng ông nói lớn rằng : « Đại-trượng-phu đến chết là cùng, chứ có điều chi mà phòng sợ ! »

Rồi Cao-Thắng năn-nỉ một mực xin đi, cụ Phan phải cho. Vả chẳng, nhân hồi bấy giờ, ở quân-thứ phủ Anh-sơn tỉnh Nghệ-an là Nguyễn-Mậu trù-liệu việc quân-lương có hơi chậm-trễ, nên cụ cũng bằng lòng cho Cao-Thắng đi để thu-xếp việc đó luôn thể.

Cao-Thắng bèn chọn lấy một ngàn quân cường-kiện, luyện-tập lại cho thật giỏi, theo như binh-pháp của người Tây. Duy có quân-phục thì ông cho mặc toàn sắc đỏ, vì ông lấy nghĩa rằng : phương Nam ta thuộc về Hỏa, còn phương Tây thuộc về Kim, nay lấy hỏa khắc kim nghĩa là lấy lửa nung vàng cho chảy ra, cho nên lấy sắc đỏ làm quân-phục, là để tượng về hỏa vậy. Đối với quân-sĩ, ông chỉ có một cái quân-lệnh rằng : « *hễ ai ra trận mà lùi lại thì chém đầu* ». Chính ông ra trận cũng không bao giờ chịu đi sau, bao giờ cũng xông-pha lửa-đạn mà lên trước, khiến cho quân-lính đều nức lòng. Mỗi lần đánh nhau mà ông thường thắng là nhờ có cái can đảm ấy, nhưng kể ra ông cũng khinh sinh quá. Quân-lính xưa nay, không những phục ông là người đại tài mà lại quý-mến ông là người có độ lượng, vì đối với quân-lính, ông lấy tình như anh em, khiến họ rất cảm-phục, cho nên lần này ông ra binh, ai cũng vui lòng theo, không ngần-ngại một chút nào.

*

Ông chia quân ra làm hai đội : ông và ông Nguyễn-Niên đi tiên-phong, còn em ruột ông là Cao-Nữu dẫn một nửa đi làm hậu-đội, rần-rộ theo đường thượng-đạo mà kéo đi, trông thẳng tỉnh Nghệ tấn-phát. Con đường từ đó về tỉnh Nghệ có nhiều đồn-trại của lính Bảo-hộ đóng để phòng cự văn-thân.

Đi giữa đường gặp đồn nào là Cao-Thắng đánh phá đồn ấy, đánh nhau lâu là nửa ngày, mau là một giờ hay vài giờ đồng-hồ là ông phá được. Ông đã phá được mấy đồn như thế. Trên kia đã có đoạn nói ông Cao-Thắng vốn là người có tiếng anh-hùng, lính-tập Bảo-hộ đều biết, và có ý kiêng-sợ, cho nên mỗi khi họ tuần-tiểu mà gặp quân ông, họ không dám ham đánh lăm, đều gọi ông là « hổ-tướng ».

Sau khi đánh phá ấy đồn rồi, Cao-Thắng kéo quân ngang qua một đồn đó gọi là đồn Nỏ. Trong đồn chỉ có độ một trăm lính-tập mà thôi. Viên quan coi đội lính này, là một người mình, trước làm chánh quản, sau được thăng-chức làm quan một lon, gọi là quan Một Phiến. Phiến nguyên trước cũng ở trong nghĩa-đăng, có cơ-mưu lắm, sau ra đầu hàng Bảo-hộ rồi đem thân vào hàng-ngũ, lập nhiều huân-công, thành ra được làm tới quan một. Người Pháp tin dùng Phiến mới cho Phiến đóng ở đồn Nỏ là một chỗ hiểm-yếu nằm ngay giữa đường ; hễ địch-quân nào có phá được đồn này thì mới có lối đi tới.

Phiến nghe tin báo rằng ông Cao-Thắng sắp kéo quân đi qua, liền dự-bị cách nghênh-địch. Va tự biết rằng quân mình ít, nếu ra đương-trường mà đánh với quân Cao-Thắng, thì chắc là thua, bèn nghĩ đến cách « hư-hư thực-thực » để đánh ông. Cũng là lúc trời muốn giết ông, cũng là lúc trời không

cho việc cách mệnh của cụ Phan gượng-gạo được lâu nữa, nên chi đến đây Cao-Thắng bị mắc mưu mà tử trận. Thương hại thay !

*

Phiến chia quân ra làm hai cánh : một cánh ở trong đồn nhưng khi quân Cao-Thắng đến đánh thì cứ bình tĩnh như thường, không được nao-động hay cự chiến gì hết, mặc kệ nghĩa-quân cứ việc phá đồn, để chờ cho đến tối sẽ hay ; còn một cánh thì ra mai-phục ở ngoài đồn, cách độ hai ba cây số, hễ lúc nào thấy trong đồn có hiệu riêng là một ngọn đèn sáng ở trên cột cờ, ấy là lúc trong đồn ra hiệu cho ngoài biết rằng trong đồn bắn ra, thì quân phục-binh ở ngoài mới được bắn vào sau lưng nghĩa-quân Cao-Thắng. Bố trí đâu đó rồi, Phiến chỉ chờ đạo nghĩa-quân Cao-Thắng đến.

Cao-Thắng thừa được thế thắng ở mấy đồn kia, kéo quân trực-chỉ đồn Nỏ. Nghĩa-quân đến nơi nhằm lúc xế chiều một chút. Nhưng Cao-Thắng chẳng thấy động-tĩnh gì hết, ban đầu tưởng là quân trong đồn đã sợ mà bỏ đi rồi, sau ông suy-nghĩ cũng còn sợ kế mai-phục gì chẳng, nên không dám cho quân-lính tràn tới, đành phải đóng binh lại, để chờ tình-hình xem sao đã.

Một lát, trong đồn có người chiếu ống dòm ra ngoài. Cao-Thắng lạnh mắt ngó thấy, biết rằng lính đồn cố sức giữ, bấy giờ ông mới hô quân đánh đồn. Mấy trăm khẩu súng chỉ thẳng vào đồn mà bắn như mưa rào, mà trong đồn cứ im phăng-phắc, không có một tiếng súng nào bắn ra. Nghĩa-quân hai ba lần muốn xông-pha hãm thành, nhưng rồi lại

thôi. Mãi đến trời tối một lúc, thấy trong đồn kéo lên một ngọn đèn cao, rồi thì ở trong bắn ra, Cao-Thắng hô quân nằm rạp xuống đất mà ứng-chiến. Quân trong đồn đều núp chỗ kín, ngó ra thấy ngọn lửa của nghĩa-quân lập-lòe ở chỗ nào, là nhắm theo chỗ ấy mà bắn ; còn nghĩa-quân ở ngoài chỉ bắn phỏng vô phía đồn, chứ không biết là có tin hay không. Lính-tập mai-phục ở ngoài đồn, thấy hiệu đèn sáng, bắt đầu chĩa súng ngay sau lưng nghĩa-quân mà bắn. Nghĩa-quân đang đánh đồn, chợt thấy đằng sau cũng có tiếng súng nổ liên-thình, nghĩ rằng có quân tây ở đâu đến cứu-viện, mà trời tối đen như mực, chỉ biết là trước sau đều bị đánh cả, khiến cho lòng quân đã hơi biến-loạn. Cao-Thắng thấy sự thế như vậy, sợ quân-sĩ nếu không quyết tử-chiến thì không xong, ông liền nhảy lên mà hét lớn : « Lúc này chúng ta không đánh mà chết, còn đợi đến bao giờ ».

Tức thời, ông chia quân ra làm hai đội, một đội thì cứ việc đánh đồn, còn một đội quân thì để cự-địch với quân mai-phục gọi là quân viện-binh ở đằng sau : Mỗi đội gồm độ 150 người. Vì tiếng là ông đem 1000 binh, nhưng do hai ông Nguyễn-Niên và Cao-Nữu quản-xuất nhiều hơn, và tấn binh do đảng khác, chưa hội-hiệp nhau. Chính ông Cao-Thắng thúc-giục quân lính xông tới hãm đồn, và tự ông xông-pha lên trước, thành ra bị một viên đạn ở trong đồn bắn ra, trúng ngay bên bụng, ông liền ngã ra. Quân-sĩ thấy ông chủ-tướng bị đạn rồi, không ai dám ham đánh nữa, mau mau rút đi, hiệp với đạo quân sau vừa đánh vừa lui. Quân trong đồn và quân mai-phục ở ngoài, biết nghĩa-quân chạy lùi, tuy họ trông ra không thấy gì hết, nhưng cứ bắn phóng theo, làm cho nghĩa-quân

trúng đạn chết nhiều. Có điều là lính-tập trong đồn, ngoài đồn tuyệt-nhiên không biết là Cao-Thắng bị đạn mà nghĩa-quân tháo lui.

Nghĩa-quân cõng ông Cao-Thắng chạy mãi đến mấy chục dặm, mới tạm đóng binh ở trong một làng gần bên núi để lo cứu chữa thương tích cho ông. Lúc bấy giờ ông hãy còn sống, nhưng mà bị đạn trúng vào mạng-mỡ, đau lắm, đến đổi mê-man, không nói được câu gì nữa. Quân-sĩ dùng hết mấy món thuốc cứu thương đem theo, và lại hái lá này lá kia để rịt chỗ thương-tích nhưng cũng vô công-hiệu. Cao-Thắng nằm mê-man thêm-thiếp sau mấy giờ đồng-hồ, bỗng dưng thấy ông mở mắt ra nhìn quanh chư-tướng, nước mắt tràn xuống hai bên gò má, thở dài mấy tiếng rồi mất. Ngày ấy chính là ngày tháng 10 năm Quý-tị (1893), ông mới có 29 tuổi. Than ôi ! Trời xanh không tựa, tuyệt đấng anh-hùng, hòn đạn vô tình, giết người chiến-sĩ. Thảm thay !

Tin dữ báo gấp đến Ngàn-trươi, cụ Phan khóc lóc kêu gào rất là thảm-thiết : « Trời hại tôi ! Ông Cao-Thắng ôi ! Trời hỡi trời ! »

Tức thời cụ truyền lệnh phải đem di-hài ông lên Ngàn Trươi để làm lễ an-táng, Cụ dự-bị việc tang rất là trọng thể.

Ba ngày sau, quan-tài Cao-Thắng chở về đến đại-doanh, cụ mặc áo trắng ra đón tận cửa ngoài, hai tay vỗ vào quan-tài mà gào khóc, vì không ai không thương-tiếc Cao-Thắng.

Quan-tài đặt giữa Nghi-sự đường, chư-tướng cắt phiên nhau ngày đêm tay cầm gươm trần đứng thị-kinh hai bên. Chính tay cụ Phan viết hai câu ai-liễn để thờ :

CÂU THỨ NHẤT :

*Vị tiếp tiên tử, thiên ý vị hà
Hữu chí phát thành, anh-hùng dĩ hĩ.*

CÂU THỨ HAI :

*Công cầu tất thành, kích tiếp thệ tảo thanh quốc-tặc,
Sự nan dự liệu, cứ yên tích dĩ thiếu tư nhân.*

Hai câu liền đều có tình-tứ lâm-ly thống-thiết. Đại ý cụ than-khóc rằng ông Cao-Thắng theo cụ ra khỏi nghĩa-binh từ lúc đầu, có chủ-tâm quyết thắng để khôi-phục cái quyền độc-lập của nước mình, nay không ngờ chí lớn của ông chưa thỏa, công-nghiệp định làm chưa thành, mà trời đã vội cướp người anh-hùng đi, không biết rằng ý trời nghĩ ra làm sao ! Cụ lại có ý than-tiếc ông Cao-Thắng là chân-tay của cụ, cụ dựa-nương trông-cậy ông được nhiều công việc, nay không dè đâu ông đã sớm chết, làm cho dưới trướng của cụ, thiếu mất một người có tướng tài, thật là đau đớn.

Cụ Phan sai ông Võ-Phát (tục gọi là Bang-Nhu, đóng quân ở hạt Kỳ-anh, sau thất trận bị bắt rồi bị chém tại Kinh) soạn một bài văn-tế bằng quốc-âm.

Chính ngày đại-táng, cụ Phan thả nhang thân tế ông Cao-Thắng ba tuần, rồi đứng đó bưng mặt lại khóc hu hu, làm cho tướng-sĩ ba quân cảm-động quá cũng phải khóc theo, vang động một góc núi non, Nhất là những người lính đi đánh trận với ông được sống sót trở về, càng xót-thương gào khóc lớn. Họ nói ông Cao chết oan, chết uổng, chết thay thế cho họ, vì nếu ông đừng xông-pha ra trước sĩ-tốt thì viên đạn ác-nghiệt kia có phải về phần ông đâu !

Bài văn-tế cụ Phan thân tể Cao-Thăng như sau này :

Than rằng :

Thanh bửu-kiếm mười năm sẵn có, đáng anh-hùng dùi-mài mãi chưa thôi.

Áng hung-trường một phút như không, con tào hóa ghét-ghen chi lắm thế !

Nghĩa đồng-ưu tưởng lại luống đau lòng

Tình vãng-điều nghĩ càng thêm rơi lệ.

Nhớ Tôn-linh :

Hào-kiệt ấy tài,

Kinh-luân là chí :

Vén mây nửa gánh giang-san

Vỗ cánh bốn phương hồ thỉ,

Gặp quốc-bộ đang cơn binh-cách, nghĩa giúp vua chung nỗi ân-ưu,

Bỏ gia-đình theo việc hung-đao, lòng đánh giặc riêng phần lao-tụy

Địa-bộ muốn theo dòng Nhạc-mục ²², thét hung-bào từng ghê trận oai linh,

Thiên-tài toan học chức Võ-hầu ²³, chế sủng đạn biết bao chừng cơ-trí

Ơn quân-tướng Đồng-nhung vâng mạng, cầm ấn quan-phòng,

Tước triều-đình Chưởng-vệ gia-phong, kéo cờ tân-chế ;

Những chắc rằng : ba sinh có phước, hăm-hở mài gươm chuốt đá, chí khuông-phò không phụ với quân-vương.

Nào ngờ đâu ! một sớm không chừng, mơ-màng đạn lạc tên bay, trường chiến-đấu biết đâu là số-hệ ;

Trong ba kỷ ²⁴ xuân thu tuy chữa mấy, trên yên ngựa đòi phen roi thét, trọng cương-thường quyết mở mặt nam-nhi.

Ngoài mười sương, sự-nghiệp biết chừng nào, trước cửa viên bổng chốc sao sa, thu linh-phách vội cướp công tráng sĩ.

Non thiên-nhận phát phơ hơi gió thổi, thương người tiết-nghĩa ngậm-ngùi thay,

Nước tam-thoa thấp-thoáng bóng trắng soi, nhớ kẻ trung-trinh ngao-ngán nhè.

Thà chết nữa song tay địch-khái ²⁵ theo về tổ phụ ấy cùng vinh.

Kìa sống như mấy kẻ hàng-di, ở với tinh-chiên càng thêm bậy.

Nay nhân :

Chung thất tới tuần,

Thúc-sô dâng lễ.

Chén rượu thoảng bay mùi chánh-khí, trước dinh đều đủ mặt quan-liêu.

Nén hương nghi-ngút khói bạch-vân, dưới án đưa chen hàng cơ-vệ.

Chua xót thay, hai già tuổi tác ²⁶ ngọt bùi cậy tay em thay đỡ, khối thâm-tình chưa thoát cũi hoàng-tuyền.

*Cám cảnh, thay đàn trẻ thơ-ngây²⁷, ân cần nhờ công vợ
dạy nuôi, may di-phúc lại nảy ngành đàn-quế ;*

*Tinh-hồn ví dầu thanh-sảng, hộ phen này cho tướng
mạnh quân bền.*

*Linh-hồn nếu có khôn-thiên, rồi ngày khác lại sắc phòng
điện tể.*

Thôi ! Thôi !

*Cửa tia lầu vàng đành kẻ khuất, đem thân bách chiến, để
tiếng thơm cho tỏ mặt anh-hùng.*

*Súng đồng gươm bạc mặc người còn, truyền lệnh ba
quân, hét hơi mạnh để xây nên bình-trị.*

Thương ơ là thương,

Kể sao xiết kể.

*

Mãi đến mười mấy hôm sau, quan quân Bảo-hộ mới biết tin Cao-Thắng chết, Bảo-hộ cũng biết Cao-Thắng chết là cái thực-lực của cụ Phan có giảm đi, nên chi càng ra sức tuần-tiểu hơn trước.

Quả-nhiên, ông Cao-Thắng mất đi, thật là làm tổn thanh-thế của cụ Phan, bèn chi cụ khóc rằng : « trời hại tôi » là phải.

XV. HOÀNG CAO KHẢI

CAO-THẮNG tử trận, cụ Phan kêu trời khóc lóc thảm-thương là phải. Tôi được gặp một ông già trên 70 tuổi, chính là người lính trong đội thân-binh tử-sĩ, sớm tối hộ-vệ cụ Phan lúc đó, thuật chuyện rằng chính mắt ông được thấy ròng-rã nửa tháng, bất cứ lúc nào chạnh nhớ tới Cao-Thắng là cụ khóc lúc ấy. Sự cảm-thương quá độ làm cho cụ mất ngủ quên ăn, không mấy bữa mà mặt võ mình gầy, khí-sắc tiều-tụy trông thấy. Chư-tướng phải thay phiên nhau chăm-nom khuyên-giải mãi, cụ vẫn không nguôi cơn nhớ-thương phiến-não !

Nghĩ lại cũng không lạ gì. Bởi người anh-hùng tráng-sĩ đó có chỗ ỷ trọng cần dùng cho cụ như là chân tay đối với thân-thể, không sao thiếu được ; chẳng những vì Cao-Thắng là người trí-dũng ít có mà thôi, lại chính là một nhà kỹ-sư, một tay giám-đốc chế-tạo súng đạn là món cần nhất ; mấy ngàn tướng sỹ trông-cậy vào đó, trọn cả phong trào để-kháng quan-hệ ở đó. Nay bỗng dưng người ấy mất đi, đáng thương tiếc là một tướng tài đã đành, mà kiếm người thay thế còn có ; chứ đáng thương tiếc là một kỹ-sư quân-giới thì nhiều hơn, mà lại không có ai thay thế nổi. Như vậy bảo cụ Phan không khóc thương sao được ?

Huống chi cụ vẫn tự nghĩ mình tuổi cao sức yếu, tính-mạng còn mất chẳng biết đâu là sớm chiều, trong trí định sẵn một mai phó-thác đại-sự cho Cao-Thắng cũng như ngày xưa Khổng Minh phó-thác công việc phục-hưng Hán thất cho

Khương Duy vậy. Nhưng đằng kia Khổng-Minh còn may phó-thác cho Bà-ước được ít năm, còn đầu này một người đang cường-kien thanh-xuân lại bị số-mạng rước đi về trước một ông già đã da mồi tóc bạc. Đó là một lẽ khác khiến cụ Phan càng thêm thương khóc Cao-Thắng.

Cây cột cái của tòa nhà đổ mất, làm sao tòa nhà khỏi bị xiêu-veo rung-rinh. Cao-Thắng chính là địa-vị cây cột cái của đại sự họ Phan đang làm, cho nên tôi nói Cao-Thắng giữa đường mất đi rất có ảnh-hưởng đến nguyên-khí và thực-lực họ Phan phải vì đó mà lung lay, thiệt thòi, suy kém.

*

Tuy vậy, thanh-thế nghĩa-quân bề ngoài vẫn còn sung-túc oanh-liệt, vẫn còn lên xuống găm thét ở miệt thượng-du Nghệ-Tĩnh, sức của Bảo-hộ dù mạnh gấp trăm gấp ngàn, nhưng không dễ một chốc quét sạch phá tan được.

Mặc dầu binh lính nhà nước bên ba công-kích luôn luôn nhọc nhằn, mặc dầu có những hạng tùy thế lập công như các Tiểu-phủ-sứ Lê Kinh-Hạp, Phan Huy-Nhuận, Đinh Nho-Quang, từng bày hết chức này đến mưu kia, nhưng nghĩa-quân vẫn cứ đối lũy giao-phong, chưa chịu đuối hơi lui bước.

Lịch-sử thiên-hạ xưa nay, không hề có một cuộc chinh-phục ở đâu mà người ta không chiêu-nạp lợi-dụng ngay những kẻ sinh-trưởng ở đó làm quân-sĩ, làm mưu-thần, làm sai-nhân, làm hướng-đạo. Tước-lộc vàng bạc đằng này đổi lấy mưu-mô công-sức đằng kia. Những hạng người khéo biết hay là đành phải lựa gió bẻ măng, thuận buồn xuôi nước, đời nào không có, xứ nào không có. Xưa kia, tổ-phụ chúng ta

còn oanh-liệt, những lúc ta đi chinh phục Chiêm-thành, Chân-lạp, cũng phải cần có ít nhiều thổ dân hai xứ ấy làm sai-nhân mưu-sĩ cho mình chứ sao ? Nó là một công-lệ tự nhiên ở trong các cuộc chinh-phục người ta, có đâu qua khỏi.

Thời, cuộc Bảo-hộ mới định ban đầu ở nước ta cũng thế.

Nhưng nói gì nên nói cho công-bằng : trong những người bốn-thổ trước đây tùy thế lập công và bày mưu hiến kế cho Bảo-hộ về công việc bình-định đảng nghịch, tiểu-trừ văn-thân, có người biết sự cưỡng lại cũng vô ích, cho nên đành phục theo thời-thế mà mưu lợi cho nước cho dân ; có người không biết lẽ đó, chỉ dựa lấy thời-thế oai-quyền, trở lại nhiều-hại nhân-dân, sinh làm họa phước.

Hạng dưới này, đối với việc phá-hoại cụ Phan, không để sót tâm-lực gì không đem ra, không còn thiếu mưu-kế nào không bày-sử. Họ dư biết phong-trào văn-thân cụ Phan làm chủ, còn như cây đinh trước mắt, như bụi gai trên đường của Bảo-hộ, nếu họ bày mưu nghĩ cách gì phá-tán đi được, tức là cơ-hội cho họ nên công-danh to, được phú-quý lớn.

Trước hết họ tìm kiếm tảo-trừ vây cánh văn-thân.

Cuộc vận-động để kháng-cự văn-thân Nghệ-Tĩnh lúc bấy giờ mà cụ Phan Đình-Phùng chủ-trì, sở-dĩ có cơ sở, có thịnh-thế, tràn-lan được rộng, và chống đỡ được nhậy, là nhờ có lòng dân quy-phụ, sức dân giúp ngầm rất nhiều. Ngoài ra những người là bậc kiện-nhi tráng-sĩ không từ sống chết, bỏ hết gia-hương, đi theo văn-thân một cách phân-minh, còn những người vẫn an-cư lạc-nghiệp ở nhà, hình như vô-tâm vô-sự nhưng kỳ thiệt là ngầm-ngầm hưởng-ứng tán-trợ văn-

thân bằng tinh thần, bằng tiền bạc lúa gạo, bằng sự bôn-tẩu hô-hào, đó là vây cánh gián tiếp của văn-thân, có lẽ không một làng xóm nào không có ít nhiều.

« Muốn trừ văn-thân, ta hãy lo chặt vây cánh của văn-thân trước », bọn tùy thế lập công suy-nghĩ như thế, bèn ra tay trấn-áp ở trong dân-gian, hoặc là bắt-bớ hành-hạ, những ông-già bà-cả nào có thân-nhân tử-đệ đi theo văn-thân, để cho thân-thân tử-đệ xót tình máu-mủ thì phải đâm đầu thò mặt ra hàng-phục ; hoặc là giam-cầm trừng-phạt những nhà có tư-cơ sự-sản đáng nghi là có bí-mật quan-hệ với đảng văn-thân. Lúc đó dân-gian Nghệ-Tĩnh ở giữa cái không-khí tao-nhiều kinh-hoàng bao-phủ nông-nực khó thở. Phải chi người ta đàn-áp trừng-trị những kẻ thiệt có con em đi theo văn-thân, hay là thiệt có giúp ngầm văn-thân, thì chẳng nói làm gì, vì lẽ mạnh được yếu thua, tội ai làm nấy chịu, là lẽ tự-nhiên ở đời ; nhưng đảng này bọn tùy thế lập công, làm oai làm dữ lung-tung muốn bắt ai thì bắt, muốn chém ai thì chém. Giữa lúc thiên-hạ loạn-ly, mạng người rẻ như cỏ rác, nhất là người có máu mặt, người có tiền dư, và người có tư-hiềm cừu-oán chút xíu gì với quan Tiểu-phủ-sứ và bộ-hạ các ngài là dễ bay đầu mất mạng như chơi.

Thiệt vậy, hồi này thiếu gì người bị bắn, bị thù, bị đày, bị chết một cách oan-uổng, chỉ vì lẽ có sự-sản, có hiềm-thù, chứ thật sự người ta không tội lệ gì, cũng không dính-líu xa gần chi với văn-thân.

Ta nên công-bình nhìn-nhận rằng sự hình-phạt lung-tung oan-uổng nhân-dân như thế phần nhiều chẳng phải là quan Pháp, lính Pháp, mà chính là người nam lính nam, gọi chung

bọn tùy thế lập công đó.

Họ ra tay chặt vây cánh văn-thân đến thế, mà sao phong-trào văn-thân cũng sôi nổi chưa yên ; binh lính bảo-hộ vẫn phải đi đánh giặc nhọc-nhăn chưa xong ? Té ra mưu kế của bọn tùy thế lập công chỉ làm cho dân-gian tao-nhiều bất-bình thì có, chứ không thu được nhiều ít hiệu-quả gì theo họ trừ-tính.

Chặt vây cánh của cụ Phan mà cụ Phan không ngã, họ bèn tính cách sao đánh ngay vào bản-thân cụ Phan ; nhưng cách đó không phải dễ-dàng thực-hành, họ nghĩ ra cái thủ đoạn lạ-lùng, muốn gián-tiếp đánh ngã cụ là hành-hà năm xương của tổ-tiên cụ ở dưới đất. Họ nói với Tây thế này : « Bẩm, phong-tục ở xứ chúng tôi, mồ-mả đất-đai ông bà có quan-hệ đến sự sinh-tử họa-phước của con cháu đang sống. Cứ khai quật mồ-mả ông cha nhà nào lên, tự-nhiên con cháu nhà ấy đang giàu hoá nghèo, đang lành phải đau, đang an phải nguy, Phan Đình-Phùng có lòng son gan sắt, mạnh khoẻ cố-chấp đến đâu cũng phải lo nghĩ đến phần-mộ tổ-tiên nhà mình, nay cứ đào lên, tất sao va cũng phải nao-núng động hệ tới bản-thân, không ra đầu hàng thì cũng bệnh tật suy-vi mà chết ! »

Trong ý họ tin chắc rằng cứ khai-quật phần-mộ rồi sai người chiêu hàng, bề nào họ Phan cũng phải vì đạo hiếu, vì việc nhà, quăng gươm cỡi giáp quy-hàng, cho nên họ mới đành tâm hiến tới mưu-kế như thế.

Ai cũng phải cho là một mưu-kế quá ư nhân-tâm, vì nếu việc làm của Phan có phải là trái thời và đắc tội chẳng nữa thì

cũng chỉ một mình cụ đắc tội mà thôi, chứ năm xương khô của tổ-tiên cụ dưới đất có tội gì đâu, mà họ nữ bày-sử khai-quật lên cho đành. Thật họ có lòng muốn cho phong-trào văn-thân yên đi, để xứ-sở bình-an, đồng-bào khỏi khổ, chẳng lẽ họ không có cao-tài diệu sách gì để giúp đỡ Bảo-hộ và mưu lợi cho dân khác hơn hay sao, lại tính đến việc làm quái lạ thế ấy ?

Hồi đó nhằm khoảng tháng 9 năm Giáp-ngọ (1894) một viên Tiểu-phủ-sứ (cố nhiên là người Việt-nam) dẫn một toán lính bốn-bộ và quan huyện sở-tại về làng Đông thái, kêu lý-trưởng và kỳ-mục ra chỉ dẫn phần-mộ tiên-tổ họ Phan ở chỗ nào, để họ đào lên, đem về tại tỉnh-thành Hà-tĩnh. Lại bắt giam nhiều người thân-tộc của Phan nữa.

Cụ Phan ở sơn-trại nghe tin, chắc hẳn trong bụng rầu buồn lắm, vì lẽ theo sự lễ-giáo phong-tục nước nhà thừa xưa, vẫn cho mồ-mả là nơi thần-thánh bất khả xâm-phạm, nhưng bề ngoài cụ phải trấn-tĩnh tự-nhiên, để cho vững lòng tướng-sĩ. Khi tướng-sĩ tiếp được tin, bẩm cho cụ nghe, cụ chỉ cười nhạt mà nói : « Ta đã tiên-liệu tới sự ấy rồi, có lạ gì đâu ».

Người ta đình-ninh chờ đợi tin-tức xin hàng của họ Phan sai người đem lại, nhưng chờ đợi lâu không thấy động-tĩnh gì, bấy giờ mới có bức thư trình-trọng khuyên hàng đưa lên Vụ-Quang.

Người hạ bút viết bức thư khuyên-nhủ Phan ra hàng, chính là người đồng hương, đồng-thời với cụ, lại có tình thông-gia với nhau nữa : ông Hoàng Cao-Khai.

Lúc này họ Hoàng đang làm Bắc-kỳ Kinh-lược-sứ tôn

nghiêm hiển-hách ; người Pháp gọi là « phó-vương » (vice roi). Thiếu gì người làng Đông-thái muốn tránh họa phải chạy ra Bắc, núp dưới bóng che-chở và đầu-thân làm môn-hạ của họ Hoàng, ngay đến người trong thân-tộc cụ Phan cũng có.

Xuất thân chỉ là một thầy cử-nhân đậu trẻ, rồi ở nhà nhàn-cư vô sự, cờ-bạc chơi bời, đến đổi bán hết gia-viên điền-sản, chỉ còn một nước tự-tử đến nơi, họ Hoàng bỏ nhà đi ra Bắc-hà, gặp được người tri-kỷ, rồi cưỡi voi đánh giặc, tuý thế lập công-danh, thấm thoát không mấy năm mà làm tới kinh-lược, phong tới quận-công, ai cũng phải chịu là người có tài lớn.

Nếu cụ Phan là anh-hùng muốn tạo lại thời-thế mà tạo không được, thì họ Hoàng chính là anh-hùng bởi thời-thế tạo ra.

Cùng thời, cùng làng, hai người đi khác hẳn con đường chí-hướng, mà cùng đến chỗ cực-đoan, cùng có tên-tuổi lớn trong lịch-sử. Đối với thời-thế, mỗi ông là một đại-biểu cho một trào-lưu tư-tưởng hành-vi của Việt-Nam ; có họ Hoàng nên chi-tiết họ Phan càng rõ-rệt, có họ Phan nên sự-nghiệp họ Hoàng càng vẻ-vang, ấy là một chỗ sắp-đặt của lịch sử éo le khôn khéo lắm vậy.

Cuối tháng 10 năm Giáp-ngọ, Hoàng cao Khải viết thư rồi sai chính nội-đệ (em vợ) mình vừa là ông anh con nhà bác của cụ Phan là Phan Văn-Mân đem lên núi Vụ-Quang. Không ai khác hơn ông này mà dám lĩnh mạng đi sứ, nhất là đi sứ chiêu-hàng, vì nếu là người khác chắc là nghĩa-binh làm thịt.

Mặc lòng là bà con thân-quyến, Phan Văn-Mân phải trải

những lớp gian-nan nguy-hiểm mới vô đến đại-doanh. Mới thấy ông đường huynh thò mặt vô, cụ Phan cả cười và nói : « Anh đi làm thuyết khách cho Hoàng Cao-Khải khó nhọc lắm hè ! »

Vì cụ đã được tin báo trước cho biết.

Cụ xem thư rồi thở dài : « Không dè người khuyên-nhủ tôi ra hàng là cố nhân Hoàng-cao. Tôi thề quyết làm việc tôi làm đây tới cùng, dầu sấm sét búa rìu cũng không làm sao cho tôi thay lòng đổi chi được, anh về nói dùm cho Hoàng-cao biết như thế. Nếu tôi không làm xong được công việc vua ủy-thác, dân trông mong, và không rửa hận cho khô cốt của tổ-tiên ở dưới đất, thì chỉ có một cách là chết theo hoài-bảo tâm-chí mình mà thôi ».

Rồi tức thời cụ cầm bút viết thư trả lời, trao cho ông Phan Văn-Mân đem về. Lúc anh em từ biệt, cụ ân cần dặn với : « Cũng may phước cho người đem thư chiêu-hàng chính là anh, nếu là ai khác thì bộ-hạ của tôi chắc làm tương mắt để gửi biếu Hoàng-cao nếm thử. Lần sau y có sai đi, anh đừng lãnh mệnh nữa nghe ! »

Ta đọc cả hai bức thư dịch ra dưới đây, tức như hai bức tranh phóng-đại tâm-tích chí-khí của hai ông cùng một làng với nhau, cùng một thời-thế với nhau, mà hai đảng xa cách nhau tuyệt-mù không thể nào gặp nhau được là phải.

BỨC THƯ CỦA HOÀNG CAO KHẢI

Đồng ấp Phan Đình-nguyên đại-nhân túc hạ. Tôi với ngài xa cách nhau, xuân thu đáp đối trải đã mười bảy năm nay

rồi. Dâu bể cuộc đời, bắc nam đường bụi, tuy là mỗi người đi một ngã khác nhau, nhưng mà trong giấc mộng-hồn vẫn thường thấy nhau không phải xa-xôi gì. Ngồi nghĩ lại ngày trước chúng ta còn ở chốn quê-hương giao du với nhau, cái tình ấy đắm-thắm biết là đường nào ?

Từ lúc ngày khởi-nghĩa đến giờ, nghĩa-khí trung-can, đều rõ-rệt ở tai mắt người ta. Tôi thường nghe các quý quan ²⁸ nói chuyện đến ngài, ông nào cũng phải thở-than khen-ngợi và tỏ ý kính-trọng ngài lắm. Xem như thế thì tấm lòng huyết-khí tôn-nhân, tuy là người khác nước cũng chung một tâm-tình ấy thôi, không phải là người cùng thanh-khí với nhau mới có vậy.

Ngày kinh-thành thất thủ, xe-giá nhà vua bôn ba mà ngài mạnh-mẽ đứng ra ứng nghĩa, kể sự-thế lúc bấy giờ, ngài làm vậy là phải lắm, không ai không nói như thế. Song le, sự-thế gần đây đã xoay-đổi ra thế nào, thử hỏi việc đời có thể làm được nữa không, dầu kẻ ít học-thức, kém trí-khôn cũng đều trả lời không được. Huống chi như ngài lại là bậc người tuấn-kiệt, chẳng lẽ không nghĩ tới đó hay sao ? Tôi trộm xét chủ-ý của ngài, chắc cũng cho rằng : ta cứ làm theo việc phải ta biết, cứ đem hết tài-năng ta có, một việc nên làm mà làm là ở nơi người, còn nên được hay không nên là ở nơi trời, ta chỉ biết đem thân này hứa cho nước, đến chết mới thôi. Bởi thế, cho nên ngài cứ việc làm tới cùng, không ai có thể làm biến-đổi cái chí ấy đi được.

Có điều tôi thấy tình-trạng ở quê-hương chúng ta gần đây, lấy làm đau lòng hết sức. Nhân đó tôi thường muốn đem

ý kiến hẹp-hòi để ngỏ cùng lượng cao-minh soi-xét ; nhưng mấy lần mở giấy ra rồi, mài mực xong rồi, đã toan đặt bút xuống viết rồi lại gác bút thở dài, không sao viết được. Vì sao ? Vì tôi liệu biết can-tràng của ngài cứng như sắt đá, không thể lấy lời nói mà chuyển-động nổi. Đã vậy, lại còn khác tình, khác cảnh, xa mặt xa lòng, vậy thì lời nói của tôi, chắc gì thấu tới được nơi ngài ; mà dầu cho có thấu tới nơi ngài chẳng nữa, đã chắc gì lọt vào tai ngài chịu nghe giùm cho, chẳng qua chỉ để cho cố-nhân cười mình là thẳng ngu thì có.

Nay nhân quan Toàn-quyền ²⁹ trở lại, đem việc ở tỉnh ta bàn bạc với tôi, có khuyên tôi sai người đến ngỏ ý cùng ngài biết rằng : ngài là bậc người hiểu biết nghĩa lớn, dầu không bận lòng tưởng nghĩ gì đến thân mình, nhà mình đi nữa, thì cũng nên tưởng nghĩ cứu vớt lấy dân ở trong một địa-phương mới phải. Lời nói đó, quan Toàn-quyền không nói với ai, mà nói với tôi, là vì cho rằng : tôi với ngài có cái tình xóm láng cố-cựu với nhau, chắc hẳn tôi nói ngài nghe được, vậy có lẽ nào tôi làm thinh không nói ?

Ngài thử nghĩ xem : quan Toàn-quyền là người khác nước, muôn dặm tới đây, mà còn có lòng băn-khoăn lo nghĩ tới dân mình như vậy thay, huống chi chúng ta sinh-đẻ lớn-khôn ở đất này, là đất của cha mẹ tôn-tộc ở đó, có lý đâu mình làm lơ đành đoạn, thì trăm năm về sau, người ta sẽ bảo mình ra làm sao ? Ôi ! Làm người trên phải có lòng thương yêu dân làm cốt, chưa từng có ai không biết thương dân mà bảo là trung với vua bao giờ. Việc của ngài làm từ bấy lâu nay, bảo rằng trung thì thiệt là trung, song dân ta có tội gì mà vương phải nông-nổi lầm-than thế này, là lỗi tại ai ? Nếu

bảo là đã vì thiên-hạ thì không thiết chi tới nhà nữa cũng phải, nhưng một nhà của mình đã vậy, chứ còn bao nhiêu nhà ở trong một vùng cũng bỏ đi cả, sao cho đang tâm ? Tôi nghĩ nếu như ngài cứ khăng-khăng làm tràn tới mãi, thì e rằng khắp cả sông Lam núi Hồng đều biến thành hồ cá hết thảy, chứ không phải chỉ riêng lo ngại cho cây cỏ một làng Đông-thái chúng ta mà thôi đâu. Đến nỗi để cho quê-hương điêu đứng xiêu-tàn, tưởng chắc bậc người nhân-nhân quân-tử không lấy gì làm vui mà làm thì phải.

Tôi suy-nghĩ đắn-đo mãi, vụt lấy làm mừng rỡ mà nói riêng với mình : Được rồi, lời nói đó tôi có thể đem ra nói cho ngài nghe lọt tai, để xin ngài chỉ bảo cho tôi biết như vậy có phải hay không ?

Tuy nhiên, sự thế của ngài như cỡi trên lưng cọp đã lỡ rồi, bây giờ muốn bước xuống, nghĩ lại khó khăn biết bao !

Nếu như tôi không có chỗ tự tin chắc-chắn nơi mình, thì quyết không khi nào dám mở lời nói liều-lĩnh để mang lụy cho cố nhân về sau. Nhưng may mắn là tôi với quan Toàn-quyền vốn có tình quen biết nhau lâu, lại với quan Khâm-sứ ở Kinh, và quan Công-sứ Nghệ-tĩnh, cùng tôi quen thân hiệp ý nhau lắm, cho nên trước kia Trần Phiên-sứ (tên là Khánh-Tiến, làm Tuần-phủ, nên gọi là Phiên-sứ) Phan Thị-lang (tên là Huy-Nhuận), cũng là chỗ thân trong tỉnh, trong làng, hoặc bị tội nặng, hoặc bị xử đày rồi, thế mà tôi bảo-toàn cho hai ông ấy đều được yên-ổn vô sự. Lại như mới rồi, ông Phan Trọng-Mưu ra thú, tôi dẫn đến yết-kiến các đại-hiến quý-quan, thì các ngài cũng tiếp đối trân-trọng như đãi khách quý, và tức thời điện về tỉnh nhà, bắt trả lại mồ mả, và tha

cả ba con về, như thế tỏ ra nhà nước Bảo-hộ khoan-dung biết chừng nào ! Cứ xem vậy cũng đủ biết lẽ ấy, lòng ấy, dầu là người ngàn dặm xa nhau, vẫn là giống nhau vậy.

Bây giờ, nếu ngài không cho lời tôi nói là dông dài, thì xin ngài đừng ngần ngại một điều gì khác hết, tôi không khi nào dám để cho cố-nhân mang tiếng là người bất tri đầu.

HOÀNG CAO-KHAI
đón thư

BỨC THƯ CỤ PHAN TRẢ LỜI

Hoàng quý-đài các-hạ.

Gần đây, tôi vì việc quân ở mãi trong chốn rừng rú, lại thêm lúc này tiết trời mùa đông, khí-hậu rét quá, nông-nỗi thiệt là buồn tênh. Chợt có người báo có thư của cố-nhân gửi lại. Nghe tin ấy, không ngờ bao nhiêu nỗi buồn-rầu lạnh-lẽo tan đi đâu mất cả. Tiếp thư liền mở ra đọc. Trong thư cố-nhân chỉ bảo cho điều hoạ phước, bày tỏ hết chỗ lợi hại, đủ biết tấm lòng cố-nhân. Chẳng những muốn mưu sự an-toàn cho tôi thôi, chính là muốn mưu sự yên-ổn cho toàn hạt ta nữa. Những lời nói gan ruột của cố-nhân, tôi đã hiểu hết, cách nhau muôn dặm tuy xa, nhưng chẳng khác gì chúng ta được ngồi cùng nhà mà nói chuyện với nhau vậy.

Song le tâm-sự và cảnh-ngộ của tôi có nhiều chỗ muôn-vàn khó nói hết sức. Xem sự-thế thiên hạ như thế kia, mà tài-lực tôi như thế này, y như lời cố-nhân đã nói thân con bộ-ngựa là bao mà dám dơ cánh tay lên muốn cản trở cỗ « xe » sao nỗi không biết ; việc tôi làm ngày nay, sánh lại còn quá

hơn nữa, chẳng phải như chuyện con bộ-ngựa đưa tay ra cản xe mà thôi.

Nhưng tôi ngẫm-ngĩ lại, nước mình mấy ngàn năm nay, chỉ lấy văn hiến truyền-nối nhau hết đời này qua đời kia, đất nước chẳng rộng, quân lính chẳng mạnh, tiền của chẳng giàu, duy có chỗ ỷ-thị dựa-nương để dựng nước được, là nhờ có cái gốc vua tôi, cha con theo năm đạo thường mà thôi. Xưa kia nhà Hán, nhà Đường, nhà Tống, nhà Nguyên, nhà Minh bên Tàu, bao nhiêu phen lăm-le muốn chiếm lấy đất ta làm quận huyện của họ mà vẫn chiếm không được. Ôi ! Nước Tàu với nước ta, bờ cõi liền nhau, sức mạnh hơn ta vạn bội, thế mà trước sau họ không thể ỷ mạnh mà nuốt trôi nước ta được, nào có vì lẽ gì khác đâu, chẳng qua non sông nước Nam tự trời định phận riêng hẳn ra rồi, và cái ơn huệ thi thư lễ nghĩa vốn có chỗ đủ cho mình tự có thể trồng cấy dựa-nương lăm vạy. Đến nay người Pháp với mình, cách xa nhau không biết là mấy muôn dặm, họ vượt bể lại đây, đi tới đâu là như gió lướt tới đó, đến nỗi nhà vua phải chạy, cả nước lao xao, bỗng chốc non sông nước mình biến thành bờ cõi người ta, thế là trọn cả nước nhà, dân nhà cùng bị đắm chìm hết thảy, có phải là riêng châu nào hay một nhà ai phải chịu cảnh lăm-than mà thôi đâu.

Năm Ất-dậu, xe-giá thiên-tử ngự đến sơn-phòng Hà-tĩnh, giữa lúc đó, tôi đang còn tang bà mẹ, chỉ biết đóng cửa cự tang cho trọn đạo, trong lòng há dám mơ-tưởng đến sự gì khác hơn. Song, vì mình là con nhà thế-thần, cho nên đôi ba lần đức Hoàng-thượng giáng chiếu vời ra, không lẽ nào có thể từ-chối, thành ra tôi phải gượng-gỗ đứng ra vâng chiếu,

không sao đừng được. Gần đây, Hoàng-thượng lại đoái-tưởng lựa-chọn tôi mà giao-phó cho việc lớn, uỷ-thác cho quyền to ; ấy, mạng vua uỷ-thác như thế đó, nếu cố-nhân đặt mình vào trong cảnh như tôi, liệu chừng cố-nhân có đành chối-từ trốn-tránh đi được hay không ?

Từ lúc tôi khởi-nghĩa đến nay, đã trải mười năm trời, những người đem thân theo việc nghĩa, hoặc đã bị trách phạt, hoặc đã bị chém giết, vậy mà lòng người trước sau chẳng hề lấy thế làm chán-nản ngã lòng bao giờ ; trái lại, họ vẫn ra tài, ra sức giúp-đỡ tôi, và lại số người mạnh-bạo ra theo tôi càng ngày càng nhiều thêm mãi. Nào có phải người ta lấy điều tai-vạ hiểm-nguy làm sự sung-sướng thêm-thường mà bỏ nhà dẫn thân ra theo tôi như vậy đâu. Chỉ vì họ tin-cậy lòng tôi, lượng xét chí tôi, cho nên hâm-hở vậy đó thôi. Ấy lòng người như thế đó, nếu như cố-nhân đặt mình vào cảnh của tôi liệu chừng cố-nhân có nỡ lòng nào bỏ mà đi cho đành hay không ?

Thưa cố-nhân, chỉ vì nhân-tâm đối với tôi như thế, cho nên cảnh nhà tôi đến nỗi hương khói vắng tanh, bà con xiêu-dạt, tôi cũng chẳng dám đoái-hoài. Nghĩ xem, kẻ thân với mình mà mình còn không đoái-hoài, huống chi là kẻ sơ ; người gần với mình mà mình còn không bao-bọc nổi, huống chi người xa. Vả chẳng hạn ta đến đổi điều-đứng lằm-than quá, không phải riêng vì tai-họa binh-đao làm nên nông-nổi thế đâu. Phải biết quan Pháp đi tới, có lũ tiểu-nhân của mình túa ra bày kế lập công, thù vợ oán cha, những người không có tội gì chúng cũng đâm thọc buộc ràng cho người ta là có tội, rồi thì bữa nay trách thế nọ, ngày mai phạt thế kia ;

phàm có cách gì đực-khoét được của-cải của dân, chúng nó cũng dùng tới nơi hết thảy. Bởi đó mà thói hư mỗi tề tuôn ra cả trăm cả ngàn, quan Pháp làm sao biết thấu cho cùng những tội khổ của dân trong chốn làng xóm quê mùa, như thế thì bảo dân không phải tan-lìa trôi dạt đi sao được ?

Cố-nhân với tôi, đều là người sinh đẻ tại châu Hoan, mà ở cách xa ngoài muôn ngàn dặm, cố-nhân còn có lòng đoái-tưởng quê-hương thay, huống chi là tôi đây đã từng lấy thân chịu đựng và lấy mắt trông thấy thì sao ? Khốn nỗi cảnh-ngộ bó-buộc, và lại sức mình chẳng làm được theo lòng mình muốn, thành ra phải đành, chứ không biết làm sao cho được. Cố-nhân đã biết đoái-hoài thương-xót dân này, thì cố-nhân nên lấy tâm-sự tôi và cảnh-ngộ tôi thử đặt mình vào mà suy-nghĩ xem, tự-nhiên thấy rõ-ràng, có cần gì đến tôi phải nói đông-dài nữa ư ?

PHAN ĐÌNH-PHÙNG
phúc thư

*

Bức thư cụ Phan trả lời, viết thật nhẹ-nhàng mà đau-đớn, tử-tế mà cương-quyết, tỏ ra mình chết thì thôi, không chịu bãi binh quy hàng. Cụ lại khéo đem quân-mạng và dân-tâm ra làm nòng-cốt để hỏi cố-nhân họ Hoàng nếu gặp phải cảnh-ngộ ấy thì làm thế nào ? Hình như cụ Phan có ý chặn đường rào ngõ không để họ Hoàng viết cho mình tới bức thứ hai nữa.

Thiệt, lúc cụ Phan Văn-Mân đem bức thư phúc-đáp ra Hanoi, họ Hoàng xem rồi biến sắc, nếu lúc ấy có bệnh nhức

đầu chóng mặt gì, tất cũng tiêu-tan như hồi Tào-Mạnh-Đức đọc bài hịch của Trần Lâm vậy.

Họ Hoàng sai dịch bức thư ra chữ tây, đưa trình Toàn-quyền De Lanessan, luôn với tờ báo-cáo của mình, ở trong có câu đại ý : « Bỗn-chức đã lấy hết sự thể lợi-hại để tỏ-bày khuyên-nhủ Phan Đình-Phùng ra hàng thú, nhưng y vẫn tỏ ý « hôn mê bất ngộ » (mê-mẩn tối-tăm không tỉnh), giờ xin Chính-phủ Bảo-hộ vì dân mà dùng binh-lực tiêu trừ cho hết văn-thân loạn phỉ v.v... »

Ấy là lẽ cố-nhiên. Đào mả không núng ; khuyên hàng không nghe ; văn-chương không cảm ; thôi thì chỉ còn võ-lực. Giờ, quan văn trở vô buồng để cho tướng võ lại ra sân khấu.

XVI. NGUYỄN THÂN LUI VỀ NÚI ĐẠI-HÀM

TIẾC giùm ông Hoàng Cao-Khải phí mất bao nhiêu tâm-huyết để viết bức thư không phải không tài-hoa thống-thiết, cốt để cảm-động khuyên-dỗ họ Phan, nhưng rốt cuộc chỉ là một tờ giấy bỏ, Phan không chịu ra hàng.

Chủ-não trong bức thư của ông, trương-bản trong ý-tứ của ông, là cứu lấy sanh-dân, quê-quán, nhưng người thiên-cổ đọc bức thư ấy, ai cũng biết đã chắc gì tác-giả thiệt vì sanh-dân quê-quán, hay chỉ là vì hai điều lợi. Trước hết, cụ Phan là người làng, mà lúc bấy giờ ông có quyền-thế to, vậy ông khuyên cụ ra hàng, như là làm ơn cho cụ, để lấy cái tiếng cứu-vớt được một người làng ; sau nữa ông đã đánh đồng dẹp bắc, được công-lao với người Pháp nhiều, vậy có lý nào một người làng ông mà ông không chiêu-dụ được, cho nên ông muốn khuyên cụ Phan ra hàng, để bày tỏ thêm chỗ tài-năng oai-quyền của mình ra, còn sự công-danh thì khỏi nói.

Ôi ! Súng bắn chĩa mãi vào, cụ Phan đã chẳng sợ : đào mồ-mả lên để dọa, cụ cũng chẳng nao ; huống chi một mảnh giấy, một lời văn của ông Hoàng Cao-Khải làm sao chuyển-động cái can-tràng như sắt đó cho nổi.

Song, lúc này không chịu bãi binh đầu hàng mặc lòng, tình-thế bắt buộc cụ phải lui, không ở núi Vụ-Quang được nữa.

Phải lui là bởi có hai cố. Một là khi đầu cù mới khởi-nghĩa, thì chính là lúc nghĩa-sĩ bốn phương đều nổi lên. Ở Quảng-nam thì có ông Trần Văn-Dự lập ra Nghĩa-hội, rồi mấy tỉnh Phú-yên, Bình-định, Bình-thuận kế theo ; ở Quảng-trị thì có các ông Trương Đình-Hội, ông Nguyễn Tự-Như ; ở Quảng-bình thì đảng ông Nguyễn Phạm-Tuân, ông Lê-Trực ; ở Thanh-hóa thì có bọn ông Hà Văn-Mao ; ở Bắc thì có bọn ông Tạ-Hiện, ông Nguyễn Thiện-Thuật, thành ra Pháp phải chia binh đi ứng-phó và đánh giệp nhiều nơi, không thể chú toàn-lực vào một nơi nào được. Đến sau mấy ông trên này, hoặc chết, hoặc trốn, hoặc hàng, lần lượt tan-nát hết, chỉ duy còn lại một mình cù Phan, là vẫn còn đứng nguyên, vẫn phản-đối với cuộc Bảo-hộ, bấy giờ Pháp mới đem toàn lực mà nhắm vào mình cù. Binh lính Pháp lần hồi vây-bọc cả núi Vụ-Quang, khiến cho cù không lui không được.

Hai là trong các tướng, chưa có ông nào có tài xuất kỳ chế thắng, có thao-lược đủ chống giữ với quân lính Pháp để cho cù ỷ-trọng như Cao-Thắng, cho nên sau khi ông Cao-Thắng mất, cù lại muốn giữ thế thủ, để dưỡng tinh sức-nhuệ ít lâu rồi ra đối-chiến mới được, chứ không muốn bạo-động hấp-tấp quá, sợ tổn hại đến thanh-thế và nguyên khí của nghĩa-binh, và lại làm khổ sanh-dân một cách vô ích. Tóm lại, cù muốn kéo dài cuộc kháng-chiến ra cho bền, cho lâu. Bởi vậy phải tạm lui để giữ thế thủ trước, sẽ liệu thế đánh sau.

Có hai cố ấy, khiến cho cù phải lui quân sang đóng đồn ở núi Đại-hàm.

Núi Đại-hàm, cũng thuộc về hạt Hương-kê, là một chỗ

có sơn-thế hiểm-trở thế nào, đoạn trên kia đã có chỗ nói rồi. Giờ, cụ lui quân về đóng ở đó. Từ lúc về đóng tại đồn mới này, trong đại-trại chỉ để có 400 lính và 200 khẩu súng tây, mỗi tên quân nào cũng được giữ luôn trong mình súng đạn và 100 đồng bạc, để phòng khi hoặc đánh, hoặc lui thành-linh. Còn bao nhiêu quân-lính khí-giới, đều phân phát cho các quân-thứ hết. Hồi đó là cuối năm Giáp-ngọ (1894).

MỘT THẦY ĐỒ GAN TỰ XƯNG LÀ VUA

Hồi bấy giờ trong núi Đại-hàm, có một nhân-vật rất là kỳ quái, tuy không có quan-hệ vào trong chánh-truyện này cho lắm, song tiếc vì là một người có gan, có tài, học rất hay chữ, nên chi luôn dịp tôi muốn ghi chép ra đây.

Nhân vật kỳ-quái ấy là Bạch-xỉ.

Bạch-xỉ, tên thiệt là Đoàn Đức-Mậu, tương truyền là người tỉnh Quảng-bình, qua ở Hà-tĩnh từ bao giờ không biết. Ông ta tự hiệu là Bạch-xỉ, cũng có ngụ ý. Có người nói hồi đó cha mẹ sinh ra ở chùa Bạch-xỉ, cho nên lấy tên chùa mà đặt tên con. Nhưng có người nói chủ-ý Đoàn Đức-Mậu muốn lấy câu sấm của ông Trạng-Trình : « *Bạch-xỉ sanh, thiên hạ bình* » (Bao giờ rằng trắng mới nên đời) mà tự hiệu mình, là có ý tự cao đó.

Nguyên trước, Bạch-xỉ cũng là người trong nghĩa-đảng văn-thân, hồi năm Ất-dậu (1885) cũng khởi binh cần-vương. Tiểu-sử ông có nhiều truyện vui lắm, vì ông vốn là người học giỏi lại có tà-thuật. Cho nên quân-lính của ông chỉ lấy quạt và gậy làm khí-giới, nói rằng lấy quạt để quạt cho quân địch

mê-man đi đã, rồi lấy gậy mà đập chết. Thế mà người ta quy-phục cũng đông, đến đổi hạng người bấy giờ như ông Phan Trọng-Mưu, ông Phan Huy-Nhuận mà cũng tin phục.

Sau khi vua Hàm-nghi bị bắt, ông cho là vận số đến lúc xoay đổi, mệnh trời sẽ phú-thác vào tay ông từ đây nên ông tự xưng đại là hoàng-đế, kỷ-nguyên là Văn-Lượng. Phàm là giấy-tờ trát-sức chi gửi cho dân quanh ở miền Đại-hàm đều lấy niên hiệu Văn-Lượng ; nhưng viết thư riêng cho ai, thì chỉ ký tên Nhiều-long tiều-tử.

Bạch-xỉ đi đâu cũng đem 28 người thủ-hạ đi theo, cho là Nhị-thập bát-tú theo hộ-vệ Tử-vi-tinh. Đến năm Giáp-ngọ (1894), ông có lập ra một hội kỳ-quái tên là Nhân-thập-hội, chiết lấy trong chữ « Ngọ », cho rằng đến năm đó là tới vận-số thiên-tử của mình rồi. Một hôm, ông đem 28 tên quân cầm gậy và quạt xuống núi, toan đi đánh đồn Phố. Một lũ 29 người cứ cầm quạt phe-phẩy như thế, mà lính trong đồn không dám ló ra, cũng không bắn ; thế rồi cả bọn kéo về sơn-trại bình an. Nhiều người thấy chuyện trước mắt như thế tin chắc Bạch-xỉ có tà-thuật giỏi thiệt, không vậy sao vồn-vện 29 thầy trò mà dám kéo xuống lâm-le xâm-phạm một đồn lính Pháp.

Bạch-xỉ có tài xuất khẩu thành văn. Tương truyền có hôm đi bói thầy Dư, là một thầy ở làng Dương-phổ (cùng thuộc hạt Hương-kê) có tiếng là bói giỏi lắm, nói trăm điều không sai một điều nào. Thầy Dư nói rằng : ngài năm nay 30 tuổi nên lấy vợ mới tốt, Bạch-xỉ ứng khẩu đọc thành bài thi 4 câu như vầy :

*Nằm chẳng ngủ, ăn chẳng ngon,
Khăng-khăng đêm ngày dạ sắt-son.
Đã nghĩ một mình nên lấy vợ,
Những thương muôn họ hết là con.*

Đại-khai Bạch-xỉ có tài lanh như thế, mà câu nào cũng khéo gò cho có khẩu-khí hoàng đế ít nhiều thành ra nhiều người càng tin, càng phục. Thầy trò Bạch-xỉ, nhất là riêng một mình Bạch-xỉ, chỉ ở quanh-quẩn trong mấy khóm núi Vụ-quang và Đại-hàm với cụ Phan, nhưng không ai có thể biết đích là ông ta đóng ở chỗ nào. Người ta nói ông có thuật tàng hình. Mãi đến năm Bính-thân (1896), một bữa ông xuống núi, vô nhà dân làng, khi không nổi cơn sốt rét li-bì, có kẻ biết là Bạch-xỉ, liền đi báo quan-lính sở tại về nắm cổ được Văn-Lượng Hoàng-đế, giải về giam trong đẽ-lao ở tỉnh Nghệ. Được ít lâu, « Hoàng-đế thắng hà » trong ngục. Thế là rồi đời một người điên-cuồng.

Sanh-bình, Bạch-xỉ đối với cụ Phan tôn-phục có tôn-phục, nhưng chỉ coi là bậc em mình, chứ theo cụ thì không muốn theo. Nói cho rõ hơn : dầu ai khuyên nhủ nên đồng-tâm hiệp-lực với cụ Phan mà làm việc lớn, Bạch-xỉ cũng không nghe.

Người ta còn nhớ ngày tháng chạp năm Quý-tị (1892) Bạch-xỉ có sai người đem tặng cụ Phan hai cái ngáng bằng ngà, để làm ngáng võng. Luôn dịp có viết mấy câu như sau này :

*Của gọi là,
Đôi ngàng ngà.*

*Năm hết tết đến gửi làm quà.
Mừng em sức khỏe,
Lo việc nước nhà.*

Ngoài ra còn một bài thơ chữ như vầy đưa tặng cụ :

*Bất thị hoang-giao độn đặc phi.
Ân cần cố-quốc động thu tư.
Tế dân cơ khát trí kim dị,
Tu-kỷ tha-ma thức tạc phi.
Hạ-đạo phục hưng thần Mỹ tướng,
Hàn cừu vị báo Tử-phòng sư,
Đối thiên tâm-sự bằng tương chiếu,
Bạch bạch minh minh giữ cổ kỳ.*

Dịch nôm :

*Dám đâu lẫn-lút chốn hoàng-thôn,
Lo nước năm canh dạ héo don.
Vất vả dân này sao cứu vớt,
Ngẫm suy mình trước khéo bôn-chôn.
Mỹ phò Hạ-chúa nên cơ-nghiệp,
Trương giúp Cao-hoàng mở nước non.
Tâm-sự hai ta trời cũng thấu,
Ngàn xưa chiếu rọi tấm lòng son.*

Còn bài thơ chữ dưới đây nữa cũng hay, người ta truyền tụng là của Bạch-xỉ gửi tặng cụ Phan hồi cụ mới khởi nghĩa.

*Hứa quốc đan-tâm bất kể niên,
Ngưỡng kỳ thấu đáo cứu trùng thiên.
Văn-sơn chính-khí thiên thu tại,
Vũ-mục tinh-trung vạn cổ truyền.*

*Lân-bút tôn Chu hoài Tứ-thủy,
Long đao sát tặc thệ đào viên.
Tướng-quân nghĩa-liệt văn hoàn-vũ,
Nguyễn hướng viên-môn tác chấp chiên.*

Dịch nôm :

*Bao lâu việc nước nặng lo lường,
Nhờ lượng râu lên đấng thánh-vương.
Chánh-khí Văn-sơn bia vẫn tạc,
Tinh-trung Võ-mục sử treo gương.
Há quên bút Khổng tôn vương-thất,
Thề múa đao Quan giữa chiến trường.
Nghĩa-liệt Tướng-quân van bốn cõi,
Xin theo bên ngựa đỡ dây cương.*

Xem như thế thì Bạch-xỉ là người học giỏi thiệt, chỉ tiếc không theo đường chính, lại đi lấy tà-thuật làm hoặc lòng người mà tự kiêu vô dụng. Toàn chống cự với quân lính Pháp mà dùng khí-giới là quạt thần gây phép, bộ muốn pha trò hay sao không biết. Vì thế cụ Phan ghét lắm. Đáng lẽ cụ cũng không chấp-trách làm gì, song chỉ lo ngại tà-thuyết của y làm loạn nghĩa binh và mê-hoặc nhân-tâm đi, đến đổi trong hàng tướng-sĩ của cụ xem ra có ít nhiều người cũng hâm-mộ Bạch-xỉ, nên cụ muốn bắt Bạch-xỉ mà giết.

Cụ sai quân dò thám được đồn của y cũng ở trong núi Đại-hàm để vô bắt sống, nhưng lạ thay ! Lúc nghĩa-quân đến nơi thì chỉ thấy năm bảy cái nhà mới cất mà bỏ không, chứ không có người. Té ra Bạch-xỉ hay trước mà trốn rồi. Giữa nhà lớn thấy treo một tấm bảng sơn son chữ vàng :

*Xẻ giữa rừng xanh nổi nóc nhà,
Mà cho bốn biển ngưỡng trông ta,
Khoan thai rũ áo ngồi vui vẻ,
Nào khác đền Nghiêu những mây tò.*

Hai bên lại có treo đôi câu đối :

*Vận-hội nửa ngàn may gặp đó,
Công-danh bốn biển kém ai đâu.*

Rõ là Bạch-xỉ dùng toàn khẩu-khí vua như kiêu Thánh-tông nhà Lê. Người ta nói Bạch-xỉ giỏi cả nghề độn lục nhâm, cho nên đã biết trước rằng cụ Phan muốn hại mình mà trốn đi. Sau có mấy lần cụ Phan định bắt nữa, nhưng y cũng trốn được cả. Cụ bận lo việc lớn, nên rồi bỏ qua. Tới sau hết thời, Bạch-xỉ bị dân làng báo lính về bắt rồi bị giam chết ở Nghệ như trên kia đã nói.

*

Cụ Phan vẫn đóng ở núi Đại-hàm tiếp tục cách-mạng kháng-chiến. Bấy giờ Chính-phủ Bảo-hộ thấy quan binh và lính-tập đánh giệp mãi không được, tổn-phí mất nhiều, bèn thương-thuyết với Triều-đình Huế (lúc ấy là đời vua Thành-thái năm thứ 7) sai Tổng-đốc Bình-định là ông Nguyễn Thân làm Khâm-sai Tiết-chế quân-vụ, đem quân ra tiểu. Thế là sau ông Hoàng Cao Khải là người cùng làng, hạ bút viết thư dỗ cụ ra hàng không được, bây giờ đến ông Nguyễn Thân là người cùng nước, đem quân ra đánh cụ vậy.

Chắc hẳn độc-giả đều muốn biết ông Nguyễn Thân là người thế nào ?

Nguyễn Thân cũng như Hoàng Cao Khải, đều là hai vị quan lớn do thời-thế dựng nên.

Ông nguyên là chân Ấm-sanh, người tỉnh Quảng-ngãi, con ông Nguyễn Tấn, ngày trước có công giúp giặc Mọi ở tỉnh ấy. Giặc Mọi đã tôn ông Nguyễn Tấn là thần tướng, vì ông dùng kế mà chúng nó phải phục. Ông đem bỏ đường phèn lẫn vào đá cuội ở dưới giọt mái tranh, rồi sai bắt mấy tên Mọi vào, giả đồ chiêu-dụ ; trong khi đó, ông sai lính ra lấy mấy cục đá cuội cho ông ăn. Lính chọn lấy những cục nào là cục đường phèn đem lên, nhưng mấy quân Mọi ngu, tưởng là quan lớn ngài ăn đá cuội thật, đều cho ngài là thiên-thần, rồi về bảo nhau hàng-phục cả. Đời ông còn, quân Mọi không dám làm phản Triều-đình nữa. Nhưng sau ông chết, thì chúng nó lại làm phản. Triều đình sai quân đi đánh giặc mãi không yên. Sau phải sai Nguyễn Thân đi. Giặc Mọi thấy là con của ông thần-tướng ngày trước, phải tan chạy cả. Nguyễn Thân có tiếng từ đó.

Ông sinh vào giữa hồi nhà nước lăm nạn, nên khi đầu, đối với thời-thế, ông cũng xem bằng một con mắt bi-quan và có lòng phần khích lăm. Song vì tấm lòng lập công-danh nặng hơn lòng yêu nước, cho nên sau ông đổi ý-kiến ngay, đem thời-thế lợi-dụng vào cho mình. Cũng không nhớ là vào năm nào, mà cũng không biết hồi đó ông làm chức gì, chỉ biết là giữa hồi nước ta và nước Pháp đang giao binh, Triều-đình ta thua, phải ký hòa ước với nước Pháp, thì có một bọn lính ở tỉnh Bình-định nổi lên phản-đối, nói Triều-đình hòa với người Pháp mặc lòng, chứ họ không chịu ; họ làm như tỉnh Bình-định tuyên-bá độc-lập vậy. Vốn trước, ông Nguyễn Thân cũng

đã có ý đó, nghĩa là ông muốn chiếm lấy tỉnh Bình-định để phản-đối với người Pháp, nhưng chỉ vì chậm một bước chân mà người ta làm mất rồi, ông nghĩ nếu bây giờ mình cũng làm thì chẳng qua sau bước người ta. Ông không thích. Ông muốn làm một việc gì mà người ta chưa làm kia, bèn xoay về phía người Pháp, xin đem binh đi đánh giệp bọn kia. Ông giệp được, nhân thế người Pháp rất ỷ-trọng ông, cho nên chẳng bao lâu đã làm Tổng-đốc Bình-định, chính là hồi ông phụng mạng đem quân ra tiểu cự Phan.

Về sau ông làm đến phụ chánh, hiển hách ở trong triều, được phong Quận-công trước khi về hưu trí.

Ông là người hung ác và hiểm độc lắm, hay giết người. Trong lúc ông còn dùng binh, giết người ta không biết bao nhiêu mà kể. Sau về hưu trí ở làng Thu-xà bị bệnh điên-cuồng mà chết. Người ta nói là bị những oan-quỷ báo oán, cho nên khi đang bị bệnh, hễ chớp mắt đi lúc nào, là thấy một lũ oan-quỷ đầu tóc rũ-rơi, máu-mê đầy người, hiện lên để đòi mạng. Mỗi lúc thấy như thế, thì ông hét lên, hình như lấy làm sợ-hãi hồi hận lắm. Tòa nhà lộng-lẫy của ông lập ngay trên một trái núi con ở Thu-xà, đằng sau là chợ và bên sông, đằng trước trông ra biển, có cái cảnh-tượng bày-tỏ ra là một người hùng-vũ. Người ta đồn cái nhà ấy nhiều ma, cho nên khi ông chết đi rồi thì nhà bỏ hoang không có ai ở ; bên cạnh có một cảnh chùa của ông lập ra, hình như có ý muốn siêu sanh tịnh độ cho những người đã bị ông giết oan thì phải. Người viết cuốn sách này đã có dịp đến Thu-xà xem dinh-thự của ông ngày trước, nhưng tuyệt-nhiên không có một cảm-giác gì cả.

*

Vậy ngày tháng năm, năm Ất-mùi (1895), ông Nguyễn Thân đem 3000 lính, có ông Tấn-sĩ Tạ Tương và mấy ông cử Nguyễn Đĩnh, Nguyễn Gia Thoại, Lê Tự Khiết, sung làm Tán-tướng quân-vụ từ kinh-thành kéo ra.

Quân-thứ ở Quảng-bình được tin ấy, phi báo về núi Đại-hàm, các tướng đều xin đón đường đánh úp, nhưng cụ Phan không cho, và truyền phải án binh để từ-đỗ một kế-hoạch đối-phó khác, vì cụ sợ quyết-liệt quá thì khổ lây đến dân, mà giữa lúc đó, cụ lại đang yếu.

Quân ông Nguyễn Thân kéo thẳng đến hạt Việt-yên (thuộc huyện La-sơn) hiệp với quân Pháp đóng ở đồn Linh-cảm. Ông cũng nghe tiếng thầy Dư ở làng Dương-phổ bói giỏi, liền cho đòi đến dinh để bói xem việc hành quân có lợi không. Thầy Dư gieo quẻ rồi nói rằng : « Đại quân bất tất phải đánh, cứ đến tháng 11 là kéo về ». Ông Nguyễn Thân tin theo. Vả chẳng ông cũng dư biết rằng : tuy thế-lực cụ Phan lúc này suy-kém mặc lòng, nhưng đương trường mà đánh nhau, thì vị tất đã có lợi. Vì một đảng ở trong rừng núi thăm-thẳm, một đảng ở ngoài đồng rộng, thì đánh nhau khó bề chẳng hại. Vì thế, ông không muốn dùng cách đánh mà chỉ đóng binh ở đồn Linh-cảm, tính cách đánh không dùng đến võ-lực. Ông biết rằng quân của cụ Phan phải cần có lương-thực, mà lương-thực ấy là ở dân-gian cấp cho, nay nếu làm sao đoạn-tuyệt con đường ấy của nghĩa-binh đi, thì tự-nhiên không đánh cũng tan, không tan cũng chết. Ông bèn chia binh ra đóng rải rác ở hai hạt Nghệ-tĩnh, lại xin thêm 2000 lính nữa, phân đồn đóng ở khắp các chỗ nào quan-yếu,

hễ ai giúp ngầm nghĩa-quân cụ Phan, hay ai bị tình nghi như thế, là bắt chém ngay. Lớp ấy, nhiều người bị chết oan, khiến cho dân-gian đều khiếp-sợ. Nhân đó mà việc lương-thực là huyết-mạch của nghĩa-quân, từ đây có bề nguy-hiểm.

Ôi ! Ta đã biết rằng cụ Phan làm việc cách-mạng, là nhờ có lòng người giúp-đỡ : giúp cho lương-thực, giúp cho khí-giói, giúp cho con em để sai khiến, giúp cho sự mật-báo các tin-tức v.v... Lòng người chính là một khí giới rất mạnh của cụ để chống với Pháp, cho nên cụ vẫn từng nói mình không nỡ bỏ, là vì lòng người vẫn tin theo nhiều quá. Nay Nguyễn Thân ra, dùng cái thủ-đoạn tuyệt lương thật là ác-độc, khiến cho lòng người tuy vẫn kính mộ nghĩa-quân và sẵn lòng giúp-đỡ mặc lòng, nhưng cũng chỉ chịu cay-đắng trong lòng thôi, không dám công-nhiên giúp-đỡ như trước nữa.

Trong khi ấy, quân Pháp biết nội tình của nghĩa-quân đã bị rung-động lắm rồi, cho nên càng sai quân đi tiểu riết lắm. Nguyễn Thân tiếng rằng đem quân ra đánh, nhưng chỉ nằm một chỗ, và làm oai giết được một mớ người dân quê thôi.

Nghĩa-quân, trong đã không có nội-trợ, ngoài lại chẳng có viện-binh, làm gì mà chẳng khốn ?

Đoạn này cốt nói về Nguyễn Thân, là người quan-hệ về lúc tàn-cuộc của phong-trào văn-thân Phan Đình Phùng. Vậy trước khi kết-thúc, tôi muốn hiển độc-giả xem một bức thư chính ông ta viết để tự kể công-lao mình đánh giệp văn-thân, phò tá Bảo-hộ những gì.

Ấy là một bức thư dài, Nguyễn Thân viết đưa cho ông Toàn-quyền Paul Doumer hồi năm 1902 (năm Thành-thái thứ

18), lúc ông này đã mãn hạn làm thủ-hiến Đông-dương, trở về Pháp-quốc.

Trước hết, Nguyễn Thân ngỏ lời cảm-tạ Toàn-quyền Paul Doumer và nước Pháp đã ban cho mình những cái vinh-dự tuyệt phẩm rồi thì tự kể công-lao như vầy :

Trong lúc ở kinh-thành có cuộc biến-động (1885) và lúc Tôn thất Thuyết đem vua Hàm-nghi xuất-bôn để xúi-giục nhân-dân nổi lên chống với nước Pháp, toàn cõi Trung-kỳ xôn-xao rối-loạn. Bọn văn-thân hiệu-triệu dân-chúng, đồng thời nổi lên phản-kháng, một mặt tàn-sát dân đạo, một mặt chống cự người Tây.

Giữa lúc bấy giờ, kế-vị của thân-phụ tôi qua đời, tôi đang làm chức tiểu-phủ-sứ các miền sơn-cước ba tỉnh Quảng-ngãi, Quảng-nam và Bình-định. Tuy có chỉ-dụ ở kinh-thành triệu về, nhưng tôi chỉ lo việc giữ yên các miền thuộc quyền tiểu-phủ của tôi để chờ thời cơ.

Hai tên tướng giặc văn-thân là Cử Định và Tú Tâm lúc ấy chiếm cứ tỉnh-thành Quảng-ngãi, đồi-đảng đông lắm. Tôi đem hai ngàn quân lính ở miền trên kéo xuống đánh giặc văn-thân ấy. Tôi thu-phục tỉnh thành, bắt được 14 tên tướng giặc, sai chém đầu tại đó để cho dư-đảng văn-thân thấy mà phải sợ. Tỉnh Quảng-ngãi giệp yên rồi, tôi vâng mạng của đức Đồng-khánh, đem bốn bộ binh-mã kéo vô Bình-định đánh giệp đám dân khởi loạn ở trong tỉnh này. Tôi tiểu-trù được loạn đảng, khôi phục được trật tự và sắp đặt lại công việc cai trị các phủ huyện. Còn tên tướng giặc sau chót là Mai Xuân Thưởng chạy về miền An Khê, thì tôi đang sai quân lính

đuổi theo đánh riết.

Cũng trong lúc đó, ông Đốc phủ Lộc đem toán quân lính của ông ở Nam kỳ ra tiểu trừ bọn văn-thân do Mai Xuân Thưởng làm đầu. Lúc ấy tôi phụng mạng đức Hoàng-đế sai tôi đem quân trở ra Quảng-nam đánh đám giặc văn-thân, cầm đầu là tên tướng giặc nổi tiếng, Hường Hiệu, chống cự với nhà nước Bảo-hộ bấy lâu, đến đổi các quan binh Tây phải lập ra tới 36 đồn lính ở trong miền đó đặng tuần-tiểu mà vẫn dây-dưa không yên. Tôi dẫn binh ra, sai người tâm phúc đi do-thám, khám phá được chỗ ẩn-núp của tên tướng giặc ấy tại miệt An-tâm ; rồi 25 tên phó-tướng của giặc bị bắt trong tay tôi, còn bao nhiêu dư-đảng xin ra đầu hàng tôi hết, Hường Hiệu trốn thoát, chạy vô núi Ngũ-hành, sau tôi cũng bắt sống được, bỏ vô trong cũi mà giải về Huế.

Thường đền tấm lòng tận trung của tôi đối với công-việc nước Pháp, Chánh phủ Cộng-hóa lúc bấy giờ ban tặng Bắc-đầu Bội-tinh ngũ hạng cho tôi.

Cách đó ít lâu, tỉnh Bình-định lại có loạn dấy lên nữa ; nhà nước sai đi tiểu-phủ lần thứ nhì, tôi giúp được giặc-giã tỉnh này yên hẳn từ đó. Nhân việc đánh giặc thành công, quan Toàn-quyền Picquet và quan Khâm-sứ Hector tư xin Chánh-phủ Cộng-hòa ban thưởng cho tôi Bắc-đầu Bội-tinh tứ hạng.

Rồi trở về chức-vị cũ ở miền thượng-du Quảng-ngãi, tôi vẫn làm tiểu-phủ-sứ các miền sơn-cước như trước.

Ít tháng về sau, tôi được chỉ triệu về Huế, lãnh chức Binh-bộ thượng-thư. Quan Toàn-quyền De La-nessan thương-

thuyết với trào-đình khâm-phái tôi vô làm Tổng-thống tỉnh Bình-định, là tỉnh rộng lớn mệnh-mông, tôi giải-quyết được nhiều vấn-đề quan-hệ đã bỏ dở-dang bao nhiêu năm rồi. Rồi đó tôi được phong chức Khâm-sai đại-thần đem quân ra đánh giặc văn-thân Nghệ-tĩnh. Vì có quan Toàn-quyền Rousseau và quan Khâm-sứ Brière nói với triều-đình, nên chỉ tôi được lãnh cái trọng-trách ấy.

Sở-dĩ tôi phụng-mạng đem quân ra Nghệ-tĩnh là cốt để tróc-nã tướng giặc văn-thân Phan Đình Phùng, khởi loạn ở hai tỉnh Nghệ-an và Hà-tĩnh đã 10 năm, mặc dầu nhà-nước đã ra sức đánh giặc mãi mà không được.

Thân dẫn một đạo quân 1400 người, tôi đuổi đánh tên tướng giặc ấy hết núi này đến núi kia rồi tôi vây-bọc và được là nhờ có những đồn lính phòng-trấn lập ra rải-rải khắp các ngã đường giao thông.

Thế cùng lực kiệt, lại bị thương-tích trong trận đại-chiến, Phan Đình Phùng phải uống thuốc độc tự-tử. Bao nhiêu bộ-tướng của va đều bị bắt hết, mấy ngàn quân giặc ra hàng. Thế là mấy tỉnh ở miền bắc xứ Trung-kỳ yên hẳn giặc-giã từ đó.

Nhân tôi có công-lao như thế Chính-phủ Cộng-hòa thưởng cho tôi Bắc-đẩu Bội-tinh tam hạng và đức Hoàng-đế vời tôi về Kinh làm Phụ-chính đại-thần v.v...

XVII. ANH-HÙNG MẠT LỘ

THUỞ xưa, thuở mà trong việc dùng binh chiến-đấu, gọi là khí-giới chỉ có gươm đao cung tên, gọi là giao-phong chỉ cần tướng đấu võ với tướng, một người anh-hùng tự-tập được năm ba ngàn kiện-nhi đồng-sĩ trong tay, có thể chiếm-giữ một nơi núi rừng hiểm-trở mà xưng bá xưng hùng và cầm-cự với kẻ nghịch mình lâu dài được. Có khi cày cấy trồng tía được ngay trong thung-lũng núi-non thuộc về phạm-vi của mình mà tự sinh-tồn cung-cấp đầy-đủ về việc lương-thực, dầu không vận-lương ở ngoài vô được cũng không lo. Kẻ nghịch không có thể chi cách xa một hai chục dặm vòng ngoài mà dễ cắt đứt mạch sống và xâm-phạm tới sào-huyệt của mình ở trong đặng.

Cái thế-lực dây-dưa lưng-lấy của đám anh-hùng Lương-sơn-bạc chỉ cốt có bấy nhiêu đó thôi. Vậy mà ngày qua tháng lụn, kiệt-sức mòn hơi, họ cũng phải nghiêng-ngã tan-thành thay !

Đến cái đời chiến-pháp binh-khí Tây phương bắt buộc khắp cả thiên-hạ phải thay đổi, phải làm theo, để hoặc tự-cường lấy mình hoặc chống-cự với họ, thì việc chiến-đấu dụng binh đâu có phải sơ-sài chật-hẹp như xưa được nữa. Gọi là địa-lợi cần phải rộng-rãi, thuận-tiện cho cả mọi sự chiến-thủ tới lui, chứ quanh-quẩn một khu núi rừng có hiểm-trở mấy cũng không đủ dựa làm thế mạnh, làm gốc bền. Và lại súng đạn người ta, có thứ ở ngoài mấy chục dặm có thể bắn phá tới sào-huyệt mình tan-tành như chơi, đến núi còn bể

hai, rừng cũng cháy rụi. Nhất là đường giao thông thủy-lục phải có, cuộc vận-tải lương-thực phải dễ, nó chính là lỗ thở, là mạch sống của mình, nếu bị người ta chặn nghẹt thì tất phải chết. Không chết ngã ngựa tức thời, cũng phải chết lần mòn hoi-hóp.

Cụ Phan Đình Phùng dùng binh đối-địch với Pháp sự thế cực-chẳng-đã bao nhiêu lâu phải nhốt mình vào trong những khuôn-khổ chiến-đấu ngày xưa rồi, bây giờ lại bị lâm vào chỗ hiểm-nghèo kiêng-kị của binh-pháp kim-thời như vậy đó.

Tới đây, chúng ta càng phải nên nhớ lại mà thán phục ông thượng tướng-quân Cao Thắng là người có đởm-lược, có cao-kiến.

Độc-giả đã biết ông ta chết giữa chiến-trường chính là lúc có hoài-bão lớn-lao, muốn tấn công chiếm thủ cả ba tỉnh Nghệ Tĩnh Bình để làm căn-cứ, nếu không thì bên đối-địch – theo ông đã đoán trước – sẽ dùng cách vây-bọc cho mình đến tan ỏ và tuyệt lương mà chết.

Thì sự tiên-liệu của Cao Thắng bây giờ xuất-hiện thật rồi.

Bởi vậy, dầu ai tin hay không tin cũng mặc : « tính việc ở người, nên việc ở trời » (mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên) chính là một chân-lý nhất-định xưa nay. Lại cũng chứng-tỏ ra cái thuyết « tri dị hành nan » (biết dễ, làm khó) của cổ-nhân là đúng. Một việc Cao Thắng tính làm và biết làm là hay, nhưng mà có làm được đâu ; vẫn biết nhân-lực thiếu-kém một phần, còn một phần hình như cũng có thiên-ý, có vận-số cản-trở thế nào mà xui-khiến ra sự bất thành như thế.

Lúc này cụ Phan bị vây-bọc đến đổi bốn ba cực khổ chừng

nào, chắc lại chạnh nhớ Cao Thắng mà cảm-thương thân-thể chừng ấy. Lại càng cảm-thương thân-thể chừng nào, càng biết rõ chủ-quyền quốc-gia không sao lấy sức người thiếu-thốn đủ cách mà hòng xoay-đổi trở lại được nữa. Nhưng cụ đã hứa tính-mạng với quốc-gia rồi, vậy thì trong khi tính-mạng còn lây-lắt ngày nào, dầu phải nếm mật nằm gai, tắm sương gội gió đến thể mảy đi nữa, cũng vẫn cam tâm.

Than ôi ! Một người có chí-khí anh-hùng, đến bỏ quê-hương nhà-cửa, bỏ hương-hỏa tổ tiên, bỏ cả thân-danh tính-mạng mình, chỉ vì nhà-nước, vì anh em, đem thân ra lo toan một việc, hiểm-trở khó-khăn, trăm cay ngàn đắng, chắc hẳn trong trí-não cũng quả-quyết trông mong việc ấy cho thành, khỏi phụ cái chí-khí hùng-tráng của mình và khỏi phụ lòng kỳ vọng của người đồng loại. Thế mà sắt son tắc dạ, lao-khổ mười năm, tâm-huyết mất không, thời-vận chẳng có, đến lúc nhịn đói, nhịn khát, chạy ngược, chạy xuôi, gặp toàn những cảnh vạn tử nhất sinh, đường cùng nước bí, cái bước « anh hùng mạt lộ » chứa không biết bao nhiêu nông-nỗi đáng cảm, đáng thương, đáng sầu, đáng tiếc, đáng thở dài một hơi cho mạnh, đáng hét lên một tiếng cho to !

Hồi này, chính là hồi cụ Phan gặp-ghềnh điên-đảo trên những bước « anh-hùng mạt lộ » đây !

Bước này của cụ, khổ hơn Sở Bá-vương mà chỉ thiếu có Ngu Cơ, sướng hơn Văn Tịch-quốc là không đến nỗi bị bắt.

TƯỚNG SĨ ĐỀU TUỐT GƯƠM RA XIN ĐÁNH MÀ CHẾT

Nghĩa-quân có những cơ điên-nguy thất-bại phát ra từ

giữa năm ngọ (1894), vì quân-lính Pháp mấy phía đã khởi thế công-kích bao vây càng ngày càng chặt, sự thật không phải từ lúc có Nguyễn Thân kéo binh rần-rộ ở Huế ra thì nghĩa-quân mới lâm vào đường cùng cảnh khốn.

Ta nên nhớ Nguyễn Thân ở Kinh phục-mạng xuất sư, ra đến Hà-tĩnh, nhằm tháng 5 năm Mùi (1895), chính là hồi Phan và tướng-sĩ đang lao-đao nguy khốn sẵn rồi, mà Nguyễn Thân định kế chặt gãy vây cánh và làm tuyệt quân-lương, là làm cho Phan thêm lao đao nguy khốn đó thôi. Khác nào một cây đã bị gió bão làm bung gốc lên sẵn rồi, đến Nguyễn Thân chỉ có công xô thêm cho ngã xuống thì có, chứ lão không có công-lao chiến trận gì, và cũng không phải nhờ có tài sức của lão thì họ Phan mới bại, nghĩa quân mới tan, theo như ý lão kể công với Toàn-quyền Doumer ở trong bức thư độc giả vừa đọc trên kia. Sự thiệt, công-lao chiến trận là công lao của anh em lính tập và mấy viên quan binh Pháp. Lúc sau Cao Thắng tử trận mà nội tình nghĩa binh cụ Phan suy kém lần hồi, nhưng quân lính nhà nước ra sức truy tầm chinh phạt cũng gắt, mà nghĩa-binh vẫn rần rờ đương đầu kháng cự được hoài, thành ra Bảo hộ tướng nghĩa-binh còn có thực-lực vững-bền mạnh-mẽ lắm, mới phái Nguyễn Thân đem đại binh ra góp sức tiêu trừ cho mau. Nếu không có Nguyễn Thân, chắc hẳn trong mấy tháng nữa nghĩa binh cũng phải đến lúc tàn cuộc tự nhiên.

Cũng có lẽ việc phái Nguyễn Thân ra đánh là một việc quyết-thắng về mặt tâm lý. Vì Nguyễn Thân chẳng phải giao phong xuất trận gì, chỉ dùng mưu-kế chặt vây-cánh và tuyệt lương-thực, chính là một trận đánh bằng tâm-lý, nó thần-

hiệu hơn là đánh bằng binh-lực. Huống chi là có trận binh lực trợ chiến với trận tâm lý nữa. Nếu như chỉ có bấy nhiêu cũng đủ kể là đại-công, thì người ta cũng nên nhìn nhận cho Nguyễn Thân có công đó.

Quả thiệt, từ giữa năm Mùi trở đi, có thể trận tâm-lý của Nguyễn Thân bày ra rồi, cụ Phan càng thêm lưu lạc khổ sở nhiều lắm, không như trước đó, nghĩa binh tiếng bị suy vi nguy khốn mặc lòng, nhưng vẫn nhờ được cái sức ngầm của dân nuôi lương giúp sức cho mà cầm cự với quân lính Bảo hộ một cách gắng gượng hăng-hái.

Chúng ta thử xem một chuyện sau đây thì biết.

Cũng không nhớ rõ được ngày nào, chỉ biết là hồi ấy nhằm cuối năm Ngọ, quân lính Bảo hộ biết cụ Phan đóng trên núi Đại hàm mà thủ hạ chẳng có bao nhiêu, nhằm chừng có thể tấn lên đánh phá được, bèn phân binh ra hai đội kéo tới Đại-hàm khiêu chiến.

Núi Đại hàm thuộc về địa-phận làng Tình diệm, có một quân-thứ theo cách cụ Phan bố-trí ngày trước, gọi là Diệm-thứ, do ông Cao Đạn làm chủ-tướng.

Lúc hay tin quân lính Bảo-hộ sắp kéo tới đánh, cụ Phan tính kế lui binh trước để tránh đi thì hơn. Nhưng hai ông Cao Đạn và Nguyễn Mục hiệp lại cản-ngăn và xin quyết kế đối địch.

Phan làm thỉnh cúi mặt ngó xuống họa đồ. Ta nên biết lúc bấy giờ Phan dụng binh có họa-đồ những hình-thể sông-núi đường sá hằn hoi, đó cũng là một sự nghiệp của Cao Thắng để lại nữa. Cao Đạn và Nguyễn Mục đứng chờ hơi lâu, không

nghe trả lời, tướng cụ không chịu cho đánh, liền rút gươm ra đồng thỉnh hô lớn : « Xin nguyên soái chặt đầu hai anh em chúng tôi đi đã rồi sẽ lui binh ».

Cụ Phan ngược mắt lên, trả lời một cách ung dung : « Lấy thế gì mà đánh với người ta bây giờ ? »

- Bẩm lấy thế núi.

Cao Đạn và Nguyễn Mục cùng thưa như vậy rồi tỏ bày sự thế lợi hại rõ thêm :

« Chắc hẳn quân tây dọ biết ít nhiều là nội tình ta giờ suy yếu, nhất là họ thám được binh-lực ở đại-đồn ta hiện nay chẳng có bao nhiêu, cho nên muốn thừa cơ đánh ào lên một trận, để đập nghĩa-binh té rụi xuống cho rồi đó. Nguyên-soái rủi ro bề nào, tự-nhiên toàn cuộc phải nghiêng đổ tan-tành tức thời. Họ không đem sức lớn áp đánh mấy quân-thứ kia, mà áp đánh trái núi này chủ-ý và sở vọng của họ ra sao, không nói cũng biết. Cụ có lòng nhân, không muốn làm quá nhọc sức tướng-sĩ lấy ít cự nhiều, mà định kế lui binh để tránh sức lớn kia ào ào đè tới ; lấy lực mà bàn, lui binh là sự phải đã đành, nhưng lấy thế mà nói, thì quân ta chẳng phải không có thể chống-cự lại được ít nhiều, là vì quân ta chiếm được địa-lợi của thế núi.

« Núi này vốn có hình thế quanh co, hiểm-trở, quân tây có kéo tới bao nhiêu đi nữa, chắc cũng chỉ vây-bọc ở dưới mà thôi, quyết họ không dám mạo-hiểm lên trên, họ chưa thuộc rõ đường đất tự-nhiên sợ gặp mai-phục thì nguy. Vả chẳng, trong quân ta hiện nay còn 400 người, kể số thì ít có ít thiệt nhưng đều là hạng tráng đinh đồng sĩ, ăn không ngồi nhàn

cũng buồn, chỉ cầu có giặc tới mà đánh, có chết cũng mát ruột. Cho tới súng đạn tích-trữ của ta cũng có thể đủ sức cầm cự nhau trong một đôi tháng, như thế thì sợ chi mà vội lui, không đánh lại. Không đánh lại bây giờ, tất nhiên người ta cho mình đây là khiếp-nhược, rồi càng ngày đem quân xua-đuổi dồn-ép ta mãi. Vậy thì, bầm cụ xét lại, ngày nay ta cứ quyết đánh nhau với họ một chuyến, chừng đến nước cùng đường túng thế lắm, bấy giờ ta sẽ lui cũng không muộn gì. Phía sau ta vẫn có sẵn đường lui kia mà ! »

Cụ Phan trầm-ngâm một lát, rồi kiểm lời an-ủi ngợi-khen hai ông Cao Đạn, Nguyễn Mục làm tướng cầm quân, mỗi khi gặp giặc quyết đánh như thế là anh hùng, là trượng phu lắm. Nhưng nay ta ở trước một cảnh như cờ bí nước, lấy ít cự nhiều, lấy yếu chống mạnh, biết rằng lòng quân ta có muốn đánh hay không ? Vì, do nơi một tắc niềm nhân hậu, cụ suy-nghĩ những người theo liền bên tả-hữu mình bấy lâu toàn là hạng người nghĩa-sĩ, bỏ cả nhà cửa, vợ con, quê hương, cha mẹ, dấn mình vì việc quốc gia, vì tình thầy trò, đã mười năm nay, biết bao chiến trận công-lao, mà cụ chưa làm nên một việc gì để thỏa lòng đền công họ được. Gần đây họ lại vì cụ mà chịu thêm nhiều nỗi ấm-lạnh gian-nan, ăn ở cực khổ, ngày nay quá đòi hỏi sức họ mà dùng, thì người nhân-nghĩa không nỡ...

Hai ông Cao Đạn, Nguyễn Mục vâng lệnh rồi ra lấy ống loa kêu gọi quân-sĩ tụ lại mà nói : « Nay Tây đem đại binh tới vây đánh sơn trại ta. Sự thế anh em ta chỉ có một đánh và một chạy, Nguyên soái muốn hỏi ý của anh em ưng đảng nào ? »

- Ứng đánh ! Ứng đánh ! Nam quốc vạn tuế !

Quân-sĩ không hẹn ước nhau mà đồng thời tay múa miệng la như thế. Nhiều người tung cả gươm và súng lên không rồi bắt lại tung lên, tỏ ý vui mừng hớn hở. Cao Đạn và Nguyễn Mục thấy lòng quân hăng hái, bèn vô bắm lại cụ Phan để quyết-định dự-bị nghênh địch.

ĐẤT BÙN LÀ VẬT ĐỖ ĐẠN CỦA TA

Tức thời Cao Đạn Nguyễn Mục đi xem xét những địa-thể nào có thể lập trận phục-binh.

Lại sai quân-lính đi chặt cây tre về chẻ ra đan những giỏ lớn thật nhiều. Quân lính vâng theo tướng-lệnh bảo sao làm vậy, không hiểu dụng-ý ra sao.

Công cuộc nghênh chiến sắp đặt có hơn nửa ngày là xong.

Lúc bấy giờ trên sơn trại chỉ có 400 tên quân, còn khí giới tân thời chỉ có 200 khẩu súng kiểu tây và một ít đạn dược, ngoài ra, khí giới toàn thì súng trường kiểu ta và những đại đao đoản kiếm. Hai ông Cao Đạn Nguyễn Mục sắp đặt như vậy : 200 tay súng để làm quân-chiến, 200 tay đao thì làm quân-phục. Các ngả lên núi, chỗ nào xung yếu thì phục binh chỗ đó, hễ thấy quân nghịch thò đầu lên thì xông ra mà chặt, không kể sống thác. Nhất định ban ngày mới ứng chiến, còn ban đêm thì đặt nghi binh. Nghĩa là ban đêm, chính nơi đại-dinh tối tăm mù-mịt không thắp đèn đuốc gì hết ; còn chỗ khác thì giả thắp đèn lửa lập-lòe, khiến cho quân lính Bảo-hộ tưởng là đồn trại nghĩa-binh ở đó, tất nhiên phải nhắm ngay

chỗ có ánh đèn mà bắn.

Nhưng còn lo chống giữ lâu ngày, mình hết thuốc đạn thì làm thế nào ?

Hai ông bèn nghĩ đến kế vừa đỡ đạn, vừa lấy đạn.

Lấy đạn của ai ?

Thì lấy ngay của quân lính Bảo-hộ.

Hai ông sai chặt tre đan giỏ thật nhiều, chính là dụng ý đó. Phàm là đạn súng bắn ra – đạn súng nhỏ hay súng đại-bác cũng vậy – hễ đụng nhằm vật gì cứng mạnh dội lại thì nổ dữ. Nhưng trái lại nếu đụng nhằm vật mềm nhẹ, nhất là bông gòn ướt-át và đất bùn, làm nó mất nổ. Hồi văn-thân Thanh-hóa chống cự với Bảo-hộ tại Ba đình, đóng ở một làng giữa cánh đồng chiêm xung quanh có nước mênh mông, mà cầm-cự được cả tháng, quân-lính nhà nước ở ngoài bắn vô như mưa, nhưng phần nhiều không nghe đạn nổ, là bởi văn-thân khéo dùng những giỏ tre đựng bùn, đắp lên thành lũy, cản-trở hiệu lực của đạn phải kém bớt đi. Bây giờ Cao Đạn và Nguyễn Mục cũng dùng mưu kế ấy để đỡ đạn của súng thường, còn để phòng cả đạn của súng đại-bác, thì mắc lưới võng từ cây nọ qua cây kia.

Mọi việc dự-bị xong xuôi, chỉ đợi quân lính Bảo-hộ tới là đối chiến.

Quả nhiên, quân lính Bảo-hộ đến nơi, chỉ ở dưới chĩa súng bắn lên chứ không dám mạo hiểm lên núi, bởi thấy thế núi nghiêng-dốc, cây cối rậm rạp quá, sợ lên thế nào cũng bị phục-binh thì nguy. Nghĩa binh có cái địa-lợi là ở trên có chỗ

ẩn núp trong những kẹt đá bóng cây, dòm xuống thấy rõ quân lính Bảo hộ, mà quân lính Bảo-hộ dòm lên không thấy gì khác hơn là cây cối um tùm và khói đạn mù-mịt mà thôi. Thành ra quân trên bắn xuống thường trúng hơn là quân dưới bắn lên.

Huống chi đạn của quân dưới bắn lên phần nhiều trúng vô những giỏ đựng bùn kia, không nổ. Nghĩa quân lấy những vỏ đạn ấy, nhồi vào thuốc mình bắn trả lại quân dưới.

Tối lại thì nghĩa quân nghỉ ăn cơm và dưỡng sức, không đánh. Ở dưới, quân lính Bảo-hộ ngó lên thấy chỗ nào có bóng đèn đuốc lập-lòe thì cứ chĩa súng nhắm lên đó mà bắn. Té ra mấy chỗ có lập lòe đèn đuốc, chỉ là chỗ đặt nghi binh mà thôi, chẳng có người nào hết.

Hai bên chống giữ nhau đến nửa tháng như thế, trên không dám xuống đã đành, mà dưới cũng không dám leo lên. Chỉ nghe tiếng súng nổ hết ngày này qua ngày kia, luôn đêm này qua đêm khác, hình như một trận mưa sấm sét, vang-động cả một vùng núi non. Ai cũng tưởng chắc là nghĩa-binh đã cháy ra tro hết rồi, nhưng kỳ thiệt chưa có một ai tử trận hay là bị trọng thương gì cả.

Quân lính Bảo-hộ nghĩ mình bắn phá dữ dội tới hai tuần như thế mà Nghĩa-binh không núng, không lui, bèn xe súng đại-bác lại, định phá tan đốt cháy cả núi Đại-hàm, tất nhiên nghĩa-quân phải chết rụi hết, hay là không còn cây cối rậm rạp mà ẩn-núp thì sao cũng phải đầu hàng. Nhưng đạn đại-bác bắn lên phần nhiều mắc vào lưới vồng của nghĩa quân đã dăng tứ tung, thành ra không có mãnh-lực như người ta đã

tính.

Mấy ngày về sau, tuy là Nghĩa-binh còn đạn cũng nhiều, nhưng mà chỉ bắn một cách dè dặt, không dám bắn phóng-túng như trước nữa. Mỗi ngày giao-chiến, cụ Phan đều ra tận chỗ mạo-hiểm để chỉ-bảo khuyến khích tướng sĩ, nhờ vậy nên lòng quân càng phấn-chấn bội phần. Muốn lập kế dụ quân lính Bảo-hộ lên núi để cho phục-binh làm thịt, cụ Phan sai mấy tên quân lanh-lẹ, lén theo hướng đường tắt xuống núi, giả làm dân quê đi cày, tới trước quân lính Bảo-hộ nói mình biết đường lên núi, xin làm hướng-đạo hầu được lãnh thưởng lập công. Hai viên quản-cơ tưởng thiệt đã toan dẫn một toán lính-tập đi liều, nhưng viên thiếu-úy cầm quân, cản lại không cho, vì sợ mắc kế mai-phục.

Bấy giờ, quân lính Bảo-hộ phân ra làm hai, một nửa vẫn ở mặt tiền, một nửa đạp gai lội suối, bọc ra mặt hậu để đánh phía sau lưng nghĩa binh, khiến cho trước sau đều thọ địch, thế nào mà chẳng tan vỡ.

XVIII. THIẾU CHÚT NỮA CỤ PHAN BỊ BẮT SỐNG

Quân-lính bảo hộ giàn trận ở mặt trước núi Đại-hàm mà đánh ròng-rã hai tuần, thiệt thòi nhân mạng và đạn dược nhiều rồi, Nghĩa-binh ở trên núi vẫn cố sức cầm-cự dằng-dai, không hề nao núng.

Nghĩa-binh can đảm đã đành, nhưng cũng may là đời bấy giờ chưa phải là đời có xe tăng, có máy bay, có độc khí ; nếu trái lại, thì nghĩa-binh nhà mình cầm cự không được nửa tiếng đồng hồ và mấy quả núi Đại-hàm cũng chẻ hai ra rồi. Bởi vậy, người lấy gan mình, sức mình ra chọi nhau, vẫn có giá-trị hơn là mượn máy chọi người, chính là ông thánh Gandhi ở Ấn độ nói thế.

Nhất là nghĩa-binh ở trên núi chỉ có 400 thầy trò với 200 khẩu súng, mà ở dưới núi vừa lính-tập, lính tuần và tráng đinh mấy làng phụ cận phải ra phục dịch quan quân cả thảy có tới ngàn người ; một đànng lấy bóng cây kệt đá làm mạnh ; một đànng lấy người đông, súng tốt làm mạnh, kể ra Nghĩa-binh cầm cự dây dưa được gần nửa tháng cũng là lâu lắm rồi.

Trong một cuộc đối chiến bất đồng về số người và sức mạnh như thế, bên nào bên ít, bên yếu cũng phải thua là lẽ tự nhiên.

Toán viện-binh 150 lính ở Nghệ kéo đến tiếp chiến, làm cho nghĩa-binh thêm mau bại-tẩu hơn nữa. Bây giờ, quân lính Bảo-hộ phân ra hai ngả mà đánh : một nửa cứ ở trước

mặt núi trần-áp, một nửa kia thì chen gai lách đá, luồn ra phía sau núi, để xuất kỳ bất ý, đánh úp lên sào-huyệt Nghĩa-binh. Trong trí nhà cầm quân dùng tới chiến lược này, nhất định bắt sống Phan Đình Phùng và trói thúc kén Nghĩa quân hết thảy.

Nhưng, trời còn bắt phải gian-nan hơn nhiều nữa, chứ chưa để cho họ Phan và mấy trăm tráng sĩ phải cùng đường ngựa cổ tại đây.

Luôn mười mấy ngày làm phận-sự, chủ tướng phải trông nom việc quân giữa lúc chiến đấu, lại còn một nỗi ăn-ở cực-khổ châm thêm vào, chẳng cần phải tả, ai cũng đoán biết cụ Phan nhọc-mệt dữ lắm.

Chiều tối bữa thứ mười lăm, ăn một vài nắm cơm khô chấm muối xong rồi, cụ Phan dặn dò hai tướng Cao Đạn Nguyễn Mục những chỗ quân cơ chiến lược nội đêm nay, để mình yên tâm ngủ được vài trống canh cho khỏe. Một thanh bảo-kiếm để luôn bên mình, và rút ra ngoài vỏ sẵn-sàng, mỗi khi nằm ngủ, luôn 10 năm nay, đêm nào cũng thế. Cụ nói với người nhà : « Để phòng khi lâm nguy bất trắc, mình đem chém đầu kẻ địch hay là tự đâm họng mình cho kịp »

Đêm đó, lối vẫn trống canh hai, khoảng 10 giờ hơn, cụ đặt mình nằm xuống lâu rồi mà đang thao thức suy-tính chứ chưa ngủ được ; bỗng thấy tinh-thần hồi-hộp đập chồm, con mắt thì máy lia và ruột nghe sao nóng nẩy như bào như đốt. Cụ giật mình suy nghĩ chắc có chuyện gì nguy biến xảy đến nơi, cho nên thần hồn báo trước cho thần tính đây chẳng ? Tức thời cụ ngồi nhồm dậy, đánh thức người cháu gọi cụ bằng

chú ruột mà nói : « Quái kỳ ! Ta đang nằm trần-trọc chưa ngủ được, chợt nghe trong mình phát ra nóng ruột và con mắt cũng máy dử, chắc là có điềm lạ gì đây. Cháu dậy thắp cây đèn lên, để chú bói thử một quẻ xem nào ! »

Tự nhiên việc thắp đèn ở sơn trại, chính nhà cụ ở là việc rất quan-hệ, nên cụ phải dặn trước người cháu : « Nhớ che đậy bóng sáng cho khéo, kẻo quân Tây ở dưới ngó lên thấy hơi sáng lập lòe, nó đãi cho một vài viên đạn thì khốn ».

Vì, trên kia đã nói cho độc-giả biết, đêm tối trên núi cốt làm đèn đuốc lập lòe ở chỗ khác, cách xa, để làm nghi-binh, còn chính đại-trại và cái chòi cụ ở thì phải cấm tuyệt đèn lửa.

Người cháu thắp đèn che kỹ rồi bưng lại, cụ Phan lấy quyển kinh « Dịch » và mấy đồng tiền trinh ra gieo quẻ bói. Giữa lúc ấy còn là ngày « Dần » mà cụ bói được quẻ : 卯鬼發動 Mảo quỷ phát động.

Trùng mắc thử dài ra vẻ kinh ngạc, cụ nói với cháu : « chà chà ! Sự thế nguy-biến tới nơi rồi. Ngay mai chính là ngày Mảo mà nay thần ứng ra quẻ này thì mai đây thế nào quân Pháp cũng úp phá đồn trại của ta, chắc chắn ».

Tức thời, cụ sai lính vệ-sĩ đi đòi Cao Đạn Nguyễn Mục vô thương nghị khẩn cấp.

Hai ông này tay gươm vai súng, lật đật vô hầu. Cụ kể lại cho nghe từ điềm lạ máy mắt sốt ruột cho tới ý nghĩa quẻ bói mà thần mới ứng cho rồi nói : « Thế nào ngày mai quân địch cũng úp phá tới sào huyệt ta, mà tất là chúng lén bọc ra phía sau mà lên núi, vì mặt tiền có quân ta cầm cự và mai phục, hễ chúng không tấn lên phía trước được đâu. Sự thế trước

sau cùng thọt địch như vậy mà quân ta ít, súng ta ít, lại đạn được gần kiệt rồi, nếu ta dồn binh về mặt sau thì mặt trước hỏng mất, mà giờ cứ cầm cố chống giữ lấy mặt trước thì mặt sau bỏ trống, để chúng thừa hư tập-kích được, đổ khỏi bà con ta làm tù cả đám. Ta phải tức-tốc lui binh, bỏ núi này đi mới xong ».

Cao Đạm, Nguyễn Mục muốn kéo binh đánh tràn xuống mặt trước núi, liều mạng phá tan vòng vây mà chạy. Vì hai ông suy tính quân Pháp đã định phân ra bọc đánh ngả sau Nghĩa-binh, thì tất là mặt trước để hư không. Nghĩa-binh có thể liều chết phá vây được. Nhưng cụ Phan không nghe : « Tính làm cách đó, vạn tử nhất sinh, nguy lắm. Phải biết họ dùng binh cẩn-thận, cơ-mưu, chứ không như các người liều-đoán đâu. Họ cốt vây-bọc ta trước sau cùng thọt địch, cho nên tất nhiên họ phân binh bọc lén ngả sau, nhưng không khi nào lại để hư-không mặt trước. Ta kéo tràn xuống đánh tức là đưa thịt vô miệng cọp. Bởi vậy, ta quyết định bỏ núi lui binh, nhưng phải rán bảo toàn lấy binh-lực hầu dùng về sau, chứ không để tổn thương vô-ích, vậy thì quân ta cứ lui đi mặt trước, có điều là đi xuyên đường rừng, không nên chường mặt cùng họ giao chiến làm gì nữa ».

Tướng-sĩ đều phục cái định kế ấy hoàn-toàn hơn.

Liền ngay lúc đó, cụ sai đi kêu gọi hết thầy quân-lính ở các chỗ đang ứng chiến và mai phục phải bỏ trận-địa lục-tục kéo về đại trại, lật đặt nấu cơm và thu xếp khí-giới vật-dụng : lệnh truyền đến 2 giờ khuya ăn cơm rồi nài nịt sẵn sàng để gà gáy lần thứ nhất thì nhổ trại lui binh. Nhiều quân sĩ còn đang hăng-hái, muốn đánh, nhưng tướng-lệnh đã ra không ai

dám trái.

Không dè Nghĩa-binh dự bị chưa kịp, thì nghe tiếng gà sơn-thôn đã gáy hai dạo rồi.

Quả thiệt, quân lính bảo-hộ do ngả sau đã tấn lên đến nơi. Trời mới sáng mờ mờ, một con chó tây dùng trong việc quân, đánh hơi đưa đường, chạy sòng sộc vô tới trong sân đại trại. Nguyễn Mục ngó thấy đưa súng lên bắn con chó một phát, nhưng nó chạy khỏi. Quân lính Bảo-hộ đang chen cây lách đá, nghe tiếng súng nổ, liền nhắm chừng hướng ấy và dõ theo vết chân con chó dẫn đường mà tới. Bởi đá núi lởm-chổm gập ghềnh, cây cối gai góc rập rập, thành ra quân lính Bảo-hộ tấn lên hơi khó và lâu. Tiếng súng của Nguyễn Mục bắn con chó thật là bất trí, nếu như không có tình thế hiểm trở của núi rừng làm chậm trễ sự tấn-binh của quân lính Bảo hộ, thì có lẽ cụ Phan bị bắt rồi.

Trong khi quân lính Bảo-hộ đang lần đường theo dấu ở phía sau, thì Nghĩa-binh đã phò được cụ Phan đi ra cửa trước mà xuyên theo đường lối trong rừng chạy thoát được rồi.

Một lúc, quân lính Bảo-hộ tấn vô đến nơi, chỉ thấy dinh trại trống lổng, đồ vật bỏ lại ngổn-ngang, chứ không còn một người nào. Họ cướp được đồn trại của Nghĩa-binh rồi thôi, không rượt theo nữa. Vì sự thiệt, cây cối rậm rì, đường lối chẳng thấy, nên không biết nghĩa quân lui chạy đằng nào mà rượt theo cho được.

Tướng-sĩ hộ-vệ cụ Phan chạy đường rừng, bao nhiêu đồ vật và lương thực mất hết, không kịp đem theo một chút gì.

Chuyến này tình-cảnh nghĩa-binh lao đao vất-vả quá, lại

thêm nỗi đói-khát, lạnh lùng nên chi quân sĩ chết ở giữa rừng hết nhiều. Lắm người đói là đuối sức, chạy theo không kịp, phải nằm phục-vị ở giữa rừng, đào rễ cây mà ăn, rồi đốt lá mà sưởi, vì mùa này khí-hậu rừng núi càng lạnh lẽo hơn dưới đồng bằng. Chính người cháu ruột của cụ cũng nằm lả bên khe suối, may phước có mấy tên quân xúm lại vực dậy đem đi.

Trong lúc người ta ở hương-thôn thành-thị ăn tết năm Mùi (1895) thì nghĩa-binh lao-đao đói khát ở giữa rừng sâu núi thẳm.

Đến mồng 6 tháng giêng, Nghĩa binh mới kéo về tới núi Quạt, đồn-trú tại đó là quân-thứ ở huyện Hương-khê. Kiểm điểm binh sĩ, còn lại hơn hai trăm người mà ai nấy đều xanh xao gầy- ốm, vì nỗi bôn-ba cơ khổ ròng rã một tháng trời ; cụ Phan và hai tướng Cao Đạn và Nguyễn Mục cũng vậy.

Bấy giờ nội-tình Nghĩa-binh đã bối-rối lắm. Vì nỗi lương thực thiếu-thốn. Lúc nào dân làng gánh gạo bắp heo gà lên núi cho Nghĩa binh như là đi chợ ; nhưng mấy tháng này bị nhà chức trách cai-trị địa phương canh-phòng các ngả và hăm-dọa gắt-gao, thành ra họ không dám tiếp tế lương thực cho Nghĩa-binh như lúc trước nữa. Nhiều người sốt sắng quá, đến đổi liều mạng vận lương cho « giặc » mà bị mất nghiệp bay đầu. Có người mười phần vô tội vô tình, cũng bị liên-lụy, chỉ bởi kẻ tiểu-nhân oán-thù vu-cáo.

Kho-tàng lúa bắp trên sơn trại, càng bữa càng khô, mà sự tiếp-tế mắc nghệt, Cụ Phan phải sai quân-sĩ giả làm nông-dân hay thương khách đi sang tỉnh Quảng bình mua từng

năm ba chục gánh gạo, bắp, chở lên theo đường rừng, đem về cho quân-sĩ ăn. Tội-nghiệp quá ! Có nhiều khi lúa bắp đi mua chưa vận về kịp, quân-sĩ phải nhịn đói đôi ba ngày chỉ uống nước lạnh trừ cơn là sự thường. Tuy vậy, không ai kêu la, than thở một tiếng nào ; trái lại, họ vẫn vui vẻ thề nguyện kháng-chiến đến chết mới thôi, cực khổ đã quen, đói rét chẳng kể. Thấy lòng quân khăng-khít như thế, cụ thường cảm-động khóc lóc một mình. Người cháu hầu-hạ bên cạnh, có lúc nửa đêm nghe cụ thở dài và nói lầm rầm : « Vì ta mà khổ sở tướng sĩ. Có dân-tâm thế ấy mà nhân-lực không có, thiên-mạng không giúp, thảm biết bao nhiêu ! »

Người anh-hùng đến bước mặt lộ, đêm trường canh lặn, nằm than khóc một mình như thế, càng thảm hơn nữa.

Lụi-đụi tới tháng 5 năm ấy (năm Mùi) Nguyễn Thân kéo đại quân ở kinh-thành ra đến nơi, tình-hình lương-thực của Nghĩa binh càng thêm chật hẹp nguy khốn. Là vì bao nhiêu lối hiểm đường quanh đều có lính-tráng của Nguyễn Thân bủa dăng chặn nghẹt thành ra Nghĩa-binh trên núi tuyết lương.

Độc giả nhớ phân biệt hai tiếng này dùm : trước kia lương-thực chỉ « thiếu » cũng đủ khốn khổ, bây giờ đến « tuyệt » mới nguy !

Liệu bề ở núi Quạt thì sớm muộn thầy trò cũng chết đói đến nơi, cụ Phan hạ lệnh nhổ trại, định kéo quân về nơi sào huyệt cũ là núi Vụ Quang, tại đây có địa-lợi hơn, vì đã có đường rừng lại có đường thủy nữa, có lẽ công cuộc vận lương cũng dễ xoay trở.

Lúc đó là tháng 7.

Nhưng Nghĩa-binh kéo đến mé sông Vụ quang, cụ Phan cẩn-thận, sai 4 tên vệ-sĩ qua sông dò thám trước. Té ra những đồn-trại của Nghĩa-binh trên núi Vụ-quang hồi xưa đã bị quân-lính Pháp chiếm giữ lúc nào rồi, lính tập đầy nhóc.

Cụ Phan dòm-xét địa thế, rồi lật đật đem quân sang đóng trên một trái núi khác, cách không bao xa và cũng thuộc vào thung lũng của núi Vụ-quang. Nghĩa-binh chặt cây cắt cỏ, cất lên dinh-trại lụp xụp mà ở tạm đỡ.

Biết trước rằng mình đóng binh ở đây, thế nào nay mai quân lính Bảo-hộ cũng áp tới đánh, cụ Phan phải tính cách chống cự sẵn sàng.

Vì đó mà nay mai có trận huyết-chiến Vụ-quang, chính là một trận đánh để tháo thân, mà lại là một trận đánh dữ dội nhất. Cây đèn cạn dầu sắp tắt, bao giờ cũng phụt lên một cái sáng lòa !

XIX. VỤ QUANG SƠN HUYẾT CHIẾN

Lúc này chính Phan tự biết rằng mình với cái ngày cuối cùng thấy càng xấp lại gần nhau lắm rồi, chẳng còn cách xa bao nhiêu nữa.

Nếu phải là người ham sống sợ chết, thì bây giờ chỉ có việc treo lên một vuông cờ trắng, rồi đem quân-gia khí-giới ra đầu hàng, quy thuận Bảo-hộ tất là được dung thứ trọng-đãi ngay, mặc dầu 10 năm nay một tay cụ đã làm cho Bảo-hộ hao tổn bộn-bàng quân-lính và tiền bạc. Dám chắc, nếu Phan chịu ra hàng, thế nào cũng được biệt đãi hơn những đề đốc Lê Trực và Tấn-sĩ Phan Trọng Mưu rất xa. Một là vì cuộc Bảo-hộ mới lập xong buổi đầu, người Pháp cần thân phục nhân-tâm hơn là ham muốn sát-phạt, nghiêm khắc. Hai là, nói cho công bằng, đối với mấy tay lãnh-tụ văn thân cứng cỏi, gan dạ, như bậc Phan Đình Phùng, Bảo-hộ vì lẽ chính-trị buộc phải đánh giệp thì đánh giệp, chứ trong thâm tâm của những người Pháp chuộng công lý nhân đạo vẫn quý-trọng ai là người biết yêu nước quên mình như thế.

Tôi không dám đâu khoe mình được xem hết thấy những sách của chính-gia võ-tướng Pháp biên chép về các võ-công đánh giệp buổi đầu Bảo-hộ, nhưng mà dám nói rằng ít nhiều cuốn tôi được xem, trong đó mỗi khi nói đến Phan Đình Phùng, thì họ đều viết « Le rebelle » (người không chịu phục nhà-nước) hay « Le docteur rebelle » (ông nghề phản đối) chứ không gia cho cái tiếng nặng là « pirate » hay « bandit » (quân giặc cướp), như đối với Đề Thám. Chính ngay Đề

Thám, nhiều người Pháp nói đến, ví-dụ như Pau Chack, gọi là « bandit », nhưng ông Toàn-quyền Paul Doumer nói ngay thẳng : « Đề Thám không phải là ăn cướp, mà chính là tay đầu đảng Annam phản-đối chống-cự và đánh nhau với ta đã 10 năm nay » (Le Dé-Tham n'était pas un bandit, mais un chef Annamite rebelle qui nous résistait et se battait contre nous depuis dix ans), xem quyển « INDOCHINE FRANÇAISE » của Paul Doumer xuất bản năm 1903, trang 397). Vậy cho biết rằng lẽ phải thì ai cũng có bụng công bằng cũng quý-chuộng nhìn nhận, không cứ là người nước nào.

Chắc độc giả còn nhớ có một đoạn trên kia tôi đã nói chính Phan đã cảm-hóa Đề Thám cả quyết nổi lên phản đối ở Bắc Hà ; những ngày tháng cuối cùng của Phan ở khoảng Hồng-Lam tức là ngày tháng bắt đầu của Đề Thám dấy lên ở miệt Yên-thế vậy. Ta nên biết tình-thế đến lúc Đề Thám, cuộc Bảo-hộ đã vững-vàng nền-móng lắm rồi, mà Đề Thám giả hàng còn được bao dung trọng-đãi đôi ba phen, hưởng chi là sớm hơn đó mười mấy năm, nền móng Bảo-hộ mới đắp còn chông chênh vất vả, tự nhiên nếu Phan chịu ra hàng, tất được trọng-đãi bao-dung. Đã vậy mà nhân-phẩm Phan cũng cao hơn nữa, đáng cho Bảo-hộ cần thân phục cảm-hóa hơn.

Tôi muốn nói đông dài ở chỗ này cốt để tỏ ra thời-cơ rất thuận-tiện cho Phan quy hàng Bảo-hộ chắc được yên thân, xong việc biết bao. Nhưng mà cụ lâm vào đường cùng khốn đốn như lúc đang nói đây, vẫn giữ vững tâm chí thẳng như tên, cứng như sắt, thà chịu đói, chịu khổ, chịu đau-đớn đủ thứ, rồi chịu chết bỏ xác giữa rừng, chứ không chịu quăng súng xuống, đưa tay lên, để cầu cho sự yên-ổn, phú-quý ;

thế là biết cụ khí-khái cang-cường đến bậc nào vậy.

Nhất là tự biết mình chết đến nơi mà cứ ung-dung, cứ khảng-khái, cứ tự-nhiên !

Thật vậy, lúc này cụ dư biết mình đã lâm vào tuyệt lộ rồi, việc cứu-quốc cần-vương đến lúc hư-hỏng tan tành, nhân-lực không làm sao cãi lại được nữa. Vốn là nhà nho, cụ tin nơi thiên mạng có lạ gì. Nhưng cụ cũng tự biết nhân-lực không đủ. Ta nhớ trong bức thư trả lời Hoàng Cao Khải, cụ chẳng tự sánh việc mình làm như kiểu con bọ-ngựa nhỏ-nhoi muốn dơ tay lên cản chiếc xe to lớn đó sao.

Có điều là vì khí tiết, vì danh nghĩa, vì phận-sự làm tôi đối với vua, làm dân đối với nước, đã trót ra tay làm thì phải làm tới chết.

Vậy thì nay còn có đôi chút sức thừa nào, cũng đem ra cho hết, để chết một cách oanh liệt, không cần phải dè-dặt sức mình hầu dùng mai sau như mấy năm trước. Thì đóng quân ở trên một trái núi thuộc về thung-lũng Vụ-quang, gần bên quân-lính Bảo hộ, nghĩa là cụ Phan không trốn sự đánh chút nào.

Không ngờ trận đánh ở Vụ-quang, cốt đánh để tháo đường và liễu thân, lại là trận đánh dữ tợn nhất, thống khoái nhất cho Nghĩa-binh từ 10 năm nay. Đã nói cây đèn hết dầu bao giờ cũng phụt lên một cái sáng lòà rồi mới tắt.

Hồi này cụ có ý buồn-bực lắm. Phần thì buồn về công-việc hư-hỏng, phần thì mấy tháng nay khổ-sở bôn-tẩu mãi, thành ra tuổi chưa mấy già mà người đã suy yếu nhiều lắm.

Có bữa, cùng mấy viên tùy-tướng đi dạo chơi trong rừng, phía trước thảo-trại, cụ Phan ngó lên thấy đám mây bạc ở xa xa, chạnh nhớ đến nơi phần-tử đang bị tan-hoang phiêu dạt vì mình ; hương khói và xương-cốt tổ tiên mình bị lạnh lùng bởi móc lên cũng vì mình, cụ lấy làm cảm động đau-đớn hết sức. Trông về phía bắc mịt-mù, nhớ đến vua chúa cũng đau lòng ; cho tới nghe tiếng chim kêu vượn hú, lá rụng cây reo mỗi mỗi đều gợi mỗi quan-hoài thương-cảm ở trong cõi lòng sâu-xa, khiến cho cụ bùi-ngùi vô hạn.

Một lúc cụ phải bật tiếng thở dài, nói với mấy viên tùy-tùng tướng sĩ : « Trước kia ta nghe những tiếng này, trông thấy những cảnh này, lòng ta phấn-khởi biết bao, tưởng chừng gặp kẻ đối-địch chỗ nào ta cũng nhảy tới bóp cổ moi gan ra ăn được mới khoái. Nhưng bây giờ cũng trông thấy cảnh này, nghe những tiếng này, lòng ta tê-tái rầu-buồn hết sức. Người có chí làm việc lớn mà trời không cho làm được, ở đời còn có nỗi gì đau đớn hơn nữa ! »

Rồi cụ chỉ tay ra phía xa và nói : « Ngó non sông tốt đẹp thế kia mà không phải của mình làm chủ nữa, thảm chưa ? »

Những người đi theo nghe mấy lời ấy đều ứa nước mắt ; chừng ngó lại chủ-tướng, té ra thấy hai gò má cũng điểm nhiều giọt lổm-đổm như giọt sương mai, từ cặp mắt đỏ hoe kia vừa mới nhỏ xuống. Thầy trò khóc với nhau giữa rừng !

Than ôi ! Một người anh-hùng có chí vẫy-vùng bốn biển, cứu hộ muôn dân, muốn xoay lại non sông, chọi với thời-thế, mà nay bị xô, bị nhốt vô trong vòng cùng đường bí nước như vậy, không phải bi-thương thống-khốc sao được. Có lẽ đến

cây kia đá nọ cũng phải nhỏ mồ-hôi và nát trong ruột nó dùm cho, đừng nói chi là chính người đang có thân-thể, cảnh ngộ ấy !

Nhưng đã nói Phan có cái quyết-tâm rằng mình còn chút hơi nào cũng gói-ghém lại để đem ra chống-chỏi với thời-cuộc cho hết, tới lúc xuôi tay nhắm mắt mới thôi. Bởi vậy không thể nào đối cảnh mà ngậm-ngùi bi-thương mãi được, cụ phải nghĩ cách chống cự với giặc, kéo Nghĩa-binh tạm đóng trên núi này, thế nào sớm muộn nay mai quân-lính Bảo-hộ cũng tới vây đánh, không sao tránh khỏi. Điều ấy chính cụ đã dự-liệu trước rồi.

Ngó xuống sông Vụ-quang thấy quanh-co một giải trắng phau, nước cuồn-cuộn, cụ Phan đổi ngay sắc buồn làm ra vẻ vui mừng : « Nếu quân Pháp kéo tới đánh ta, thì con sông kia có thể cự-địch được lắm ».

Tướng-sĩ ngẩn-ngơ, không ai hiểu được là ý gì, trừ ra một mình Nguyễn Mục hình như hiểu thấu quân-cơ này, cho nên sau khi cụ Phan nói rồi, nghe ông ta ứng-thanh mà tiếp : « Chắc họ được uống nước sông đó một bữa no-nê ».

Rồi đó thầy trò lững-thững trở về thảo-trại thương-lượng việc quân.

Quả-nhiên chỉ cách vài ngày sau, quân-lính Bảo-hộ biết tin Nghĩa-binh đang đóng trên trái núi bên kia, liền thăm dò địa-thế để kéo binh tới công-kích.

Phải biết mỗi ngày Nghĩa-binh đều cử ra một vài người giả làm chú tiều, xách búa qua núi Vụ-quang chặt củi, kỳ thật để xem xét binh-lính của bên đối địch. Lính-tập ngó

thấy, nhưng tưởng là dân núi đốn củi thật, không nghi-ngờ gì. Mấy chú còn lân-la nói chuyện với họ và hút thuốc của họ mời nữa là khác. Nhờ vậy mà công-việc xếp-đặt của lính-tập ra sao bên Nghĩa-binh biết cả.

Khi được tin về cáo-cấp, cụ Phan hội chư-tướng lại để bàn cách chống cự. Lần này cụ có trận-thế sắp-đặt trong lòng và có chủ-trương nhất-định, cho nên không có ý lo ngại và tính kế lui binh như mấy lần trước. Nhưng các tướng lúc bấy giờ đều có sắc lo, là vì hiện thời Nghĩa-binh chẳng những quân-lương đã thiếu-thốn cực-khổ, mà ngay khí-giới súng đạn cũng không còn sót lại được bao nhiêu, nếu phải cầm-cự lâu ngày như ở Đại-hàm trước kia thì khốn. Họ lại suy-nghĩ trái núi mình tạm trú đây không có hình thế chi hiểm-yếu thuận-tiện, vậy thì lấy gì mà chống giữ cho được. Còn sự trông-mong ở các quân-thứ kia đem binh tới cứu-viện cũng không xong, vì là hồi này quân-thứ nào cũng nguy như nhau hết thảy. Hoặc đã vỡ-lở, hoặc bị nghẹt đường, đến vận-lương ăn còn không được, còn nói đem binh đi cứu-viện thế nào ? Nhưng tới khi nghe cụ Phan nói rõ kế-sách kháng-địch, một mình Nguyễn-Mục giữ vẻ tự-nhiên, bởi ông ta đã đoán biết từ trước rồi, còn tướng-sĩ đều có vẻ hớn-hở vui-mừng hiện trên nét mặt.

Kế ấy thế nào ?

Tức là ở trong câu nói Phan đã nói bữa trước : « Con sông kia có thể cự-địch được ».

Thiệt vậy, bây giờ cụ nói rõ cho chư-tướng nghe : « Phải dùng kế « *sa nang ứng thủy* » của Hàn-Tín đánh quân Sở ngày xưa mới được ».

Liền đó, cụ truyền lệnh cho quân-sĩ lên tuốt trên đầu nguồn, mượn lấy những khúc gỗ lim to lớn của bọn lái buôn-cây đã chặt sẵn-sàng để ở trên ấy ; ngoài ra lại tự chặt thêm mấy trăm cây lớn nữa. Trên miệt rừng núi này thiếu gì cây to. Những cây ấy, quân-sĩ chịu khó ra sức ghép liền lại với nhau, thành từng bè lớn, vừa đóng suốt thân cây này qua cây kia cho chặt, vừa lấy mây trong rừng cột lại thật cứng, rồi đặt ngay trên nguồn làm như hàng rào hay cánh cửa để chặn ngay đầu nguồn của sông Vụ-quang là sông phát nguyên từ trên núi này chảy xuống. Nghĩa-binh cốt chặn đầu nguồn cho nước dưới sông cạn nhiều, sẽ dùng kế dụ-địch cho quân-lính Bảo-hộ qua sông ; đợi họ qua tới giữa sông thì bấy giờ trên đầu nguồn chặt giây cho nước đưa cây trôi xuống ào-ào như thiên binh vạn mã, và ngay mé sông chỗ đó lại đặt phục-binh, thế nào quân-lính Bảo-hộ cũng phải tử-thương không ít.

Quân-sĩ y theo kế ấy mà làm gấp-rút cho xong.

Những người gác ở đầu nguồn cầm sẵn dao sắc búa lớn trong tay đợi nghe có ám-hiệu phát lên thì đồng-thời chặt giây mau lẹ cho cây trôi xuống phẳng-phẳng một lượt.

Cái kế « Sa nang ủng thủy » của Hàn-Tín đánh Sở ngày xưa là vậy đó. Chỉ khác là Hàn-Tín xưa dùng bao cát để chặn nước lại, thì bây giờ cụ Phan dùng cây gỗ.

Thiệt quả, quân-lính Bảo-hộ kéo qua đánh trái núi có đồn Nghĩa-binh lúc quá nửa đêm.

Trước khi quân-lính Bảo-hộ chưa đến nơi, thì cụ Phan đã kéo binh-sĩ dời qua đóng trên một thung-lũng núi khác.

Lính-tập đến vây-bọc trái núi có lấp-ló đồn-trại Nghĩa-binh ở trên, mấy phía đều chĩa súng lên đó mà bắn như mưa rào. Nhưng họ bắn hoài-hủy, không thấy Nghĩa-binh ở trên bắn trả một tiếng súng nào. Ban đầu tưởng là Nghĩa-binh nằm mọp ẩn-núp quanh-quất đâu đó, nhưng tới sau bắn trúng vô những đồn trại bằng cây lá, phát lên cháy nghi-ngút, cũng không thấy dấu tỏ động-tĩnh của Nghĩa-binh, bấy giờ họ đoán chắc là Nghĩa-binh đã sợ-hãi bỏ chạy từ hồi nào rồi, đồn-trại chỉ là đồn-trại bỏ không đó thôi. Viên tướng cầm quân, liền hô quân xông lên núi xem thử hư-thiệt. Lên đến nơi, thấy còn sót lại năm bảy cái nhà lợp tranh chưa cháy, lính-tập áp vô cũng chẳng thấy bóng người nào hết, trong mỗi nhà tranh chỉ có ít nhiều khí-giới là dao cùn, gươm mẻ, bỏ nằm ngổn-ngang. Quân-lính Bảo-hộ thấy vậy càng tin chắc Nghĩa-binh sợ thua đã bỏ trại đông trước rồi, chứ trong ý không nghi chút nào là có mưu kế.

Trong khi lính-tập đang lục-lạo ngẩn-ngơ ở trong những đồn-trại bỏ không như thế, thì bỗng dưới chân núi có một toán quân, độ một trăm mấy chục người, nổi trống phất cờ, và hò-hét nhau làm như muốn kéo lên núi mà đánh. Rồi tiếng súng nổ ra ùng ùng tứ phía, khiêu-chiến quân Pháp.

Quân Pháp thấy giặc, tức-tức đổ quân xuống núi để đánh và đuổi bắt. Hai bên ứng-chiến xa xa bằng súng đạn một chặp, đạo quân kia xem dường yếu thế vội-vàng phải lui, nương theo những lùm cây và mô đất để tránh đạn. Lính-tập thừa thế rượt theo và bắn dữ-dội. Nhưng đạo quân bại-tẩu chỉ chạy một khúc đường lại nằm phục xuống bắn trả lính-tập một hồi lại chạy. Cứ chạy lại bắn, bắn lại chạy, tới đôi ba lần

như thế, lính-tập càng cố rước-theo để bắt sống cả bọn cho kỳ được mới nghe.

Ra tới sông Vụ-quang, đạo quân bại-tẩu cứ chạy dựa bên mé sông, đến một chỗ thấy nước hơi cạn, thì bỏ hết cả cờ trống và quân-giới lại mé bờ, rồi tranh nhau lội qua sông để thoát-thân cho mau. Quân Pháp vẫn đuổi riết ở phía sau, tới chừng thấy quân kia sang sông, thì quân mình cũng ủa xuống mà sang, nước chỉ ngập trên đầu-gối.

Lúc quân Pháp lội ra đến lòng sông, bỗng dừng nghe trên núi cao có một tiếng lệnh nổi lên làm hiệu, tức-thời bọn quân-sĩ canh trên đầu nguồn, đồng thời chặt giây, tháo hết bè cây ra, cho cây trôi xuống. Lạ gì nước trên nguồn, bị cây chặn lại, tức đường bí lối đã lâu, nay cây tháo ra, tự-nhiên nước có đường chảy xuống ào-ào, cây theo nước từ trên cao trôi xuống phẳng-phẳng rất mạnh. Quân-lính Bảo-hộ vô-tình, lại không may trời có sương-mù, không thấy đằng xa, vả lại bị phục-binh bắn xuống từng-bừng, nên chạy không kịp, bị những cây to xô ngã rồi trôi theo nước, chết đuối lênh-bềnh trên sông nhiều lắm.

Trận này, phía quân Bảo-hộ, không kể lính-tập, chết mất ba viên quan võ Pháp, và Nghĩa-binh lấy được gần năm chục khẩu súng, cùng là đồng-hồ, giây nịch bằng da và tiền bạc vô số. Thật là một trận đánh chỉ cốt đánh để thoát thân, mà té ra lại là một trận đại-thắng từ trước đến đây chưa có vậy.

*

Về sau, một người chí-sĩ là Phạm Văn-Ngôn, đi qua chỗ này có làm hai bài thơ « Hoài Vụ-quang-sơn cổ sự », tiếc

rằng tôi chỉ nhớ có một bài như sau này :

霏微曉霧鎖寒溪
朱笠烏槍伏岸西
一响銅鑼喊殺賊
大家齊決上流堤

*Phi vi hiếu vụ tỏa hàn Khê,
Châu lập ô thương phục ngạn tê.
Nhất hương đồng la hàm sát tặc,
Đại gia tề quyết thượng lưu đề.*

Dịch đại-khái :

*Gió lạnh sương mù buổi rạng đông,
Ba quân phục sẵn ở bên sông.
Chiêng khua một tiếng quân reo dậy.
Đê phá trên nguồn nước chảy hung.*

Tức là bài thi kỷ-niệm thực-sự của trận đánh này vậy.

XX. BA CHÌM BẢY NỔI CHÍN LINH- ĐÌNH

ĐỘC-GIẢ đã biết trận Vụ-quang-sơn, cụ Phan khéo bố-trí và thâm được kết-quả ra thế nào. Quan-quân (tức là binh-lính của Bảo-hộ) vì quá khinh thường bên đối-địch lại bị trời mở sáng về mùa lạnh, sương mù bịt-bùng tứ phía, thành ra trúng kế của Nghĩa binh mà đại-bại. Nước trên nguồn tổng xuống ào-ào, với mấy trăm cây gỗ lim, cây nào cây nấy lớn tướng, xô đẩy quan-quân phải ngã nhào ngộp nước mà chết có, bị đạn mà chết cũng có. Lại lúc bấy giờ một đội Nghĩa-binh mai-phục bờ sông bên này nổi dậy vừa đánh chiêng trống vang trời, vừa chĩa súng loạn xạ, còn đội Nghĩa-binh giả thua mà chạy hồi này cũng quay trở lại tiếp chiến ở bờ sông bên kia, khiến cho quan-quân mắc kẹt ở giữa sông, hốt-hoảng lúng-túng với nhau rồi bị cây và nước đẩy trôi đi, chứ không ngó thấy bờ bến ở đâu mà lên : vả lại hai bên bờ đều bị Nghĩa-binh chặn đánh dữ-dội, quan-quân muốn lên bên nào cũng chẳng được.

Duy có mấy chục người có sức chịu đựng mạnh hơn, thì trôi theo dòng nước xuống mãi hạ-lưu một đổi rất xa, thế nước chảy bớt mạnh đi rồi, mới ngoi-ngóp lội vô bờ mà chạy thoát thân. Ấy là những người sống sót ; còn ba phần tư bị nước lôi cuốn chết chìm. Một lão ngư ông ở trên sông Vụ-quang nói chuyện rằng lão còn nhớ lúc đó người ta vớt lên được một trăm mười mấy cái xác là ít ; cá sông được một bữa no nê, là vì thấy nhiều xác mất đuôi hay nát bầy thân-thể

ra rồi.

Cụ Phan từ lúc khởi-nghĩa đến giờ, có trận này là thắng lợi nhất, thống-khoái nhất. Đã hơn một năm, nét mặt cụ Phan lúc nào cũng nghiêm, cũng buồn, cũng lo, nhưng hôm nay tướng-sĩ ngó thấy lộ ra cái nét vui-vẻ một chút. Tuy vậy, cái nét vui-vẻ đó chỉ như bóng mặt trời giữa cơn giông-tổ, chỉ hé ra trong giây lát, rồi những đám mây u-ám lại che-khuất đi ngay.

Vì cũng là một trận chót hết của Nghĩa-binh Phan Đình-Phùng.

Từ đây, thầy trò chỉ có việc chạy thất-diên bát-đào và đôi xanh mặt lòi xương cho đến cùng tuyệt thì thôi, không còn đánh chác gì được nữa.

*

Sau lúc thắng trận thu quân, Nghĩa-binh tụ-hợp ở bên khe núi, những súng đạn, đồ vật và lương-thực đã bắt được của lính-tập chất lại một đồng. Phần nhiều súng đạn lính-tập chìm sâu tận đáy sông hay là nước đánh trôi bằng đâu mất : Nghĩa-binh chịu khó lặn mò chỉ kiếm được có bốn chục khẩu súng và một ít đạn mà thôi.

Quân-lính hồi-hả bắc nồi nấu cơm ăn để lấy lại sức khỏe đã chịu vất-vả trọn đêm. Rồi thầy trò ngồi quăn-tụ trên những tảng đá bên khe, dưới bóng cây mát mẻ, ăn cơm rất vui vẻ ngon lành. Bữa ăn này thêm có vô số bánh mì, cá hộp và rượu chát vừa mới bắt được, tướng-sĩ chia sớt với nhau mỗi người một miếng, gọi là bữa tiệc khao quân. Ai nấy lâu nay ăn đói mãi, đã não ruột mòn hơi, bây giờ được một bữa

trinh-thần khoan-khoái, cơm bánh tràn-trề, lại thêm mấy món ăn lạ, hầu hết chưa được nếm qua bao giờ, thành ra ăn uống với nhau ngon miệng hả lòng lắm. Nhiều người có cái cảm-giác như được dự bữa đại-yến của vua ban. Trong đám tướng-sĩ, có năm ba người chơn-chất quê-mùa hết sức, đến đổi không dám để môi vào một nhiều rượu chát, vì tưởng là thuốc độc của bên địch cố ý lại cho mình vớ được ham ăn thì chết. Đó cũng là một hạng tư-tưởng khờ-khạo như tướng-sĩ trào-đỉnh ta buổi đầu, thấy lính Tây to-lớn phục-phịch thì nghĩ đâu họ không biết chạy, hay là nghĩ vợ-vẫn rằng đóng cây nhọn giữa lòng sông có thể đâm lũng tàu trận của tây vậy.

Một điều nên chú-ý là bữa ăn này tướng-sĩ ăn đông ăn tây, còn chủ-soái là cụ Phan thì vẫn ăn mấy nắm cơm chấm muối như thường. Cụ nói những vật-thực đã bắt được kia là công-lao huyết-hãn của tướng-sĩ, giờ cụ khao-thưởng hết cho tướng-sĩ.

Ăn no lại sức rồi, bây giờ Nghĩa-binh toan-tính hành-động sao đây ?

Thì chỉ có nước là tính đến thưởng-sách của 36 kế là hơn.

Vì sự-thế bắt buộc phải vậy.

Phan bàn định với tướng-sĩ : « Ban đầu quân ta cùng đường gập nước, đóng đồn ở vùng núi này chỉ tạm đỡ nhất thời mà thôi, ta đã nói trước rằng đây không phải là chỗ có thể trú chân trường-cửu cho ta. Hồng phước non sông giúp ta đánh thắng được một trận như hôm nay là may-mắn quá rồi, đừng nên tưởng rằng trận thắng này tức là có thể lưu lại ở

đây yên-ổn được. Chỉ nội chiều nay hay là ngày mai, địch-quân kéo đại-đội binh-mã tới báo thù quyết-chiến với ta, thì ta làm sao ? Cái diều kễ « Sa nang ủng thủy » mới rồi chỉ dùng được một lần là hết, không ai để cho mình dùng được tới lần thứ hai. Lo đánh đã khó, mà lo ăn còn khó hơn. Thật khổ là việc lương-thực bị nghẹt, không sao chuyển-vận tiếp-tế như mấy năm trước. Ví-dụ quân Tây lại không cần đánh ta, chỉ vây bọc trái núi này độ mười ngày luôn, cũng đủ làm cho quân ta chết đói nhẵn răng hết. Bởi vậy, ta phải quyết kễ lui chạy là hơn ; mà phải lui chạy tức-tốc mới được ».

Ngừng lại ra dáng suy-nghĩ một lát, Phan nói tiếp : « Có mấy nơi quân ta có thể lui về đóng đồn, để ta dẫn-đo lựa-chọn coi thử nơi nào phải hơn ».

- Bẩm cụ, xin cho lui binh lên miền núi Khai-trưởng có được không ?

Nguyễn-Mục hiển kễ như vậy : « Phải đó, ý kiến của tướng-quân rất hiệp với ý-kiến ta, ta vừa toan nói ».

Tức thời cụ truyền lệnh cho tướng-sĩ sắp đặt cho kịp đúng ngọ thì nhổ trại kéo quân đi, không được trì-hoãn. Cụ dặn-dò tướng-sĩ bỏ lại hết những đồ vật gì kênh-càng, vô dụng ; ngoài ra khí-giới, mỗi người chỉ được đem theo y-phục vừa cần dùng thay đổi. Còn dư ít nhiều lương-thực thì sang sớm ra từng bao nhỏ, dầy nhỏ, mỗi người đều đeo trên vai. Thế là ngoài khẩu súng để phòng đánh và túi gạo để phòng đói, quân-sĩ không phải khiêng vác những quân-nhu vật-dụng nào khác, nặng-nhọc, rộn-ràng. Chủ-ý Phan muốn cho quân-sĩ nhẹ-nhàng để đi cho mau, lên dốc xuống đèo cho dễ, rui

khi giữa đường có gặp địch-quân cũng dễ ẩn núp hay đổi chiến.

Đúng ngọ, quân-sĩ lên đường, nhắm phía Khai-trưởng mà đi.

Núi Khai-trưởng tục gọi là núi Giăng-màn, dịch nghĩa tên chữ ra tên nôm.

Qua phía bên kia núi Giăng-màn là địa-phận của dân Mường. Phan liệu chừng ở núi Giăng-màn cũng không yên thân được nào, và lại khó mua lúa gạo cho quân-sĩ ăn, thành ra lại phải bỏ núi Giăng-màn kéo quân sang nương náu ở đất Mường.

Nghĩa-binh lúc này trong lưng có tiền, nhưng chỉ khổ có một nỗi là không mua được lúa gạo mà ăn ; phần bởi miệt này là thượng-du, lúa gạo không được dồi-dào như trung-châu, phần bởi dân làng sợ lệnh của Bảo-hộ và Nguyễn-Thân, dầu có lúa gạo dư-dật có thể bán được, họ cũng chẳng dám bán cho Nghĩa-binh.

Ở đất Mường, Nghĩa-binh chỉ có thể mua khoai bắp để ăn trừ cơm. Sắn có bắp nhiều, Phan mua trữ một nơi trong núi, trong ý muốn tích trữ lương-thực và dưỡng sức quân-sĩ ít lâu, rồi trở về chiến-đấu một phen nữa. Tạm lánh ở đất Mường cốt có hai việc đó.

Bởi vậy cụ phát lệnh-tiến và viết mật-thư sai ông Tán-tương quân-vụ Nguyễn-Quỳnh qua núi Quạt nhắm địa-thế và cất dinh-trại sẵn-sàng, để nữa Nghĩa-binh trở về.

Dầu có tráng-chí như vậy mặc lòng, hồi này thực-lực của

Nghĩa-binh suy-vi kiệt-quệ lắm rồi, không khác gì người đau bại hai chân, bị vấp té nhào, nếu không có ai nâng- đỡ thì khó bề tự mình dậy nổi. Nhưng Phan vẫn bền lòng vững chí, không hề vì những nông-nổi chạy ngược chạy xuôi, nhịn đói nhịn khát, mà sinh ra chán-nản chút nào.

Trong những cơn bôn-ba cực-khổ, có khi Phan với tướng-sĩ ngồi bệt dưới đất chuyện-văn với nhau. Cụ thường nói đi nói lại về chuyện nhân-lực thiên-mạng và bày-tỏ khí-tiết của mình : nếu quả lòng trời quyết-định rồi, không để cho ta xoay-trở lại thời-thế được nữa, thì chỉ có một nước là chết để báo đáp cái ơn tri-ngộ phú-thác của vua Hàm-Nghi và tấm lòng tín-yêu của anh em hương-quốc mà thôi. Ngoài cái chết ra, không còn có thể làm cách gì khác.

Hồi này tình-thế đã nguy, mà Phan thường nói đến tiếng « chết » hoài, tướng-sĩ nghi-ngại và nói nhỏ với nhau cho là điềm gở.

Kể từ lúc Phan bắt đầu khởi binh năm 1885, đến hồi nói đây là năm 1895, trước sau 10 năm, mấy trăm kiện-nhi theo trận-mạc ba-đào luôn bên mình cụ, trừ ra ít nhiều người đã chết ở sa-trường, chết vì bệnh-hoạn, còn lại bao nhiêu vẫn ngậm cay nuốt đắng mà theo, một bước không rời. Cụ khéo đối đãi và huấn-luyện tướng-sĩ, chẳng những rèn-đúc họ cũng can-đảm nhần-nại như mình mà thôi, lại cảm-hóa được tinh-thần họ nữa. Ai nấy đều có chí mạnh, gan to, chẳng quản lưu-ly, coi thường tính-mạng. Nếu có thời-vận và đủ lực-lượng, thì tướng ấy, quân ấy có thể tung-hoành chưa biết đến thế nào, đâu có tới nỗi phải lâm vào cảnh-ngộ cùng-khốn mà chết giữa rừng.

Phan và Nghĩa-binh sang trú-túc ở đất Mường Cô-ta nhằm hồi tháng 8 năm Ất-mùi (1895) Nhưng chứ tưởng rằng cụ sang ở Đất Mường xa-xôi hiểm-trở mà chắc yên-ổn tấm thân. Là vì Bảo-hộ dò biết tin-tức Nghĩa-binh nường-náu chỗ nào, là phái quân-lính đi tập-nã ở chỗ đó. Thành ra Nghĩa-binh ở đâu cũng lo sợ giạt-mình hoài, không thể yên thân được. Lúc nào Nghĩa binh cũng đề sẵn khí-giới và hành-lý bên mình, bất cứ trưa nắng hay đêm khuya, hễ nghe hơi động một chút là phải hấp-tấp đi liền. Đi, không phải nghĩa là tướng-sĩ sợ chiến-đấu mà tránh : họ chỉ sợ có sự rủi-ro thành-linh xảy tới cho cụ Phan hơn là tính-mạng của mình.

Đang ở Cô-ta, nghe động chạy sang Cá-tang ; đang ở Cá-tang, nghe động lại phải chạy qua Ban-bức. Nghĩa-binh dờ dơi quanh-quẩn trong ba nơi ấy luôn mấy tháng trường rất là vất-vả, cực khổ, không nơi nào dám ở yên một tuần, mà từ nơi này chạy qua nơi kia có phải gần-gũi gì đâu, vì nó cách khoảng nhau hàng 36 giờ đồng-hồ, đường lối hết sức gồ-ghề, hiểm-hóc. Tướng sĩ đã khéo biến-báo, bứt các thứ giây trong rừng kết lại thành như giày dép để mang vào chân mà đi, thế mà có nhiều người còn đổ máu chùn cẳng, đủ biết đường-sá gian-nan đến thế nào.

Ngó thấy tướng-sĩ như vậy, Phan thương tâm quá, vùng lên khóc lớn vừa khóc vừa nói : « Vì ta mà các người phải khổ-sở đau-đớn trăm bề. Hay là các người đem ta ra mà nạp cho Tây, rồi ai nấy trở về quê-hương an-nghịệp làm ăn, kéo để các người chịu khổ-sở đói-khát mãi như vậy, lòng ta lấy làm bất-nhẫn lắm ».

Tướng-sĩ xúm lại khuyên-giải và chỉ tay lên trời mà thề rằng : « Chúng tôi vui lòng theo cù đến chết, cực khổ thế này có thắm gì đâu. Đến chết còn vui lòng, huống chi cực khổ thế mấy mà chịu không kham ! »

*

Tình-cảnh lưu-ly khốn-khổ như vậy đã đành, còn chỗ thảm-thiết hơn nữa, là vì lo nghĩ vất-vả quá, rất nhiều tướng-sĩ thụ bệnh, nguy-hiểm nhất là bệnh lị. Trong mấy tháng nường-náu ở đất Mường, chính cù Phan cũng mắc phải bệnh lị đến nỗi không ăn, không uống gì được – vả lại có gì mà ăn ! – thuốc men bổ dưỡng chẳng có, thành ra gầy-còm suy-nhược rất mau. Người cù bây giờ xanh-xao ốm-yếu, mà hai vành con mắt lúc nào cũng rướm-rướm những giọt lệ thương-cảm quá độ, không lúc nào khô. Thương-cảm non sông, thương-cảm cho thân-thể mình, thương cảm những tướng-sĩ theo mình ; nhất là thương-cảm đại-sự hư-hỏng, cảnh-ngộ long đong... Quân-sĩ thấy ông chủ-tướng bệnh-hoạn ốm-yếu đối hẳn trước mắt như thế, ai nấy đều phải động lòng ứa lụy.

Có mấy người cảm-khích quá sức, đến nỗi rút gươm ra gào lớn : « Ta không mặt mũi nào ra hàng để cầu yên thân, cũng không nỡ lòng nào trông thấy cảnh-tượng đau-đớn mãi được, thà chết trước đi còn hơn », thế rồi tự đâm cổ mà chết tốt.

Xem thế đủ biết Phan cố-kết được lòng người mạnh mẽ, nhưng mà vận-số nước-non đến lúc cùng, và ý trời muốn tuyệt, thì biết làm thế nào ?

Đã đói-khát, trốn tránh, đã có bệnh-tật trong mình, lại

không được ở chỗ nào yên thân. Nghĩa-binh đến hồi này thật là thiên-nguy vạn-khổ. Quân-lính Bảo-hộ dò theo tung-tích mà đồn-bức mãi sau lưng, không cho Nghĩa-binh được nghỉ-ngơi trọn một ngày nào là ngày yên-ổn, không phải giết mình. Chắc Bảo-hộ đoán biết Nghĩa-binh sắp tàn cuộc, cho nên càng phải dõi theo đồn-bức hoài, vì e để cho Nghĩa-binh yên-ngỉ lâu lâu, tất lại có thể phục-hưng tái-khởi.

Bị quân Pháp ruồng ép trên đất Mường một cách nguy-bức thái quá, Phan liệu thể ở nương-náu quanh-quẩn tại đất Mường cũng nguy, bèn quyết kế đêm đi ngày ẩn, lén lại trở về núi Quạt.

Giữa lúc bấy giờ, Nghĩa-binh các nơi đều rã rời tan-tác không thể nào cứu ứng nhau hay là giao-thông tin tức gì với nhau được ; Bảo-hộ sai quân tập-nã tứ-tung. Bao nhiêu quân-thứ do Pháp sắp-đặt khi trước, bây giờ thứ nào bị đánh tan rồi không kể, còn thì đều chia đàn bể ỏ, không có chỗ nào dung thân. Họ nghe tin Phan trở về núi Quạt, bèn lục-tục kéo cả về đây nương-náu.

Nguy thay ! Những lúc chỉ có đôi ba trăm người còn đói lên đói xuống, huống chi bây giờ tụ-hợp 2700 mạng người ở một chỗ, thì lấy gì mà ăn ?

Thành ra lúc này Nghĩa-binh tuyệt lương hẩn-hoi.

Mấy tháng trốn tránh ở đất Mường Bạ-bức, Phan có mua trữ được nhiều bắp, định bụng nay mai trở về mưu toan khôi-phục, thì đem bắp ấy về làm quân-lương đỡ ngặt trong ít lâu. Nhưng sau không dè bị quân-lính Bảo-hộ theo dấu ép-bức dữ quá, Nghĩa-binh vội vàng, chỉ chạy thoát lấy thân, còn bắp

thì bỏ lại ở Bạ-bực hết thảy, chẳng đem theo được năm mớ nào. Nay trở về núi Quạt, binh số nhân khẩu lại tăng lên thập bội, thành ra không những quân-sĩ phải đói mà thôi, chinh Phan đang đau bệnh lị càng ngày càng nặng thêm, mà thuốc men chẳng qua chỉ có mấy cái rễ cây đào bậy trong rừng sắc cho cụ uống, còn sự ăn thì bữa cơm bữa cháo, khi có khi không, thậm hết sức thậm.

Đến lúc bí nước tuyệt lương như vậy, thì 2700 quân-sĩ phải làm thế nào ? Tuy có mua lén được ít nhiều lúa gạo, nhưng đến nấu cháo lỏng mà húp mỗi người đôi ba muổng cũng không đủ, khoan nói gì đến cơm. Đói quá, quân-sĩ phải đào những củ nâu và những rễ này rễ kia trong rừng mà ăn đỡ lòng ; nhưng nó lạt quá, không chịu được, họ lại phải nhổ mấy cây lau sậy, đốt ra thành than, làm như là muối, để chấm mà ăn với củ nâu cho đỡ lạt.

Lại gặp nhằm mùa lạnh đã bắt đầu, trên rừng núi còn lạnh hơn dưới đồng bằng ; quân-sĩ không còn món đồ gì là món đồ ngự-hàn và cũng không có đủ dinh-trại che sương che gió, tự-nhiên có người phải ra nằm càn giữa rừng. Họ lấy cây lá phủ lên trên cho ấm. Có người đói rét đến đổi mỗi mẹt, mê man, đêm nằm giữa rừng, bị cọp beo tới ăn lúc nào không hay.

XXI. CHẾT Ở GIỮA RỪNG

Ai đọc Tam-quốc, tới lúc Khổng-Minh nhắm mắt ở Ngũ-trượng-nguyên mà có cảm-giác ngậm-ngùi thống-thiết ra sao, tôi tưởng đọc tới đoạn dưới đây có lẽ cũng phải có cảm-giác ngậm-ngùi thống-thiết như thế.

Vì hai đảng tâm-sự gần giống nhau, chí-hướng gần giống nhau, gặp phải thời-thế khó-khăn vất-vả gần giống nhau, cho đến chung cuộc hai đảng cũng gần giống nhau : chỉ vì nước mà lo, lo mà bệnh, bệnh mà chết ở giữa đường.

*

Xem đoạn trước, độc-giả đã biết tình-cảnh đói-khát ốm đau khổ-sở, lạnh-lùng của Phan và 2700 bại-binh tàn-tốt tụ-hợp ở trên núi Quạt ra thế nào.

Phan về tới núi Quạt nhằm ngày 12 tháng 10 năm mùi (1895). Lúc này thân-hình đã liệt-nhược và bệnh lị đã trầm-trọng lắm rồi. Ai nấy đề rầu-buồn lo ngại và đoán biết tướng-tinh đã đến lúc u-ám.

Tướng-sĩ và gia-nhân xúm nhau hầu-hạ thuốc men ở bên mình cụ tối ngày sáng đêm. Các tướng thân-cận thì có ba ông là Nguyễn-Mục, Nguyễn-Quỳnh, Nguyễn-Khai ; còn gia-nhân thì có phu-nhân tức là « cố nguếch rừng » ở trên đầu sách đã nói vì sao có cái danh hiệu ấy, cả hai người con trai là Phan Bá-Ngọc và Phan Đình-Cam, lúc này cũng ở luôn bên giường bệnh phu-thân ; thêm một người cháu kêu cụ bằng chú ruột nữa.

Một ngày, cụ đi lị không biết là mấy chục lần ; người càng gầy, mắt càng hóm, sức càng đuối. Một quá, cụ nằm nhắm mắt lừ-đừ thêm-thiếp ; vậy mà người ta nghe chốc lát cụ lại trăn-trọc thốn-thức và thở dài nhè nhẹ. Chắc là lúc tâm-sự quốc-gia đang nhắc-nhở kích-thích ở bên trong.

Bệnh-tình ngày một nặng thêm, cụ cũng tự biết mình đã lâm vô cảnh thập-tử nhất-sinh rồi, thuốc men nhân-lực không sao cứu-vãn lại được nữa. Cho nên hể nghe lúc nào trong mình hơi khỏe lại được giây lát, cụ dạy ông Nguyễn-Quỳnh và hai ông kia ngồi gần kề bên giường để dặn dò việc quân.

Cụ vừa thở hổn-hển vừa nói : « Tôi với các ông đồng-cửu khởi-nghĩa đã mười năm nay, đến giờ công việc chắc hòng muôn phần mà người lại vội phải chia lìa xa cách nhau, nghĩ đến nguồn cơn xiết bao thảm-thiết. Nhưng mà cổ-nhân đã nói không sai : « Mưu việc ở người, nên việc ở trời », việc trời đã sắp đặt lỡ rồi, sức người không làm sao đổi-xoay chống-chỏi được nữa. Nay mai tôi chết, trong đám các ông, ai liệu có thể chạy ra ngoại-quốc để vừa lánh mình, vừa cầu học được càng hay. Nếu không thì sớm lo giải-tán binh-sĩ đi, cho họ về nhà cày cấy làm ăn, còn các ông thì sắp đặt mà ra đầu hàng bên nghịch cho xong, chứ có vong-động can qua nữa, đã không cưỡng nổi với mạng trời, lại kéo nhây cảnh khổ liên-lụy cho sinh-dân, vô-ích... »

Các tướng đều bưng mặt khóc nức-nở, không ai nói được câu gì.

Cụ lại vờì phu-nhân lại ngồi bên giường, và con cháu

đứng sắp hàng trước mặt mà nói : « Bấy lâu tôi lo việc nước đã không xong, mà cảnh quê nổi nhà cũng phải biến-họa tới-bời, nay giữa đường lỡ-dở, tôi phải bỏ mà đi, biết bao mối di-hận, ô-m-ấp trong lòng, nói càng thêm đau mà nói cũng chẳng hết. Chỉ biết là số trời đã định sao thì mình phải chịu vậy, không chống nổi mà cũng không tránh được bao giờ. Thôi thì sau ngày giờ nào tôi nhắm mắt rồi, mấy mẹ con cứ ra hàng-phục cho được an-toàn ; ta biết thế nào bên nghịch cũng có lương-tâm quý-trọng nghĩa-khí của ta, chắc không nỡ hại vợ con đâu mà sợ ».

Phu-nhân ngồi nghe, nước mắt chảy xuống ròng-ròng nãy giờ, tới đây mới gạt lụy và nói : « Xin ông tịnh dưỡng, may được bình-phục, cho mẹ con tôi được theo hầu mãi ở trong chỗ gian-nan cơ-khổ thế mà vui, chứ ông bỏ đi một mình, tôi có sung sướng chi ở đời nữa... »

Rồi cụ biểu người cháu tới bên dặn-dò đình-ninh : « Hề chú nhắm mắt thì cháu dẫn thím và hai em cứ ra trước đồn Tây mà tự thú. Cháu đã có học, chắc biết « *Chí thành chi đạo khả dĩ cảm nhân* » (giữ đạo rất mực thành-thiệt, tất nhiên có thể cảm được lòng người) ta quyết rằng người Tây không xử tàn-nhân đâu mà lo ».

Nói vừa dứt lời, cụ truyền đem bút mực lại và bảo người cháu đứng đó chép lời cụ đọc. Ai cũng nghĩ rằng cụ đọc một tờ chúc-thư hay là viết thư để lại cho Chính-phủ Bảo-hộ, ký thác vợ con.

Người ta phỏng-đoán sai hết.

Cụ đọc cho chép một bài thi cảm-khái. Bài thi như vậy :

戎場奉命十更冬
武略依然未奏功
窮戶嗷天難宅雁
匪徒遍地尚屯蜂
九重車駕關山外
四海人民水火中
責望愈隆憂愈大
將門深自愧英雄

*Nhung-trường phụng-mạng thập canh đông,
Võ lược y nhiên vị tấu công,
Cùng bộ ngao thiên nan trạch nhận,
Cửu-trùng xa giá quan-san ngoại,
Tứ-hải nhân-dân thủy hỏa trung,
Trách vọng dĩ long ưu dĩ đại,
Tướng môn thâm tự quý anh-hùng.*

Dịch nôm :

*Nhung trường vâng mạng đã mười đông,
Việc võ lời thôi vẫn chẳng xong,
Dân đói kêu trời vang ổ nhận
Quân gian dậy đất rộn đàn ong,
Chín-trùng lận-đận miền quan-tái.
Trăm họ phôi-pha đám lửa nồng,
Trách-vọng càng to càng mệt nhọc,
Tướng môn riêng hổ tiếng anh-hùng.*

Từ hôm đó trở đi, bệnh thể của cụ càng giờ càng thêm trầm-trọng ; thuốc men thay đổi nhiều phương cũng vô hiệu. Một vị danh-y trong miền nghe tin cụ đau phải mạo-hiểm

muôn-vàn mới lên được núi Quạt để trị bệnh cho cụ mà cũng không giảm chút nào.

Lỗi 8 giờ sáng ngày 13 tháng 11, cụ mất. Trước giây-phút cuối-cùng, cụ mở mắt ngó quanh chư-tướng, hình như muốn nói gì nữa, nhưng hết hơi rồi không nói được nữa, chỉ thấy hai bên khóe mắt ứa lụy, rồi nhắm luôn. Linh-hồn thăng-thang lên trên thế-giới những anh-hùng nghĩa-sĩ cổ-kim đông tây, vì việc nước mà hi-sinh, không kể thành-công hay là thất-bại. Cụ hưởng thọ 49 tuổi. Khí-tiết đầy tràn non nước Lam, Hồng, công-việc ghi-chép lịch-sử Hồng-Lạc.

Các hàng tướng-sĩ như con mất cha mẹ, kêu gào khóc lóc, vang dậy núi non. Hồi nào Cao-Thắng chết, họ thương khóc một, bây giờ họ khóc thương tới mười. Vì cái chết của Cao-Thắng đau-đớn cho Nghĩa-binh thiệt, nhưng còn có hy-vọng ở cụ Phan, bây giờ cụ Phan mất, Nghĩa-binh phải tuyệt-vọng hẳn.

Nhiều binh-sĩ cả tháng nhịn đói nằm xương, mòn hơi hết sức, cũng không cầm đặng nỗi sự bi-ai, đến nỗi thương quá, khóc quá rồi chết luôn. Có mấy chục người thân-binh tự đâm cổ chết theo chủ-tướng.

Ông Nguyễn-Quỳnh tức thời xếp đặt việc tang, không dám để chậm-trễ, vì e có sự bất-trắc thành-linh xảy tới chẳng. Gia-nhân và tướng-sĩ cùng chọn ngày 16 là ngày an táng.

Tang-lễ cử-hành, cố-nhiên đơn-sơ và giản-dị. Duy có việc tần-liệm di-thể của cụ, tướng-sĩ hơi phí khổ-tâm. Thay vì phải dùng quan-tài như thường, tướng-sĩ chặt cây gỗ vàng-

tâm thật lớn ở trong rừng, đem về khoét lũng thân cây, đặt di-thể trong đó, trên đây nắp gấn lại chắc-chắn. Di-thể mang áo mảo tấn-sĩ.

Đúng ngày an-táng, tướng-sĩ sắp hàng làm lễ cử-ai và lạy trước linh-cữu, rồi rước linh-cữu xuống táng dưới chân núi Quạt. Lúc linh-cữu hạ huyết rồi, trên chỉ đắp đất bằng phẳng, chứ không đắp cao lên thành mồ. Tướng-sĩ dụng tâm chôn cất như thế, là vì phòng sợ mai sau có kẻ điềm-chỉ mà mộ cụ bị khai-quật lên chằng.

Quân Pháp không hay việc cụ Phan đã mất, vì tướng-sĩ vẫn đóng trên núi Quạt như thường và giữ cách trầm-tĩnh êm-đềm, không lộ ra một hình tích gì bày tỏ cho bên ngoài biết trong quân vừa có đại biến. Duy có quân thứ các nơi nghe tin chủ-tướng mất rồi, sinh ra chán-nản, lần hồi tản-tác, trở về quê-hương, hoặc trốn qua Lào qua Xiêm cũng nhiều. Còn bốn-bộ tướng-sĩ của Phan, thì vẫn theo hầu phu-nhân để chờ ngày ra thú.

Cách mười mấy hôm sau, quân Tây đi tuần, bắt được một tên Nghĩa-binh ở trên sơn-trại lén xuống xóm làng tìm mua lương-thực. Trước còn dỗi-dành, sau dọa bắn chết, nếu như không nói rõ binh-tình trên núi, thành ra tên lính nọ phải thú thiệt rằng cụ Phan đã qua đời trên mười bữa nay và nó chỉ cả nơi chôn di-thể nữa.

Quan-quân buộc nó đi dẫn đường tới đào mộ lên lấy thi-thể cụ Phan đem về.

Lạ thay ! Đêm bữa 29 ở trên sơn-trại, phu-nhân đang ngủ nằm mộng thấy cụ Phan hiển-linh về, nói với phu-nhân như

vầy : « Ngày mai ta thử ra trước mặt quân Tây, xem chúng làm gì ta ».

Phu-nhân cho là điềm lạ, suy-nghĩ phân-vân. Té ra chiều bữa sau, là ngày 30, có tin báo lên sơn-trại rằng : không hiểu sao quân-lính Bảo-hộ biết chỗ, đã đào mộ cụ Phan lên đem về đồn Linh-cảm rồi. Trong mộng, cụ nói « ta thử ra trước mặt quân Tây » là ám-chỉ vào việc đào mả đó.

Mấy hôm sau phu-nhân dẫn con cháu và các tùy-tướng ra thú ở đồn Linh-cảm. Các quan-binh Pháp tiếp-đãi một cách tử-tế. Một đoàn khác ra thú ở trước quân-môn Nguyễn-Thân.

Phu-nhân và các người tùy-tùng bị áp dẫn vô Huế nghị-xử. Các tướng như Nguyễn-Trạch, Nguyễn-Mậu cả thảy 23 người bị chém. Còn phu-nhân và con cháu thì Bảo-hộ giữ ở Huế ít lâu, rồi thả cho về làng Đông-thái an-nghịep.

Người ta thuật chuyện rằng cụ Phan và Cao-Thắng, sau hiển-thánh ở làng Khê-thượng, huyện Hương-khe, dân làng cảm mộ anh-hùng, lập đền thờ tự, đến nay đang còn.

Nói về quân Pháp biết chỗ, khai quật được mả cụ Phan lên, đem di-thể về đồn Linh-cảm giao cho Nguyễn-Thân xem xét có phải thiệt là di-thể Phan Đình-Phùng không.

Bấy giờ Nguyễn-Thân mới biết cụ Phan mất rồi, đặc-chí, miệng cười ha-hả, dơ tay ngang trán mà nói : « Từ nay ta được ngủ yên rồi ! »

Hôm sau, lão sức đòi các phụ-lão ở làng Đông-thái và họ hàng bà con cụ Phan lên đồn Linh-cảm nhìn-nhận đích xác. Rồi sau đó Nguyễn-Thân dờ thủ-đoạn « anh-hùng » của lão

để hành-hạ tới năm xương khô thịt nát của người cừu-địch với lão mà lúc người ấy còn sống, lão không dám xuất-trận giao-phong, bây giờ người ta chết rồi mới lên mặt dương oai điệu võ.

Mà lão dương oai điệu võ cách nào ?

Không nói thì ra bỏ quên mất sự thật, mà nói thì mình phải thương-tâm và gớm-ghiếc.

Nguyễn-Thân sai đem di-thể của cụ Phan ra chỗ địa-đầu của tổng Việt yên, đổ dầu châm lửa mà đốt cho xương thịt cháy ra tro, rồi tro ấy trộn vào thuốc súng, nhồi trong súng thần-công của ta mà bắn xuống La-giang.

Dân xã quanh miền, phải tuân lời sức của Nguyễn-Thân ra đứng chứng kiến việc làm tàn-nhẫn này ; ai thấy cũng phải đau lòng và khinh thâm Nguyễn-Thân trong bụng. Nguyễn-Thân nay cũng qua đời lâu rồi, nếu ở dưới cửu-nguyên có gặp cụ Phan, chắc lão không dám nhìn mặt.

Cụ Phan đã chết, Nghĩa-binh tự tan, Nguyễn-Thân tự cho cái kết-quả ấy là công trạng như trời của mình, mặc dầu sự thật trận-mạc gian-nan chỉ là lính-tập Bảo-hộ và các quan võ Pháp chỉ-huy, còn Nguyễn-Thân kéo đại-binh ra từ tháng 5 tới giờ, không hề giao-phong giáp trận với Nghĩa-binh họ Phan lần nào. Thế mà Nguyễn-Thân tự nhận là công-trận của mình, cho nên sai may một lá cờ bằng lụa đỏ thiết lớn, trên viết 4 chữ thiết lớn : 賊逢怖死 Tặc Phùng bố tử.

Nghĩa là « tên giặc Phùng sợ quá chết rồi », rồi sai lính thủ-hạ vác lá cờ ấy, cưỡi ngựa lưu-tinh chạy đêm ngày, về kinh-đô báo tin thắng trận.

Còn gan hơn nữa, Nguyễn-Thân tự dựng lấy bia đá khoe-khoang ghi chép công-nghiệp mình ở trên đỉnh núi Tùng-sơn, sai tuần-phủ Đình Nho-Quang soạn bài văn bia kỷ-công có 8 câu 32 chữ như vầy :

- Vệ giang chi anh. 衛江之英
- Thạch trụ chi linh. 石柱之零
- Thế xuất tuần kiệt. 世出俊傑
- Vị xã-tắc sanh. 為社稷生
- Tây bình hữu tử. 西平有子
- Đầu-nam đại danh. 斗南大名
- Hồng-Lam thiên cổ. 鴻藍千古
- Bi kê tranh tranh. 碑碣錚錚³⁰

Nhưng bia đá ấy có đứng được ở giữa non nước Hồng, Lam muôn đời, như câu văn nịnh-hót của Đình Nho-Quang và cái kiêu-khí mạo-công của Nguyễn-Thân đâu ! Vì ba năm sau, bia đá ấy bị sét đánh bể ra mấy mảnh, rồi thì cỏ mọc rêu phong, ruồi bâu chuột ở ; kể đó người Pháp lại phá trái núi ấy để cấm đường, thành ra bia đá mất hẳn tăm-tích, không còn ai nhìn biết hồi trước nó tọa-lạc chỗ nào nữa. Ý hằn ông trời ghét kẻ tàn-sát đồng-loại, mạo nhận công-lao, cho nên sai Thiên-lôi đánh tan bia đá ấy đi chẳng ?

Nói gì sau lúc họ Phan qua đời rồi, tình-thế bắt buộc Nghĩa-binh phải tự ra hàng đầu Nguyễn-Thân ; trong ý không khỏi có chỗ tin cậy và trông-mong một người đồng-bào quyền-thế, tất sẽ bao-dung che-chở cho mình khỏi chết. Không dè Nguyễn-Thân lại ra oai, tự tay chém giết hạng người bại trận quy-hàng đó rất nhiều, không đợi tau trình

xét-xử gì hết. Vì trong tay lão lúc ấy có thanh kiếm Thượng-phương, cho phép « tiện nghi hành sự, tiền trạm hậu tẩu » kia mà. Người ta oán hận lão không biết thế nào mà nói.

*

Thuở đó, văn-thân Nghệ tĩnh hợp nhau, soạn ra câu đối truy-diệu cụ Phan, ý tứ bao-quát, văn-tự hùng-hồn, có thể gọi là một tiểu-sử tóm tắt thân-thế và sự-nghiệp cụ Phan cũng được. Tôi mượn ngay câu đối này làm câu kết-thúc « Truyện Phan Đình-Phùng » của tôi :

成敗英雄莫倫。此孤忠。此大義。誓與君子始終。朱之英。墨之靈。讀書每念綱常重。可恨者垂頭大廈。一木難支。宮冷烟消。誰人不作深山怨。況當日龍飛雲暗。共嗟人事無常。可憐羅越江山。百年文獻翻弓馬。

古今天地無窮。而流水而高峰。同此大丈夫宇宙。藍之風。鴻之雪。衝寒母奈栢松彫。謂何哉潰決頽波。中流砥柱。星移物換。何人不起故園情。及此時散風吹。堪嘆天心莫助獨。此松梅氣節。一死精神串斗牛。

« Thành bại anh-hùng mạc luận, thử cô trung thử đại nghĩa, thế dữ chư quân-tử thủy chung. Châu chi anh, Mạc chi linh, độc thư mỗi niệm cương thường trọng. Khả hận giả thù diên đại hạ, nhất mộc nan chi ! Cung lãnh yên tiêu, thù nhân bất tác thâm-sơn oán. Huống đương nhật long phi vân ám cộng. Ta nhân sự vô thường khả lân La Việt giang-sơn bách niên văn hiến phiên cung mã ;

« Cổ kim thiên địa vô cùng, nhi lưu thủy, nhi cao phong, đồng thử đại trượng phu Vũ-trụ. Lam chi phong, Hồng chi tuyết, xung hàn vô nại bách tùng điêu. Vị hà tai : hội quyết đôi ba, trung lưu đề trụ ! Tinh di vật hoán, hà nhân bất khởi

cổ viên tinh ? Cặp thử thời nhận tán phong xuy, kham thán thiên tâm mạc trợ. Độc thử Tùng Mai khí tiết, nhất tử tinh-thần quán đầu ngư ».

Chúng tôi tạm dịch như sau này :

« Anh-hùng thành bại kể chi ? Dạ sắt son, lòng vàng đá, thề cùng các bạn giữ trước sau. Mặc Châu đúc khí tinh anh, trung hiếu hèn-hò cùng sử sách. Ngao ngán nhẽ, lầu cao sắp đổ, một cột khó nâng ; phòng vắng khỏi tan, liếc mắt non xanh thêm tức tối. Vả bây giờ rồng bay mây ám, xót-xa việc thế khôn lường, những thương La Việt giang sơn, văn hiến trăm năm thành trận mạc.

« Trời đất xưa nay thế mãi. Đá dựng ngược, nước chảy xuôi, đó vẫn non sông phùng tuần kiệt. Lam Hồng nổi cơn bão tuyết, bách lòng úa rụng luống xông pha. Đau đớn thay, đê vỡ sóng vỗ, giữa dòng trụ đứng ; sao dời vật đổi, ngành đầu người cũ phải bôn-chôn. Đương lúc này gió thổi nhận là, cảm giận lòng trời cay nghiệt ; riêng cảm Tùng Mai khí-tiết, tinh-thần một thác rặng trăng sao ».

³¹

-- HẾT --

NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

SÁNG LẬP NĂM 1937

Đã xuất-bản trên 300 thứ sách giá-trị

Trị sự – 20, Amiral Courbet (étage N2) – Saigon

Hiện còn những thứ mới

SÁCH GIÁO-KHOA

1. VIỆT-NAM SỬ-LƯỢC của *Trần trọng Kim* (Trọn bộ 100\$00-
Trung-Bắc và Cao-Miên 110\$00)
2. VIỆT THI của *Trần trọng Kim* (giá 18\$00 – Trung-Bắc và
Cao-Miên 20\$00)
3. TRUYỆN THÚY-KIỀU của *Nguyễn-Du*. Do *Bùi-Kỷ* và *Trần
Trọng-Kim* hiệu-khảo (Giá 28\$00 – Trung-Bắc Miên-Lèo
32\$00)
4. VIỆT-NAM VĂN-PHẠM của ba ông : *Phạm-duy-Khiêm Bùi-
kỷ* và *Trần-trọng-Kim* (Giá 28\$00 – Trung-Bắc Miên-Lèo
32\$00)

VIỆT-NAM CHÍ-SĨ

1. NGUYỄN THÁI-HỌC của *Nhượng Tống* (Giá 18\$00 – Trung-
Bắc-Miên-Lèo 20\$00)
2. PHAN BỘI-CHÂU của *Thế Nguyên* (Giá 15\$00 – Trung-Bắc-
Miên-Lèo 17\$00)

THI-NHÂN VIỆT-NAM

1. TRÔNG GIÒNG SÔNG VỊ (Văn-chương và thân-thể *Trần-
tế-Xương*) của *Trần thanh Mại* (Giá 15\$00 – Trung-Bắc-Miên-
Lèo 16\$00)

TIÊU-THUYẾT

1. ĐI TÌM LỄ SỐNG của *Nguyễn anh Dũng* (Giá 10\$00 – Trung-Bắc-Miền-Lèo 11\$00)
2. XÂY DỰNG của *Nguyễn minh Châu* (Giá 9\$00 – Trung-Bắc-Miền-Lèo 10\$00)
3. NGƯỜI ĐI của *Bích-Ngọc* (Giá 11\$00 – Trung-Bắc-Miền-Lèo 12\$00)
4. BÊN MÔ của *Hoàng Kim* (Giá 11\$00 – Trung-Bắc-Miền-Lèo 12\$00)
5. LỘT VỎ của *Nhất Tâm* (Giá 15\$00 – Trung-Bắc và Cao-Miền 16\$00)
6. MANH ÁO NGỰ HÀN của *Nguyễn đạt Thịnh* (Giá 11\$00 – Trung-Bắc và Cao-Miền 12\$00)
7. KÒN TRÒ của *Lý văn Sâm* (Giá 15\$00 – Trung-Bắc và Cao-Miền 16\$00)
8. HẬN NGƯỜI TỬ-SĨ của *Hoàng Kim* (Giá 8\$00 – Trung-Bắc và Cao-Miền 9\$00)
9. THAU KHAO của *Nguyễn đạt Thịnh* (Giá 11\$00 – Trung-Bắc và Cao-Miền 12\$00)
10. MỘT NGƯỜI ANH của *Đặng thị Thanh Phương* (Giá 11\$00 – Trung-Bắc và Cao-Miền 12\$00)
11. NGƯỜI CHIẾN-BINH BẠC-MỆNH. Của *Ng. đạt Thịnh* (Giá 11\$00 – Trung-Bắc và Cao-Miền 12\$00)
12. VỀ THÀNH của *Hoài Tân* (Giá 8\$00 – Trung-Bắc và Cao-Miền 9\$00)

13. ĐÂU ? MỘT NGÀY VỀ của *Hoàng Kim* (Giá 8\$00 – Trung-Bắc và Cao-Miên 9\$00)
14. TÌNH VÀ NGHĨA-VỤ của *Nhất Tâm* (Giá 9\$00 – Trung-Bắc và Cao-Miên 10\$00)
15. TRÊN ĐƯỜNG NHIỆM VỤ của *Đặng thị Thanh Phương* (Giá 10\$00 – Trung-Bắc và Cao-Miên 11\$00)
16. DÁN QUÊ của *Phi Vân* (Giá 15\$00 – Trung-Bắc và Cao-Miên 16\$00)
17. CỜ KÝ của *Nhất Tâm* (Giá 11\$00 – Trung-Bắc và Cao-Miên 12\$00)
18. NHỮNG TIA NẮNG MỚI của *Đặng thị Thanh Phương* (Giá 10\$00 – Trung-Bắc và Cao-Miên 11\$00)
19. SƯƠNG GIÓ BIÊN THUY của *Lý văn Sâm* (Giá 15\$00 – Trung-Bắc và Cao-Miên 16\$00)
20. LÁ CỜ HỒNG THẬP của *Nhất Tâm* (Giá 8\$00 – Trung-Bắc và Cao-Miên 9\$00)
21. NGÔ VƯƠNG QUYỀN của *Trần thanh Mai* (Giá 18\$00 – Trung-Bắc và Cao-Miên 20\$00)
22. GIÓ MỚI *văn-phẩm của 5 nhà văn tiền tiến* (Giá 7\$00 – Trung-Bắc và Cao-Miên 8\$00)

PHAN ĐÌNH PHÙNG In lần thứ ba do nhà TÂN VIỆT xuất-bản in xong ngày 20 tháng ba năm 1950, ngoài những bản thường có in riêng ba bản đánh dấu TV-ĐTN-LVV và ba bản đánh dấu A.B.C. những bản này không bán.



Notes

[← 1]

Ông Nguyễn Trường-Tộ là người tỉnh Nghệ-an. Hồi nước Pháp đã lấy Nam-kỳ rồi ông đi theo mấy ông cố đạo sang Pháp học, cốt là sang học lấy văn-minh Âu-châu, để về lo cải-cách nước mình. Khi về ông có dâng sớ điều-trần những phương-lược cải-cách, và xin nhà vua làm ngay, theo gương nước Nhật, không có thì cái vạ mất nước đến nơi. Vua Tự-đức họp đình-thần để bàn, đình-thần cho là sự nói càn không chịu theo. Ông buồn đến nỗi ức-uất mà chết. Có người nói ông bị các cụ đình-thần hạ ngục rồi bắt uống thuốc độc chết. Năm 1925 vua Khải-định truy-tặng cho ông Nguyễn Trường-Tộ hàm Trục-học-sĩ. Văn trước-thuật của ông bàn bạc về tình-thế thiên-hạ và ý-kiến cải-cách duy-tân hồi đó, hiện nay còn để lại Quốc-sử quán trong Huế.

[← 2]

Ông Bùi Viện, người làng Trình-phổ, phủ Kiến-xương, tỉnh Thái-bình, đậu cử-nhân. Ông dâng sớ xin mở-mang việc buôn bán với ngoại-quốc, triều-đình phái ông đi kinh biện việc ấy ở bên Tàu. Ông sang Quảng-đông, kết-giao với con một Lãnh-sự Mỹ tại đó. Người con ông Lãnh-sự ấy sinh ở nước Tàu, học nhiều chữ Hán, làm thơ hay lắm. Hai bên nói chuyện tâm sự với nhau, người kia thương tình hứa với ông rằng sẽ đưa về xin chính-phủ Mỹ cứu-giúp. Ông nói rằng việc có quan-hệ đến quốc-gia trọng sự, mình không dám tự chuyên, để về tâu vua đã, rồi sẽ liệu định. Người Mỹ bèn ra chờ tại Hương-cảng, còn ông thì một mặt về tâu với vua Tự-đức. Vua chưa tin, bảo ông ra hỏi lại cho chắc chắn đã hãy về lấy quốc-thư đi sứ Mỹ. Ông nghĩ việc cấp-bách, mà đi lại như vậy mất công, bèn mạo ra quốc-thư và tự chế ra áo mũ hàng quan Tam-phẩm rồi sang Hương-cảng, cùng người bạn đi qua Mỹ giao-thiệp. Lúc ấy Mỹ sắp có chuyện bất bình với vua Napoléon III về vụ Mexique nên muốn thừa dịp trả thù ở Phương-Đông, nghĩa là can-thiệp vào công việc nước Nam. Nhưng tới đây ông Bùi-Viện lại ăn năn lo sợ triều-đình biết cái tội mình mạo giả quốc-thư và cái tội tự-chuyên đi sứ, nên chi ông xin chính-phủ Mỹ hãy thông thả để cho ông để trở về tâu sự thể cho quốc-vương rõ đã. Chính-phủ Mỹ ưng theo, lại cho người con ông Lãnh-sự kia theo ông đi sang nước Nam xem xét sự tình. Ông về thú tội cùng vua Tự-đức, bấy giờ vua mới cho ông có danh nghĩa chính thức để qua Mỹ một lần nữa thì chính-cuộc ở Mỹ đã thay đổi khác mất rồi, người ta không thèm tính việc trước nữa. Ông Bùi-Viện hết sức yêu-cầu, làm gần như Thân Bao-Tư đời Chiến-quốc khóc bấy đêm ngày ở sân vua Tần để xin đem binh cứu cho nước Sở. Tuy vậy người Mỹ kiếm cách thối-thác là bảo ông về trừ-biện lấy hai triệu quan tiền đem qua làm khoản chi phí xuất binh.

Kho tàng nước ta hồi ấy rỗng không, lấy đâu mà trừ được hai triệu quan tiền ? Nhà vua bèn sai ông kinh-doanh về việc buôn bán để trừ khoản tiền ấy. Việc này ban đầu chỉ có vua và ông biết mà thôi, sau vỡ lở ra, bà Từ-dụ Thái-hậu (mẹ vua Tự-đức) can không cho làm. nhân thế đình-thần lại khép ông vào tội khi quân, giam ông trong ngục tối đói khát mà chết.

[← 3]

Ông Trần-tiến Thành người Minh-hương.

[← 4]

Cứ theo một bức thư ngày 22 tháng 12-1922, của ông Giám-mục ở Tahiti là Hermel thì Tường bị đày ra đó ngày tháng hai năm 1866. Vừa ra đến nơi, Tường liền đâm ra khật-khùng vớ-vẩn, hình như có ý hối-hận, không muốn trông thấy mặt ai, chỉ có đôi lúc cùng bảy tám người đi chơi mát loanh quanh giây lát mà thôi. Tường ở Tahiti được 6 tháng thì bị ung thư độc phát lên cổ họng mà chết.

Sau đó chiếc tàu chiến Le Bourayne đem di-hài Tường về đến cửa Thuận-an, vua Thành-thái nói với các quan rằng : nên đem gậy sắt mà đánh lên trên quan-tài đưa phản-phúc ấy.

[← 5]

Cần-vương : giúp đỡ cho nhà vua trong khi mắc nạn.

[← 6]

Hành-cung : Vua tạm trú chỗ nào thì chỗ ấy gọi là hành-cung hay là hành tại cũng thế.

[← 7]

Tòng-vong : Những người theo vua chạy trốn.

[← 8]

Nguyên trong kinh-đô có câu ca rằng :

Một nhà sinh được ba vua

Vua sống, vua chết, vua thua chạy dài.

Ông Kiên-thái-vương (em vua Tự-đức) sinh được ba con trai, đều làm vua, là vua Kiến-phúc, vua Hàm-nghi và vua Đồng-khánh. Vua Kiến-phúc thì bị Tường bỏ thuốc độc chết, vua Hàm-nghi thì gặp bước nhà tan nước mất lưu-lạc giang hồ, còn vua Đồng-khánh lên làm vua được ba năm thì mất.

Người ta nói câu ca trên đây là câu sấm của ông Trạng Trình đời Lê.

[← 9]

Năng-thần : bày tôi có tài giỏi giang.

[← 10]

Khiêm là Ông-Ích-Khiêm người Quảng-Nam, văn võ kiêm toàn vốn là một người tay chân của ông Thuyết ở trong triều hồi bấy giờ.

[← 11]

Mông-trần : nhuộm cát bụi, tỏ ý rằng vua chạy phải nhuộm cát bụi vậy.

[← 12]

Ngày xưa vua Gia-long có một bà chị lấy vua Xiêm.

[← 13]

Ông Phan Trọng-Mưu cùng đồng thời với cụ Phan đều phụng mệnh khởi nghĩa binh, nhưng sau ông thất-bại trước, chạy trốn ra Nam-Định, rồi ông Hoàng Cao-Khải đem ra thú với Bảo-hộ, được Bảo-hộ trọng đãi.

Ông hay chữ lắm, sau khi thất bại, có bài thơ tự thuật như vầy :

Đồ báo khu khu dĩ thập niên

Sự chung vô nại nại hà thiên

Hoàng-hà khổn-khổn than nan sĩ

Thương hai mang-mang hận vị điền

Kỳ đắc hoàng quan quy Tín quốc

Kháng giao trạo mạo lão Triều tiên

Khổ tâm lưu hướng đồng tâm thoại

Hồi thủ gia sơn lệ vạn thiên.

DỊCH NÔM :

Mười năm khăng-khăng chí đền bồi,

Rốt cuộc không sao cản được trời.

Bể bạc mệnh-mang còn giận mãi

Sông vàng cuộn-cuộn khổn trong rồi

Chỉ mong thân lại về đô cũ.

Không để già luôn ở nước ngoài

Câu chuyện đồng-tâm đau-đớn nhĩ

Quay đầu cảnh cũ lệ tuôn rơi.

[← 14]

Đoạn này nói ý là cụ Phan phụng mạng vua Hàm-Nghi khởi binh Cần-vương, nay nhà thờ và phần-mộ đến nỗi xiêu-tàn nghiêng-ngả hương khói vắng tanh, mà ông anh ruột lại bị nạn lâm-nguy, thôi thì cụ nên bãi binh về đi để cho yên mọi việc trong họ hàng làng xóm, khỏi mang tội với tổ-tiên quê-quán. Cụ cũng đã từng khởi nghĩa rồi, nhưng mà thời-thế khó-khăn, gia-hương quạnh-quẽ, thì nên về là phải, dầu đối với quỷ thần cũng cũng không thẹn, mà chẳng ai còn chê được mình, vì tấm lòng trung-quân của cụ, đến thế là cũng là đủ rồi.

[← 15]

Đoạn này nói ý là ông anh cụ bị người nhà làm phản mà bị bắt, vậy cụ cũng sớm liệu đi, kéo sau lại bị thủ-hạ phản-phúc đem cụ ra nộp cho tây nữa thì khốn.

[← 16]

Núi Hồng sông Lam là hai phong-cảnh hùng tráng nhất ở Hà-tĩnh và Nghệ-an.

[← 17]

Đoạn này nói ý rằng cụ cứ việc bãi binh mà về, không chịu ra làm quan với người Pháp thì thôi, nhưng mà núi Hồng sông Lam, không thiếu chi chỗ non xanh nước biếc, vắng vẻ tốt tươi, cụ có thể ẩn-cư để giữ nguyên vẹn trong-sạch cái danh-tiết quý báu của mình, không ai làm hại hay ép-uổng gì đâu mà lo.

[← 18]

Là nè lúc người ta không phòng-bị gì, mình nhảy ra đánh.

[← 19]

Nghĩa là : bước đường sau này phải giữ-gìn. Có lẽ người khách xem tướng-mạo mà biết trước Cao-Thắng sau bại chiến quá mà tử-trận chẳng ?

[← 20]

Ông Chu-công nước Tào, làm tướng nhà Châu, hễ có ai đến, ông đang ăn cơm thì nhả miếng cơm ra, đang gội đầu thì bới tóc lên, để ra tiếp khách, tỏ ý kính-trọng những người hiền-năng vậy.

[← 21]

Hoàng Phúc cũng là một nhà cách-mạng ở Quảng-bình, đoạn trên kia đã nói tới.

[← 22]

Nhạc-mục : Vĩ mục hầu tức là Nhạc Phi đời nhà Tống.

[← 23]

Võ-hầu : Gia-Cát Khổng-Minh đời nhà Hán, phong Võ-hương-Hầu.

[← 24]

Mỗi kỳ là mười năm, đây nói là ông chưa tới 30 tuổi.

[← 25]

Câu này nói ý cũng là một chết, như nếu ra cương-trường đại-chiến với người Pháp mà tử trận, thì vong-linh ông được thỏa hơn là chết vào tay một người đồng-bào làm cách gà chuồng bơi mặt đá nhau.

[← 26]

Ông hãy còn cha mẹ.

[← 27]

Khi ông tử-trận, thì bà vợ đang có thai.

[← 28]

Là các quan Tây.

[← 29]

Bấy giờ là đời ông Toàn-quyền *De Lanessan*.

[← 30]

Đại ý nói khí thiêng sông núi Vệ-giang Thạch-trụ (quê hương Nguyễn-Thân) chung đúc ra bậc người anh tài, cha truyền con nối, vì giang sơn xã-tắc mà đề ra để giúp giang sơn xã-tắc. Ngày trước cha đã anh-hùng, giờ tới con cũng anh-hùng, lập nên công-nghiệp to-tát, ghi chép ở khoảng sông Lam núi Hồng muôn đời.

[← 31]

Trong câu đối này, những chữ Mặc, Châu, La, Việt, Lam, Hồng, Tùng, Mai, đều là tên riêng núi sông quê-quán cụ Phan Đình-Phùng.